

Phụ lục số 7

**KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO CỦA
NGÀNH DẦU KHÍ QUA CÁC THỜI KỲ**

*Nguyễn Hồng Ngọc**

Đơn vị: Lượt người

Năm	Đào tạo công nhân kỹ thuật	Đào tạo bồi dưỡng từ xa	Đào tạo ngoại ngữ	Đào tạo đại học	Đào tạo sau đại học	Đào tạo cho dự án	Tổng
1975	0						
1976	0						
1977	0						
1978	23						23
1979	84	34					118
1980	115	80	30				225
1981	108	60	40		5		213
1982	130	60	70				260
1983	107	163	120				390
1984	118	191	150				459
1985	101	222	120				443
1986	137	272	90	5	10		514
1987	241	203	130	4			578
1988	141	179	130				450
1989	134	161	140		9		444

*. Phó Trưởng ban Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Năm	Đào tạo công nhân kỹ thuật	Đào tạo bồi dưỡng từ xa	Đào tạo ngoại ngữ	Đào tạo đại học	Đào tạo sau đại học	Đào tạo cho dự án	Tổng
1990	259	296	344				899
1991	402	1.231	896				2.529
1992	450	1.152	1.418				3.020
1993	310	1.845	1.257		36		3.448
1994	430	1.966	1.502		9		3.907
1995	436	2.227	1.473	9	13		4.158
1996	294	5.167	1.023	19	17		6.520
1997	399	4.631	1.193	37	45		6.305
1998	215	4.372	1.037	73	84		5.781
1999	338	3.793	945	100	33	21	5.230
2000	468	4.461	931	94	36	100	6.090
2001	326	4.756	1.605	53	34	178	6.952
2002	456	6.256	979	38	67	354	8.150
2003	380	8.341	877	41	162	482	10.283
2004	486	8.788	1.498	36	223	0	11.031
2005	415	10.576	1.252	36	485	182	12.946
2006	384	10.955	657	36	88	0	12.120
2007	297	18.219	969	35	582	450	20.552
2008	289	22.769	877	50	459	415	24.859
2009	494	39.430	720	42	349	378	41.413
2010	914	57.115	2.995	434	177	1.390	63.025
Tổng	9886	219.971	25.468	1.142	2.899	3.950	263.316

50 GUƠNG MẶT TIÊU BIỂU CÁC THỂ HỆ DẦU KHÍ

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày Truyền thống ngành Dầu khí Việt Nam

Nhằm ghi nhận và tri ân những người đã có công xây dựng và có những đóng góp đáng kể trong suốt quá trình thành lập, xây dựng và phát triển ngành Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí đã có chủ trương bình chọn và vinh danh 50 gương mặt tiêu biểu các thể hệ dầu khí nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày Truyền thống ngành Dầu khí Việt Nam (27-11-1961 - 27-11-2011).

Để triển khai chủ trương này, Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thành lập Hội đồng bình chọn 50 gương mặt tiêu biểu các thể hệ dầu khí (Quyết định số 1575/QĐ-DKVN ngày 25-2-2011). Đồng thời, theo đề nghị của Tổng Giám đốc, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ban hành Tiêu chí bình chọn 50 gương mặt tiêu biểu các thể hệ dầu khí (Quyết định số 1576/QĐ-DKVN ngày 25-2-2011). Tiêu chí bình chọn, thủ tục và kế hoạch giới thiệu đã được phổ biến rộng rãi trong toàn Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

Trên cơ sở tập hợp các ý kiến giới thiệu của các đơn vị, các tổ chức chính trị - xã hội và của các tập thể và cá nhân trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, ngày 19-4-2011, Hội đồng bình chọn 50 gương mặt tiêu biểu các thể hệ dầu khí đã họp với sự chủ tọa của Chủ tịch Hội đồng và sự tham gia của đầy đủ các thành viên. Kết quả cuộc họp, với sự thống nhất cao, Hội đồng đã bình chọn được 50 gương mặt tiêu biểu các thể hệ dầu khí (Biên bản số 3302/BB-DKVN ngày 19-4-2011).

Căn cứ kết quả bình chọn tại Hội đồng, ngày 22-4-2011 bằng Quyết định số 3507/QĐ-DKVN, Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã chính thức tôn vinh 50 gương mặt tiêu biểu các thể hệ Dầu khí nhân kỷ niệm 50 năm ngày Truyền thống ngành Dầu khí Việt Nam.

Danh sách 50 gương mặt tiêu biểu các thế hệ Dầu khí

(Theo Quyết định số 3507/QĐ-DKVN ngày 22-4-2011)

STT	Họ và tên	Chức vụ/Đơn vị công tác	Ghi chú
Thời kỳ Đoàn 36/Liên đoàn 36			
1	Bùi Đức Thiệu	Đoàn trưởng Đoàn Thăm dò dầu lửa 36 (1961-1969), Liên đoàn phó Liên đoàn Địa chất 36 (1969-1974)	
2	Vũ Bột	Liên đoàn trưởng Liên đoàn Địa chất 36 (1969-1974)	
Thời kỳ Tổng cục Dầu khí			
3	Nguyễn Văn Biên	Tổng cục trưởng Tổng cục Dầu khí Việt Nam (1975-1979)	Đã mất
4	Đình Đức Thiện	Bộ trưởng phụ trách công tác dầu khí (1976-1980)	Đã mất
5	Nguyễn Hoà	Tổng cục trưởng Tổng cục Dầu khí Việt Nam (1980-1988)	
6	Lê Văn Cự	Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Dầu khí Việt Nam (1975-1988)	
7	Phan Tử Quang	Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Dầu khí Việt Nam (1976-1988)	
8	Phan Minh Bích	Quyền Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Lao động - Vật tư (1975-1977), Giám đốc Công ty Dầu khí I (1977-1980), Quyền Vụ trưởng Vụ Kỹ thuật Tổng cục Dầu khí Việt Nam (1980-1981)	
9	Trần Ngôn Hoạt	Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ Tổng cục Dầu khí Việt Nam (1975-1984)	Đã mất

10	Trương Thiên	Tổng cục trưởng Tổng cục Dầu khí (1988-1990), Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam (1990-1992), Ủy viên Hội đồng Quản trị Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (1994-1997)	Đã mất
11	Nguyễn Hiệp	Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Dầu khí Việt Nam (1988-1990), Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (1990-2001)	
12	Nguyễn Ngọc Cư	Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (1992-1994), Giám đốc Công ty PVEP (1993-1998)	Đã mất
13	Nguyễn Giao	Viện trưởng Viện Dầu khí (1989-1992), Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro (1996-2002), Anh hùng Lao động	
14	Hồ Đắc Hoài	Viện trưởng Viện Dầu khí (1982-1989), Ủy viên Hội đồng Quản trị Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (1994-2000)	
15	Đặng Cửa	Vụ trưởng Vụ Khoan - Khai thác (1983-1988), Giám đốc Công ty Petrovietnam II (1988-1993), Phó Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro (1995-1999)	
16	Nguyễn Quang Hạp	Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tổng cục Dầu khí (1981-1990), Giám đốc Công ty PV Gas (1990-1998)	Đã mất
17	Nguyễn Ngọc Sớm	Giám đốc Công ty Dầu khí II Tổng cục Dầu khí (1977-1980), Phó Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro (1981-1985)	Đã mất

18	Bùi Hải Ninh	Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Dầu khí (1982-1990), Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (1990-1992), Phó Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro (1989-1992), Trưởng Ban Quản lý dự án Khí (1993-1995)	
19	Hoàng Lộc	Bí thư Đảng ủy - Viện phó Viện Dầu khí (1978-1984), Bí thư Đảng ủy cơ quan Tổng cục Dầu khí Việt Nam (1984-1988)	
Thời kỳ Tổng công ty Dầu khí			
20	Hồ Tế	Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kế toán Tổng cục Dầu khí (1978-1979), Giám đốc Công ty Dầu khí II (1980-1981), Chủ tịch Hội đồng Quản lý Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (1994-1996)	
21	Hồ Sỹ Thoảng	Tổng Giám đốc (1992-1996), Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (1996-2000)	
22	Ngô Thường San	Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro (1992-1996), Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (1996-2000), Anh hùng Lao động	
23	Nguyễn Đức Tuấn	Phó Vụ trưởng Vụ Lao động tiền lương (1981-1988), Vụ Tổ chức cán bộ và Lao động (1988-1990), Chủ tịch Công đoàn Dầu khí Việt Nam (1992-2003)	
24	Trần Văn Giao	Quyển Vụ trưởng Vụ Dầu khí Văn phòng Chính phủ (1996-2000), Anh hùng Lao động	
25	Trần Ngọc Cảnh	Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (2003-2006), và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (2007-2009)	
26	Nguyễn Đăng Liệu	Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (2000-2006), và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (2007)	

27	Phan Thị Hoà	Ủy viên Hội đồng Quản trị - Trưởng ban Kiểm soát Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (2001-2006), và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (2007-2010)	
28	Vũ Ngọc An	Giám đốc Công ty PVEP (1998-2001), Tổng Giám đốc Công ty Cửu Long JOC (2001-2008)	
29	Vũ Văn Kính	Viện trưởng Viện Dầu khí (1998-2007)	
30	Lê Văn Hùng	Giám đốc Công ty PVI (2001-2006), Chủ tịch Tổng công ty PVI (2007-2008)	
31	Trần Lê Đông	Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro (2003-2009), Anh hùng Lao động	
32	Hoàng Văn Quý	Viện trưởng Viện NIPI thuộc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro (2002-2010)	
33	Nguyễn Văn Đắc	Giám đốc Công ty Dầu khí I Thái Bình (1985-1989), Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học kỹ thuật Tổng cục Dầu khí (1989-1990), Trưởng Phòng Thăm dò khai thác dầu khí Tổng công ty Dầu khí (1996-2004)	
34	Nguyễn Trọng Hạnh	Trưởng phòng Thăm định (1993-1996), Phòng Vận chuyển, xử lý và phân phối Khí Tổng công ty Dầu khí (1996-2000)	Đã mất
Thời kỳ Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam			
35	Đình La Thăng	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	
36	Phùng Đình Thực	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương, Phó Bí thư Đảng ủy, Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	
37	Đỗ Văn Hậu	Phó Tổng Giám đốc Thường trực Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	

38	Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	
39	Hà Duy Dĩnh	Chủ tịch Công đoàn Dầu khí Việt Nam	
40	Nguyễn Hữu Tuyến	Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty/ Tập đoàn Dầu khí (2004-2009). Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro	
41	Trần Văn Hồi	Phó Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro	
42	Nguyễn Ngọc Sự	Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (2008-2010)	
43	Lê Minh Hồng	Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	
44	Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Tập đoàn Dầu khí	
45	Trần Thị Bình	Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	
46	Đỗ Văn Khánh	Chủ tịch Hội đồng Thành viên Tổng công ty PVEP	
47	Nguyễn Hùng Dũng	Ủy viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Tổng công ty PTSC	
48	Trương Văn Tuyến	Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty/ Tập đoàn Dầu khí, Trưởng Ban Quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất (2003-2010), Anh hùng Lao động	
49	Phạm Văn Định	Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty/ Tập đoàn, Trưởng Ban Quản lý dự án Điện lực Vũng Áng - Quảng Trạch	
50	Trần Nhật Huy	Giám đốc Công ty Khí Cà Mau - Tổng công ty PV Gas	

Phụ lục: Phần I-01

NHÂN SỰ ĐOÀN THĂM DÒ DẦU LỬA 36

từ tháng 11-1961 đến cuối năm 1962

I. BAN CHỈ HUY ĐOÀN

STT	Họ và tên	Chức danh	Quê quán	Ghi chú
1	Bùi Đức Thiệu	Đoàn trưởng	Quảng Ngãi	Miền Nam tập kết
2	Phan Tử Nghĩa	Đoàn phó, công tác Đảng	Nam Định	Miền Nam tập kết
3	Hồ Xuân Phong	Đoàn phó công trình	Quảng Nam	Miền Nam tập kết
4	Phan Minh Bích	Kỹ sư, Đoàn phó kỹ thuật	Quảng Nam	Miền Nam tập kết

II. BỘ PHẬN QUẢN LÝ - NGHIỆP VỤ

Bộ phận tổ chức				
1	Hồ Phúc Thống	Tổ chức - cán bộ	Hà Tĩnh	Đoàn 6 Tú Lệ
2	Nguyễn Thanh Nhã	Lao động tiền lương		Miền Nam tập kết
3	Nguyễn Văn Hậu	Bảo vệ nội bộ	Hà Nam	Đoàn 6 Tú Lệ
4	Nguyễn Bá Thép	Phụ trách an toàn lao động	Hải Dương	Bộ đội
5	Nguyễn Văn Vượng	Chế độ chính sách	Hà Nam	Đoàn 30

Bộ phận hành chính				
1	Đinh Công Thịnh	Phụ trách hành chính	Ninh Bình	Bộ đội
2	Trịnh Văn Bường	Y tá	Thanh Hóa	Đoàn Địa chất 18
3	Nguyễn Thị Thành	Văn thư	Hải Dương	Đoàn 21
4	Nguyễn Thị Hồng	Đánh máy chữ	Hà Nội	
5	Nguyễn Văn Khanh	Y tá	Hải Dương	Đoàn 2 về
6	Nguyễn Thị Thảo	Y tá	Hà Đông	Đoàn 30 về
7	Nguyễn Bàng	Thường trực bảo vệ	Quảng Nam	Đoàn 2 về
8	Nguyễn Văn Hoành	Quản lý	Thanh Hóa	Đoàn Địa chất 18
9	Nguyễn Văn Thuốc	Tiếp phẩm	Thanh Hóa	Đoàn 18 về
10	Trần Thị Nhị	Cấp dưỡng	Thái Bình	Đoàn 6 về
11	Nguyễn Thị Hòe	Cấp dưỡng	Nghệ An	Đoàn 18 về
12	Trần Thị Tiêu	Cấp dưỡng	Nghệ An	Đoàn 18 về
13	Nguyễn Thị Má	Cấp dưỡng	Hải Dương	
14	Cao Thị Dung	Cấp dưỡng	Bắc Ninh	Đoàn 2 về
Bộ phận thống kê - kế hoạch				
1	Phạm Đông Kinh	Phụ trách kế hoạch	Nam Định	Bộ đội
2	Phạm Khắc Lương	Nhân viên (sơ cấp)	Thanh Hóa	Ở trường về
3	Nguyễn Viết Bính	Nhân viên (sơ cấp)	Nghệ An	Ở trường về
4	Nguyễn Vĩnh Thụy	Nhân viên (trung cấp)	Hà Nội	Ở trường về
5	Đỗ Lệ Tiến	Nhân viên (sơ cấp)	Hải Dương	Ở trường về

Bộ phận tài vụ				
1	Trương Mỹ	Phụ trách tài vụ	Phú Thọ	Ở đại học về
2	Trần Ngọc Lục	Trung cấp kế toán	Nghệ An	Ở trường về
3	Lê Quang Vinh	Trung cấp kế toán	Hà Nam	Ở trường về
4	Võ Hồng Báng	Sơ cấp kế toán	Miền Nam tập kết	Tổng cục về
5	Nguyễn Hà	Thủ quỹ		Đoàn 2 về
6	Khúc Vĩnh Thiều	Trung cấp kế toán	Hà Nội	Ở trường về
Bộ phận vật tư				
1	Trịnh Minh Thế	Phụ trách bộ môn	Ninh Bình	Đoàn 6 về
2	Nguyễn Bửu Hoài	Nhân viên	Miền Nam tập kết	Đoàn 6 về
3	Hoàng Văn Trọng	Nhân viên	Cao Bằng	Tổng cục về
4	Lê Lợi	Nhân viên	Miền Nam tập kết	Đoàn 2 về
5	Nguyễn Văn Dính	Thủ kho mìn	Nam Bộ	Tổng cục về
Bộ phận giao tế				
1	Trương Quang Dưỡng	Phụ trách giao tế	Quảng Nam	Cục Giao tế về
2	Lương Quang Hợp	Nhân viên	Bắc Ninh	Cục Giao tế về
3	Nguyễn Văn Bang	Nhân viên	Nam Định	Cục Giao tế về
4	Nguyễn Văn Khốn	Nhân viên	Vĩnh Phúc	Cục Giao tế về
5	Phan Văn Chỉ	Nhân viên	Thái Bình	Cục Giao tế về

III. LỤC LƯỢNG KỸ THUẬT

Kỹ thuật cao cấp				
1	Phan Minh Bích	Kỹ sư địa vật lý	Quảng Nam	Liên Xô
2	Hồ Đắc Hoài	Kỹ sư địa vật lý	Hà Nội	Liên Xô
3	Nguyễn Hiệp	Cử nhân địa vật lý	Hà Nội	Đại học Tổng hợp Hà Nội
4	Trương Minh	Kỹ sư địa vật lý	Quảng Nam	Liên Xô
5	Đoàn Thám	Kỹ sư karota	Hà Tĩnh	Đại học Tổng hợp Hà Nội
6	Tăng Mười	Kỹ sư địa vật lý	Hà Tĩnh	Rumani
7	Nguyễn Giao	Kỹ sư địa chất	Quảng Ngãi	Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội
8	Nguyễn Văn Chân	Kỹ sư địa chất	Hà Nội	Đại học Bách khoa Hà Nội
9	Nguyễn Quang Hạp	Kỹ sư địa chất	Nam Định	Liên Xô
10	Nguyễn Ngọc Cư	Kỹ sư địa chất	Phú Thọ	Liên Xô
11	Nguyễn Đức Hạnh	Kỹ sư trắc địa	Miền Nam tập kết	Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội
12	Lê Ngọc Tân	Kỹ sư trắc địa	Phú Thọ	Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội
13	Trương Mỹ	Cử nhân tài chính	Phú Thọ	Đại học Kinh tế tài chính
14	Nguyễn Ngọc Khánh	Cử nhân địa vật lý	Hà Nội	Đại học Tổng hợp Hà Nội
Trung cấp				
1	Nguyễn Đức Lạc	Địa chất	Miền Nam tập kết	
2	Trịnh Cương	Địa chất	Thanh Hóa	
3	Từ Bộ Chấn	Thủy địa chất		
4	Trần Cảnh	Địa vật lý	Bình Định	

5	Nguyễn Đức Tuấn	Địa vật lý	Nam Định	
6	Võ Đình Long	Địa vật lý	Nghệ An	
7	Nguyễn Xuân Thanh	Địa vật lý	Thanh Hóa	
8	Bùi Văn Khiết	Địa vật lý	Hà Nam	
9	Phạm Đình Phàng	Địa vật lý	Ninh Bình	
10	Nguyễn Bình	Địa vật lý	Hà Tĩnh	
11	Nguyễn Thị Mai	Địa vật lý	Hải Dương	
12	Nguyễn Thị Ngọc	Địa vật lý	Thái Bình	
13	Nguyễn Thị Thụ	Địa vật lý	Ninh Bình	
14	Nguyễn Tất Nho	Vô tuyến điện	Hà Tây	
15	Trần Liên	Trắc địa	Hà Nội	
16	Nguyễn Đức Long	Trắc địa	Hà Nam	
17	Nguyễn Trần Tý	Trắc địa		
18	Vũ Đức Huy	Trắc địa	Thái Bình	
19	Nguyễn Quế	Trắc địa	Hà Tĩnh	
20	Phạm Liễu	Trọng lực	Thái Bình	
21	Trần Thị Lục	Kế toán	Nghệ An	
22	Khúc Vĩnh Thiều	Kế toán	Hà Nội	
23	Nguyễn Vĩnh Thụy	Thống kê	Hà Nội	
24	Võ Thúc Loan	Địa chất	Miền Nam	

25	Nguyễn Mậu Tùng	Cơ khí	Hưng Yên	
26	Trần Trọng Giá	Cơ khí	Nam Định	
Sơ cấp				
1	Trần Thị Hà	Họa đồ	Bắc Ninh	
2	Nguyễn Duy Hiển	Trắc địa		
3	Nguyễn Minh Hồng	Trắc địa	Thái Bình	
4	Đặng Đức Thương	Địa chất		
5	Đoàn Hữu Tiệp	Địa chất	Hưng Yên	
6	Phạm Ngọc Các	Trọng lực	Miền Nam tập kết	
7	Nguyễn Thanh Xuân	Trọng lực	Thủ Dầu Một	
8	Đặng Mẫn	Trọng lực	Thái Bình	
9	Hoàng Văn Lợi	Trọng lực	Cao Bằng	
10	Nông Huy Nhời	Trọng lực	Lạng Sơn	
11	Trần Nghiệm	Trọng lực	Hà Tĩnh	
12	Nguyễn Hòa	Trọng lực	Thanh Hóa	
13	Lê Đại	Trọng lực	Hà Tĩnh	
14	Nguyễn Quốc Trọng	Địa vật lý điện	Miền Nam tập kết	
15	Nguyễn Phú Thành	Địa vật lý điện	Bạc Liêu	
16	Bùi Văn Tảo	Địa vật lý điện	Thái Bình	

IV. LỰC LƯỢNG DỊCH VỤ HỖ TRỢ

Cơ khí				
1	Nguyễn Mậu Tùng	Trung cấp	Hưng Yên	
2	Nguyễn Thông	Trung cấp	Cao Bằng	
3	Phạm Hồi	Công nhân	Hải Dương	
4	Đoàn Văn Quảng	Công nhân	Hải Phòng	
5	Ngô Văn Loan	Công nhân	Hà Nam	
6	Nguyễn Văn Hiếu	Công nhân	Hà Nội	
7	Nông Đình Tân	Công nhân	Bắc Kạn	
Lái xe				
1	Nguyễn Đức Tuấn		Hải Phòng	Lái xe con
2	Phan Chi		Hà Nội	Lái xe con
3	Hoàng Văn Tư		Phúc Yên	Lái xe tải
4	Đào Cao Hạng		Hưng Yên	Lái xe tải
5	Nguyễn Văn Đối		Hà Nội	Lái xe tải
6	Mai Văn Ý		Miền Nam tập kết	Lái xe tải
7	Phạm Ngọc Vấn		Phú Thọ	Lái xe tải
8	Nguyễn Văn Thi			Lái xe tải

V. CÁC TỔ KHOAN 650 ĐẦU TIÊN

<i>Tổ khoan 1</i>	<i>Tổ khoan 2</i>
1. Nguyễn Văn Huyền	1. Nguyễn Tiến Ánh
2. Vi Minh Hùng	2. Nguyễn Văn Soan
3. Hoàng Văn Đức	3. Tạ Văn Sinh
Công nhân:	Công nhân:
4. Phạm Xuân Sắc	4. ?
5. Trần Liên	5. Lê Văn Trùng
6. Nguyễn Văn Mai	6. Nguyễn Văn Huyền
7. Nguyễn Văn Biên	7. Dương Văn Đức
8. Tô Văn Điện	8. Khánh
9. Nguyễn Duy Dung	9. Nguyễn Văn Chuyên
10. Trần Văn Cảnh	10. Bùi Kiên Quyết
11. Nguyễn Văn Ân	11. Trần Đình Cảnh
12. Nguyễn Văn Chương	12. Nguyễn Kim Chuyên
13. Hoàng Văn Tư	13. Phạm Văn Tiên
14. Dương Tuấn Chí	14. Dương Xuân Nam
15. Nguyễn Hữu Văn	15. Lưu Văn Nghịch
16. Nguyễn Quốc Ấn	16. Lê Đình Tâm

Phụ lục: Phần I-02

VỐN ĐẦU TƯ CHO TÌM KIẾM, THĂM DÒ DẦU KHÍ Ở MIỀN BẮC VIỆT NAM (1962-1975)

Đơn vị: Đồng

Năm	Vốn đầu tư	Trong đó		Ghi chú
		Thăm dò	Chi khác	
1962	344.662,63	340.000,90	4.661,73	Vốn đầu tư cho giai đoạn 1962-1965 là 3.391.564,85 đồng
1963	787.322,07	780.148,66	7.173,41	
1964	1.015.879,87	1.010.876,17	5.003,70	
1965	1.243.700,28	1.202.187,78	41.512,50	
1966	1.434.051,73	1.431.846,73	2.205,00	Vốn đầu tư cho giai đoạn 1966-1970 là 15.660.361,15 đồng Kể từ năm 1970 khoan các giếng khoan cấu tạo - tìm kiếm, vốn đầu tư tăng lên đáng kể
1967	2.136.069,77	2.124.765,49	11.304,28	
1968	2.274.710,90	2.257.907,40	16.803,50	
1969	2.761.596,56	2.730.754,16	30.842,40	
1970	7.053.932,19	6.258.701,58	795.230,61	
1971	6.818.927,65	6.747.742,78	71.184,87	Vốn đầu tư cho giai đoạn 1971-1975 là 83.242.625,65 đồng
1972	5.065.090,92	4.983.491,73	81.599,19	
1973	10.170.754,08	10.113.243,55	57.510,53	
1974	34.571.872,00	?		
1975	26.615.981,00	?		
Tổng	102.294.551,60			

VỀ LOGO PETROVIETNAM

I. VỀ TÁC GIẢ ĐÃ PHÁC THẢO LOGO PETROVIETNAM

Có khá nhiều ý kiến khác nhau về tác giả của Logo của Petrovietnam.

1. Theo ông Nguyễn Đông Hải, nguyên Phó Vụ trưởng Vụ Kinh tế - Kỹ thuật và Hợp tác quốc tế Tổng cục Dầu khí (1975-1978), khi tiếp xúc với đại diện Công ty Dầu mỏ Agip (Italia), nhìn thấy biểu tượng độc đáo “Con chó sáu chân” của họ (đó là tác phẩm của một cậu bé mười tuổi, đạt giải nhất cuộc thi do Công ty tổ chức. Giám khảo hỏi tại sao con chó lại có 6 chân, cậu bé trả lời: 6 chân thì chạy nhanh hơn 4 chân!), ông kể lại câu chuyện cho Tổng cục trưởng Nguyễn Văn Biên và anh em trong Vụ. Và ông bắt đầu nghĩ đến một biểu tượng cho ngành Dầu khí Việt Nam.

Khi ông Biên chính thức đưa ra đề nghị muốn có một biểu tượng cho ngành Dầu khí Việt Nam, lập tức có nhiều người đưa ra ý tưởng, màu sắc, kiểu dáng. Đã có vài mẫu được trao tay nhau để lấy ý kiến. Phần lớn các mẫu đều thiên về hình tượng giàn khoan biển, tháp khoan cao vút như mũi tên, rồi bồn chứa hình cầu sát bên cột tháp chung cất dầu...

Được sự khích lệ của ông Biên, ông Hải đã phác thảo. Cuối tháng 10-1975, ông đã trình bản thảo chính cùng những thuyết minh về biểu tượng, Tổng cục trưởng Nguyễn Văn Biên và Chánh Văn phòng Lê Quốc Tuấn đã ký xác nhận ông là tác giả (xem hình kèm theo)¹. Ngày 6-5-2010, ông Hải cho biết thêm là ông có giao cho các ông Vũ Trọng Đức, Lê Quang Vinh (đều đã mất) tô màu.

1. Nhiều tác giả, Tạ Duy Anh chủ biên: *Những người đi tìm lửa*, Nxb. Hội Nhà văn, 2009, t. III, tr. 191-198.



Ý tưởng của biểu tượng

Ngành Dầu Khí Việt Nam lấy tên là:
PETROVIETNAM
(gọi tắt: PV)

- + Ngon lửa màu đỏ tươi như chiếc chày ngọc
Lên trên Đâu — tượng trưng cho ngành Dầu Khí
- + Ngon lửa uốn thành 2 nhánh tạo thành chữ V
(Việt Nam) lấy giữa hình dáng chữ S của
Việt nước.
- + Màu màu xanh nước biển — tượng trưng cho ngành
Dầu Khí của Việt Nam bắt đầu sự nghiệp từ ngành
biển khơi.
- + Nếu chúng ta cắt tròn nhẹ 2 góc trên và dưới
bên phải và cắt khuyết chữ nhật ở góc dưới
bên phải thì sẽ nhìn ngon lửa chữ V — tạo thành
chữ P (Petro = Dầu Khí) thật dễ viết tên của
đơn vị hoạt động của PV hoặc ghi tiêu đề của
tài liệu / hồ sơ.

Chú ý: Cần tạo hình ngọn lửa 2 nhánh thật
thích hợp với hình dáng chữ S của Việt nước.

Người sáng tác:
NGUYỄN ĐÔNG HẢI
10/1975

2. Bà Phạm Thị Ngọc Bích, nguyên Trưởng phòng Thông tin tư liệu kinh tế - kỹ thuật (trực thuộc Vụ Kinh tế - Kỹ thuật và Hợp tác quốc tế, theo Quyết định số 473-TCDK/TC ngày 30-12-1975) cho biết Phòng được lãnh đạo Tổng cục Dầu khí giao nhiệm vụ làm biểu tượng của ngành Dầu khí, ông Đào Bích Thảo là người tham gia làm việc này (trao đổi qua điện thoại ngày 4-8-2010). Theo ông Đào Bích Thảo, lúc đó là cán bộ phiên dịch tiếng Anh, và ông Đinh Văn Ngà, lúc đó là chuyên viên Phòng Thông tin tư liệu kinh tế - kỹ thuật (trực thuộc Vụ Kinh tế - Kỹ thuật và Hợp tác quốc tế, theo Quyết định số 473-TCDK/TC ngày 30-12-1975): “Các ông là người đã đề xuất ý kiến với Tổng cục trưởng Nguyễn Văn Biên làm phù điêu (lúc đấy chưa có khái niệm biểu tượng hay Logo) cho ngành Dầu khí Việt Nam. Ông Biên đã chính thức giao nhiệm vụ cho các ông làm. Các ông đã thu thập các “logo” của các công ty, rồi đề xuất vẽ ngọn lửa 2 nhánh cao thấp theo tỷ lệ 6/9, hình dáng chữ S màu đỏ, trên nền biển màu xanh và có đế là chữ V. Sau đó các ông báo cáo cho ông Biên và không còn để ý các công việc tiếp theo”¹.

3. Còn một số người khác cũng có ý kiến là bản thân mình cũng tham gia vào phác thảo logo của Petrovietnam.

II. VỀ QUÁ TRÌNH HOÀN THIÊN LOGO PETROVIETNAM

Khi Chính phủ quyết định thành lập Công ty Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam - Petrovietnam (Quyết định số 251-CP ngày 9-9-1977), Logo Petrovietnam được lưu hành với chữ Petrovietnam xuất hiện trên Logo (khi phác thảo chưa có).

So với bản vẽ của ông Hải và ý kiến của ông Thảo, ông Ngà (tỷ lệ 6/9), Logo của Petrovietnam hiện nay có cùng kiểu dáng, nhưng khác nhau về kích thước khung cũng như 2 ngọn lửa và màu sắc (tham khảo Quyết định số 1879/QĐ-VP ngày 2-5-2001 kèm theo).

1. Phỏng vấn ông Đào Bích Thảo ngày 22-10-2009 tại Vũng Tàu; ông Đinh Văn Ngà ngày 15-3-2010 tại Hà Nội.

TỔNG CÔNG TY DẦU KHÍ VIỆT NAM
 CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Số: 1879/QĐ-VP

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2001

QUYẾT ĐỊNH CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY DẦU KHÍ VIỆT NAM
 Về: *Quy định mẫu logo, màu cờ của Tổng công ty và các đơn vị thành viên*

**TỔNG GIÁM ĐỐC
 TỔNG CÔNG TY DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Căn cứ Nghị định số 38/CP ngày 30/5/1995 của Chính phủ về việc phê chuẩn Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ vào yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty;
 Trên cơ sở đề nghị của ông Chánh Văn phòng và tập hợp ý kiến của các ông trưởng các phòng, ban của Tổng công ty.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành thống nhất mẫu logo, màu cờ của Tổng công ty và các đơn vị thành viên được sử dụng trên các ấn phẩm, tem và nhãn hiệu sản phẩm trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tuyên truyền quảng cáo và giao dịch.

Điều 2: Mẫu logo, màu cờ được sử dụng phải tuân thủ nghiêm túc, đúng qui định về màu sắc, tỉ lệ kích thước và phương pháp dựng vẽ được ban hành kèm theo quyết định này.

Điều 3: Các ông thủ trưởng các đơn vị thành viên, thủ trưởng các phòng ban và ông Chánh Văn phòng Tổng công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**TỔNG GIÁM ĐỐC
 TỔNG CÔNG TY DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Nơi nhận:
 - Như điều 3,
 - HDQT để báo cáo,
 - Lưu VP.

Nguyễn Xuân Nhâm

QUI ĐỊNH VỀ TỈ LỆ KÍCH THƯỚC VÀ PHƯƠNG PHÁP Dựng VẼ LOGO, CỜ CỦA TCT

(Kèm theo Quyết định số 1879/QĐ-VP ngày 02 tháng 5 năm 2001)

1. Ý nghĩa biểu tượng logo và cờ của Tổng công ty Dầu khí Việt Nam.

Biểu tượng logo và cờ của Tổng công ty Dầu khí Việt Nam với hai màu chính là màu xanh nước biển nhạt của nền và màu đỏ của ngọn lửa hai nhánh thể hiện thành quả hoạt động tìm kiếm thăm dò - khai thác và các lĩnh vực hoạt động khác để đưa tài nguyên dầu khí từ lòng đất, lòng thềm lục địa Việt Nam lên phục vụ đất nước. Ngọn lửa đỏ hai nhánh được bắt đầu từ trong lòng chữ V (chữ đầu của từ Việt Nam) với hình đất nước là khoảng trống giữa hai ngọn lửa.

2. Mẫu logo và phương pháp dựng vẽ

a) - Mô tả biểu tượng logo của Tổng công ty.

Nhãn hiệu logo là một tổng thể gồm: Một hình chữ nhật đứng nền xanh nước biển, có tỉ lệ kích thước (rộng x dài) là (5 x 6), ở giữa vẽ hình ngọn lửa hai nhánh màu đỏ cháy lên từ chữ V của hàng chữ màu trắng PETROVIETNAM - tên giao dịch quốc tế của Tổng công ty Dầu khí Việt Nam. Ngọn lửa đỏ hai nhánh được cách điệu tạo cho khoảng trống ở giữa hai ngọn lửa giống hình đất nước.

b) - Mẫu logo của Tổng công ty.

Việc dựng vẽ logo của Tổng công ty được triển khai trong khung hình chữ nhật đứng kẻ lưới với tỉ lệ kích thước chiều rộng và chiều cao là (15a x 18a), tương đương với tỉ lệ (5x6). Các chi tiết chính của logo gồm ngọn lửa đỏ hai nhánh và hàng chữ PETROVIETNAM. Việc xác định toạ độ của các chi tiết khi dựng vẽ được hỗ trợ bằng các ô lưới có kích thước cạnh qui ước là 1a.

Qui định về phương pháp dựng vẽ các chi tiết chính của logo:

- Ngọn lửa đỏ hai nhánh. Ngọn lửa cháy lên từ trong lòng chữ V của dòng chữ PETROVIETNAM cách cạnh đáy dưới của khung logo 2,5 a. Hai nhánh lửa được vẽ tron trong hình chữ nhật kích thước (6 a x 13 a), tâm của hình chữ nhật này cũng chính là tâm của khung logo; Nhánh lửa bên phải cao 13 a, cách cạnh trên 2,5 a; Nhánh lửa bên trái cao 9 a, cách cạnh trên 6,5 a.
- Dòng chữ PETROVIETNAM màu trắng, sử dụng phông .VnHelveticaH (thuộc bộ chữ ABC), có chiều cao bằng 2 a, trải dài theo chiều ngang là 13 a, cách đều hai cạnh bên khung logo là 1 a và cách cạnh đáy dưới 2 a.

- Màu sắc của logo được qui định theo các hệ màu tương đương như sau:

Thông số màu chuẩn: - Màu nền - PANTONE 3005 CV
 - Màu ngọn lửa - RED

Cách hệ màu tương đương trong bảng sau:

Màu nền logo - (Blue):	Màu ngọn lửa - (Red):
+ Hệ CMYK (C = 100, M = 30, Y = 0, K = 6)	+ Hệ CMYK (C = 0, M = Y = 100, K = 0)
+ Hệ RGB (R = 0, G = 132, B = 202)	+ Hệ RGB (R = 220, G = 43, B = 26)
+ Hệ HSB (H = 201, S = 100, B = 79)	+ Hệ HSB (H = 6, S = 89, B = 86)
+ Hệ Lab (L = 53, a = -7, b = -21)	+ Hệ Lab (L = 48, a = 32, b = 26)

c) - Mẫu logo của các đơn vị có tỉ lệ kích thước là (15a x 21a), được tạo từ mẫu logo của Tổng công ty bằng việc thêm dòng chữ viết tắt tên đơn vị bằng tiếng Anh. Hàng chữ tên đơn vị sử dụng phông chữ .VnHelveticaH, cao 2,5 a, cách đều cạnh đáy khung logo tổng công ty 0,5 a; Chữ đầu và chữ cuối của tên đơn vị (đối với đơn vị có tên viết tắt dài) cách đều 2 bên cạnh khung logo ít nhất là 1a, với đơn vị có tên viết tắt ngắn có thể co giãn độ béo của con chữ cho phù hợp.

Màu sắc của logo được qui định như logo của Tổng công ty.

3. Mẫu cờ và phương pháp dựng vẽ

a) - Cờ của Tổng công ty có kích thước chiều dài và chiều cao theo tỉ lệ (3x2), nền màu xanh nước biển nhạt mang hình ngọn lửa màu đỏ hai nhánh và dòng chữ PETROVIETNAM màu trắng. Tiêu chuẩn mẫu của cờ được áp dụng như qui định đối với logo.

Việc dựng vẽ các chi tiết chính được triển khai trên hình chữ nhật kẻ ô lưới có tỉ lệ kích thước qui ước là (39a x 26a) có kích thước thực tế của lá cờ, thực hiện theo phương pháp vẽ được qui định tại phần logo.

Kích thước, toạ độ của khung kẻ lưới vẽ ngọn lửa được qui định như sau:

- Chiều cao của khung chữ nhật vẽ ngọn lửa của cờ bằng 1/2 chiều cao thực tế của lá cờ (13a).

- Tâm của khung vẽ ngọn lửa cao hơn tâm của lá cờ 5 theo chiều thẳng đứng 1/26 chiều cao thực tế lá cờ (1a).

b) - Mẫu cờ của các đơn vị được triển khai từ mẫu cờ của tổng công ty, hàng chữ tên đơn vị viết tắt bằng tiếng Anh sử dụng phông chữ .VnHelveticaH, có chiều cao bằng 2,5 a, định hàng chữ cách hàng chữ mang tên tổng công ty là 2a và cách cạnh dưới của lá cờ là 3a.



TÓM TẮT NỘI DUNG BẢN CHIẾN LƯỢC ĐẦU TIÊN CỦA NGÀNH DẦU KHÍ VIỆT NAM (1988-2000)

A. CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC

1. Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 7-7-1988 của Bộ Chính trị.

2. Tiềm năng dầu khí của Việt Nam: Chủ yếu tập trung ở thềm lục địa Việt Nam (có diện tích 1.285.000 km²). Trữ lượng dự đoán: 4-5 tỷ tấn quy dầu. Mới xác minh trữ lượng cấp công nghiệp (B + C1 + C2): 210 triệu tấn của các mỏ Bạch Hổ, Rồng, Đại Hùng.

3. Nhu cầu sản phẩm dầu khí ở Việt Nam: Nhiên liệu dầu mỡ: 5,5 triệu tấn/năm (đến năm 2000). Phân đạm: 6 triệu tấn/năm (đến năm 2000). Sợi visco: 3 triệu tấn/năm.

Như vậy nhu cầu dầu mỏ và khí thiên nhiên vào năm 2000 dự kiến khoảng 8-10 triệu tấn dầu quy đổi, chưa kể lượng dầu thô, khí thiên nhiên và sản phẩm dầu khí được xuất khẩu để thu ngoại tệ.

B. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH DẦU KHÍ ĐẾN NĂM 2000

1. Yêu cầu (theo yêu cầu của Nghị quyết số 15)

2. Mở rộng sự hợp tác với các nước và các công ty nước ngoài

2.1. Dựa vào Liên Xô để phát triển ngành Dầu khí: Thực hiện trong giai đoạn 1986-1990

- Thực hiện 11.040 km tuyến địa vật lý; khoan tìm kiếm, thăm dò 13 giếng; xây dựng 7 giàn MSP, 1 trạm chứa - rót dầu không bến, hệ thống đường ống nội bộ và khoan 35 giếng khai thác.

- Từ năm 1986 đến giữa năm 1989 đã khai thác trên 1,5 triệu tấn dầu thô. Bán thu được 159 triệu USD, trong đó giao cho Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetropetrol (VSP) 112 triệu USD để mua phương tiện, thiết bị tại nước thứ ba. Đã xây dựng xong căn cứ tổng hợp trên bờ.

- Trong giai đoạn 1986-1990, kế hoạch tài chính của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetropetrol là 1.600 triệu rúp chuyển nhượng, trong đó có 150 triệu rúp chuyển

đổi tự do. Tính đến hết tháng 6-1989, hai Phía đã góp 1.018 triệu rúp chuyển nhượng và USD.

- Đang thảo luận với Liên Xô để sửa đổi Hiệp định ký ngày 19-6-1981. Hai Phía thống nhất khu vực hợp tác gồm 3 lô: 05, 09, 16.

- Đã phát hiện 15 cấu tạo triển vọng, 6 cấu tạo đã được khoan tìm kiếm, thăm dò, 2 cấu tạo khác đang chuẩn bị khoan sâu tìm kiếm.

- Dự báo trong 3 lô này trữ lượng cấp B + C1: 88 triệu tấn. Cấp C3+D có thể thu hồi là 740 triệu tấn quy dầu.

- Dự kiến đến năm 1993 kết thúc tìm kiếm, thăm dò để có thể đưa thêm 3 mỏ mới vào khai thác.

Về khai thác

Giai đoạn	Dầu (triệu tấn)	Khí (tỷ m ³)	Năm	Dầu (triệu tấn)	Khí (tỷ m ³)
1981-1990	5	0,750	1990	2,5	0,375
1991-1995	28	4,3	1995	7	1,155
1996-2000	70	10,725	2000	16	2,490

Về chi phí

1981-1990 713 triệu USD (1rúp chuyển nhượng = 0,6 USD)

1991-1995 4.321 (giá 1 tấn dầu thô là 126 USD)

Thu nhập các bên (chưa kể khí đồng hành) với điều kiện:

- Chi phí sản xuất khoảng 35% sản lượng dầu.
- Thuế tài nguyên bằng 17% sản lượng dầu.
- Thuế lợi tức bằng 37,5% sản lượng dầu.
- Thuế chuyển lợi tức của Liên Xô ra nước ngoài là 5% lợi tức của Liên Xô.

Đơn vị: Triệu USD

Giai đoạn	Tổng thu nhập	Tổng chi phí	Phần Việt Nam	Phần Liên Xô
1981-1990	630	448	144,5	37,5

1991-1995	3.528	1.234,8	1.790,5	502,7
1996-2000	8.820	3.087	4.476,15	1.256,85
Tổng cộng	12.978	4.769,8	6.411,15	1.797,05
Tỷ lệ (%)	100	36,75	49,40	13,85

2.2. Các khu vực còn lại trên thêm lục địa hợp tác với nước ngoài dưới hình thức hợp đồng chia sản phẩm (PSC): Đã ký 5 hợp đồng PSC với ONGC, Shell-PetroFina, Total, BP, CEP-Enterprise. Tổng vốn đầu tư trong 5 năm đầu tìm kiếm, thăm dò khoảng 280-300 triệuUSD.

Để năm 2000 có thể có trữ lượng xác minh từ 1-1,5 tỷ tấn quy dầu, cần đưa toàn bộ diện tích còn lại của thêm lục địa vào tìm kiếm, thăm dò. Với điều kiện xác suất thành công ở Đông Nam Á là 1/6 và cần 3-5 năm để phát triển và khai thác mỏ, dự kiến như sau:

Giai đoạn	Sản lượng khai thác		Năm	Sản lượng khai thác	
	Dầu (triệu tấn)	Khí (tỷ m ³)		Dầu (triệu tấn)	Khí (tỷ m ³)
1991-1995	2,3	0,3-0,45	1995	1-1,5	0,15-0,225
1996-2000	23-32	3,45-4,8	2000	7,5-13,5	1,125-2,025
Tổng cộng	25,3-34,3	3,75-5,25			

Về chi phí:

Giai đoạn 1991-2000 (bằng 30-35% sản lượng dầu): 840-1.370 triệu USD. Tổng số vốn đầu tư trong giai đoạn này là 3-5 tỷ USD.

Thu nhập của nước chủ nhà (không kể phần khí đồng hành) 1.410-1.990 triệu USD với điều kiện nước chủ nhà không phải bỏ đồng vốn nào.

2.3. Khi các công ty từ bỏ hợp đồng do các mỏ nhỏ: Việt Nam có thể tự thăm dò kể từ giữa năm 1995.

2.4. Khí đồng hành

- Khu vực Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro, ta đã đề nghị ta sở hữu khí đồng hành, ta phải đầu tư cho đường ống và chi phí sản xuất. Nếu Liên Xô không đồng ý, Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro phải đầu tư để thu gom và vận chuyển khí đồng hành vào bờ.

- Đối với các hợp đồng PSC, ta sẽ được 20-30% sản lượng khí, ta không phải đầu tư đường ống và chi phí sản xuất.

- Một phần lượng khí dùng cho khai thác dầu, một phần (khoảng 65% sản lượng) là hàng hoá.

3. Dự kiến sản lượng khai thác dầu khí đến năm 2000

3.1. Dự kiến theo giai đoạn

Giai đoạn	Tổng sản lượng dầu thô (triệu tấn)	Tổng sản lượng khí đồng hành (tỷ m ³)	Tổng sản lượng khí đồng hành hàng hóa (tỷ m ³)
1981-1990	5	0,75	0,49
1991-1995	30-32	4,605-4,755	2,99-3,09
1996-2000	94-103	14,175-15,525	9,21-10,09
1981-2000	129-140	19,53-21,030	12,69-13,67

3.2. Dự kiến theo năm

Năm	Sản lượng dầu thô (triệu tấn)	Sản lượng khí đồng hành (tỷ m ³)	Sản lượng khí đồng hành hàng hóa (tỷ m ³)
1990	2,5	0,375	-
1995	8-9	1,31-1,38	0,85-0,9
2000	21-23	3,62-4,52	2,35-2,94

4. Dự kiến phân thu của Việt Nam (nếu giá dầu thô là 126 USD/tấn, giá 1.000 m³ khí = 60% giá 1 tấn dầu thô = 75,6 USD).

Giai đoạn	Thu từ dầu	Thu từ khí	Tổng cộng (triệu USD)
1981-1990	144,5	-	144,5
1991-1995	1.812-2.168	216-279,6	2.028-2.447,6
1996-2000	5.635-6.088	579-599,6	6.214-6.687,6
1981-2000	7.591,5-8.400	795-879,2	8.386,5-9.279,7

(Phân thu của Việt Nam đã trừ các chi phí sản xuất dầu, nhưng chưa tính chi phí làm đường ống dẫn khí).

5. Công nghiệp lọc - hoá dầu và sử dụng khí thiên nhiên

5.1. Lọc - hóa dầu

Đang hiệu chỉnh Luận chứng kinh tế - kỹ thuật Nhà máy lọc dầu Thành Tuy Hạ, giai đoạn 1 chế biến không sâu, công suất 3 triệu tấn/năm; sẽ bắt đầu triển khai xây dựng một vài phân xưởng chế biến sâu theo công nghệ của các nước tiên tiến. Từ năm 1996 đến năm 2000, hoàn thành giai đoạn 2 (chế biến sâu), có thể mở rộng công suất lên 6 triệu tấn/năm, hoặc xây dựng nhà máy lọc dầu 3 triệu tấn/năm cả chế biến không sâu và sâu.

5.2. Về sử dụng khí thiên nhiên

Đề nghị cho phép dùng dầu thô cũng như các sản phẩm dầu để trả vốn vay xây dựng đường ống dẫn khí cũng như các công trình chế biến dầu khí.

Giai đoạn	Mục tiêu đầu tư	Công suất	Sản phẩm chính	Vốn (triệu USD)	Thời hạn xây dựng (năm)	Đối tác
1991-1995	1. Lọc dầu Thành Tuy Hạ. Giai đoạn 1- Chế biến không sâu	3 triệu tấn/năm	Xăng DO FO	224	5	Liên Xô
	2. Xưởng sản xuất nhựa đường	100.000 tấn/năm		20	3	Shell
	3. Nhà máy đạm	1.000 tấn NH ₃ /ngày	Urê 0,6 triệu tấn/năm	330	4	Nhật Bản (?)
1996-2000	1. Lọc dầu Thành Tuy Hạ. Giai đoạn 2 - Chế biến sâu	3 triệu tấn/năm	Xăng DO FO...	216	3	Tư bản
	2. Lọc dầu chế biến không sâu và sâu (miền Bắc)	3 triệu tấn/năm		440	4	Tư bản
1990-1995	1. Đường ống dẫn khí	1 tỷ m ³ /năm		100-150	2	
	2. Đường ống dẫn dầu nhiều parafin hay dùng tàu con thoi	3-6 triệu tấn/năm		200	2	(?)

6. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đến năm 2000

6.1. Với sự hợp tác của Liên Xô, đã hình thành khu công nghiệp dầu khí Vũng Tàu. Nếu ở vịnh Bắc Bộ, biển miền Trung, vịnh Thái Lan sản xuất dầu khí, thì từ năm 1995 phải hình thành các căn cứ dịch vụ dầu khí (lắp giàn khoan, đường ống, cầu cảng, bến bãi, kho tàng...) ở miền Bắc, miền Trung và ở cực Nam Nam Bộ. Mỗi khu vực đầu tư từ 300-500 triệu USD. Sẽ thu hồi vốn và lợi nhuận từ hoạt động dịch vụ dầu khí.

6.2. Giai đoạn 1991-1995 củng cố, đổi mới, hiện đại hoá thiết bị các phòng thí nghiệm, Trung tâm xử lý số liệu của Viện Dầu khí, của Công ty Địa vật lý, Công ty Dịch vụ dầu khí vừa làm dịch vụ cho các công ty vừa chuẩn bị để triển khai các khu vực do ta tự đầu tư.

6.3. Khẩn trương đào tạo, bồi dưỡng, tăng cường nguồn nhân lực

Dự kiến:

Năm 1990 khoảng 10.000 người

Năm 1995 khoảng 20.000 người, trong đó 6.000 người cho chế biến dầu khí

Năm 2000 khoảng 35.000 người, trong đó 15.000 người cho chế biến dầu khí

7. Vấn đề bảo vệ tài nguyên và môi trường

- Xây dựng và ban hành các luật và quy định.
- Đào tạo đội ngũ, cung cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, thiết bị, phương tiện.

C. NHỮNG ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT

1. Tiếp tục hợp tác với Liên Xô theo cơ chế mới, sửa đổi Hiệp định dầu khí Việt - Xô ký ngày 19-6-1981.

2. Tiếp tục mở rộng hợp tác với các nước và các công ty nước ngoài khác.

3. Tiếp tục củng cố tổ chức và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ.

4. Nhà nước chỉ đạo các bộ, ngành cùng phối hợp với Dầu khí để xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng.

TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CỤC DẦU KHÍ VIỆT NAM (1975-1989)

NĂM 1975

Triển khai Nghị định số 170/CP (ngày 3-9-1975) của Chính phủ. Xây dựng tổ chức bộ máy cơ quan Tổng cục.

Tiếp tục triển khai tìm kiếm, thăm dò dầu khí ở Đồng bằng sông Hồng (Đoàn Địa vật lý, Liên đoàn Địa chất 36, Đoàn 36B) và tổng hợp tài liệu địa chất - địa vật lý ở vùng trũng An Châu (Đoàn 36C).

Phát hiện các dấu hiệu dầu khí ở các giếng khoan 101, 60, 62 và tầng chứa khí có giá trị công nghiệp ở GK 61.

Triển khai tìm kiếm, thăm dò dầu khí ở Đồng bằng sông Cửu Long; thành lập Công ty Dầu khí Nam Việt Nam bao gồm Đoàn Địa chất 21, Đoàn Địa vật lý 22..., ký hợp đồng với Công ty CGG làm địa chấn trên các sông và ven biển.

Tiếp xúc và đàm phán với 17 công ty (Pháp, Ôxtrâyliya, Canada...) về thăm dò dầu khí trên thềm lục địa Nam Việt Nam.

NĂM 1976

Tiếp tục xây dựng, ổn định tổ chức bộ máy và cơ sở làm việc của Tổng cục.

Ở miền vông Hà Nội: khảo sát địa vật lý ở dải cấu tạo Kiến Xương, Tiên Hải, trũng Đông Quan và vùng biển nông ven bờ. Khoan các giếng: 103, 63, 65, 104. Phát hiện dòng dầu không có giá trị công nghiệp ở giếng 63. Thực hiện 9.768.5 m khoan; trên 3.000 km tuyến địa chấn, 3,5 điểm telua và từ - tellua; 2.401 điểm trọng lực.

Ở Đồng bằng sông Cửu Long: Khảo sát địa vật lý. Công ty CGG kết thúc khảo sát bằng tàu Gémeaux.

Chuẩn bị các cơ sở và điều kiện để hợp tác với các công ty nước ngoài (xây dựng cơ sở dịch vụ dầu khí Vũng Tàu). Tiếp nhận Trường Công nhân kỹ thuật Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chuẩn bị tài liệu về khu liên hợp lọc dầu - hóa dầu.

NĂM 1977

Ngày 9-9-1977, Công ty Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam (Petrovietnam) được thành lập. Tiếp tục ổn định tổ chức, bộ máy cơ quan Tổng cục; giải thể và thành lập một số đơn vị mới.

Trên đất liền

Tiếp tục làm địa vật lý trên dải cấu tạo Kiến Xương - Tiền Hải, vùng biển nông cửa Ba Lạt, phát hiện vòm nâng ở đảo Cồn Thủ, Cồn Đen.

Kết thúc khảo sát địa chấn đại thể ở Đồng bằng sông Cửu Long

Khoan các giếng 67, 71, 69, 106.

Chuẩn bị triển khai công tác ở biển

Đàm phán và ký kết với Chính phủ Na Uy về vay vốn làm địa vật lý, khoan ở lô tự lực. Ký hợp đồng khảo sát địa vật lý với Công ty GECO.

Ký được ba bản thoả thuận nguyên tắc với ba công ty: Deminex, Agip, Bow Valley.

Chuẩn bị cho 2 khu lọc hoá dầu.

NĂM 1978

Tiếp tục bổ sung thay đổi tổ chức và bộ máy cơ quan Tổng cục, đổi tên một số đơn vị cũ và thành lập một số đơn vị mới.

Ở miền vông Hà Nội: làm địa chấn điểm sâu chung ở Đông Nam miền vông Hà Nội; bắt đầu cải hoán tàu vận tải và lắp ráp thiết bị địa chấn cho tàu Bình Minh; khoan các giếng 200, 81, 110 (ở Cồn Đen).

Ở Đồng bằng sông Cửu Long: khởi công giếng khoan Cửu Long-I.

Đối với khu vực thềm lục địa: Ký hợp đồng dầu khí với các công ty: Deminex, Agip, Bow Valley ở một số lô thềm lục địa Nam Việt Nam.

NĂM 1979

1. Nghiên cứu địa chất khu vực

Kết thúc công tác điều tra địa chất dầu khí dải Ninh Bình - Sơn La (Viện Dầu khí).

Tổng hợp địa chất dầu khí ở thêm lục địa Nam Việt Nam (Công ty Dầu khí II).

Đoàn chuyên viên Bộ Địa chất, Bộ Dầu, Bộ Khí của Liên Xô đánh giá triển vọng dầu khí Việt Nam và đề xuất phương hướng công tác tiếp theo.

2. Địa vật lý

Thu tài liệu đạt kế hoạch thấp (miền võng Hà Nội: 85%, biển nông 30% kế hoạch).

Xử lý tài liệu chậm.

Các công ty: Deminex, Agip, Bow Valley đã hoàn thành khảo sát và xử lý tài liệu địa vật lý theo cam kết trong hợp đồng.

3. Khoan

Ở miền võng Hà Nội: khoan 7 giếng (có 4 giếng từ các năm trước, 3 giếng mới: 81, 73, 203). Giếng 106 gặp vỉa khí phun mạnh.

Ở Đồng bằng Cửu Long: khoan 2 giếng (giếng Cửu Long-I của năm trước và giếng mới Hậu Giang-I).

Tổng số là 36.000 m khoan (gấp 5 lần năm 1978).

Ở thêm lục địa Nam Việt Nam: Deminex, Agip, Bow Valley hoàn thành 9 giếng (25.000 m khoan), một số giếng phát hiện dầu khí.

Cung cấp dịch vụ khoan thu được 800.000 USD. Công ty Liên doanh máy bay lên thẳng Hélivifra bắt đầu hoạt động.

Nhân sự: Ông Nguyễn Văn Biên thôi chức Tổng cục trưởng Dầu khí, chuyển về làm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

NĂM 1980

Nhân sự: Trung tướng Nguyễn Hoà được bổ nhiệm làm Tổng cục trưởng Dầu khí, kiêm Giám đốc Công ty Petrovietnam.

Ở *Đồng bằng sông Hồng*: thực hiện 3.125 điểm địa chấn, 4.164 m khoan, khởi công khoan các giếng 204, 75. Đánh giá trữ lượng khí mỏ Tiền Hải C.

Ở *Đồng bằng sông Cửu Long*: dựa trên kết quả nghiên cứu địa chất, địa vật lý, khoan Cửu Long-I, Hậu Giang-I và 3 giếng khoan nông, đã đi đến kết luận: trầm tích Đệ Tam ít triển vọng về dầu khí, cho nên Tổng cục quyết định dừng công tác tìm kiếm, thăm dò dầu khí trong trầm tích Đệ Tam.

Trên thêm lục địa Nam Việt Nam: các công ty: Deminex, Agip, Bow Valley hoàn thành 12 giếng khoan (trong đó có 9 giếng của năm trước). Một số giếng đã gặp dầu khí nhưng không có giá trị thương mại. Cuối cùng, các công ty này đều chấm dứt hoạt động tại Việt Nam.

Nhìn chung, chúng ta đã đánh giá quá cao về triển vọng dầu khí, trong khi cấu trúc địa chất rất phức tạp. Quan điểm tự lực trong công tác thăm dò và khai thác dầu khí ở ngoài biển chưa có tính khả thi về vốn, cán bộ và công nghệ.

Hợp tác Việt - Xô: Việt Nam chính thức đặt vấn đề với Liên Xô về hợp tác dầu khí ở thêm lục địa. Ngày 3-7-1980, ký Hiệp định Liên Chính phủ Việt Nam - Liên Xô về hợp tác tiến hành thăm dò địa chất và khai thác dầu, khí ở thêm lục địa phía Nam Việt Nam.

Tổng cục đã dịch và cùng các ngành nghiên cứu TEO nhà máy lọc dầu của Liên Xô và chờ chuyên gia sang bảo vệ.

Tổng cục cùng đoàn chuyên viên khoa học kỹ thuật Liên Xô thống nhất chương trình hợp tác khoa học - kỹ thuật gồm 8 nhiệm vụ, 54 đề tài cho giai đoạn 1981-1985.

NĂM 1981

Hợp tác Việt - Xô: Ngày 19-6-1981, ký Hiệp định Liên Chính phủ Việt Nam - Liên Xô về thành lập Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetropetro. Ngày 19-11-1981, Vietsovetropetro chính thức đi vào hoạt động. Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetropetro họp kỳ lần thứ nhất tại Vũng Tàu (từ ngày 4-11 đến ngày 23-11-1981). Tập trung công việc xây dựng cơ sở hạ tầng cho hoạt động của Vietsovetropetro.

Ở *miền võng Hà Nội*: khởi công các giếng khoan: 77, 108, 79. Bắt đầu khai thác thử mỏ khí Tiền Hải - Thái Bình (8,4 triệu m³ khí) để chạy tuốcbin phát điện và cho công nghiệp Thái Bình.

Ở Đồng bằng sông Cửu Long: chính thức chấm dứt hoạt động thăm dò dầu khí trầm tích Đệ Tam. Điều chuyển nguồn nhân lực và cơ sở vật chất cho Vietsovpetro và các đơn vị trong ngành.

NĂM 1982

Ở miền võng Hà Nội: tiếp tục làm địa chấn ở đất liền, tàu địa chấn Bình Minh của Đoàn Địa vật lý và tàu Poisk của Liên đoàn Địa vật lý Viễn Đông (Liên Xô) bắt đầu khảo sát ở vịnh Bắc Bộ. Khởi công giếng khai thác 78 trên nền giếng 77 ở mỏ Tiền Hải - Thái Bình. Giếng khoan 76, khởi công ngày 18-5-1982, gặp sự cố khí phun. Khởi công các giếng: 107, 64. Tiếp tục khai thác mỏ khí Tiền Hải.

Hợp tác Việt - Xô: Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro họp kỳ thứ II ở Bacu (từ ngày 5 đến ngày 9-7-1982).

Tiếp tục và đẩy mạnh xây dựng khu công nghiệp dầu khí Vũng Tàu.

NĂM 1983

Ở miền võng Hà Nội: tiếp tục các công tác tìm kiếm, thăm dò và chuẩn bị kết thúc thăm dò đánh giá mỏ khí Tiền Hải. Khởi công các giếng: 105, 80, 82A, 55. Tiếp tục khai thác mỏ khí Tiền Hải phục vụ cho phát điện và công nghiệp địa phương Thái Bình (34,5 triệu m³).

Tại vùng mỏ Bạch Hổ: hoàn thành thiết kế kỹ thuật. Bắt đầu lắp ráp chân đế giàn cố định số 1 với sự giúp đỡ của chuyên gia Liên Xô.

Ngày 31-12-1983, tàu khoan Mikhail Mirchin bắt đầu khoan giếng BH-5.

Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro họp kỳ thứ III tại Vũng Tàu (từ ngày 18-5 đến ngày 2-6-1983).

NĂM 1984

Ở miền võng Hà Nội: khảo sát địa chấn điểm sâu chung được 3.280 điểm ở khu vực Phụng Ngãi, Nam Đông Quan, Kiến Xương A. Khoan giếng 54, 116, 112, 84. Tổng số mét khoan là 8.815 m. Công tác tổng hợp tài liệu đã khẳng định; hướng tìm kiếm, thăm dò cần tập trung về phía biển. Khai thác được 36 triệu m³ khí.

Tàu Bình Minh được lắp trạm địa chấn ghi số “Progress-2” (Liên Xô) khảo sát vùng Tây Bắc vịnh Bắc Bộ được 1.374 km. Tàu Malugin khảo sát 6.300 km.

Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro: đã khảo sát 4.000 km tuyến địa vật lý (tàu Gamburtsev), và khảo sát địa chất công trình ở 7 khu vực chuẩn bị xây dựng giàn cố định, giàn tự nâng, đường ống ngầm và trạm chứa - rót dầu không bến.

Sự kiện quan trọng: ngày 25-5-1984, tàu khoan Mikhail Mirchin phát hiện dầu có giá trị công nghiệp ở giếng BH-5.

Ngày 6-11-1984, chân đế giàn cố định MSP-1 được hạ thủy trên mỏ Bạch Hổ. Tuy nhiên, công tác xây dựng mỏ chậm so với kế hoạch. Ngày 31-12-1984, mới lắp ráp xong các khối modul chịu tải và 3 modul công nghệ của giàn cố định MSP-1 (theo kế hoạch, quý IV-1984 bắt đầu sử dụng MSP-1).

Về căn cứ tổng hợp trên bờ, xây dựng được 17 hạng mục, hoàn thành và bàn giao 123 m cảng hạ lưu, bãi lắp ráp giàn khoan và đường trượt...

Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro họp kỳ thứ IV (từ ngày 17 đến ngày 19-1-1984) và kỳ thứ V (từ ngày 29 đến ngày 31-10-1984) tại Vũng Tàu.

Ban Lọc hóa dầu Tổng cục hoàn chỉnh Luận chứng kinh tế - kỹ thuật Khu lọc-hóa dầu Thành Tuy Hạ (Đồng Nai).

Chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước 22.01 (1981-1985) được khẩn trương triển khai.

Trung tâm điện toán IBM thuộc Tổng cục Kỹ thuật Bộ Quốc phòng và chuyên gia thuộc Viện Địa vật lý Kiev, Viện Dầu khí đã thành công trong xử lý tài liệu địa chấn trên máy IBM 360-50.

NĂM 1985

Ở miền vông Hà Nội: chỉ còn làm một khối lượng nhỏ địa chấn, tiếp tục khoan giếng 84. Tiến hành tổng kết tìm kiếm, thăm dò. Hoàn thành báo cáo trữ lượng mỏ khí Tiền Hải - Thái Bình. Khai thác được 35,2 triệu m³ khí.

Triển khai lập Luận chứng kinh tế - kỹ thuật tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí ở vịnh Bắc Bộ. Tàu Bình Minh và tàu địa vật lý của Liên Xô tiếp tục khảo sát ở vịnh Bắc Bộ.

Ở phía Nam

Giếng khoan BH-4 đã phát hiện tại vòm Bắc mỏ Bạch Hổ 9 vỉa dầu thuộc trầm tích Oligocen.

Tàu khoan Mikhain Mirchin phát hiện dầu ở cấu tạo Rồng (ngày 21-6-1985).

Giàn tự nâng Ekhabi tiếp tục khoan giếng BH-3.

Ngày 25-6-1985, xây lắp xong giàn cố định MSP-1, đang xây lắp giàn MSP-2. Chân đế cụm giàn công nghệ trung tâm đang được lắp ráp trên bờ.

Hoàn thành 4.000 km tuyến địa vật lý ở vùng biển Đà Nẵng, 550 km tuyến chi tiết ở cấu tạo Bạch Hổ, 2.500 km tuyến ở bể trầm tích Nam Côn Sơn.

Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro họp kỳ VI tại Vũng Tàu (từ ngày 24 đến ngày 26-10-1985).

Ngày 21-12-1985, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng chỉ thị về công tác dầu khí ở Vũng Tàu thời kỳ 1986-1990 và năm 1986.

NĂM 1986

Ở phía Bắc

Ở miền vông Hà Hội, thử vỉa giếng khoan 84, phát hiện 1 vỉa khí mới có giá trị công nghiệp. Khai thác được 42,4 triệu m³ khí.

Ở vịnh Bắc Bộ, tàu Bình Minh khảo sát được 1.055 km tuyến, tàu địa vật lý của Liên Xô khảo sát được 2.017 km tuyến.

Ở phía Nam

Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro đã khoan được 24.197 m khoan, với các giếng số 10, 6 Bạch Hổ, giếng số 2 (MSP-3) đang tiếp tục khoan và tiến hành thử vỉa.

Các giếng khoan số 1, 2, 3, 4, 5 (MSP-1), giếng khoan số 1 (MSP-3) đã đưa vào khai thác.

Sự kiện quan trọng

- Ngày 26-6-1986, tấn dầu thô đầu tiên được khai thác từ mỏ Bạch Hổ. Đến ngày 30-12-1986 khai thác được 40.000 tấn dầu thô.

- Đã xây dựng xong: đường ống dẫn dầu từ MSP-1 đến MSP-3 dài 7.230 m; hai đường ống dẫn dầu từ MSP-1 đến trạm chứa - rót dầu không bến dài 1.623m; trạm chứa - rót dầu không bến; sân bay trực thăng trên tàu Krúm; một số công trình tại khu công nghiệp dầu khí Vũng Tàu.

- Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro họp kỳ VII tại Vũng Tàu (từ ngày 4 đến ngày 5-8-1986).

- Ngày 29-8-1986, Tổng cục Dầu khí báo cáo Chính phủ và đề nghị thay đổi cơ chế xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị.

- Về Khu liên hợp lọc - hóa dầu Thành Tuy Hạ: đã rà phá bom mìn trên mặt bằng nhà máy, khu cảng Nhơn Trạch và trên 2 tuyến đường 25B và 319B.

- Về Xưởng chưng cất dầu thô 20.000 tấn/năm: tiếp tục thu thập số liệu cho thiết kế. Hoàn thành 6 móng bể chứa dầu thô và madút. Đang thi công cầu cảng của bến nhập dầu thô.

- Ngày 15-8-1986, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ra 2 chỉ thị: Chỉ thị số 204-CT về công tác dầu khí ở Vũng Tàu 6 tháng cuối năm 1986; Chỉ thị số 205-CT về việc tăng cường phục vụ đời sống cho cán bộ công nhân viên làm công tác tìm kiếm và khai thác dầu khí ở Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo.

- Tiến hành đàm phán với các công ty dầu khí của Bỉ, Hà Lan về hợp tác tìm kiếm, thăm dò dầu khí. Báo cáo với Chính phủ về phương hướng hợp tác với Ấn Độ trong lĩnh vực dầu khí.

NĂM 1987

Khai thác khí mỏ Tiền Hải được 66,7 triệu m³.

Công tác địa vật lý tiếp tục được tiến hành ở vịnh Bắc Bộ và ở thêm lục địa phía Nam.

Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro đã thực hiện được trên 13 nghìn mét khoan thăm dò, trên 48 nghìn mét khoan khai thác. Đang khoan giếng số 1 của giàn MSP-4. Lắp ráp giàn MSP-6.

Sự kiện quan trọng

- Ngày 11-5-1987, phát hiện dầu có giá trị thương mại trong móng nứt nẻ, phong hoá có tuổi trước Đệ Tam ở tầng móng mỏ Bạch Hổ.

- Khai thác được 280.000 tấn dầu thô.
- Tiếp tục xây dựng một số hạng mục công trình của khu công nghiệp Vũng Tàu (căn cứ địa vật lý, trung tâm dịch vụ khoan, các tiểu khu nhà ở...).
- Đã họp 2 ngày với Đoàn đại biểu Bộ Công nghiệp Khí Liên Xô do Bộ trưởng V.S. Chernomurdin dẫn đầu, thoả thuận đẩy mạnh tiến độ thi công theo kế hoạch 1986-1990.
- Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro họp kỳ thứ IX tại Vũng Tàu (từ ngày 17 đến ngày 18-12-1987).
- Tổng cục Dầu khí đã báo cáo với Chính phủ về sửa đổi Hiệp định Dầu khí Việt - Xô ký ngày 3-7-1980 và 19-6-1981; và kiến nghị trao đổi cấp cao về hai Hiệp định này. Sau đó Tổng cục đã thành lập Tổ công tác nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Hiệp định và Điều lệ về thành lập Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro.
- Về Khu liên hợp lọc - hóa dầu Thành Tuy Hạ: tiếp tục rà phá bom, mìn; làm việc với Technoimport và Bộ Xây dựng... để ký các hợp đồng thiết kế.
- Xưởng chưng cất dầu thô 20.000 tấn/năm: đã hoàn thành các hạng mục công trình, đang chuẩn bị thử từng bộ phận.
- Ngày 26-10-1987, Tổng cục Dầu khí báo cáo với Chính phủ về nhà máy lọc dầu và sử dụng khí đồng hành mỏ Bạch Hổ.
- Đàm phán với Công ty dầu khí Ấn Độ và báo cáo Chính phủ.

NĂM 1988

Nhân sự: Phó Tổng cục trưởng Trương Thiên được bổ nhiệm làm Tổng cục trưởng, ông Nguyễn Hòa được bổ nhiệm Quyền Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế và Ngân sách của Quốc hội.

Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 15-NQ/TW. Tổng cục soạn thảo Chiến lược phát triển ngành Dầu khí đến năm 2010.

Ở phía Bắc

Ở miền vông Hà Nội, hoàn thành giếng khoan khai thác số 88 tại Tiên Hải. Khai thác được 35,16 triệu m³ khí. Khảo sát 856 km tuyến địa chấn biển Bạch Long Vĩ.

Ở phía Nam

Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro làm được 2.058 km tuyến địa chấn, 27.242 m khoan thăm dò, 69.492 m khoan khai thác.

Ngày 18-7-1988, giàn khoan Shelf-VI phát hiện dầu tại cấu tạo Đại Hùng.

Bắt đầu khai thác tầng móng (ngày 6-9-1988). Đã khai thác được 687.587 tấn dầu thô.

Xây dựng xong giàn MSP-6. Đang lắp ráp giàn MSP-7, MSP-8 và giàn công nghệ.

Lắp ráp 3,7 km đường ống dẫn dầu nội bộ mỏ Bạch Hổ.

Tiếp tục xây dựng một số hạng mục công trình ở khu công nghiệp Vũng Tàu.

Hợp Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro kỳ thứ X tại Vũng Tàu (từ ngày 21 đến ngày 22-12-1988).

Khu liên hợp lọc - hóa dầu Thành Tuy Hạ: khảo sát phục vụ thiết kế. Đang xem xét lại hợp đồng thiết kế nhà máy chính, do thiết kế từ năm 1978 có nhiều điểm cần xem xét lại.

Về quan hệ quốc tế: Đã hoàn thành dự thảo sửa đổi Hiệp định Dầu khí Việt - Xô, đã tiến hành hai vòng đàm phán.

Ký ba hợp đồng chia sản phẩm (PSC) với các công ty: ONGC (Ấn Độ), Shell-Fina (Anh - Hà Lan và Bỉ) và Total (Pháp).

Tiếp xúc và đàm phán với các công ty: BP, Enterprise Oil (Anh), CEP (Pháp), SECAB (Thụy Điển), Phần Lan, Canada, Nhật Bản, Mỹ, Ôxtrâyliá...

Về tổ chức: thành lập hai đơn vị trực thuộc Tổng cục là Công ty Petrovietnam I và Petrovietnam II. Nhiều đơn vị cơ sở chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa như Công ty Dịch vụ, Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí.

NĂM 1989

1. Công tác tìm kiếm, thăm dò

- *Khu vực Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro*

Đã tiến hành khoan 6 giếng tìm kiếm, thăm dò với 14.073 m khoan. Đã kết thúc 5 giàn khoan là Đại Hùng-3, Rồng-3, Bạch Hổ-2, Ba Vì-1, Bà Đen-1, đang tiếp tục khoan Sói-1.

Giếng Đại Hùng-3 gặp dầu, 4 giếng khai thác đã có dầu phun.

- Khu vực hợp đồng PSC

Công ty Total khảo sát 4.033 km tuyến địa vật lý. Đang khoan giếng 103TH-1X.

Công ty Shell-Fina khảo sát 12.197 km tuyến địa vật lý.

Công ty BP khảo sát 6.193 km tuyến địa vật lý.

Công ty Enterprise+CEP khảo sát 4.767 km tuyến địa vật lý. Khoan giếng 17ĐĐ-1X, sâu 2.413 m, gặp móng, không phát hiện dầu khí.

Công ty ONGC khảo sát 6.193 km tuyến địa vật lý.

2. Khai thác

Khai thác khí mỏ Tiên Hải được 16,35 triệu m³ khí (do tuốcbin phát điện không hoạt động).

Khai thác dầu thô được 1.517.000 tấn.

3. Xây dựng

- Hoàn thành xây dựng và đưa vào sản xuất MSP-7.

- Đang triển khai xây dựng các giàn: MSP-8, MSP-9, MSP-10 và cụm giàn công nghệ trung tâm.

- Hoàn thành và đưa vào sử dụng 12 công trình (9 công trình công nghiệp và 3 công trình phi sản xuất).

4. Quan hệ quốc tế

- Tiến hành đàm phán để sửa đổi Hiệp định Dầu khí Việt - Xô ký ngày 19-6-1981.

- Ngày 16-2-1989, ký với BP (Anh) lô 117, 118, 119 ở vùng biển miền Trung; với IPL (Hamilton) lô 46 ở vùng biển Tây Nam; ngày 16-4-1989 với Enterprise Oil (Anh) các lô 17, 21; ngày 28-2-1990 với I.P.L lô 115; với Cairn Energy lô 22.

- Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro họp kỳ thứ XI tại Vũng Tàu (từ ngày 20 đến ngày 21-10-1989).

Phụ lục: Phần II-04

LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG (1975-1988)

Lao động	1975	1980	1981	1982	1983	1984	1985	1986	1988
Tổng số	2.669	5.942	4.936	4.916	5.805	5.920	6.519	6.179	10.199 (trong đó Vietsovpetro: 5.571 trong danh sách: 4.441)
Lương bình quân (đồng/tháng)	75,43	79,9		173,3	383,7	370,7	163,94	563,05	987
Lao động sản xuất vật chất	89	202		568	2.026	2.162	2.896	2.762	2.486
Lương bình quân (đồng/tháng)	59	60,9	151	175,12	354,6	430,88	150,13	574,85	1.305
Lao động sản xuất không vật chất	2.480	5.404		4.011	3.486	3.479	3.422	3.162	1.955
Lương bình quân (đồng/tháng)	76	60,9	156,5	173,01	391,5	336,06	173,4	501,97	595
Quản lý nhà nước	100	336		337	293	279	273	255	187
Lương bình quân (đồng/tháng)		92,4	180	194,78	242,5	270,6	190,7	573	618

Chú giải:

1. Các đơn vị sản xuất vật chất, gồm:

- Các Ban Quản lý công trình xây dựng cơ bản
- Liên hiệp Xí nghiệp Xây lắp Dầu khí
- Thương nghiệp cung ứng vật tư
- Công ty Vật tư vận tải
- Các xí nghiệp dịch vụ.

2. Các đơn vị không sản xuất vật chất, gồm:

- Các đơn vị nghiên cứu khoa học
- Công ty Dầu khí I
- Công ty Địa vật lý
- Trung tâm Thông tin
- Ban Chuẩn bị lọc - hóa dầu
- Các trường đào tạo.

Phụ lục: Phần II-05

**MỘT VÀI SỐ LIỆU TỪ CÁC BÁO CÁO
QUYẾT TOÁN (1976-1988)**

Đơn vị: Đồng

Loại vốn	1976	1977	1980	1981	1982
<i>Vốn sự nghiệp thăm dò</i>					
- Tổng vốn được cấp	24.161.661,78	44.145.746,51	38.482.476,00	53.033.286,00	99.888.621,0
- Hạn mức thực rút từ ngân hàng	22.910.790,18	40.344.989,64	34.592.690,81	50.793.966,92	99.134.930,2
- Hạn mức trả lại ngân hàng	1,250.871,60	3.830.756,87	3.889.785,19	2.239.319,08	753.690,8
<i>Vốn chi ngoài giá thành</i>					
- Tổng số được cấp	169.979,57	169.918,16	232.000,00	255.000,00	38.174,98
- Thực chi	160.081,84	163.313,41	217.730,71	216.825,02	321.731,74
- Chuyển cho năm sau	9.897,73	6.604,75	14.269,29	38.174,98	- 283.556,76

NĂM 1985

- Hạn mức kinh phí được cấp: 37.825.000 đồng
- Thực rút: 37.818.519 đồng
- Hoàn trả ngân sách: 6.481 đồng

NĂM 1988:**1. Bộ Tài chính đã cấp trong 10 tháng:**

- Văn phòng Tổng cục:	66.523.600 đồng
- Vốn y tế:	12.882.000 đồng
- Vốn đào tạo:	67.558.000 đồng
- Vốn nghiên cứu khoa học:	110.301.600 đồng
- Vốn sự nghiệp hành chính:	200.000.000 đồng
- Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro	11.000.000.000 đồng
- Xây dựng cơ bản:	9.000.000.000 đồng

2. Thu nộp ngân sách (9 tháng): 741.000.000 đồng

MỘT SỐ NHẬN ĐỊNH VỀ CÁC MÔ HÌNH NGÀNH DẦU KHÍ ĐÃ KINH QUA

Tổ chức là một chức năng quan trọng của quản lý nhà nước về kinh tế. Nhận thức được vấn đề này, từ khi thành lập đến nay, ngành Dầu khí Việt Nam đã không ngừng sắp xếp, đổi mới, hoàn thiện tổ chức quản lý cho phù hợp nhiệm vụ, với Chiến lược phát triển trong từng giai đoạn cụ thể.

Các mô hình tổ chức quản lý chính mà ngành Dầu khí Việt Nam đã trải qua đến nay là:

1. Mô hình Tổng cục trực thuộc Chính phủ

Ngày 3-9-1975, Tổng cục Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam (Tổng cục Dầu khí Việt Nam) được thành lập theo Quyết định số 170/CP của Hội đồng Chính phủ. Khi đó, Tổng cục Dầu khí Việt Nam là cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, được tổ chức, hoạt động như một cơ quan ngang bộ và là một cơ quan quản lý nhà nước với nhiệm vụ “thực hiện quản lý nhà nước về toàn bộ tài nguyên dầu mỏ và khí đốt trong cả nước, kể cả trên đất liền và ngoài biển; tổ chức việc tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến dầu mỏ trong và ngoài nước...”

Việc thành lập Tổng cục Dầu khí Việt Nam được xem là một trong những sự kiện lớn của đất nước về mặt lịch sử, chính trị, kinh tế, đánh dấu sự ra đời của ngành Dầu khí Việt Nam ngày nay. Kể từ đây, ngành Dầu khí Việt Nam ngày càng phát triển, đóng góp tích cực vào việc thay đổi hình ảnh về một Việt Nam còn rất khó khăn sau chiến tranh. Cơ cấu của Tổng cục Dầu khí Việt Nam khi đó, Tổng cục trưởng Tổng cục Dầu khí quyết định mọi việc trong phạm vi Tổng cục và phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về kết quả công việc của người dưới quyền. Do quyền lực được thực hiện một cách tập trung nên trong vận hành bộ máy tổ chức chỉ chú ý đến các mối quan hệ theo chiều dọc từ cấp trên xuống cấp dưới. Mối quan hệ ngược lại từ cấp dưới đến cấp trên cũng như mối quan hệ ngang giữa các bộ phận thường bị lãng quên. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng sơ cứng và quan liêu - một căn bệnh phổ biến của các tổ chức trong cơ chế cũ. Hơn nữa, do vừa là một cơ quan quản lý nhà nước và vừa là một doanh nghiệp trực tiếp sản

xuất kinh doanh nên hoạt động của Tổng cục Dầu khí Việt Nam còn nhiều chông chéo, dẫn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa cao.

2. Mô hình Tổng công ty nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp nặng

Ngày 6-7-1990, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) đã ban hành Quyết định số 250-HĐBT về việc thành lập Tổng công ty Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam trên cơ sở hợp nhất các tổ chức làm công tác dầu khí thuộc Tổng cục Dầu khí (cũ), Công ty Xuất nhập khẩu dầu khí (Petechim), Tổng công ty Xăng dầu và Công ty Dầu hỏa thuộc Bộ Thương nghiệp. Tổng công ty Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam là tổ chức sản xuất kinh doanh, có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế, được sử dụng con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng, có trụ sở tại Hà Nội và có chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể và quy chế hoạt động của Tổng công ty và của các đơn vị thành viên được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty do Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng ban hành. Trong giai đoạn này, Tổng công ty chịu sự quản lý nhà nước trực tiếp của Bộ Công nghiệp nặng.

Với sự thành lập Tổng công ty Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam, chức năng về quản lý nhà nước và chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh đã được tách bạch. Sự hợp nhất các đơn vị sản xuất kinh doanh xăng dầu đã tập trung các nguồn lực, giúp Nhà nước có toàn quyền kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu. Cơ cấu tổ chức quản lý theo mô hình này tương đối phù hợp trong giai đoạn đầu thành lập và trong điều kiện nền kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp. Tuy nhiên, do đặc thù của ngành Dầu khí, đầu tư lớn, rủi ro nhiều vì vậy đa số các hoạt động của ngành Dầu khí đều phải trình Chính phủ, thậm chí Bộ Chính trị mới quyết được cho nên việc đặt Tổng công ty Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam dưới sự quản lý trực tiếp của Bộ Công nghiệp vô hình trung lại tạo thêm một khâu trung gian, làm kìm hãm sự phát triển của ngành Dầu khí.

3. Mô hình Tổng công ty nhà nước trực thuộc Chính phủ

Ngày 14-2-1992, Tổng công ty Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam được đặt trực thuộc Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng bằng Quyết định số 125/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng. Đặc biệt, ngày 4-2-1993, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 09/CP đặt lại tên là Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (tên giao dịch quốc tế là PETROVIETNAM). Tổng công ty Dầu khí Việt Nam trực thuộc Chính phủ, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ tướng Chính phủ, chịu sự quản lý nhà nước của các

bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan khác của Chính phủ về những nội dung thuộc chức năng quản lý nhà nước của các bộ và cơ quan đó.

Với nhiệm vụ được giao, Tổng công ty Dầu khí Việt Nam thực sự hoạt động theo cơ chế không có bộ chủ quản và chịu sự quản lý nhà nước của các bộ, ngành theo chức năng kể cả lĩnh vực thương mại. Với cơ chế này, Tổng công ty Dầu khí Việt Nam đã hoạt động thuận lợi, phù hợp với đặc thù của ngành Dầu khí, giảm được nhiều thủ tục hành chính của cấp trung gian, đáp ứng kịp thời yêu cầu sản xuất kinh doanh dầu khí, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh ngày một tăng, đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước.

Tuy nhiên, để tạo điều kiện tích tụ và tập trung vốn, nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp nhà nước, đồng thời thực hiện chủ trương xoá bỏ dần chế độ bộ và các cơ quan hành chính chủ quản, sự phân biệt doanh nghiệp trung ương, doanh nghiệp địa phương; mặt khác để tăng cường vai trò quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, nâng cao hiệu quả của nền kinh tế, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 91/TTg về việc thành lập các tổng công ty lớn và thí điểm thành lập các tổng công ty theo mô hình tập đoàn kinh doanh ở một số ngành kinh tế - kỹ thuật.

Có thể nói, việc nghiên cứu và áp dụng một mô hình tổ chức quản lý cho các doanh nghiệp lớn của Nhà nước (các tổng công ty nhà nước được thành lập theo Quyết định số 91/TTg ngày 7-3-1994 của Thủ tướng Chính phủ - gọi tắt là Tổng công ty 91) là vô cùng quan trọng và bức thiết. Tính quan trọng và bức thiết thể hiện ở vai trò của các tổng công ty nhà nước trong nền kinh tế quốc dân phát triển theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

4. Mô hình Tổng công ty 91

Ngày 29-5-1995, Tổng công ty Dầu khí Việt Nam được thành lập lại theo Quyết định số 330/TTg của Thủ tướng Chính phủ theo mô hình Tổng công ty 91 và hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động được phê duyệt tại Nghị định số 38/CP ngày 30-5-1995. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Dầu khí Việt Nam đã xác định về chức năng quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và mối quan hệ của các cơ quan trên đối với Tổng công ty Dầu khí Việt Nam. Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty gồm: Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc, các đơn vị thành viên Tổng công ty.

Tổng công ty Dầu khí Việt Nam là một doanh nghiệp nhà nước đặc biệt, hoạt động trong ngành kinh tế mũi nhọn của nền kinh tế quốc dân. Hàng năm, Tổng công ty Dầu khí Việt Nam đã có đóng góp đáng kể vào ngân sách nhà nước (khoảng 25%) và đã từng là cứu cánh cho nền kinh tế quốc dân thoát khỏi khủng hoảng kinh tế trong những năm đầu của công cuộc đổi mới.

Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty đã có điểm khác biệt căn bản với mô hình tổ chức quản lý so với giai đoạn trước là quản lý theo mô hình Hội đồng Quản trị. Đây là một trong những giải pháp cải cách quản lý doanh nghiệp nhà nước theo hướng tách quyền sở hữu và quyền quản lý sử dụng tài sản của Nhà nước, xóa bỏ dần chế độ bộ và các cấp hành chính chủ quản, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

Với mô hình tổ chức theo xu hướng này, Hội đồng Quản trị là cơ quan thay mặt Nhà nước có quyền quyết định cao nhất trong doanh nghiệp nhà nước, có nhiệm vụ ra quyết định về những vấn đề chiến lược, có ý nghĩa quan trọng liên quan đến định hướng chính sách phát triển, các dự án đầu tư lớn của doanh nghiệp. Tổng Giám đốc là người được giao toàn quyền điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của doanh nghiệp, cùng ký nhận vốn và tài sản Nhà nước giao, chịu trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn và chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng Quản trị về việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Điều này buộc Tổng Giám đốc khi ra các quyết định phải coi trọng lợi ích của Nhà nước. Sự phân định rõ ràng và rành mạch chức trách giữa Hội đồng Quản trị và Giám đốc điều hành giúp cho việc ra quyết sách một cách đúng đắn, tăng cường quản lý doanh nghiệp. Đồng thời, mô hình Hội đồng Quản trị cho phép bảo đảm thực hiện quyền sở hữu của Nhà nước đối với doanh nghiệp và quyền tự chủ của doanh nghiệp trong hoạt động điều hành, tạo điều kiện để Nhà nước có thể giám sát một cách trực tiếp hoạt động của doanh nghiệp tránh được tình trạng quan liêu như trước đây.

Quản lý theo mô hình Hội đồng Quản trị chính là một bước trong tiến trình thực hiện cải cách quản lý các doanh nghiệp nhà nước, giảm bớt chức năng chủ quản của các bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương, tiến tới thực hiện chức năng là đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại Tổng công ty theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

Tuy nhiên, sau hơn mười năm hoạt động theo mô hình Tổng công ty 91, các tổng công ty nói chung và Tổng công ty Dầu khí Việt Nam đã bộc lộ những nhược

điểm trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đây không chỉ là bất cập thuộc về mô hình, mà còn là sự khiếm khuyết cơ bản của quá trình hình thành và tổ chức bộ máy quản lý hoạt động của các tổng công ty. Một loạt các tổng công ty được thành lập trên cơ sở gom các doanh nghiệp cùng ngành nghề, cùng chức năng trên địa phương lại thành một tổng công ty. Điều này chỉ phù hợp với cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, không phù hợp với yêu cầu của đổi mới. Tại Tổng công ty Dầu khí Việt Nam, Tổng Giám đốc được xác định là đại diện pháp nhân của Tổng công ty nhưng Hội đồng Quản trị chưa được quy định là đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty nên Hội đồng Quản trị chưa có thực quyền. Các đơn vị thành viên, kể cả đơn vị thành viên hạch toán độc lập là doanh nghiệp nhà nước, cũng chưa hoàn toàn là các thực thể kinh tế độc lập, vẫn lệ thuộc vào mệnh lệnh hành chính của cơ quan Tổng công ty Dầu khí Việt Nam, phần vốn Nhà nước mà Tổng công ty Dầu khí Việt Nam được nhận và giao cho các đơn vị thành viên vẫn được khẳng định về danh nghĩa và trên thực tế là sở hữu nhà nước, chưa phải vốn của Tổng công ty. Các thành viên vẫn mạnh ai nấy làm, thậm chí cạnh tranh lẫn nhau trên thương trường. Vì vậy, về pháp lý, Tổng công ty Dầu khí Việt Nam không có công cụ để chi phối các doanh nghiệp thành viên, đồng thời không phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Nhà nước về kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thành viên. Ngoài ra, mô hình này còn có các tồn tại như chế độ chịu trách nhiệm tập thể của Hội đồng Quản trị, sự trùng lặp, chồng chéo về chức năng quản lý nhà nước giữa các bộ, ngành và Hội đồng Quản trị, Tổng công ty được thừa nhận là một doanh nghiệp nhà nước nhưng cơ chế tài chính đối với Tổng công ty lại làm cho Tổng công ty chưa thực sự là một doanh nghiệp, vẫn phải xin phê duyệt ngân sách, thủ tục mất thời gian và phức tạp...

Thực tế cho thấy sẽ là không phù hợp với yêu cầu của công cuộc đổi mới nếu không có những nghiên cứu và đổi mới về tổ chức quản lý. Một trong những định hướng đổi mới của Chính phủ là việc nghiên cứu thí điểm thành lập các tập đoàn kinh tế mạnh từ các Tổng công ty 91: như Dầu khí, Bưu chính - Viễn thông, Hàng không, Xây dựng...

Bên cạnh đó, trong bối cảnh xu thế toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế và đối phó với thách thức của cạnh tranh quốc tế, hình thành tập đoàn kinh tế là biện pháp hữu hiệu để nhanh chóng khắc phục những tồn tại của tổng công ty về cơ chế tài chính, về cơ cấu tổ chức để nâng cao tính chủ động, nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh đáp ứng kịp thời với những đòi hỏi của nền kinh tế thị trường.

5. Mô hình tập đoàn nhà nước

Ngày 29-8-2006, bằng các Quyết định số 198/2006/QĐ-TTg, 199/2006/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án hình thành Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Triển khai Đề án hình thành Tập đoàn Dầu khí mà điểm cốt lõi của nó là việc chuyển đổi tổ chức và hoạt động theo hình thức công ty mẹ, công ty con, đến nay, ngoài Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã được thành lập và kiện toàn, các doanh nghiệp hạch toán độc lập, phụ thuộc đã được cổ phần hóa, chuyển đổi thành các công ty con của Tập đoàn, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Các đơn vị nghiên cứu khoa học công nghệ đã được hợp nhất lại thành một viện nghiên cứu thống nhất. Cùng với việc thành lập và tổ chức lại các đơn vị hiện có mà công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ thành một số tổng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, các doanh nghiệp sau cổ phần hóa có quy mô lớn cũng được tổ chức lại thành các tổng công ty cổ phần hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Một số công ty con được thành lập ở những lĩnh vực mà Tập đoàn có lợi thế cạnh tranh, sau một thời gian hoạt động cũng được sắp xếp lại thành các đơn vị thành viên của các tổng công ty. Tập đoàn cũng đã tiếp nhận các doanh nghiệp ngoài Tập đoàn và cơ cấu lại thành công ty con của Tập đoàn/các tổng công ty.

Mô hình Tập đoàn đã khắc phục được những tồn tại của mô hình tổ chức quản lý trước đây, đó là:

- Chuyển từ liên kết theo kiểu hành chính sang liên kết bằng cơ chế đầu tư tài chính: Công ty mẹ chỉ thực hiện chức năng chủ sở hữu vốn đối với công ty, không can thiệp vào các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bằng các mệnh lệnh hành chính.

- Quản trị doanh nghiệp theo phương thức quản trị mới thể hiện ở việc áp dụng các quy định của Luật Doanh nghiệp trong quản trị doanh nghiệp (quyết định mục tiêu, chiến lược phát triển, bổ nhiệm cán bộ quản lý chủ chốt, quyết định các dự án đầu tư, phát triển, phân phối lợi nhuận,...) nhằm nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, tạo điều kiện tối đa cho các doanh nghiệp con tăng cường tính cạnh tranh của doanh nghiệp, nâng cao khả năng thích ứng với tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Chủ sở hữu chỉ quyết định các vấn đề lớn như quyết định mục tiêu, chiến lược phát triển..., tăng cường

công tác kiểm tra giám sát đồng thời tôn trọng quyền tự chủ kinh doanh hợp pháp của doanh nghiệp, xoá bỏ những quy định “xin - cho”... bất hợp lý, gây phiền hà cho doanh nghiệp.

- Kinh doanh đa ngành theo hướng lấy công nghiệp dầu khí làm nòng cốt, phát triển kinh doanh sang các lĩnh vực tài chính, thương mại, bảo hiểm... có sự tham gia rộng rãi của các thành phần kinh tế trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

- Việc hình thành các đơn vị thành viên là các tổng công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con đã phát huy thế mạnh của ngành Dầu khí, đồng thời giúp Nhà nước hoàn toàn bảo đảm chi phối trong ngành, lĩnh vực kinh doanh chính của Tập đoàn Dầu khí.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, cơ cấu tổ chức quản lý theo mô hình tập đoàn kinh tế cũng đang bộc lộ những hạn chế, cần phải chỉnh sửa hoàn thiện trong thời gian tới:

- Hiện nay công ty mẹ đang hoạt động theo mô hình là Công ty dầu khí quốc gia, thay mặt Nhà nước quản lý các hoạt động dầu khí, đầu tư tài chính vào các công ty thành viên, thực hiện việc điều tiết các hoạt động sản xuất kinh doanh ở các đơn vị thông qua người đại diện phần vốn. Các hoạt động sản xuất kinh doanh được giao cho các công ty thành viên trực tiếp thực hiện. Đây là mô hình lựa chọn phù hợp cho giai đoạn đầu khi mới hình thành và với đặc thù của ngành Dầu khí. Tuy nhiên, về lâu dài công ty mẹ cần tổ chức lại công ty mẹ theo hướng có các hoạt động sản xuất kinh doanh trực tiếp trong lĩnh vực chủ chốt của ngành như khai thác, chế biến dầu khí.

- Đối với các công ty con được tổ chức dưới dạng Tổng công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con nhiều công ty cũng lựa chọn mô hình công ty mẹ chỉ đơn thuần là đầu tư tài chính, không có các hoạt động sản xuất kinh doanh trực tiếp do đó đã thể hiện những bất cập về vai trò của công ty mẹ với các công ty con, đặc biệt khi các công ty con là những công ty mới thành lập còn đang trong giai đoạn đầu tư, chưa có doanh thu cũng như lợi nhuận để nộp về công ty mẹ. Với những bất cập đó, một số công ty đã phải nghiên cứu, xem xét việc chuyển đổi để công ty mẹ nắm giữ lại một số hoạt động sản xuất kinh doanh trực tiếp như Tổng công ty Điện lực dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Thương mại dầu khí (phương án tổ chức lại khi hợp nhất với Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm dầu thành Tổng công ty Dầu Việt Nam).

- Việc đầu tư của các đơn vị thành viên:

Do phần lớn các đơn vị thành viên là các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nên nhiều doanh nghiệp cũng thông qua Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng Thành viên lựa chọn cho mình mô hình kinh doanh đa ngành. Việc kinh doanh đa ngành của nhiều đơn vị thành viên đã không tránh khỏi có sự trùng lặp chức năng nhiệm vụ, ngành nghề kinh doanh mà trong cùng mục nhất định có cạnh tranh nội bộ với nhau dẫn tới việc Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phải dùng quyền chi phối của mình để thông qua người đại diện tại các đơn vị bố trí, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhằm tránh các tổn tại nêu trên. Thực tế là do không có quy định nào của pháp luật ngăn cấm nên đã bắt đầu có việc các công ty con đầu tư ngược lại công ty mẹ dẫn đến quan hệ đầu tư chồng chéo, mẹ con lẫn lộn và kết quả là một số công ty con phải gánh chịu cho công ty mẹ những khoản đầu tư không hiệu quả, nguy cơ phá sản của các công ty con là tiềm tàng.

Tập đoàn kinh tế nhà nước là một mô hình quản lý mới, mà trong thời gian qua đã được bàn luận nhiều cả ở các kỳ họp của Quốc hội và trên các phương tiện thông tin đại chúng. Mặc dù thời gian còn ngắn, nhưng Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đã phát huy hiệu quả, vị thế và tiềm lực của mình, tạo nên những thành tích, đóng góp to lớn vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, được Đảng và Nhà nước đánh giá cao và tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý như danh hiệu tập thể Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới, Huân chương Sao Vàng - phần thưởng cao quý nhất của Nhà nước ta.

Trong thời gian tới, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam sẽ tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý điều hành để hoạt động ngày càng hiệu quả hơn, đồng thời kiến nghị các cơ quan quản lý nhà nước sớm hoàn thiện khung pháp lý bảo đảm cho sự hoạt động hiệu quả của các tập đoàn kinh tế nhà nước.

Phụ lục: Phần V-01

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ
VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2733/BC-DKVN

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2010

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện công tác an sinh xã hội
từ năm 2006 đến năm 2010**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Trong những năm qua, cùng với việc đẩy mạnh và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác an sinh xã hội luôn luôn được tập thể lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam quan tâm và coi đó là nhiệm vụ chính trị quan trọng, là trách nhiệm của Tập đoàn đối với cộng đồng, với xã hội.

Hưởng ứng cuộc vận động “*Ngày vì người nghèo*” của Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động từ năm 2006 đến năm 2010 Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đã tài trợ hơn **1.902 tỷ đồng** (Một nghìn chín trăm linh hai tỷ đồng) để hỗ trợ xây dựng nhà Đại đoàn kết, trường học, bệnh viện, cơ sở y tế và hỗ trợ các hộ nghèo trong cả nước đồng thời tham gia các chương trình đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, chương trình biển đảo... (Phụ lục 1). Cụ thể như sau:

- Nhà Đại đoàn kết: Đã hỗ trợ xây dựng được **38.023 căn nhà**, với tổng số tiền tài trợ của các đơn vị thuộc Tập đoàn là hơn **286,703 tỷ đồng**.

- Các công trình giáo dục, trường học: **69 trường học**, với tổng số tiền tài trợ hơn **280,8 tỷ đồng**.

- Bệnh viện/trạm y tế: số trạm y tế, bệnh viện được xây dựng **15 cơ sở** với tổng số tiền tài trợ hơn **56,3 tỷ đồng**.

- Chương trình đền ơn đáp nghĩa, cứu trợ, thiên tai, từ thiện xã hội, tổng số tiền tài trợ hơn **660,2 tỷ đồng**.

- Chương trình biển đảo: Tổng số tiền hỗ trợ **618,4 tỷ đồng**.

Trong đó, tài trợ để thực hiện chương trình chiếu sáng và năng lượng sạch tại quần đảo Trường Sa trong năm 2008 và năm 2009 là 438,4 tỷ đồng; kế hoạch năm 2010 để sửa chữa, nâng cấp giàn DK là 180 tỷ đồng.

Chương trình “An sinh xã hội” của Tập đoàn thực hiện đều được thống nhất trong Đảng uỷ/Hội đồng Thành viên Tập đoàn và trở thành một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm song trùng với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Kinh phí dành cho các chương trình “An sinh xã hội” của Tập đoàn và các đơn vị thành viên được hình thành từ các nguồn chủ yếu:

- Nguồn thu từ đóng góp tự nguyện của cán bộ công nhân viên trong toàn Tập đoàn: Hàng năm, Tập đoàn tổ chức vận động cán bộ công nhân viên làm việc thêm 5 ngày vào các ngày nghỉ nên tổng số kinh phí thu được từ tiền lương đóng góp của cán bộ công nhân viên là 10 ngày lương/năm để ủng hộ các hoạt động “An sinh xã hội” của Tập đoàn. Kinh phí thu được được phân bổ để ủng hộ từ thiện, cứu trợ thiên tai và hỗ trợ khó khăn đối với cán bộ công nhân viên trong ngành, (kể cả cán bộ công nhân viên đã nghỉ hưu). Ngoài những đóng góp thường xuyên, khi đột xuất có biến cố như thiên tai, bão lụt... cần có sự giúp đỡ, cán bộ công nhân viên Dầu khí còn có những đợt quyên góp tiền, lương thực, quần áo để kịp thời hỗ trợ.

Các nguồn từ quỹ của tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội: Đảng uỷ Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Công đoàn Dầu khí Việt Nam, của Đoàn Thanh niên Tập đoàn, Hội Cựu chiến binh Tập đoàn...

- Nguồn trích từ lợi nhuận trước thuế của các đơn vị (theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp - Luật số 14/2008/QH12 ngày 12-6-2008, các khoản chi bao gồm: tài trợ cho giáo dục, y tế, khắc phục hậu quả thiên tai, xây nhà tình nghĩa, đền ơn, đáp nghĩa là các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập doanh nghiệp).

- Nguồn trích từ phúc lợi hàng năm của Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

- Nguồn kinh phí do các nhà thầu dầu khí đóng góp.

Những hoạt động từ thiện xã hội, xoá đói, giảm nghèo của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong những năm qua đã mang lại những kết quả tích cực. Các chương trình an sinh xã hội đã đem lại mái ấm tình thương (ngôi nhà Đại đoàn kết) cho đồng bào trên mọi miền đất nước; nhân dân tại các vùng bị ảnh hưởng của thiên tai đã nhận được sự động viên, cứu trợ kịp thời; những hoạt động đền ơn, đáp nghĩa của Tập đoàn đã góp phần xoa dịu nỗi đau và mất mát của chiến tranh, tôn vinh những biểu tượng của sự hy sinh và tinh thần anh dũng của các chiến sĩ cách mạng đã ngã xuống vì sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

1. Công tác an sinh xã hội từ năm 2006 đến năm 2009

Trong giai đoạn 2006-2009, tổng kinh phí dành cho các chương trình “An sinh xã hội” của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã đạt **1.186 tỷ đồng**. Những hoạt động từ thiện xã hội, xoá đói giảm nghèo, những hoạt động đền ơn đáp nghĩa của Tập đoàn trong giai đoạn này tập trung vào các lĩnh vực:

- Xây dựng nhà Đại đoàn kết: Tập đoàn Dầu khí đã hỗ trợ kinh phí xây dựng hơn 23.700 căn nhà Đại đoàn kết với tổng kinh phí là 186,5 tỷ đồng.
- Xây dựng trường học, hỗ trợ giáo dục: tổng số 40 trường học với tổng kinh phí 147,5 tỷ đồng.
- Xây dựng các cơ sở y tế, hỗ trợ chăm sóc sức khỏe là 31,4 tỷ đồng.
- Các hoạt động cứu trợ thiên tai, từ thiện xã hội, đền ơn đáp nghĩa và phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh hùng là 382 tỷ đồng.
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thực hiện việc cấp vốn cho dự án thuộc chương trình biển đảo trong thời gian 2006-2009 là 438,4 tỷ đồng.

2. Công tác an sinh xã hội năm 2010

Ngày 31-12-2009, trong chương trình “Nối vòng tay lớn” do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với Đài Truyền hình tổ chức để vận động ủng hộ người nghèo trong cả nước, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cùng các đơn vị thành viên và tập thể cán bộ công nhân viên cam kết tích cực đẩy mạnh việc thực hiện các chương trình “An sinh xã hội”.

Kế hoạch chương trình “An sinh xã hội” năm 2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã cam kết là **500 tỷ đồng** hiện đang được Tập đoàn cùng các đơn vị thành viên tích cực triển khai thực hiện.

Đến nay, số tiền Tập đoàn đã hỗ trợ cho các dự án/chương trình an sinh xã hội cho các địa phương trong cả nước đã lên hơn **716,678 tỷ đồng**. Số kinh phí này được tập trung vào các công trình/chương trình theo 5 nội dung chính. Đó là:

- Xây dựng nhà Đại đoàn kết:

Theo tinh thần Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27-12-2008 của Chính phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo trong cả nước.

✓ Kế hoạch hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa (đại đoàn kết) năm 2010 là **12.000 căn nhà** với mức kinh phí là **100 tỷ đồng**.

✓ Thực tế đã thực hiện xây dựng **14.292 căn nhà** với mức kinh phí là **100,246 tỷ đồng**.

Đến nay, các đơn vị đã chuyển đủ tiền cho Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để thực hiện chương trình này. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã chỉ đạo và yêu cầu Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc các địa phương khẩn trương thực hiện theo kế hoạch.

- Xây dựng trường học, hỗ trợ giáo dục:

✓ Kế hoạch hỗ trợ của Tập đoàn cho chương trình này năm 2010 là **27 trường học** và hạng mục với kinh phí **130 tỷ đồng**.

✓ Thực tế đã thực hiện **29 trường học** với kinh phí lên đến **133.312 tỷ đồng**.

Đến nay, 19 trường học đã được đưa vào sử dụng, thầy cô giáo và học sinh ở các địa phương có hoàn cảnh khó khăn, con em của những vùng đất anh hùng đã được học tập trong những ngôi trường mới.

- Xây dựng các cơ sở y tế, hỗ trợ chăm sóc sức khỏe:

Kế hoạch kinh phí hỗ trợ cho công trình y tế và chăm sóc sức khỏe năm 2010 là **25 tỷ đồng**. Trong 10 tháng đầu năm 2010 Tập đoàn và các đơn vị thành viên đã thực hiện được 16,81 tỷ đồng.

- Các hoạt động từ thiện xã hội, các quỹ, công tác đền ơn đáp nghĩa và phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh hùng: kế hoạch **45 tỷ đồng**, thực tế đã ủng hộ lên đến **55,177 tỷ đồng**.

- Các hoạt động cứu trợ thiên tai: trong chương trình an sinh xã hội năm 2010, kinh phí hỗ trợ khắc phục thiên tai là **20 tỷ đồng**.

Trong đợt bão lũ ở miền Trung (tháng 10-2010), Tập đoàn và các đơn vị thành viên cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã kịp thời hỗ trợ cho các tỉnh Thừa Thiên - Huế, Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh với tổng kinh phí là 7,913 tỷ đồng và đang tiếp tục kêu gọi cán bộ công nhân viên ngành Dầu khí tiếp tục đóng góp ủng hộ.

- *Các công trình biển đảo*: Kế hoạch năm 2010 là 180 tỷ đồng, hiện nay Tập đoàn đang tiếp tục phối hợp với Bộ Quốc phòng tiếp tục triển khai.

Ngoài những đóng góp thường xuyên cho các chương trình an sinh, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam còn tài trợ xây dựng những công trình văn hóa cho các địa phương. Đặc biệt trong dịp Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, cán bộ công nhân viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ủng hộ và xây tặng Thành phố Hà Nội công trình **Rạp Kim Đồng** với tổng kinh phí lên đến **196 tỷ đồng**. Việc đầu tư xây dựng và hoàn thành công trình Rạp Kim Đồng đúng vào dịp cả dân tộc Việt Nam đón mừng Đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội là món quà thiết thực, ý nghĩa mà tập thể những người lao động Dầu khí Việt Nam trao tặng cho nhân dân Thủ đô.

Việc hỗ trợ hoạt động đền ơn đáp nghĩa được Tập đoàn hết sức chú trọng thông qua việc nhận phụng dưỡng suốt đời gần 300 Mẹ Việt Nam Anh hùng, hỗ trợ kinh phí khắc phục hậu quả chất độc màu da cam, hỗ trợ các trung tâm thương bệnh binh, hỗ trợ cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh khó khăn, xây nhà, cấp sổ tiết kiệm theo chương trình “Màu hoa đỏ” do Tạp chí *Cộng sản* phát động, Tài trợ chương trình “Thăng Long - Hồn thiêng sông núi” do Hội Cựu chiến binh tổ chức để đón 1.000 Anh hùng và Mẹ Việt Nam Anh hùng về dự Đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, hỗ trợ kinh phí xây dựng các tượng đài, nhà lưu niệm, tu bổ nghĩa trang liệt sĩ,...

Đối với cán bộ công nhân viên Dầu khí (kể cả cán bộ đã nghỉ hưu) Tập đoàn đã thành lập “Quỹ tương trợ Dầu khí” mang ý nghĩa xã hội, tương thân tương ái giúp đỡ lẫn nhau giữa cán bộ công nhân viên Dầu khí trong Tập đoàn để trợ giúp khi cán bộ công nhân viên Dầu khí gặp hoàn cảnh khó khăn, ốm đau bệnh tật, hỗ trợ xây dựng nhà “Nghĩa tình Dầu khí” cho cán bộ công nhân viên Dầu khí đã về hưu gặp khó khăn. Trong các dịp lễ Tết, Tập đoàn, Công đoàn Dầu khí đã hỗ trợ tặng quà cho cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn; tổ chức tết cho cán bộ công nhân viên đang làm việc tại các công trình trọng điểm của ngành Dầu khí trong các ngày tết.

Công tác “An sinh xã hội” của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong thời gian qua đều được triển khai tích cực, việc giải ngân thực hiện kịp thời đáp ứng tiến độ của các dự án/công trình bảo đảm theo chương trình, kế hoạch đã cam kết. Trong quá trình thực hiện các chương trình dự án/công trình an sinh xã hội đều được quản lý, giám sát và kiểm tra thường xuyên, công tác giải ngân được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ theo đúng quy định của Nhà nước, của Tập đoàn bảo đảm việc hỗ trợ đúng đối tượng đem lại hiệu quả thiết thực góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên khắp các vùng, miền trong cả nước.

Công tác an sinh xã hội là một trong những nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, đây cũng là một yêu cầu bức thiết của quá trình phát triển nhanh và bền vững của toàn xã hội. Với quyết tâm cao của Đảng ủy, Hội đồng Thành viên, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cùng toàn thể cán bộ công nhân viên trong toàn Tập đoàn cam kết sẽ tiếp tục phát huy và thực hiện tốt hơn nữa các chương trình An sinh xã hội của đất nước.

Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam kính báo cáo và mong nhận được ý kiến chỉ đạo của Đồng chí về công tác này.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Ban Bí thư TW Đảng;
- Ủy ban Mặt trận TQVN;
- VP Tổng Bí thư;
- Các Phó Thủ tướng CP;
- Các ban Đảng: UBKTTW, Ban TCTW, Ban TGTW;
- VP Trung ương Đảng; để báo cáo
- VP Quốc hội; VP Chính phủ;
- ĐUKDNTW; Tổng LĐLĐVN;
- Các Bộ: KHĐT, TC, CT, LĐTĐBXH;
- HĐTV, Ban TGD (e-copy);
- CDDKVN (e-copy);
- Lưu: VT (VP) TCNS (Nh 22).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Lê Minh Hồng

BẢNG TỔNG HỢP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH “AN SINH XÃ HỘI” TỪ NĂM 2006 ĐẾN NĂM 2010

(kèm theo Báo cáo số 2733/BC-DKVN ngày 18 tháng 10 năm 2010)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Năm	Xây dựng nhà tình nghĩa (nhà đại đoàn kết)		Giáo dục		Y tế		Đền ơn đáp nghĩa, cứu trợ thiên tai, từ thiện xã hội khác	Chương trình biển đảo	Cộng tiền
		Số lượng	Số tiền	Số trường	Số tiền	Số bệnh viện và trạm y tế	Số tiền			
1	2006	32	486.812	2	6.511.950	1.627.989	8.591.727	17.218.478		
2	2007	257	3.088.192	5	27.607.254	1	34.547.056	70.876.733		
3	2008	4.812	48.774.256	8	21.527.900	3	40.156.235	156.895.000	38.400.000	
4	2009	18.630	134.108.000	25	91.843.000	6	298.869.000	940.912.000	400.000.000	
5	2010 (Dự kiến)	14.292	100.246.000	29	133.312.000	5	278.120.000	716.678.000	180.000.000	
	Tổng cộng (2006-2010)	38.023	286.703.260	69	280.802.104	15	660.284.018	1.902.580.211	618.400.000	

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A.E. Dovjicov: *Địa chất miền Bắc Việt Nam*, 1962. Lưu trữ Viện Dầu khí Việt Nam.
2. Công báo Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, năm 1960, số 32.
3. Công ty Xăng dầu khu vực I: *50 năm xây dựng và phát triển (1956-2006)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
4. Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam: *Thư mục Địa chất*, Hà Nội, 1998.
5. Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam: *Địa chất Việt Nam - 60 năm xây dựng và phát triển*, Hà Nội, 2005.
6. Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam: *Địa chất và tài nguyên Việt Nam*, Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 2009.
7. Daniel Yergin: *Dầu mỏ, tiền bạc và quyền lực*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
8. Dương Kinh Quốc: *Việt Nam những sự kiện lịch sử 1858-1918*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999.
9. Dương Trung Quốc: *Việt Nam những sự kiện lịch sử 1919-1945*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, VI, VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1982, 1987, 1992.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, IX, X, XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, 2001, 2006, 2011.
12. Đặng Duy Phúc: *Việt Nam biên niên sử*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 2009.
13. Đặng Phong: *5 đường mòn Hồ Chí Minh*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2008.
14. Đặng Phong: *Tư duy kinh tế Việt Nam 1975-1989*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2009.
15. Lê Mậu Hãn chủ biên: *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2008, t. III.
16. Nhiều tác giả, Tạ Duy Anh chủ biên: *Những người đi tìm lửa*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2006, 2007, 2009, t. I, II và III.
17. *50 năm Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam (1956-2006)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

18. Petrovietnam - Những chặng đường phát triển, Nhà in Công ty TNHH SXCN&TMDV Linh Sơn, Hà Nội, 2009.
19. S.K. Kitovani và nnk: *Triển vọng dầu khí nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa 1959-1961*, Lưu trữ Viện Dầu khí Việt Nam.
20. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chủ biên Nguyễn Hiệp): *Địa chất và tài nguyên dầu khí Việt Nam*, Nxb. Khoa học kỹ thuật, Hà Nội, 2007.
21. Trần Văn Khởi: *Dầu hỏa Việt Nam 1970-1975, Những ngày còn nhớ...*, Nhà in LIVIKO, Houston, 2002.
22. Trần Xanh: *Một thời là lính xăng dầu*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2008.
23. Trương Hữu Quỳnh chủ biên: *Đại cương Lịch sử Việt Nam (3 tập)*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2008.
24. Viện Khoa học xã hội Việt Nam (Đặng Phong chủ biên): *Lịch sử kinh tế Việt Nam 1945-2000. Tập I: 1945-1954. Tập II: 1955-1975*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, 2005.
25. Viện Khoa học xã hội Việt Nam (Đặng Phong chủ biên): *Kinh tế miền Nam Việt Nam, 1954-1975*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004.
26. Viện Khoa học xã hội Việt Nam (Đặng Phong chủ biên): *Biên niên Kinh tế Việt Nam (1975-2008)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2008.
27. Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro: *Những người thấp sáng biển khơi*, Vũng Tàu, 11-2006.
28. *50 năm Lớp địa chất đầu tiên (1955-2005)*, In tại Công ty In Hàng không, Hà Nội, 2005.
29. Các tài liệu lưu trữ trong giai đoạn 1975-1990 của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

NGUỒN ẢNH

1. Ảnh từ sách *Petrovietnam - Những chặng đường phát triển*, Hà Nội, tháng 2-2009, của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
2. Ảnh tư liệu lưu trữ tại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
3. Ảnh từ sách *Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro 25 năm (1981-1986) xây dựng và phát triển*, Vũng Tàu, tháng 11-2006.
4. Ảnh tư liệu cá nhân của các tác giả và cộng tác viên.

MỤC LỤC

PHẦN THỨ TƯ: TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM (2006-2010).....	1
Mở đầu	3
Chương 11	
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG	11
I. Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	12
1. Chức năng, nhiệm vụ cơ bản.....	12
2. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu	12
3. Cơ cấu tổ chức, quản lý và điều hành.....	13
4. Bộ máy lãnh đạo	14
5. Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được chuyển thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.....	19
II. Các đơn vị thành viên và liên kết của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	23
1. Các công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	23
2. Các công ty do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ trên 50% vốn điều lệ...24	
3. Các công ty liên kết do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ	25
III. Tiếp tục công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp và cổ phần hóa	25
1. Tiếp tục tiến hành cổ phần hóa.....	25
2. Hoạt động của các doanh nghiệp sau cổ phần hóa	31

3. Kế hoạch cổ phần hoá giai đoạn tiếp theo	32
4. Đánh giá kết quả công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp	33
IV. Phát triển và đồng bộ hóa ngành công nghiệp Dầu khí Việt Nam.....	40
V. Hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển	43
1. Công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí.....	44
2. Công nghiệp khí.....	59
3. Công nghiệp điện	61
4. Công nghiệp chế biến dầu khí.....	63
5. Hoạt động dịch vụ dầu khí	72
6. Công tác khoa học - công nghệ, đào tạo phát triển nguồn nhân lực	73
VI. Các sự kiện lớn giai đoạn 2006-2010.....	76
1. Năm 2006	76
2. Năm 2007	77
3. Năm 2008	78
4. Năm 2009	82
5. Năm 2010.....	85
Chương 12	
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN	
GIAI ĐOẠN 2006-2010.....	
I. Thực hiện các nhiệm vụ chính trị.....	89
1. Hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển.....	89
2. Phát huy vai trò đầu tàu kinh tế và công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô	98
3. Tham gia bảo vệ chủ quyền biển đảo và biên giới quốc gia	104
4. Tham gia bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.....	105

5. Thực hiện công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp	105
6. Bảo đảm ổn định đời sống của người lao động; thực hành “Văn hoá doanh nghiệp Petrovietnam”	107
7. Các phần thưởng cao quý của Đảng, Nhà nước	108
II. Những bài học thực tiễn	110
1. Đánh giá chung bước đầu	110
2. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện mô hình công ty mẹ - công ty con và tập đoàn kinh tế.....	116
3. Bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn sau 4 năm hoạt động theo mô hình tập đoàn	119
 PHẦN THỨ NĂM	
TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ CÁC TỔ CHỨC	
CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, NGHỀ NGHIỆP DẦU KHÍ.....	
125	
 Chương 13	
TỔ CHỨC ĐẢNG	
127	
I. Giai đoạn trước năm 1975:	
Tổ chức đảng ở Đoàn 36/Liên đoàn Địa chất 36	
128	
1. Giai đoạn 1961-1963: Chi bộ Đoàn 36.....	128
2. Giai đoạn 1963-1969: Đảng bộ Đoàn 36.....	129
3. Giai đoạn 1969-1973: Đảng bộ Liên đoàn Địa chất 36	129
4. Giai đoạn 1973-1975: Các đảng bộ: Liên đoàn Địa chất 36, Đoàn Địa vật lý 36F, Đoàn Nghiên cứu chuyên đề 36B và Đoàn Địa chất 36C	130
II. Giai đoạn 1975-1990:	
Tổ chức đảng trong Tổng cục Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam	
130	
1. Đảng đoàn/Ban Cán sự Đảng Tổng cục Dầu khí.....	130
2. Đảng bộ cơ quan Tổng cục Dầu khí	131

3. Các đảng bộ dầu khí cơ sở	132
------------------------------------	-----

**III. Giai đoạn 1990-2006: Tổ chức đảng
trong Tổng công ty Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam**133

1. Giai đoạn 1990-1992: Đảng bộ cơ quan Tổng công ty Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam trực thuộc Đảng bộ cơ quan Bộ Công nghiệp nặng	133
--	-----

2. Giai đoạn 1992-1995: Đảng bộ cơ sở cơ quan Tổng công ty Dầu mỏ và Khí đốt trực thuộc Đảng bộ Khối cơ quan Kinh tế Trung ương.....	134
--	-----

3. Giai đoạn 1995-2006: Đảng bộ (cấp trên cơ sở) cơ quan Tổng công ty Dầu khí trực thuộc Đảng bộ Khối cơ quan Kinh tế Trung ương.....	137
---	-----

**IV. Giai đoạn 2007-2010: Tổ chức đảng trong Tập đoàn
Dầu khí Quốc gia Việt Nam.....**143

1. Giai đoạn 2007-2008: Đảng bộ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	143
---	-----

2. Giai đoạn 2008-2010: Đảng bộ toàn Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.....	147
---	-----

Chương 14

CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM169

I. Giai đoạn trước năm 1992169

II. Giai đoạn 1992-2008.....172

1. Ban Chấp hành lâm thời Công đoàn ngành (1992-1993)	172
---	-----

2. Ban Chấp hành Công đoàn ngành nhiệm kỳ I (1993-1998)	176
---	-----

3. Ban Chấp hành Công đoàn ngành nhiệm kỳ II (1998-2003).....	185
---	-----

4. Ban Chấp hành Công đoàn ngành nhiệm kỳ III (2003-2008)	194
---	-----

III. Giai đoạn 2008-2010201

1. Đại hội Công đoàn ngành lần thứ IV (tháng 6-2008).....	201
---	-----

2. Hoạt động của Công đoàn ngành đến năm 2010	209
---	-----

Chương 15	
TỔ CHỨC ĐOÀN THANH NIÊN	221
I. Giai đoạn trước năm 1975	221
II. Giai đoạn 1976-2007.....	221
1. Thời kỳ 1976-1992.....	221
2. Thời kỳ 1993-1999	223
3. Thời kỳ 1999-2007	225
III. Giai đoạn 2007-2010	231
Chương 16	
CÁC TỔ CHỨC KHÁC	243
I. Hội Cựu chiến binh Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	243
1. Giai đoạn trước khi thành lập	243
2. Giai đoạn từ sau khi thành lập (ngày 15-12-2009)	244
II. Hội Dầu khí Việt Nam.....	250
III. Hội Doanh nhân trẻ Dầu khí.....	254
KẾT LUẬN.....	258
THAY LỜI KẾT	259
PHỤ LỤC.....	265

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Chịu trách nhiệm nội dung:
TS. LÊ MINH NGHĨA

Biên tập nội dung:
TS. ĐỖ QUANG DỨNG
ThS. PHẠM THỊ KIM HUẾ
VÕ VĂN HOA
HOÀNG THỊ THU HƯỜNG
NGUYỄN MINH HUỆ
TRẦN THỊ THANH PHIỆT
NGUYỄN TRƯỜNG TAM
ThS. VŨ VĂN NÂM

Trình bày bìa:
PHÙNG MINH TRANG

Chế bản vi tính:
SONG HIẾU

Sửa bản in:
BAN KINH TẾ

Đọc sách mẫu:
BAN KINH TẾ

Mã số $\frac{6C1.6}{CTQG - 2011}$

In 5.000 cuốn, khổ 19x27 cm tại Công ty TNHH một thành viên In Báo Nhân Dân.

Địa chỉ: 345/134 Trần Hưng Đạo, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 142-2011/CXB/45-01/CTQG.

Quyết định xuất bản số: 954-QĐ/NXBCTQG, ngày 05-10-2011 .

In xong và nộp lưu chiểu tháng 11-2011

P e t r o v i e t n a m

PHỤ LỤC



DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC

Phụ lục số 1	Cơ cấu tổ chức và nhân sự chủ chốt của ngành Dầu khí Việt Nam qua các thời kỳ (1961-2010)
Phụ lục số 2	Phân lô dầu khí thêm lục địa Việt Nam qua các thời kỳ (1973-2010)
Phụ lục số 3A	Các Hiệp định/Hợp đồng/Thỏa thuận dầu khí trong nước giai đoạn (1978-2010)
Phụ lục số 3B	Các hợp đồng đầu tư thăm dò khai thác dầu khí ở nước ngoài
Phụ lục số 4	Biên bản các Kỳ họp Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro giai đoạn 1981-2010 (Tóm lược)
Phụ lục số 5	Các giếng khoan địa chất và tìm kiếm, thăm dò dầu khí
Phụ lục số 6	Các chương trình/đề tài nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và công nghệ dầu khí giai đoạn 1961-2010
Phụ lục số 7	Kết quả công tác đào tạo của ngành Dầu khí qua các thời kỳ
Phụ lục số 8	50 gương mặt tiêu biểu các thế hệ dầu khí
Phụ lục Phần I-01	Nhân sự Đoàn Thăm dò dầu lửa 36 từ tháng 11-1961 đến cuối năm 1962
Phụ lục Phần I-02	Vốn đầu tư cho tìm kiếm, thăm dò dầu khí ở miền Bắc Việt Nam (1962-1975)
Phụ lục Phần II-01	Về Logo Petrovietnam
Phụ lục Phần II-02	Tóm tắt nội dung bản Chiến lược đầu tiên của ngành Dầu khí Việt Nam (1988-2000)
Phụ lục Phần II-03	Tóm tắt hoạt động của Tổng cục Dầu khí Việt Nam (1975-1989)
Phụ lục Phần II-04	Lao động tiền lương (1975-1988)
Phụ lục Phần II-05	Một vài số liệu từ các báo cáo quyết toán (1976-1988)
Phụ lục Phần IV-01	Một số nhận định về các mô hình ngành Dầu khí đã kinh qua
Phụ lục Phần V-01	Báo cáo tình hình thực hiện công tác an sinh xã hội từ năm 2006 đến năm 2010

Phụ lục số 1

**CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ CHỦ CHỐT CỦA
NGÀNH DẦU KHÍ VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KỲ
(1961-2010)**

Hoàng Thị Thu Hà¹

A. CÁC TỔ CHỨC DẦU KHÍ ĐẦU TIÊN (1961-1975)

I. DƯỚI CHÍNH PHỦ VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

1. Đoàn Thăm dò dầu lửa (Đoàn 36) (từ năm 1961 đến năm 1969):

a. Lãnh đạo Đoàn

STT	Đơn vị	Chức vụ	Họ tên cán bộ	Thời gian giữ chức vụ
1	Đoàn 36	<i>Đoàn trưởng</i>	Bùi Đức Thiệu	1961-1969
		<i>Đoàn phó</i>	Phan Tử Nghĩa	
			Hồ Xuân Phong	
			Phan Minh Bích	1963-1969
			Nguyễn Đức Quý	

b. Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Đoàn

1	Đội Trọng lực	<i>Đội trưởng</i>	Nguyễn Quốc Trượng
2	Đội Địa chấn	<i>Đội trưởng</i>	Trần Cảnh
3	Đội Điện	<i>Đội trưởng</i>	Nguyễn Quốc Trượng
		<i>Đội phó</i>	Hoàng Hiệp

1. Chuyên viên Ban Tổ chức nhân sự, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

2. Liên đoàn Địa chất 36 (từ năm 1969 đến năm 1975):

a. Lãnh đạo Liên đoàn

STT	Đơn vị	Chức vụ	Họ tên cán bộ	Thời gian giữ chức vụ
1	Liên đoàn	Liên đoàn trưởng	Vũ Bội	1969-1974
			Phan Minh Bích	1974-1975
		Liên đoàn phó	Bùi Đức Thiệu	1969-1974
			Phan Minh Bích	1969-1973
			Đặng Cửa	1974-1975
			Nguyễn Trọng Tường	1974-1975
		Chánh địa chất	Nguyễn Ngọc Cư	1974-1975

b. Lãnh đạo các phòng quản lý chức năng

1	Phòng Kỹ thuật địa chất	Trưởng phòng	Nguyễn Đình Khuông
2	Phòng Công trình	Trưởng phòng	Đình Văn Danh
3	Phòng Điều độ	Trưởng phòng	Nguyễn Công Minh

c. Lãnh đạo các đơn vị thuộc Liên đoàn

1	Đoàn Trọng lực 36T (1969-1972)	Đoàn trưởng	Nguyễn Hữu Lạc	1967 ¹
			Văn Đăng Lợi	1967- 1971
			Nguyễn Hiệp	1972- 1973
		Đoàn phó	Nguyễn Hiệp	1967- 1972
			Nguyễn Thanh Xuân	1972- 1973
			Nguyễn Văn Thành	1972- 1973

1. Ông Nguyễn Hữu Lạc là Đoàn trưởng Đoàn Trọng lực 36T trực thuộc Đoàn 36.

2	Đoàn Điện 36Đ (1969-1972)	<i>Đoàn trưởng</i>	Trần Trọng Đỉnh	
			Tăng Mười	
			Trần Đức Đình	
		<i>Đoàn phó</i>	Tăng Mười	
			Nguyễn Tấn Kịch	
3	Đoàn Địa chấn 36F (1969-1972)	<i>Đoàn trưởng</i>	Lê Khoản	
		<i>Đoàn phó</i>	Nguyễn Văn Di	
			Trương Minh	1969-1974
			Trần Văn Bách	
4	Đoàn Địa vật lý (Đoàn 36F)	<i>Đoàn trưởng</i>	Phan Minh Bích	1974
			Hồ Đắc Hoài (Quyền Đoàn trưởng)	1974-1975
			Ngô Mạnh Khởi	1975
		<i>Đoàn phó</i>	Trương Minh	1974-1975
			Nguyễn Tấn Kịch	1974-1975
			Văn Đăng Lợi	1974-1975
4.1	Đội Địa chấn 1	<i>Đội trưởng</i>	Nguyễn Đức Tuấn	
		<i>Đội phó</i>	Nguyễn Đình Sâng	
			Bùi Văn Cục	
4.2	Đội Địa chấn 2	<i>Đội trưởng</i>	Lê Ngọc Thịnh	
		<i>Đội phó</i>	Trần Văn Hoa	
			Trương Đình Quý	
			Trịnh Bá Cung	
4.3	Đội Địa chấn 3	<i>Đội trưởng</i>	Nguyễn Xuân Thanh	

4.4	Đội Địa chấn 4	<i>Đội trưởng</i>	Vũ Tiến Hải	
		<i>Đội phó</i>	Nguyễn Lương Bằng	
4.5	Đội Địa chấn 5	<i>Đội trưởng</i>	Lê Hữu Liệu	
		<i>Đội phó</i>	Lê Diễn Cầu	
4.6	Đội Địa chấn khúc xạ	<i>Đội trưởng</i>	Võ Đình Long	
5	Đoàn Địa chất 36C	<i>Đoàn trưởng</i>	Phan Minh Bích	1967-1968
			Nguyễn Mạc	1968-1969
			Nguyễn Quang Hạp	1970-1974
		<i>Đoàn phó</i>	Phương Văn Hạc (Phó phụ trách)	1974-1976
			Nguyễn Hựu	1968-1974
			Nguyễn Tiến Ánh	1969-1971
			Mai Văn Bách	1969-1971
			Chu Thìn	1971-1973
			Đoàn Thịnh	1971-1975
6	Đoàn 36B	<i>Đoàn trưởng</i>	Nguyễn Ngọc Sớm	
		<i>Đoàn phó</i>	Nguyễn Giao	
			Lương Trọng Đăng	
7	Đoàn 36K	<i>Đoàn trưởng</i>	Bùi Đức Thiệu	
		<i>Đoàn phó</i>	Nguyễn Trọng Tưởng	
8	Đoàn Khoan sâu 36S	<i>Đoàn trưởng</i>	Nguyễn Đức Quý	1969-1972
		<i>Đoàn phó</i>	Đặng Cửa	1969-1972
			Nguyễn Chấn (Đoàn phó nội chính)	
8.1	Đội Karota	<i>Đội trưởng</i>	Đoàn Thám	

9	Đoàn 36N	<i>Đoàn trưởng</i>	Trần Văn Giao	
			Bùi Đức Thiệu (Liên đoàn phó kiêm nhiệm)	
		<i>Đoàn phó</i>	Đình Văn Danh	
10	Đoàn 36K hợp nhất	<i>Đoàn trưởng</i>	Bùi Đức Thiệu (Liên đoàn phó kiêm Đoàn trưởng)	1972-1973
		<i>Đoàn phó</i>	Đặng Cửa	1972-1973
11	Đoàn 36Y	<i>Đoàn trưởng</i>	Trần Văn Giao	
			Nguyễn Tiến Ánh	
		<i>Đoàn phó</i>	Đỗ Văn Việt	
			Vũ Quang Quỳnh	

3. Ban Dầu mỏ và Khí đốt trực thuộc Tổng cục Hóa chất Việt Nam (từ năm 1972 đến năm 1975):

1	<i>Trưởng ban</i>	Nguyễn Chấn, Tổng cục trưởng Tổng cục Hóa chất kiêm nhiệm
2	<i>Phó Trưởng ban</i>	Nguyễn Văn Biên, Tổng cục phó Tổng cục Hóa chất kiêm nhiệm
		Hoàng Hữu Bình, Tổng cục phó Tổng cục Hóa chất kiêm nhiệm
3	<i>Ủy viên Thường trực</i>	Nguyễn Đông Hải
4	<i>Ủy viên</i>	Trần Quang Vinh
5	<i>Tổ trưởng Hành chính</i>	Nguyễn Thị Cẩm Vân
6	<i>Tổ phó Lọc hóa dầu</i>	Bỳ Văn Tú

7	<i>Tổ trưởng Khí</i>	Nguyễn Khải
8	<i>Tổ trưởng Cơ điện</i>	Châu Ngọc Thuận
9	<i>Tổ trưởng Phân tích thí nghiệm</i>	Nguyễn Văn Minh
10	<i>Tổ trưởng Thông tin quy hoạch</i>	Nguyễn Mạnh Hùng
11	<i>Tổ phó Thông tin quy hoạch</i>	Nguyễn Thị Ngọc Bích

II. DƯỚI CHÍNH QUYỀN VIỆT NAM CỘNG HÒA

1	Ủy ban quốc gia Dầu hỏa (1971-1975)	<i>Chủ tịch</i>	Phạm Kim Ngọc (Tổng trưởng Kinh tế)	
			Nguyễn Đức Cường (Tổng trưởng Thương mại và Kỹ nghệ)	
2	Tổng cuộc Dầu hỏa và Khoáng sản (1974-1975)	<i>Tổng cuộc trưởng</i>	Trần Văn Khởi	1974-1975
		<i>Tổng cuộc phó</i>	Võ Anh Tuấn	1974-1975
2.1	Cuộc Dầu hỏa	<i>Giám đốc</i>	Nguyễn Văn Vĩnh	1974-1975
2.2	Nha Kế hoạch huấn luyện	<i>Giám đốc</i>	Phí Lê Sơn	1974-1975
2.3	Cuộc Khoáng sản	<i>Giám đốc</i>	Phạm Viết Bảng	
2.4	Trung tâm Nghiên cứu địa chất	<i>Giám đốc</i>	Trần Huỳnh Anh	
2.5	Nha Hành chính và Kế toán	<i>Giám đốc</i>	Nguyễn Huy Cẩm	

B. TỔNG CỤC DẦU MỎ VÀ KHÍ ĐỐT VIỆT NAM (1975-1990)

I. LÃNH ĐẠO TỔNG CỤC VÀ CÁC CỤC, VỤ, VĂN PHÒNG

STT	Đơn vị	Chức vụ	Họ tên cán bộ	Thời gian giữ chức vụ
	<i>Bộ trưởng phụ trách công tác Dầu khí (kiêm Bí thư Đảng đoàn/ Ban Cán sự Tổng cục Dầu khí)</i>		Đinh Đức Thiện	1976-1980
1	Lãnh đạo Tổng cục Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam	<i>Tổng cục trưởng</i>	Nguyễn Văn Biên	1975-1979
			Nguyễn Hòa	1980-1988
			Trương Thiên	1988-1990
		<i>Phó Tổng cục trưởng</i>	Lê Văn Cự	1975-1988
			Phan Tử Quang	1976-1988
			Đặng Quốc Tuyển	1978-1982
			Phạm Văn Diêu	1978-1983
			Chu Đỗ	1982-1985
			Trương Thiên	1982-1988
			Bùi Hải Ninh	1982-1990
			Nguyễn Hiệp	1988-1990
2	Văn phòng	<i>Chánh Văn phòng</i>	Lê Quốc Tuấn	1976-1980
			Trần Văn Thanh	1980
			Trần Xanh	1984-1989
			Đỗ Quang Toàn	1987-1989
			Doãn Tiến Dũng	1989-1990
		<i>Phó Chánh Văn phòng</i>	Nguyễn Ngọc Liên	1975-1982
			Đoàn Văn Hạnh	1974-1990
			Nguyễn Thế Quang	1980-1990
			Nguyễn Xuân Đồng	1981-1987
			Lê Văn Hùng	1985-1988
			Doãn Tiến Dũng	1988-1989

3	Vụ Tổ chức Cán bộ và Đào tạo	<i>Vụ trưởng</i>	Trần Ngôn Hoạt	1975-1984
			Trần Hồng Trang	1984-1987
			Ngô Mạnh Khởi	1987-1988
		<i>Phó Vụ trưởng</i>	Trần Hồng Trang	1981-1984
			Đoàn Ngọc Ánh	1978-1981
			Trần Ngọc Toàn	1981-1985
			Vũ Văn Kính	1985-1988
		Nguyễn Đức Tuấn	1984-1988	
4	Vụ Lao động - Tiền lương	<i>Vụ trưởng</i>	Đỗ Ngọc Ngạn	1975-1988
		<i>Phó Vụ trưởng</i>	Nguyễn Hữu Hiệp	1977-1980
			Nguyễn Đức Tuấn	1981-1984
			Nguyễn Ngọc Dương	1984-1988
5	Vụ Tổ chức Cán bộ và Lao động	<i>Vụ trưởng</i>	Ngô Mạnh Khởi	1988-1990
		<i>Phó Vụ trưởng</i>	Nguyễn Đức Tuấn	1988-1990
			Vũ Văn Kính	1988-1990
6	Vụ Kế hoạch - Lao động - Vật tư	<i>Phó Vụ trưởng phụ trách</i>	Phan Minh Bích	9/1975-1977
		<i>Phó Vụ trưởng</i>	Nguyễn Quang Hạp	1977
7	Vụ Kế hoạch	<i>Vụ trưởng</i>	Nông Tấn Lâm	1978-1982
			Nguyễn Quang Hạp	1982-1990
		<i>Phó Vụ trưởng</i>	Nguyễn Quang Hạp	1977-1982
			Doãn Tiến Dũng	1983-1988
			Công Đức Văng	1988
			Đặng Trần Giao	1985-1988
			Nguyễn Văn Sĩ	1990
8	Vụ Tài vụ Kế toán Thống kê	<i>Vụ trưởng</i>	Hồ Tế	1978-1983
			Đặng Đình Cần	1985-1987
			Công Đức Văng	1987-1990
		<i>Phó Vụ trưởng</i>	Đặng Đình Cần	1975-1985
			Công Đức Văng	1976-1987
			Đỗ Đình Khải	1987-1988
			Nguyễn Tiến Dũng	1990

9	Cục Kiến thiết cơ bản	<i>Phó Cục trưởng phụ trách</i>	Dương Quang Thành	1976-1980
		<i>Phó Cục trưởng</i>	Vũ Bột	1977-1979
10	Vụ Xây dựng cơ bản	<i>Phó Vụ trưởng phụ trách</i>	Nguyễn Sâm	1988-1989
		<i>Vụ trưởng</i>	Nguyễn Sâm	1989-1990
11	Vụ Kinh tế Kỹ thuật và Hợp tác quốc tế	<i>Phụ trách</i>	Lê Quốc Tuấn	1976-1978
		<i>Phó Vụ trưởng</i>	Nguyễn Đông Hải	1975-1978
12	Vụ Hợp tác quốc tế	<i>Vụ trưởng</i>	Lê Quốc Tuấn	1976-1987
			Đào Duy Chũ	1987-1989
			Đỗ Quang Toàn	1989-1990
		<i>Phó Vụ trưởng</i>	Đào Duy Chũ	1983-1987
			Đỗ Quang Toàn	1984-1987
			Lê Văn Hùng	1988-1990
Đỗ Văn Hà	1989-1990			
13	Vụ Kỹ thuật	<i>Phó Vụ trưởng phụ trách</i>	Phan Minh Bích	
		<i>Phó Vụ trưởng</i>	Nguyễn Giao	
14	Vụ Địa chất Dầu khí	<i>Phó Vụ trưởng phụ trách</i>	Nguyễn Giao	1981-1982
			Nguyễn Hiệp	1982-1985
		<i>Phó Vụ trưởng</i>	Trương Minh	1983-1984
14a	Vụ Địa chất - Địa Vật lý	<i>Vụ trưởng</i>	Nguyễn Hiệp	1985-1986
		<i>Phó Vụ trưởng</i>	Nguyễn Trí Liễn Nguyễn Đình Khuông	1985-1986 1985-1986
15	Vụ Khoa học Kỹ thuật	<i>Phó Vụ trưởng phụ trách</i>	Trần Ngọc Toàn	1985-1986
		<i>Vụ trưởng</i>	Nguyễn Hiệp	1986-1988
			Nguyễn Trí Liễn	1989-1990
		<i>Phó Vụ trưởng</i>	Nguyễn Trí Liễn	1986-1989
			Nguyễn Đình Khuông	1986-1988
			Nguyễn Xuân Nhậm	1988-1989
Nguyễn Văn Đắc	1989-1990			

16	Vụ Khoan - Khai thác - Thiết bị	<i>Vụ trưởng</i>	Đặng Cửa	1983-1988
		<i>Phó Vụ trưởng</i>	Nguyễn Xuân Nhậm	1985-1988
17	Vụ Vật tư - Thiết bị	<i>Vụ trưởng</i>	Trần Xanh	1982-1984
		<i>Phó Vụ trưởng</i>	Nguyễn Xin	1983-1984
18	Vụ I	<i>Phó Vụ trưởng phụ trách</i>	Đoàn Ngọc Ánh	1981-1984
19	Cục Bảo vệ	<i>Phó Cục trưởng phụ trách</i>	Lê Đông	3/1979-4/1979
			Vũ Xuân Linh	4/1979
			Nguyễn Vĩ Chí	1979-1987
		<i>Cục trưởng</i>	Phan Trọng Việt	1987-1990
		<i>Phó Cục trưởng</i>	Bùi Quang Diệm	1982-1988
			Nguyễn Văn Thái	?-1987
20	Ban Thanh tra - Bảo vệ	<i>Trưởng ban</i>	Phan Trọng Việt	1988

II. LÃNH ĐẠO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC TỔNG CỤC

STT	Đơn vị	Chức vụ	Họ tên cán bộ	Thời gian giữ chức vụ
1	Đoàn 36C	<i>Phó Đoàn trưởng phụ trách</i>	Đỗ Văn Hãn	1976-1980
		<i>Phó Đoàn trưởng</i>	Đoàn Thịnh	1976-1980
2	Đoàn 36B	<i>Đoàn trưởng</i>	Nguyễn Ngọc Sớm	1975
		<i>Phó Đoàn trưởng phụ trách</i>	Lương Trọng Đảng	1975-1978
3	Đoàn Địa vật lý	<i>Quyển Đoàn trưởng</i>	Ngô Mạnh Khởi	1975-1977
			Nguyễn Đức Tuấn	1977-1979
		<i>Đoàn trưởng</i>	Nguyễn Điền	1979-1982
		<i>Phó Đoàn trưởng</i>	Nguyễn Đức Tuấn	1975-1977
			Vũ Bách	1978-1982
			Văn Đăng Lợi	1975-1977
			Trần Đình Chỉ	1979-1982
			Nguyễn Trí Liên	1980-1981
Phạm Liễu	1980-1982			

4	Công ty Địa vật lý	<i>Giám đốc</i>	Nguyễn Điền (Phó Giám đốc phụ trách)	1982-1986
			Nguyễn Đăng Liệu	1986-1988
			Đỗ Văn Hậu (Phó Giám đốc phụ trách)	1988-1989
			<i>Phó Giám đốc</i>	Vũ Bách
		Đỗ Chí Hiếu		1982-1986
		Đỗ Văn Hậu		1986-1988
		Nguyễn Văn Kha		1984-1989
		5	Liên đoàn Địa chất 36	<i>Liên đoàn trưởng</i>
Đặng Cửa (Quyền Liên đoàn trưởng)	1975-1977			
<i>Liên đoàn phó</i>	Đặng Cửa			1975-1978
	Nguyễn Trọng Tường			1975-1978
	Nguyễn Ngọc Cư			1976-1978
	6			Công ty Dầu khí I Thái Bình
Nguyễn Ngọc Cư		1980-1984		
Trương Thiên		1984-1987		
Nguyễn Trọng Tường		1988-1990		
Nguyễn Văn Đắc (Phó Giám đốc phụ trách)		1987-1988		
<i>Phó Giám đốc</i>		Đặng Cửa	8/1978- 10/1978	
		Nguyễn Ngọc Cư	1978-1980	
		Trần Quang Tôn	1979-1981	
		Nguyễn Trọng Tường	1981-1986	
		Đinh Văn Danh	1980-1986	
Nguyễn Văn Đắc	1984-1987			
Trần Văn Hôi	1984-1985			
Nguyễn Văn Bào	1986-1988			
Đỗ Chí Hiếu	10/1986-1990			

7	Công ty Dầu khí Nam Việt Nam	<i>Giám đốc</i>	Lê Văn Cự	1975-1977
		<i>Phó Giám đốc</i>	Nguyễn Ngọc Sớm	1976-1977
			Trương Thiên	1975-1977
8	Công ty Dầu khí II Vũng Tàu	<i>Giám đốc</i>	Nguyễn Ngọc Sớm (Quyền Giám đốc)	1978-1980
			Hồ Tế	1981-1982
		<i>Phó Giám đốc</i>	Trương Thiên	1978
			Nguyễn Đông Hải	1978-1979
			Lê Quang Trung	1979-1981
			Ngô Thường San	1980-1981
			Hồ Tế	1979-1980
Trần Văn Thanh	1978-1979			
9	Đoàn Dầu khí Đồng bằng Cửu Long	<i>Đoàn trưởng</i>	Hoàng Thành (Phó Đoàn trưởng phụ trách)	1977-1979
			Trần Thành	1978-1980
			Lê Bắc Cát (Quyền Đoàn trưởng)	1980-1981
		<i>Phó Đoàn trưởng</i>	Võ Đình Long	1977-1978
			Dương Minh Khiết	1977-1978
			Họ (?) Ngùng	1979-1981
			Trần Tô Minh	1979-1980
10	Công ty Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam (Petrovietnam)	<i>Tổng Giám đốc</i>	Nguyễn Văn Biên	1977-1979
			Nguyễn Hòa	1980-1988
			Trương Thiên	1988-1990
		<i>Giám đốc về Quan hệ đối ngoại</i>	Đào Duy Chử	1988-1989
		<i>Giám đốc về Nhân sự và Đào tạo</i>	Ngô Mạnh Khởi	1988-
		<i>Giám đốc về Kỹ thuật</i>	Nguyễn Trí Liên	1988-
		<i>Giám đốc về Kinh tế - Kế hoạch</i>	Nguyễn Quang Hạp	1988-
		<i>Giám đốc về Tài chính</i>	Công Đức Văng	1988-

11	Công ty Petrovietnam I	<i>Giám đốc</i>	Nguyễn Đăng Liệu	11/1988-1990
		<i>Phó Giám đốc</i>	Trần Danh Liêm	1988-1990
			Đặng Trần Giao	1989-1990
12	Công ty Petrovietnam II	<i>Giám đốc</i>	Đặng Cửa	1988-1990
		<i>Phó Giám đốc</i>	Nguyễn Đăng Liệu	5/1988 -10/1988
			Đỗ Đình Luyện	1988-1990
			Lê Đình Thám	1989-1990
13	Công ty Vật tư Vận tải Dầu khí	<i>Giám đốc</i>	Nguyễn Lương Dân	1978-1980
			Trần Thái Vinh	1979-1987
			Nguyễn Xuân Đồng (Phó Giám đốc phụ trách)	1987-1989
		<i>Phó Giám đốc</i>	Ngô Mạnh Khởi	1979-1984
			Vũ Phạm Thuyên	1978-1979
			Nguyễn Trọng Tường	1979-1980
			Nguyễn Tự Thuận	1980-1989
14	Công ty Xây lắp Dầu khí	<i>Giám đốc</i>	Lê Phong Hồ	1979-
15	Công ty Thiết kế Dầu khí	<i>Giám đốc</i>	Lê Tử Kỳ	1979-
16	Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí	<i>Tổng Giám đốc</i>	Chu Đỗ	1983-1984
			Trần Thọ (Quyển Tổng Giám đốc)	1985-1985
			Bùi Hải Ninh	1985-1987
			Trần Hiến	1987-1990
		<i>Phó Giám đốc</i>	Nguyễn Lý Trọng	1983-1986
			Nguyễn Hồng Ngân	1985-1990
			Nguyễn Hữu Luyện	1983-1984
			Nguyễn Quang Tâm	1983-1985
			Trần Hiến	1985-1987
			Nguyễn Xin	1985-1990

17	Ban Kiến thiết khu công nghiệp Dầu khí¹	<i>Trưởng ban</i>	Phạm Văn Diêu	1982-1983
			Bùi Hải Ninh	1983-1985
			Phạm Văn Kho (Quyền Trưởng ban) Phạm Văn Kho	1985-1988 1988-1990
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Bùi Hải Ninh	1980-1983
			Phạm Văn Kho	1980-1985
			Phan Khắc Thiệu	1980-1984
			Nguyễn Quang Nguyễn	1982-1987
			Nguyễn Văn Bào	1981-1982
			Đỗ Đức Trích	1986-1990
			Nguyễn Sỹ Kiệt	1988-1990
18	Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí	<i>Giám đốc</i>	Lê Quang Trung	1981-1982
			Phan Khắc Thiệu	1982-1986
			Trương Minh Châu (Quyền Giám đốc)	1986
		<i>Phó Giám đốc</i>	Hoàng Văn Hoan	1986
19	Công ty Phục vụ đời sống	<i>Giám đốc</i>	Nguyễn Xuân Đại	1982-1984
			Bùi Anh Tuấn	1984-1986
		<i>Phó Giám đốc</i>	Nguyễn Xuân Quang	1983-1985
			Hoàng Ngọc Trà	1983-1986
20	Công ty Dịch vụ Dầu khí	<i>Giám đốc</i>	Trương Minh Châu (Quyền Giám đốc)	1986-1987
			Nguyễn Ngọc Chính (Quyền Giám đốc)	1987-1988
			Phan Tiến	1988-1990
		<i>Phó Giám đốc</i>	Hoàng Văn Hoan	1986-1987
			Hoàng Ngọc Trà	1986-1989

1. Sau này là Ban Quản lý công trình dầu khí Vũng Tàu.

21	Công ty Địa vật lý và Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	<i>Giám đốc</i>	Nguyễn Xuân Nhậm	1989-1990
		<i>Phó Giám đốc</i>	Vũ Bách	1989-1990
			Nguyễn Văn Kha	1989-1990
			Bùi Thọ Mạnh	1989-1990
22	Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	<i>Quyền Giám đốc</i>	Tạ Đình Vinh	1990-
		<i>Phó Giám đốc</i>	Hoàng Ngọc Trà	1990-
			Nguyễn Duy Chiến	1990-
23	Ban Quản lý công trình Nhà máy lọc dầu Thành Tuy Hạ - Đồng Nai	<i>Trưởng ban</i>	Dương Quang Thành	1977-1980
			Bì Văn Tú (Phó Trưởng ban phụ trách)	1986-1990
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Bì Văn Tú	1982-1986
			Nguyễn Hữu Luyện	1989-1990
			Nguyễn Sỹ Kiệt	1986-1988
Phan Tiến	1985-1988			
24	Ban Chuẩn bị Khu liên hợp lọc hóa dầu Tỉnh Gia, Thanh Hóa	<i>Trưởng ban</i>	Vũ Bột	1977-1980
25	Viện Dầu khí Việt Nam	<i>Viện trưởng</i>	Trần Xanh (Phó Viện trưởng phụ trách)	1978-1981
			Hồ Đắc Hoài	1982-1989
			Nguyễn Giao	1989-1990
		<i>Phó Viện trưởng</i>	Hồ Đắc Hoài	1978-1981
			Hoàng Lộc	1978-1984
			Nguyễn Hiệp	1978-1981
			Đỗ Văn Lưu	1982-1988
Phan Trung Điển	1982-1988			
Trương Minh	1989-1990			

26	Phân viện lọc hóa dầu	<i>Giám đốc</i>	Phạm Quang Dự	1987-1990
		<i>Phó Giám đốc</i>	Phạm Thị Ngọc Bích	1987-1990
27	Trường Công nhân Kỹ thuật Dầu khí¹	<i>Hiệu trưởng</i>	Trần Quang Vinh	1975-1978
			Trịnh Liễu	1978-1984
			Nguyễn Cao Tần	1984-1990
		<i>Phó Hiệu trưởng</i>	Nguyễn Khải	1976-?
			Châu Ngọc Thuận	1976-?
			Nguyễn Cao Tần	1980-1984
			Nguyễn Xuân Miêu	1983-1985
			Phạm Văn Hộ	1984-1990
Đỗ Hữu Việt	1990-1990			
28	Trường Bổ túc Cán bộ Dầu khí	<i>Phó Hiệu trưởng phụ trách</i>	Đoàn Ngọc Ánh	1979
			Nguyễn Hữu Hiệp	1979-1980
			Nguyễn Phương Châm	1980-1983
		<i>Hiệu trưởng</i>	Nguyễn Phương Châm	1983-1989
		<i>Phó Hiệu trưởng</i>	Tống Trần Tý	1980-1981
			Chu Thìn	1983-1989
			Lê Văn Cảm	1985-1989

1. Sau này là Trường Cán bộ công nhân dầu khí.

29	Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro	<i>Tổng Giám đốc</i>	Đ.G. Mamedov	1981-1984
			Ph.G. Arjanov	1984-1988
			V.S. Vovk	1988-1990
		<i>Phó Tổng Giám đốc thứ nhất</i>	Nguyễn Hòa	1981-1984
			Nguyễn Ngọc Cư	1984-1989
			Bùi Hải Ninh	1989-1990
		<i>Chánh kỹ sư</i>	Ph.G. Arjanov	1984
			G.V. Puri	1985-1988
			V.A. Uxik	1988-1990
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Ngô Thường San (Phụ trách địa chất)	1982-1990
			Nguyễn Ngọc Sớm (Phụ trách nội chính)	1982-1985
			Lê Quang Trung (Phụ trách nội chính)	1985-1990
			Nguyễn Đình Vũ (Phụ trách xây dựng cơ bản)	1982-1988
			K.A. Sisin (Phụ trách khoan)	1985-1987
			A.V. Perov (Phụ trách khoan)	1987-1990
			E.X. Xaturov (Phụ trách vật tư)	1982-1986
			T.T. Đemko (Phụ trách vật tư)	1986-1988
			B.I. Mitrofanov (Phụ trách vật tư)	1988-1990
			V.Ph. Laptev (Phụ trách thương mại)	1982-1986
			Iu.V. Zakharov (Phụ trách thương mại)	1986-1990
			M.I. Zverev (Phụ trách cán bộ)	1982-1985
			A.A. Truprin (Phụ trách cán bộ)	1985-1987
			B.A. Kukin (Phụ trách cán bộ)	1987-1989
			V.M. Tserniak (Phụ trách kinh tế)	1982-1985
			N.G. Tasaiev (Phụ trách kinh tế)	1986-1987
		V.P. Kuzmenko (Phụ trách kinh tế)	1988-1989	

C. TỔNG CÔNG TY DẦU MỎ VÀ KHÍ ĐỐT VIỆT NAM (1990-1994)

I. LÃNH ĐẠO TỔNG CÔNG TY VÀ CÁC PHÒNG, VĂN PHÒNG

STT	Đơn vị	Chức vụ	Họ và tên cán bộ	Thời gian giữ chức vụ
1	Lãnh đạo Tổng công ty Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam	<i>Tổng Giám đốc</i>	Trương Thiên	1990-1992
			Hồ Sỹ Thoảng	1992-1994
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Nguyễn Hiệp	1990-1994
			Bùi Hải Ninh	1990-1992
			Nguyễn Ngọc Cư	1992-1994
			Nguyễn Trí Liên	1992-1994
			Ngô Thường San	1992-1994
Nguyễn Thị Ngọc Sương	1992-1994			
2	Văn phòng Tổng công ty	<i>Chánh Văn phòng</i>	Hoàng Xuân Hùng	1990-1993
			Phan Quốc Việt	1994
		<i>Phó Chánh Văn phòng</i>	Nguyễn Văn Lộc	
			Vũ Khánh Trường	1993-1994
3	Phòng Tổ chức nhân sự và Đào tạo	<i>Trưởng phòng</i>	Nguyễn Đức Tuấn	1990-1993
		<i>Phó Trưởng phòng</i>	Vũ Văn Kính	1990-1993
			Hoàng Phổ	1990-1993
4	Phòng Tổ chức Cán bộ Đào tạo	<i>Trưởng phòng</i>	Vũ Văn Kính	1993-1994
		<i>Phó Trưởng phòng</i>	Lương Đức Hào	1993-1994
5	Phòng Lao động Tiền lương	<i>Trưởng phòng</i>	Nguyễn Đức Tuấn	1993-1994
		<i>Phó Trưởng phòng</i>	Hoàng Phổ	1993-1994

6	Phòng Tổ chức nhân sự và Lao động tiền lương (thành lập trên cơ sở sáp nhập bộ phận Tổ chức cán bộ của Phòng Tổ chức nhân sự và Đào tạo và Phòng Lao động Tiền lương năm 1993)	<i>Trưởng phòng</i>	Vũ Văn Kính	1994
		<i>Phó Trưởng phòng</i>	Hoàng Phổ	1994
7	Phòng Đào tạo (thành lập trên cơ sở tách bộ phận Đào tạo của Phòng Tổ chức nhân sự và Đào tạo)	<i>Trưởng phòng</i>	Lương Đức Hào	1994
8	Phòng Kinh tế - Kế hoạch (sau đổi thành Phòng Kế hoạch)	<i>Trưởng phòng</i>	Đỗ Chí Hiếu	1990-1991
			Đình Văn Ngà	1992-1994
		<i>Phó Trưởng phòng</i>	Trần Xuân Hậu	1990-1994
			Vũ Quang Nam	1993-1994
9	Phòng Tài chính Kế toán (năm 1993 tách thành 02 phòng: Phòng Tài chính và Phòng Kế toán)	<i>Trưởng phòng</i>	Nguyễn Tiến Dũng	1990-1993
		<i>Phó Trưởng phòng</i>	Nguyễn Phú Chương	1990-1993
			Bùi Ngọc Biểu	1990-1993
10	Phòng Tài chính	<i>Trưởng phòng</i>	Nguyễn Tiến Dũng	1993-1994
		<i>Phó Trưởng phòng</i>	Phan Hồng Hà	1993-1994
11	Phòng Kế toán	<i>Trưởng phòng</i>	Nguyễn Phú Chương	1993-1994
		<i>Phó Trưởng phòng</i>	Nguyễn Ngọc Sự	1993-1994

12	Phòng Khoa học Kỹ thuật (năm 1993 tách thành ba phòng: Phòng Thăm dò khai thác, Phòng Khoa học công nghệ và Môi trường và Phòng Thẩm định)	<i>Trưởng phòng</i>	Trần Ngọc Cảnh	1990-1993
		<i>Phó Trưởng phòng</i>	Nguyễn Trọng Hạnh	1990-1993
			Trần Hùng Nam	1990-1993
13	Phòng Thăm dò khai thác	<i>Trưởng phòng</i>	Trần Ngọc Cảnh	1993-1994
		<i>Phó Trưởng phòng</i>	Nguyễn Văn Đắc	1993-1994
14	Phòng Thẩm định	<i>Trưởng phòng</i>	Nguyễn Trọng Hạnh	1993-1994
		<i>Phó Trưởng phòng</i>	Vũ Thị Bích Ngọc	1993-1994
			Vũ Đình Chiến	1994
15	Phòng Khoa học công nghệ và Môi trường (Năm 1994 tách và lập Phòng Chế biến dầu khí)	<i>Trưởng phòng</i>	Nguyễn Đăng Liệu	1993-1994
		<i>Phó Trưởng phòng</i>	Trương Minh	1993-1994
			Trần Hùng Nam	1993-1994
			Hoàng Văn Hanh	1994
16	Phòng Chế biến Dầu khí	<i>Trưởng phòng</i>	Hoàng Xuân Hùng	1994
		<i>Phó Trưởng phòng</i>	Nguyễn Quang Huỳnh	1994
			Ngô Dương Hùng	1994
17	Phòng Hợp tác Quốc tế	<i>Trưởng phòng</i>	Đỗ Văn Hà	1990-1994
		<i>Phó Trưởng phòng</i>	Nguyễn Đăng Kiển	1990-1994
			Nguyễn Hùng Lân	1994
18	Phòng Thương mại	<i>Trưởng phòng</i>	Lê Văn Hùng	1990-1994
		<i>Phó Trưởng phòng</i>	Nguyễn Hữu Lợi	1990-1994
			Đặng Trần Giao	1993-1994
19	Phòng Xây dựng cơ bản (tháng 12-1993 nhập vào Phòng Kế hoạch)	<i>Trưởng phòng</i>	Nguyễn Sâm	1990
		<i>Phó Trưởng phòng</i>	Vũ Đình Chiến	1991-1993
			Đặng Thế Vinh	1990-1993
20	Phòng Thanh tra bảo vệ	<i>Trưởng phòng</i>	Lê Ngọc Thịnh	1990-1994
		<i>Phó Trưởng phòng</i>	Phan Thị Hòa	1993-1994
			Đào Xuân Nhị	1993-1994

II. LÃNH ĐẠO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC TỔNG CÔNG TY

STT	Đơn vị	Chức vụ	Họ và tên cán bộ	Thời gian giữ chức vụ
	Công ty Petrovietnam I¹	<i>Giám đốc</i>	Nguyễn Đăng Liệu	1990-1993
			Đỗ Văn Đạo	1993-1994
		<i>Phó Giám đốc</i>	Trần Danh Liêm	1990-1994
			Đặng Trần Giao	1990-1993
			Đỗ Văn Hậu	1993-1994
			Đình Hữu Lộc	1993-1994
2	Công ty Petrovietnam II²	<i>Giám đốc</i>	Đặng Cửa	1990-1993
			Nguyễn Ngọc Cư	1993-1994
		<i>Phó Giám đốc</i>	Lê Đình Thám	1990-1994
			Đỗ Đình Luyện	1990-1994
			Đặng Cửa	1993
			Vũ Ngọc An	1990-1994
3	Công ty Khí đốt	<i>Giám đốc</i>	Nguyễn Quang Hạp	1990-1994
			Phạm Văn Kho	1990-1994
		<i>Phó Giám đốc</i>	Nguyễn Sĩ Kiệt	1990-1991
			Đỗ Đức Trích	1990-1992
4	Công ty Địa vật lý và Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (GPTS)	<i>Giám đốc</i>	Nguyễn Xuân Nhậm	1990-1993
			Vũ Bách	1990-1993
		<i>Phó Giám đốc</i>	Nguyễn Văn Kha	1990-1993
			Bùi Thọ Mạnh	1990-1993
5	Công ty Dịch vụ Dầu khí (PSC)	<i>Giám đốc</i>	Phan Tiến	1990-1993
		<i>Phó Giám đốc</i>	Đỗ Văn Hân	

1. Năm 1993 đổi tên thành Công ty Giám sát các hợp đồng chia sản phẩm dầu khí (PVSC).

2. Năm 1993 đổi tên thành Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP).

6	Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (trên cơ sở sáp nhập 2 công ty GPTS và PSC)	<i>Giám đốc</i>	Nguyễn Xuân Nhậm	1993-1994
		<i>Phó Giám đốc</i>	Đỗ Văn Hân	1993-1994
			Đỗ Văn Thịnh	1993-1994
			Bùi Thọ Mạnh	1993-1994
			Nguyễn Văn Kha	1993-1994
			Nguyễn Chí Thành	1993-1994
		Ngô Sách Trọng	1994	
7	Công ty Dầu khí 1	<i>Giám đốc</i>	Nguyễn Trọng Tường	
		<i>Phó Giám đốc</i>	Nguyễn Văn Quyền	
			Phạm Xuân Bái	
8	Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro	<i>Tổng Giám đốc</i>	V.S.Vovk	1990-1991
			Ngô Thường San	1992-1994
		<i>Phó Tổng Giám đốc thứ nhất</i>	Bùi Hải Ninh	1990-1991
			V.S.Vovk	1991-1993
			N.P. Drozdov	1993-1994
		<i>Chánh kỹ sư</i>	V.A. Uxik	1990-1991
			A.G. Solomenxev	1991-1994
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Ngô Thường San (Phụ trách địa chất)	1990-1991
			Nguyễn Giao (Phụ trách địa chất)	1992-1994
			N.A. Ponomarenko (Phụ trách khoan)	1990-1994
			B.I. Mitrofanov (Phụ trách vật tư)	1990-1992
			X.M. Glozman (Phụ trách vật tư)	1992-1994
			Iu.V. Zakharov (Phụ trách thương mại)	1990-1991
			Bùi Hải Ninh (Phụ trách thương mại)	1991-1992
			Phạm Hồng Minh (Phụ trách thương mại)	1992-1994
Lê Quang Trung (Phụ trách nội chính)	1990-1994			

9	Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí	<i>Giám đốc</i>	Trần Hiến	1990-1994
		<i>Phó Giám đốc</i>	Nguyễn Xin	1990-1994
			Nguyễn Hồng Ngân	1990-1994
			Phạm Khải Hoàn	
10	Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	<i>Giám đốc</i>	Tạ Đình Vinh	1990-1994
		<i>Phó Giám đốc</i>	Hoàng Ngọc Trà	1990-1994
			Nguyễn Duy Chiến	
			Nguyễn Văn Lụa	
			Nguyễn Hữu Phẩm	
11	Viện Dầu khí Việt Nam	<i>Viện trưởng</i>	Nguyễn Giao	1990-1993
			Trần Ngọc Toàn	1993-1994
		<i>Phó Viện trưởng</i>	Trương Minh	1990-1993
			Đỗ Bạt	1993-1994
			Trần Công Tào	1993-1994
			Nguyễn Huy Quý	1993-1994
		12	Trung tâm Thông tin - Tư liệu dầu khí	<i>Giám đốc</i>
Vũ Văn Mạo	1992-1994			
<i>Phó Giám đốc</i>	Nguyễn Văn Báo			1990-1994
13	Phân Viện lọc hóa dầu (năm 1993 đổi tên thành Trung tâm Nghiên cứu phát triển và Chế biến Dầu khí)	<i>Giám đốc</i>	Phạm Quang Dự	1990-1994
		<i>Phó Giám đốc</i>	Phạm Thị Ngọc Bích	1992-1994

14	Xí nghiệp Sản xuất và Dịch vụ	<i>Giám đốc</i>	Nguyễn Xuân Quang	
		<i>Phó Giám đốc</i>		
15	Ban Quản lý công trình Khu liên hiệp lọc hóa dầu Thành Tuy Hạ (năm 1991 chuyển thành Công ty Lọc hóa dầu)	<i>Giám đốc</i>	Bì Văn Tú	1990-1991
			Phạm Quang Dự	1991-1994
		<i>Phó Giám đốc</i>	Nguyễn Sỹ Kiệt	1990-1991
			Bì Văn Tú	1991-1994
			Doãn Tiến Dũng	1991-1994
16	Ban Quản lý công trình khí	<i>Trưởng ban</i>	Bùi Hải Ninh	1993-1994
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Nguyễn Sâm	1993-1994
			Nguyễn Văn Sĩ	1993-1994
			Trần Văn Thục	1993-1994
17	Công ty Dầu mỡ nhờn Vidamo	<i>Giám đốc</i>	Nguyễn Thanh Hải	1990-1994
		<i>Phó Giám đốc</i>	Nguyễn Quốc Huy	1990-1994
18	Công ty Thương mại Dầu khí	<i>Giám đốc</i>	Phạm Hồng Minh	1994
		<i>Phó Giám đốc</i>	Bùi Thọ Mạnh	1994
19	Trường Cán bộ Công nhân dầu khí (năm 1991 đổi tên thành Trung tâm Đào tạo Dầu khí Việt Nam)	<i>Hiệu trưởng</i>	Nguyễn Cao Tân	1990-1994
		<i>Phó Hiệu trưởng</i>	Phạm Văn Hộ	1990-1994
			Đỗ Hữu Việt	1990-1994
20	Trung tâm Nghiên cứu và Dịch vụ an toàn và Môi trường dầu khí	<i>Giám đốc</i>	Nguyễn Đức Huỳnh	1993-1994
		<i>Phó Giám đốc</i>	Hoàng Văn Thạch	1993-1994

D. TỔNG CÔNG TY DẦU KHÍ VIỆT NAM (1994-2006)

I. LÃNH ĐẠO TỔNG CÔNG TY VÀ CÁC PHÒNG, VĂN PHÒNG

STT	Đơn vị	Chức vụ	Họ tên cán bộ	Thời gian giữ chức vụ
1	Lãnh đạo Tổng công ty Dầu khí Việt Nam	<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị (lúc đầu là Hội đồng Quản lý)</i>	Hồ Tế	1994-1996
			Hồ Sỹ Thoảng	1996-2000
			Phạm Quang Dự	2001-2006
			Đình La Thăng	2006
		<i>Ủy viên Hội đồng Quản trị</i>	Hồ Sỹ Thoảng	1994-1996
			Trương Thiên	1994-1997
			Hồ Đắc Hoài	1994-2000
			Nguyễn Thị Ngọc Sương	1996-1998
			Nguyễn Đức Tuấn	1996-2003
			Ngô Thường San	1996-2002
			Phạm Quang Dự	1996-2001
			Nguyễn Xuân Nhậm	2000-2003
			Phan Thị Hòa	2001-2006
			Đỗ Văn Đạo	2001-2006
		Trần Ngọc Cảnh	2003-2006	
		<i>Tổng Giám đốc</i>	Hồ Sỹ Thoảng	1994-1996
			Ngô Thường San	1996-2000
			Nguyễn Xuân Nhậm	2000-2003
			Trần Ngọc Cảnh	2003-2006
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Nguyễn Hiệp	1994-2001
			Nguyễn Trí Liễn	1994-1998
			Nguyễn Thị Ngọc Sương	1994-1996
			Trần Hiến	1994-2003
			Trần Ngọc Cảnh	1996-2003
			Nguyễn Xuân Nhậm	1998-2000
			Hoàng Văn Hoan	1996-2006
			Nguyễn Đăng Liệu	2000-2006
			Đình Văn Ngà	2000-2003
			Nguyễn Quang Thường	2001-2004
			Trương Văn Tuyển	2003-2006
			Phạm Văn Định	2003-2006
			Nguyễn Hữu Tuyển	2003-2006
			Đỗ Văn Hậu	2006
Phùng Đình Thực	2006			
Vũ Quang Nam	2006			
Lê Minh Hồng	2006			
Trần Thị Bình	2006			

2	Văn phòng Tổng công ty	<i>Chánh Văn phòng</i>	Phan Quốc Việt	1994-1996
			Vũ Khánh Trường	1997-2006
		<i>Phó Chánh Văn phòng</i>	Vũ Khánh Trường	1994-1996
			Đặng Hữu Túy	1997-2006
			Nguyễn Kim Cường	2000-2005
			Nguyễn Văn Đức	1995-2005
			Nguyễn Phú Chương	2005-2006
			Phạm Văn Huy	2004-2006
			Tạ Thị Vĩnh Hiền	2006
			Đình Văn Sơn	2006
3	Phòng Đào tạo	<i>Trưởng phòng</i>	Lương Đức Hào	1994-2000
		<i>Phó Trưởng phòng</i>	Nguyễn Quang	1995-1998
4	Phòng Tổ chức nhân sự (năm 1998 tách thành hai phòng: Phòng Tổ chức Cán bộ và Phòng Lao động Tiền lương và Chế độ chính sách)	<i>Trưởng phòng</i>	Vũ Văn Kính	1994-1998
		<i>Phó Trưởng phòng</i>	Hoàng Phổ	1994-1998
			Lê Xuân Vệ	1995-1998
5	Phòng Tổ chức Cán bộ	<i>Trưởng phòng</i>	Nguyễn Đăng Liệu	1998-2000
		<i>Phó Trưởng phòng</i>	Trần Danh Liêm	1999-2000
			Lê Xuân Vệ	1998-2002
			Đặng Anh Sơn	1999-2006
6	Phòng Lao động Tiền lương và Chế độ chính sách (năm 2001 thành Ban Lao động Tiền lương và Chế độ chính sách và đến tháng 7-2006 lại nhập vào Ban Tổ chức nhân sự)	<i>Trưởng phòng/ban</i>	Hoàng Phổ	1998-2006
		<i>Phó Trưởng phòng/ban</i>	Nguyễn Quang	1998-2006

7	Phòng Tổ chức nhân sự và Đào tạo (trên cơ sở sáp nhập Phòng Tổ chức Cán bộ và Phòng Đào tạo năm 2000. Năm 2001 đổi thành Ban Tổ chức nhân sự và Đào tạo. Sau đó năm 2003 tách thành hai ban: Ban Tổ chức nhân sự và Ban Đổi mới doanh nghiệp)	<i>Trưởng phòng/ban</i>	Lương Đức Hào	2000-2003
		<i>Phó Trưởng phòng/ban</i>	Trần Danh Liêm	2000-2002
			Lê Xuân Vệ	2000-2003
			Đặng Anh Sơn	2000-2003
8	Ban Tổ chức nhân sự	<i>Trưởng ban</i>	Lương Đức Hào	2003-2006
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Đặng Anh Sơn	2003-2006
			Trần Văn Hòa	2006
			Bùi Quốc Sơn	7/2006-12/2006
9	Ban Đổi mới doanh nghiệp	<i>Trưởng ban</i>	Lê Xuân Vệ	2003-2006
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Phạm Thị Thanh Tuyền	2006
			Trịnh Dũng	2006
10	Phòng Kế hoạch Tổng hợp (năm 2001 thành Ban Kế hoạch Tổng hợp Tháng 11-2002 tách thành hai ban: Ban Kế hoạch và Ban Đầu tư Phát triển)	<i>Trưởng phòng/ban</i>	Đinh Văn Ngà	1994-2000
			Vũ Quang Nam	2001-2002
		<i>Phó Trưởng phòng/ban</i>	Vũ Quang Nam	1994-1995
			Trần Xuân Hậu	1994-1996
			Vũ Thị Chơn	1994-2002
Dương Văn Thức	1998-2002			
11	Ban Kế hoạch	<i>Trưởng ban</i>	Vũ Quang Nam	2002-2004
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Dương Văn Thức	2002-2004

12	Ban Đầu tư Phát triển	<i>Trưởng ban</i>	Vũ Thị Chon	2002-2004
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Nguyễn Tấn Hòa	2002-2004
			Khuất Quang Tiến	2002-2004
13	Ban Phát triển Dịch vụ (thành lập trên cơ sở tách mảng phát triển dịch vụ từ Ban Kế hoạch ra từ tháng 3-2004)	<i>Trưởng ban</i>	Lương Nguyễn Khoa Trường	2004-2006
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Dương Văn Thúc	2004-2006
			Nguyễn Duy Hậu	2004-2006
			Đoàn Đình Thái	2004-2006
14	Ban Kế hoạch và Đầu tư (trên cơ sở nhập Ban Đầu tư Phát triển vào Ban Kế hoạch từ tháng 3-2004 và đến tháng 5-2006 Ban Phát triển Dịch vụ nhập vào Ban Kế hoạch Đầu tư)	<i>Trưởng ban</i>	Vũ Quang Nam	2004-2006
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Vũ Thị Chon	2004-2006
			Lương Nguyễn Khoa Trường	2006
			Trần Quốc Việt	2006
			Lê Như Linh	2006
15	Ban Xây dựng (thành lập trên cơ sở tách bộ phận đầu tư xây dựng cơ bản từ Ban Đầu tư Phát triển từ tháng 3-2004)	<i>Trưởng ban</i>	Phạm Thị Thu Hà	2004-2006
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Khuất Quang Tiến	2004-2006
			Nguyễn Minh Đạo	2006
			Trần Ngọc Sơn	2006
16	Phòng Tài chính	<i>Trưởng phòng</i>	Nguyễn Tiến Dũng	1994-2000
		<i>Phó Trưởng phòng</i>	Phan Thị Hồng Hà	1994-2000
			Nguyễn Ngọc Sứ	1995-2000
17	Phòng Kế toán	<i>Trưởng phòng</i>	Nguyễn Phú Chương	1994-2000
		<i>Phó Trưởng phòng</i>	Phan Thị Hòa	1995-1999

18	Phòng/Ban Tài chính Kế toán (trên cơ sở sáp nhập Phòng Tài chính vào Phòng Kế toán năm 2000. Đồng thời tách bộ phận kiểm toán từ Ban Kế toán ra thành lập Ban Kiểm toán nội bộ)	<i>Trưởng phòng/ban</i>	Đỗ Đình Khải	2000-2004
			Nguyễn Ngọc SỰ	2005-2006
		<i>Phó Trưởng phòng/ban</i>	Nguyễn Ngọc SỰ	2000-2005
			Vũ Thị Thanh Hương	2000-2005
			Phạm Minh Phương	2004-2006
		Ninh Văn Quỳnh	2005-2006	
19	Ban Kiểm toán nội bộ	<i>Trưởng ban</i>	Phan Thị Hòa	2000-9/2001
			Vũ Thị Thanh Hương	2005-2006
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Ninh Văn Quỳnh (Phó Trưởng ban phụ trách)	2002-2004
			Đặng Thị Lan	2005-2006
Đỗ Thị Hoa	2005-2006			
20	Phòng Thăm dò Khai thác Dầu khí (năm 2001 thành Ban Thăm dò Khai thác Dầu khí. Năm 2004 tách thành hai ban: Ban Tìm kiếm thăm dò và Ban Khai thác Dầu khí)	<i>Trưởng phòng/ban</i>	Trần Ngọc Cảnh	1994-1996
			Nguyễn Văn Đắc	1996-2004
		<i>Phó Trưởng phòng/ban</i>	Nguyễn Văn Đắc	1994-1996
			Đào Quang An	1995-2004
			Nguyễn Văn Minh	1994-2004
Đình Hữu Kháng	1997-2004			
21	Ban Tìm kiếm thăm dò	<i>Trưởng ban</i>	Trần Đức Chính	2004-2006
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Đào Quang An	2004-2006
			Đình Hữu Kháng	2004-2006
22	Ban Khai thác Dầu khí	<i>Trưởng ban</i>	Nguyễn Văn Minh	2004-2006
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Nguyễn Văn Minh	2004
			Nguyễn Văn Toàn	2006
		Phan Thúy Lan	2006	

23	Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường	<i>Trưởng phòng/ban</i>	Nguyễn Đăng Liệu	1994-1998
			Hoàng Văn Hanh	1998-2001
			Đỗ Văn Hà	2001-2003
		<i>Phó Trưởng phòng/ban</i>	Trương Minh	1994-1999
			Hoàng Văn Hanh	1994-1998
			Trần Đức Chính	
24	Ban An toàn Sức khỏe Môi trường	<i>Trưởng ban</i>	Nguyễn Văn Quyết	2004-2006
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Đào Duy Khu	2001-2005
			Lê Hồng Thái	2006
			Hoàng Văn Thạch	2005-2006
25	Ban Công nghệ thông tin	<i>Trưởng ban</i>	Vũ Văn Viện	2004-2006
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Nguyễn Huy Quý	2004-2006
26	Phòng Thẩm định (năm 1996 đổi tên thành Phòng Vận chuyển xử lý và Phân phối khí. Năm 2001 đổi thành Ban Khí điện)	<i>Trưởng phòng/ban</i>	Nguyễn Trọng Hạnh	1994-2000
			Đỗ Đình Luyện	2000-2006
			Nguyễn Thanh Liêm	2006
		<i>Phó Trưởng phòng/ban</i>	Vũ Đình Chiến	1994-1998
			Vũ Thị Bích Ngọc	1994-2006
			Nguyễn Thanh Liêm	2000-2006
Hoàng Xuân Quốc	2005-2006			
27	Phòng Chế biến Dầu khí (năm 2001 thành Ban Chế biến Dầu khí)	<i>Trưởng phòng/ban</i>	Hoàng Xuân Hùng	1994-2006
		<i>Phó Trưởng phòng/ban</i>	Nguyễn Quang Huỳnh	1994-2000
			Ngô Dương Hùng	1995-2001
			Nguyễn Đăng Kiển	2001-2004
			Trần Thị Bình	2004-8/2006
28	Phòng Hợp tác quốc tế (Năm 2001 tách thành hai ban: Ban Luật và Ban Hợp tác quốc tế và Quản lý PSC)	<i>Trưởng phòng</i>	Đỗ Văn Hà	1994-2001
		<i>Phó Trưởng phòng</i>	Nguyễn Hùng Lân	1994-2001
			Nguyễn Đăng Kiển	1994-2001

29	Ban Luật	<i>Trưởng ban</i>	Nguyễn Hùng Lâm	2001-2006
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Vương Minh Quang	2005-2006
			Trương Hồng Sơn	2005-2006
30	Ban Hợp tác quốc tế và Quản lý PSC	<i>Trưởng ban</i>	Đình Hữu Lộc	2001-2003
			Đỗ Văn Hà	2003-2006
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Ngô Anh Tuấn	2002-2006
			Hoàng Ngọc Trung	2004-2006
31	Phòng Thương mại Thị trường (Năm 2001 đổi thành Ban Thương mại Thị trường)	<i>Trưởng phòng/ban</i>	Lê Văn Hùng	1994-1998
			Đặng Trần Giao	1998-2006
		<i>Phó Trưởng phòng/ban</i>	Đặng Trần Giao	1994-1998
			Nguyễn Hữu Lợi	1994-2006
			Dương Văn Thúc	1994-1998
Phan Kiến Anh	2006			
32	Phòng Thanh tra bảo vệ (năm 2001 đổi thành Ban Thanh tra Bảo vệ)	<i>Trưởng phòng/ban</i>	Lê Ngọc Thịnh	1994-2003
			Nguyễn Văn Quyết (Phó Trưởng phòng phụ trách)	2003-2004
			Vũ Xuân Lũng	2004-2006
		<i>Phó Trưởng phòng/ban</i>	Phan Thị Hòa	1994-1995
			Đào Xuân Nhị	1994-1996
			Nguyễn Văn Quyết	1996-2003
			Vũ Khánh Đông	2004-2006
33	Văn phòng Thẩm định thầu	<i>Chánh Văn phòng</i>	Hoàng Văn Hanh	2001-2/2006
			Vũ Văn Nghiêm	2006
		<i>Phó Chánh văn phòng</i>	Đoàn Đình Thái	2001-2004
			Lê Hữu Quý	2005-2006
			Nguyễn Doãn Toàn	2005-2006

II. LÃNH ĐẠO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC TỔNG CÔNG TY

STT	Đơn vị	Chức vụ	Họ tên cán bộ	Thời gian giữ chức vụ
1	Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)	Giám đốc	Nguyễn Xuân Nhậm	1994-1996
			Nguyễn Quang Thường	1996-2001
			Nguyễn Quốc Tuấn	2001-2004
			Thái Quốc Hiệp	2005-2006
		Phó Giám đốc	Bùi Thọ Mạnh	1994
			Nguyễn Văn Kha	1994-1998
			Nguyễn Chí Thành	1994-2006
			Ngô Sách Trọng	1994-1996
			Đặng Thế Hưởng	1998-2001
			Nguyễn Mạnh Hùng	2001-2004
Nguyễn Mạnh Hiền	2004-2006			
2	Công ty Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PV Drilling)	Giám đốc	Đỗ Văn Khánh	2002-2006
		Phó Giám đốc	Trần Văn Hoạt	2002-2006
			Văn Đức Tường	2002-2005
			Lương Trọng Diệp	2005-2006
			Phạm Tiến Dũng	2006
3	Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí	Giám đốc	Trần Công Tào	1996-2006
		Phó Giám đốc	Nguyễn Văn Nền	1996-2006
			Nguyễn Văn Tầm	1996-2006
			Ngô Sách Trọng	1996-2006
			Nguyễn Hữu Thành	2001-2006
			Lê Xuân Trinh	1997-2001

4	Công ty Vận tải Dầu khí	<i>Giám đốc</i>	Bùi Thọ Mạnh	2002-2006
			Bùi Đình Khả	2006
		<i>Phó Giám đốc</i>	Bùi Đình Khả	2002-2006
			Nguyễn Phùng Hưng	2006
			Trần Tuấn Nam	2006
5	Công ty Giám sát các Hợp đồng chia sản phẩm (năm 2000 đổi tên thành Công ty Đầu tư Phát triển Dầu khí)	<i>Giám đốc</i>	Đỗ Văn Đạo	1994-2001
			Đỗ Văn Hậu	2001-2006
			Nguyễn Quốc Thập	2006
		<i>Phó Giám đốc</i>	Đỗ Văn Hậu	1994-2001
			Đình Hữu Lộc	-2001
			Trần Danh Liêm	1994-1999
			Vũ Văn Nghiêm	2002-2006
			Lê Văn Trương	
			Nguyễn Quốc Thập	2002-2006
			Nguyễn Văn Lai	
			Đoàn Huy Tham	2005-2006
			Nguyễn Thiện Bảo	
			6	Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí
Vũ Ngọc An	1998-2001			
Phùng Đình Thực	2001-2006			
Nguyễn Quỳnh Lâm	2006			
<i>Phó Giám đốc</i>	Vũ Ngọc An	1994-1998		
	Đỗ Đình Luyện	1994-1997		
	Nguyễn Quang Bô	1994-2006		
	Vương Hữu Oánh			
	Trần Quốc Vinh			
	Nguyễn Quỳnh Lâm	2006		

7	Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm khí	<i>Giám đốc</i>	Nguyễn Quang Hạp	1994-1998
			Vũ Đình Chiến	1998-2004
			Đỗ Khang Ninh	2004-2006
		<i>Phó Giám đốc</i>	Phạm Văn Kho	1994-2005
			Bì Văn Tú	1997-2001
			Nguyễn Trung Dân	1996-2006
			Nguyễn Đức Thành	1994-2006
			Nguyễn Thành Công	1997-1998
			Đỗ Khang Ninh	1999-2004
			Lê Xuân Trình	2001-2006
			Nguyễn Tấn Yên	1999-2006
			Trần Văn Vinh	2005-2006
Đỗ Văn Liên	2006			
8	Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm dầu mỏ (trên cơ sở sáp nhập hai công ty: Công ty Lọc hóa dầu và Công ty Dầu mỡ nhờn Vidamo năm 1996)	<i>Giám đốc</i>	Đỗ Quang Toàn	1996-1998
			Lê Văn Hùng	1998-2001
			Đặng Thế Hưởng	2001-2006
		<i>Phó Giám đốc</i>	Bì Văn Tú	1996-1997
			Nguyễn Thanh Hải	1996-1998
			Nguyễn Quốc Huy	1996-2006
			Trần Xuân Hậu	1996-2004
			Đoàn Văn Nhuộm	2001-2006
Vương Tiến Khoa	2001-2006			
Phùng Như Dũng	2005-2006			
9	Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí Phú Mỹ	<i>Giám đốc</i>	Đinh Hữu Lộc	2004-2006
			Trịnh Thanh Bình	2006
		<i>Phó Giám đốc</i>	Phạm Hữu Tiến	2004-2006
			Cao Tùng Sơn	2004-2006
			Ngô Hồng Minh	2004-2006
			Nguyễn Đức Hòa	2006

10	Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	<i>Giám đốc</i>	Tạ Đình Vinh	1994-2003
			Nguyễn Hữu Phẩm	2003-10/2005
		<i>Phó Giám đốc</i>	Nguyễn Hữu Phẩm	1994-2003
			Nguyễn Văn Lụa	1994-10/2005
			Vũ Tuấn Xô	
			Nguyễn Ngọc Khánh	12/2004-10/2005
	Công ty cổ phần Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí (chính thức hoạt động theo Giấy phép kinh doanh số 0103009579 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18-10-2005 trên cơ sở Quyết định số 1544/QĐ-TCCB, ngày 28-4-2005 của Bộ Công nghiệp)	<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>	Nguyễn Đăng Liệu	10/2005-8/2006
			Nguyễn Hữu Phẩm	8/2006-1/2008
			Vũ Quang Nam	1/2008-4/2008
			Bùi Ngọc Quang	4/2008-5/2008
		<i>Ủy viên Hội đồng Quản trị</i>	Vũ Quang Nam	10/2005-8/2006; 4/2008-5/2008
			Nguyễn Hữu Phẩm	10/2005-8/2006
			Bùi Ngọc Quang	10/2005-4/2008
			Nguyễn Duy Hậu	10/2005-8/2006
			Trần Quốc Việt	8/2006-5/2008
			Nguyễn Văn Lụa	8/2006-5/2008
			Lê Công Thanh	8/2006 - 5/2008
		<i>Tổng Giám đốc</i>	Nguyễn Hữu Phẩm	10/2005-8/2006
			Bùi Ngọc Quang	8/2006-4/2008
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Nguyễn Văn Lụa	10/2005-5/2008
Nguyễn Ngọc Khánh			10/2005-5/2008	
Phạm Xuân Toàn	9/2007-5/2008			

11	Công ty Lọc hóa dầu	<i>Giám đốc</i>	Phạm Quang Dự	1994-1995
		<i>Phó Giám đốc</i>	Bỳ Văn Tú	1994-1995
			Doãn Tiến Dũng	1994-1995
12	Công ty Dầu mỡ nhờn Vidamo	<i>Giám đốc</i>	Nguyễn Thanh Hải	1994-1995
		<i>Phó Giám đốc</i>	Nguyễn Quốc Huy	1994-1995
13	Công ty Thương mại Dầu khí	<i>Giám đốc</i>	Phạm Hồng Minh	1994-2001
			Nguyễn Văn Quân	2002-2006
		<i>Phó Giám đốc</i>	Bùi Thọ Mạnh	1995-2002
			Nguyễn Thành Công	1995-1996
			Lâm Văn Reo	1995-1999
			Hồ Tùng Vũ	1998-2006
			Chu Thị Hiền	2006
14	Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí (được thành lập ngày 19-9-1995 trên cơ sở Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí)	<i>Giám đốc</i>	Nguyễn Trọng Nhung	1994-2004
			Bùi Quang Hưng	2004-2006
		<i>Phó Giám đốc</i>	Nguyễn Hồng Ngân	1994-2002
			Đặng Hữu Quý	1994-1996
			Nguyễn Xin	1994-2005
			Phạm Khải Hoàn	1994-2001
			Lê Hữu Thắng	1997-2005
			Phạm Ngọc Láng	2002-2005
			Nguyễn Tấn Hòa	2004-2006
			Nguyễn Ngọc Quý	2006
			Nguyễn Ngọc Dũng	2006
15	Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Dầu khí (thành lập năm 1996 trên cơ sở tách Xí nghiệp Thiết kế từ Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí)	<i>Giám đốc</i>	Đặng Hữu Quý	1996-2004
			Đỗ Văn Định	2004-2006
		<i>Phó Giám đốc</i>	Đỗ Văn Định	1996-2004
			Phạm Thanh Minh	2000-2004

16	Công ty Bảo hiểm Dầu khí	<i>Giám đốc</i>	Đỗ Đình Luyện	1997-2000
			Lê Văn Hùng	2001-2006
		<i>Phó Giám đốc</i>	Bùi Ngọc Biểu (PPT)	1994-1997
			Trần Văn Kim	
			Tôn Thiện Việt	2002-2006
			Nguyễn Đình Hoàn	
			Nguyễn Anh Tuấn	1998-2006
17	Công ty Tài chính Dầu khí (thành lập năm 2000)	<i>Giám đốc</i>	Nguyễn Tiến Dũng	2000-2006
			Nguyễn Xuân Sơn	2006
		<i>Phó Giám đốc</i>	Nguyễn Ngọc Sự	2000
			Phan Thị Hồng Hà	2000-2006
			Nguyễn Xuân Sơn	2002-2006
			Phạm Ngọc Láng	2006
			Đoàn Minh Mẫn	2005-2006
			Tống Quốc Trường	2006
			Vũ Thị Ngọc Lan	2006
			Bùi Thị Nguyệt	2006
Nguyễn Khuyến Nguồn	2006			
18	Ban Quản lý Dự án Khí	<i>Trưởng ban</i>	Trần Văn Thục	1996-1998
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Đỗ Khang Ninh	1996-1998
			Nguyễn Tấn Yên	1996-1998
19	Ban Quản lý Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ	<i>Trưởng ban</i>	Bỳ Văn Tứ	
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Ngô Hồng Minh	
			Nguyễn Đức Hòa	
20	Ban Quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	<i>Trưởng ban</i>	Nguyễn Xuân Nhậm	1997-2000
			Trương Văn Tuyển	2003-2006
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Nguyễn Đăng Kiên	2004-2006
			Trần Minh Ngọc	2003-2006
			Dương Quang Tạo	

21	Ban Chuẩn bị đầu tư Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn	<i>Trưởng ban</i>	Ngô Dương Hùng	2001-2006
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Nguyễn Lê Bình	2001-2006
22	Ban Chuẩn bị đầu tư Cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau	<i>Trưởng ban</i>	Trần Văn Thục	2000-2001
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Lê Tự Hiếu	2000-2001
23	Ban Quản lý Dự án Cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau	<i>Trưởng ban</i>	Nguyễn Quang Thường	2001-2003
			Phạm Văn Định	2003-2006
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Trần Văn Thục	2001-2004
			Hoàng Xuân Quốc	2001-2004
			Đào Văn Chuyên	
			Phạm Thanh Trị	2003-2008
			Bùi Thanh Cảnh	
Lê Anh Thông				
Nguyễn Đức Thành	2001-2006			
24	Ban Chuẩn bị đầu tư Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn	<i>Trưởng ban</i>	Trần Văn Thục	2004-2006
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Hoàng Xuân Quốc	2004-2006
			Đình Văn Dĩnh	2004-2006
25	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chế biến Dầu khí	<i>Giám đốc</i>	Phạm Quang Dự	1994-2001
			Phạm Thị Ngọc Bích	
			Trương Đình Hợp	2006
		<i>Phó Giám đốc</i>	Phạm Thị Ngọc Bích	
			Trương Đình hợp	
			Nguyễn Văn Vạn	
Nguyễn Anh Đức	2006			
26	Trung tâm Nghiên cứu - Phát triển An toàn và Môi trường Dầu khí	<i>Giám đốc</i>	Nguyễn Đức Huỳnh	1994-2006
			Đào Duy Khu	2005-2006
		<i>Phó Giám đốc</i>	Hoàng Văn Thạch	1994-2006
			Phan Thị Hoàng Anh	

27	Trung tâm Thông tin - Tư liệu và Lưu trữ dầu khí	<i>Giám đốc</i>	Vũ Văn Mạo	1994-2006
		<i>Phó Giám đốc</i>	Nguyễn Văn Báo	1994-2005
			Phạm Anh Tuấn	2003-2006
			Trần Huy Quang	2005-2006
			Nguyễn Kim Cường	2005-2006
			Nguyễn Phú Chương	2004-2005
28	Trung tâm Đào tạo và Cung ứng Nhân lực Dầu khí	<i>Giám đốc</i>	Nguyễn Cao Tân	1994-2003
			Lê Minh Hồng	2003-2006
			Vũ Duy Hào	2006
		<i>Phó Giám đốc</i>	Phạm Văn Hộ	1994-2001
			Đỗ Hữu Việt	1994-2005
			Lê Minh Hồng	1999-2003
			Vũ Duy Hào	2003-2006
			Trần Thẩm	2006
			Nguyễn Văn Đức	2006
			Dương Văn Viên	2006
29	Viện Dầu khí Việt Nam	<i>Viện trưởng</i>	Trần Ngọc Toàn	1994-1998
			Vũ Văn Kính	1998-2006
		<i>Phó Viện trưởng</i>	Trần Công Tào	1994
			Nguyễn Huy Quý	1994-2004
			Nguyễn Xuân Định	
			Đỗ Bạt	1994-2006
			Phạm Ngọc Giản	2006
			Trần Trọng Tín	2006

30	Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro	<i>Tổng Giám đốc</i>	Ngô Thường San	1994-1996
			Nguyễn Giao	1996-2002
			Trần Lê Đông	2002-2006
		<i>Phó Tổng Giám đốc thứ nhất</i>	N.P. Drozdov	1994-1995
			Ph.I. Badikov	1995-2001
			V.A. Jucov	2001-2003
			V.I. Urmanchev	2003-2005
			M.A. Sobolev	2005-2006
		<i>Chánh kỹ sư</i>	A.G. Solomenxev	1994-1996
			V.S. Gorsennhev	1996-1997
			Phùng Đình Thực	1997-2001
			Nguyễn Thúc Kháng	2002-2006
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Nguyễn Giao (Phụ trách địa chất)	1994-1996
			Trần Lê Đông (Phụ trách địa chất)	1996-2002
			Trần Văn Hồi (Phụ trách địa chất)	2002-2006
			N.A. Ponomarenco (Phụ trách khoan)	1994-1995
			Đặng Cửa (Phụ trách khoan)	1995-1999
			Nguyễn Văn Tuyển (Phụ trách khoan)	1999-2004
			Hà Ngọc Khuê (Phụ trách khoan)	2004-2006
			X.M. Glosman (Phụ trách vật tư)	1994
E.X. Xaturov (Phụ trách vật tư)	1994-1996			
A.I. Bexpalov (Phụ trách vật tư)	1996-1999			

	Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro	<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	V.I. Arefiev (Phụ trách vật tư)	1999-2001
			A.N. Bogachev (Phụ trách vật tư)	2001-2004
			P.G. Kladiev (Phụ trách vật tư)	2004-2006
			Dương Quốc Hà (Phụ trách thương mại)	1994-2004
			Nguyễn Văn Tuyển (Phụ trách thương mại)	2004-2006
			Nguyễn Hữu Tuyển (Phụ trách xây dựng cơ bản)	2001-2003
			Lâm Quang Chiến (Phụ trách xây dựng cơ bản)	2003-2006
			Lê Quang Trung (Phụ trách nội chính)	1994-2002
			Đỗ Đình Khải (Phụ trách nội chính)	2004-2006
31	Công ty Liên doanh Nhà máy lọc dầu Việt Nga (Giải thể năm 2003)	<i>Giám đốc</i>	V.N. Matveev	1999-2002
		<i>Phó Giám đốc</i>	Phạm Anh Tuấn (Phó Giám đốc thứ nhất)	1999-2002
			Đặng Lùng	1999-2002
			Lê Minh Tuân	1999-2002
			Trần Minh Ngọc	1999-2002

E. TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM (2007-2010)

I. LÃNH ĐẠO TẬP ĐOÀN VÀ CÁC BAN, VĂN PHÒNG

STT	Đơn vị	Chức vụ	Họ và tên cán bộ	Thời gian giữ chức vụ
1	Lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị/Hội đồng Thành viên</i>	Đinh La Thăng	2007- ¹
		<i>Ủy viên Hội đồng Quản trị (tháng 7-2010 chuyển thành Thành viên Hội đồng Thành viên)</i>	Trần Ngọc Cảnh	2007-2009
			Phan Thị Hòa	2007-10/2010
			Đỗ Văn Đạo	2007-2009
			Hoàng Xuân Hùng	2007-
			Vũ Khánh Trường	2009-
			Phùng Đình Thực	2009- ²
			Nguyễn Thanh Liêm	11/2010-
			Phan Đình Đức	11/2010-
		<i>Tổng Giám đốc</i>	Trần Ngọc Cảnh	2007-2009
			Phùng Đình Thực	2009- ²
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Nguyễn Đăng Liệu	Đến ngày 31-10-2007
			Hoàng Văn Hoan	2007-2008
			Phạm Văn Định	2007-2009 ³
			Trương Văn Tuyển	2007-2009 ⁴
			Nguyễn Hữu Tuyển	2007-2009
			Đỗ Văn Hậu	2007- ⁵
			Phùng Đình Thực	2007-2009
			Lê Minh Hồng	2007-
			Vũ Quang Nam	2007-
Trần Thị Bình	2007-			
Nguyễn Tiến Dũng	2008-			
Nguyễn Ngọc Sự	2008-9/2010			
Nguyễn Văn Minh	8/2007-7/2009 ⁶			

1. Ông Đinh La Thăng là Chủ tịch Hội đồng thành viên đến tháng 8-2011.
2. Ông Phùng Đình Thực là Chủ tịch Hội đồng thành viên từ tháng 9-2011.
3. Ông Phạm Văn Định là Hàm Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn từ tháng 7-2009.
4. Ông Trương Văn Tuyển là Hàm Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn từ tháng 7-2009.
5. Ông Đỗ Văn Hậu là Tổng Giám đốc Tập đoàn từ tháng 9-2011.
6. Ông Nguyễn Văn Minh là Hàm Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn từ tháng 7-2011.

	Lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Phạm Thị Thu Hà	2009-
			Nguyễn Quốc Khánh	2009-
			Nguyễn Quốc Thập	2009-
			Nguyễn Sinh Khang	4/2010-
2	Văn phòng Tập đoàn	<i>Chánh Văn phòng</i>	Vũ Khánh Trường	2007
			Đình Văn Sơn	2007-2009
			Đỗ Chí Thanh	2009-11/2010
			Hồ Công Kỳ	11/2010
		<i>Phó Chánh văn phòng</i>	Đặng Hữu Túy	2007-2008
			Đỗ Tuấn	2007
			Tạ Thị Vĩnh Hiền	2006-2009
			Đặng Anh Sơn	2007-2/2010
			Nguyễn Ngọc Hưng	2007-2009
			Đỗ Chí Thanh	2007-2009
			Đình Hồng Hạnh	2008-2009
			Khương Văn Đạt	2008-2010
			Hoàng Thị Liên Hương	2008-2010
			Đặng Vĩnh Hà	2009-5/2010
			Nguyễn Quang Hùng	2009-2010
			Nguyễn Xuân Ảnh	2009-2010
			Đoàn Linh	2009-2010
			Phan Anh Minh	9/2010
			Nguyễn Thị Hồng Dung	9/2010
3	Ban Tổ chức Nhân sự (trên cơ sở sáp nhập Ban Đối mới Doanh nghiệp với Ban Tổ chức Nhân sự Đào tạo từ tháng 7-2007)	<i>Trưởng ban</i>	Lương Đức Hảo	2007-2008
			Lê Xuân Vệ	2008-2010
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Lê Quang Trường	2007-2010
			Bùi Quốc Sơn	2007-2010
			Trần Văn Hòa	2007
			Phạm Thị Thanh Tuyền	2007
			Trần Việt Dũng	2009-2010
			Trịnh Dũng	5/2010

4	Ban Đào tạo Phát triển nguồn nhân lực (trên cơ sở tách Phòng Đào tạo thuộc Ban Tổ chức Nhân sự ra thành lập ban mới từ tháng 1-2008)	<i>Trưởng ban</i>	Trần Văn Hòa	2008-2010
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Nguyễn Hồng Ngọc	2008-2010
			Trịnh Tuấn Anh	2008-2010
			Nguyễn Lê Bình	2008-2010
5	Ban Kế hoạch Đầu tư (từ tháng 1-2008 thành Ban Kế hoạch)	<i>Trưởng ban</i>	Vũ Thị Chon	2007-2009
			Trần Quốc Việt	2009-2010
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Lương Nguyễn Khoa Trường	2007
			Trần Quốc Việt	2007-2009
			Lê Như Linh	2007
			Trương Đại Nghĩa	2008-2010
			Trần Công Tín	2009-2010
			Trần Thị Bạch Tuyết	2009-2010
			Đặng Vĩnh Hà	6/2010
6	Ban Đầu tư Phát triển (thành lập trên cơ sở tách bộ phận đầu tư thuộc Ban Kế hoạch Đầu tư ra thành lập ban mới từ tháng 1-2008)	<i>Trưởng ban</i>	Lê Như Linh	2008-2009
			Nguyễn Minh Đạo	2009-2010
			Tống Quốc Trường	3/2010
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Dương Văn Thúc	2008
			Phan Thị Hồng Hà	2008-2009
			Nguyễn Quốc Thịnh	2008
			Võ Thế Vinh	2008-6/2010
			Hạng Anh Minh	2008-2010
			Nguyễn Minh Phượng	2008-2010
			Lê Thị Thu Hương	2009-2010
Võ Hoài Lam	8/2010			

7	Ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán (từ tháng 7-2007 Ban Kiểm toán nội bộ sáp nhập với Ban Tài chính Kế toán)	<i>Trưởng ban</i>	Nguyễn Ngọc Sự	2007
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Ninh Văn Quỳnh	2008-2010
			Phạm Minh Phương	2007-2010
			Ninh Văn Quỳnh	2007
			Phan Thị Hồng Hà	2007
			Trần Trung Chí Hiếu	2007-2008
			Đỗ Thị Hoa	2007-2010
			Lê Đình Mậu	2007-2010
			Đình Thái Hà	2009-2010
			Đình Hoàng Anh	12/2009-2010
8	Ban Tìm kiếm Thăm dò Dầu khí	<i>Trưởng ban</i>	Trần Đức Chính	2007
			Hoàng Ngọc Đăng	3/2007-2010
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Đào Quang An	2007-2008
			Đình Hữu Kháng	2007-2008
			Hoàng Ngọc Đăng	1/2007-3/2007
			Phan Tiến Viễn	2008-2010
			Trần Mạnh Cường	2008-2010
			Phạm Việt Dũng	2007-2010
			Nguyễn Văn Khương	2008-2010
9	Ban Khai thác Dầu khí	<i>Trưởng ban</i>	Nguyễn Văn Minh	1/2007-4/2007
			Phan Ngọc Trung	5/2007-12/2007
			Nguyễn Quỳnh Lâm	2008-1/2009
			Nguyễn Văn Toàn	2009-2010
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Phan Ngọc Trung	1/2007-4/2007
			Trần Ngọc Sơn	2008
			Nguyễn Xuân Hòa	2008-2010
			Lê Ngọc Sơn	2008-2010
			Ngô Thị Việt Nga	5/2010
Nguyễn Ngọc Hoàn	12/2010			

10	Ban Luật và Quan hệ quốc tế	<i>Trưởng ban</i>	Vũ Khánh Trường	2007-2009			
			Đình Văn Sơn	2009-2010			
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Nguyễn Hùng Lân	1/2008-4/2008			
			Hoàng Ngọc Trung	2007-2010			
			Phạm Văn Huy	2007-2008			
			Nguyễn Hải Âu	2009-2010			
			Hồ Tú Mai	2/2010			
Nguyễn Việt Nga	2009-2010						
11	Ban Thương mại Thị trường (từ tháng 1-2008 đổi tên thành Ban Phát triển thị trường)	<i>Trưởng ban</i>	Đặng Trần Giao	2007-2008			
			Vũ Thị Bích Ngọc	2008-1/2010			
			Vũ Văn Nghiêm	2/2010-9/2010			
			Vũ Thị Tố Nga	10/2010			
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Nguyễn Hữu Lợi	2007-2009			
			Nguyễn Hồng Nga	2007-1/2010			
			Trần Việt Dũng	2008-1/2009			
			Lê Ngọc Quang	2008-2009			
			Phan Kiến Anh	2008-2010			
			Trịnh Trà My	2009-2010			
			Đào Mai Hương	2009-2010			
			12	Ban Quản lý đấu thầu	<i>Trưởng ban</i>	Vũ Văn Nghiêm	2007-1/2010
						Vương Minh Quang	2/2010
<i>Phó Trưởng ban</i>	Đoàn Đình Thái	2007-2009					
	Lê Hữu Quý	2007-2008					
	Nguyễn Doãn Toàn	2007-2009					
13	Ban Quản lý hợp đồng Dầu khí	<i>Trưởng ban</i>	Nguyễn Trọng Bình	2009-2010			
			Nguyễn Anh Tuấn	2009-2010			
			Trương Thị Anh Đào	5/2010			
			Đình Văn Sơn	1/2007-3/2007			
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Trần Đức Chính	2007-2008			
			Vương Minh Quang	2008-1/2010			
			Vũ Thị Bích Ngọc	2/2010			
<i>Phó Trưởng ban</i>	Đặng Thị Lan	2007-2010					
	Đoàn Huy Tham	2007-2010					
	Trần Mạnh Cường	2007-2008					
	Ngô Anh Tuấn	2007-2008					
	Trần Thái Ninh	2008-2010					
	Trịnh Việt Thắng	2009-2010					

14	Ban Quản lý các hợp đồng tại nước ngoài (thành lập từ tháng 8-2009)	<i>Trưởng ban</i>	Nguyễn Văn Quế	2009-8/2010
			Trần Đức Chính	8/2010 ¹
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Lê Ngọc Quang	2009-2010
			Kiều Thị Hải Nhi	2009-20110
			Nguyễn Đức Thọ	2009-2010
15	Ban Khoa học Công nghệ	<i>Trưởng ban</i>	Vũ Văn Viện	2007-2010
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Nguyễn Huy Quý	2007-5/2010
			Hà Dũng Quân	2007-2010
			Phạm Văn Huy	2008-2010
			Nguyễn Văn Tuấn	2010
16	Ban An toàn Sức khỏe Môi trường	<i>Trưởng ban</i>	Nguyễn Văn Quyết	2007-2008
			Đào Duy Khu	2008-2010
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Hoàng Văn Thạch	2007-2008
			Lê Hồng Thái	2007-2010
			Vũ Hoàng Hoa	2007-2010
			Đỗ Tuấn	3/2009-2010
17	Ban Khí Điện (từ tháng 7-2009 tách thành hai ban: Ban Khí và Ban Điện)	<i>Trưởng ban</i>	Nguyễn Thanh Liêm	2007-2008
			Nguyễn Bùi Hải	2008-2/2009
			Trần Văn Vĩnh	2/2009-7/2009
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Nguyễn Thanh Hương	2007-7/2009
			Hà Đức Thu	2007-2/2009
			Đỗ Đông Nguyên	3/2009-7/2009
18	Ban Khí	<i>Trưởng ban</i>	Trần Văn Vĩnh	7/2009-3/2010
			Nguyễn Minh Đạo	3/2010
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Đỗ Đông Nguyên	7/2009-2010
			Lê Đức Quang	5/2010
			Ngô Anh Hiền	5/2010
19	Ban Điện	<i>Trưởng ban</i>	Nguyễn Tiến Vinh	7/2009-2010
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Nguyễn Thanh Hương	7/2009-2010
			Lê Hòa Thắng	9/2009-2010

1. Hàm Phó Tổng Giám Đốc Tập đoàn từ tháng 8-2010.

20	Ban Chế biến dầu khí	<i>Trưởng ban</i>	Nguyễn Việt Sơn	2007-7/2010
			Nguyễn Hoàng Yến	7/2010
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Phạm Văn Bắc	7/2010
			Lê Mạnh Hùng	2007-2009
			Võ Thị Thanh Ngọc	2008-10/2010
			Nguyễn Ngọc Hối	2008-2010
			Nguyễn Hoàng Yến	2008-7/2010
			Nguyễn Hồng Thanh	2009-2010
21	Ban Xây dựng	<i>Trưởng ban</i>	Phạm Thị Thu Hà	2007-1/2009
			Vũ Hồng Chương	2009-2010
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Khuất Quang Tiến	2007-4/2009
			Nguyễn Minh Đạo	2007-2/2008
			Vũ Hồng Chương	2007-1/2010
			Trần Quốc Hoàn	2009-2010
			Hà Duy Tân	3/2009-10/2009
			Nguyễn Văn Nguyên	2009-2010
			Nguyễn Anh Tuấn	12/2008-4/2009
			Võ Song Hà	2010
			Nguyễn Tuấn Minh	2009-2010
			Nguyễn Quốc Hùng	12/2010
22	Ban Thanh tra Bảo vệ (từ tháng 1-2008 đổi tên thành Ban Thanh tra)	<i>Trưởng ban</i>	Vũ Xuân Lũng	2007-2010
			Vũ Khánh Đông	2007-2010
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Vũ Ánh Đông	2008-2010
			Vũ Ngọc Thuyên	11/2010

II. LÃNH ĐẠO CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN VÀ TRỰC THUỘC

STT	Đơn vị	Chức vụ	Họ và tên cán bộ	Thời gian giữ chức vụ
1	Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Thành lập trên cơ sở sáp nhập Công ty Đầu tư Phát triển Dầu khí và Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí từ tháng 8-2007)	<i>Chủ tịch Hội đồng Thành viên</i>	Trần Ngọc Cảnh (kiêm nhiệm)	8/2007-12/2007
			Đỗ Văn Hậu (kiêm nhiệm)	1/2008-4/2008
			Trần Đức Chính	2008-7/2010
			Đỗ Văn Khạnh	8/2010
		<i>Thành viên Hội đồng Thành viên</i>	Nguyễn Văn Minh	2007-2008
			Nguyễn Quốc Thập	2008-2009
			Nguyễn Thiện Bảo	2007-2008
			Tạ Thị Vĩnh Hiền	2009-2010
			Phan Ngọc Trung	2008
			Nguyễn Vũ Trường Sơn	2009-2010
			Phan Khánh Hà	2009-8/2010
			Lê Thị Lam Giang	11/2010
		<i>Tổng Giám đốc</i>	Nguyễn Văn Minh	5/2007-8/2007
			Đỗ Văn Hậu (kiêm nhiệm)	8/2007-12/2007
			Nguyễn Quốc Thập	2008-7/2009
			Nguyễn Vũ Trường Sơn	7/2009-2010
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Nguyễn Quốc Thập	2007
			Lê Văn Trương	2007-2009
			Trần Quốc Vinh	2007-2009
			Trương Hồng Sơn	2007-2010
			Phan Thúy Lan	2007-2010
			Lê Thuận Khương	2007-4/2009
			Nguyễn Xuân Cường	2008-8/2010
			Nguyễn Thanh Trì	2009
			Vũ Thị Ngọc Lan	2009-2010
			Trần Bình Minh	2009-2010
Cao Hữu Bình	2009-2010			
Nguyễn Tiến Long	2010			

2	Tổng công ty Khí Việt Nam	<i>Chủ tịch Hội đồng Thành viên</i>	Nguyễn Văn Huệ	2007
			Đỗ Văn Đạo (kiêm nhiệm)	1/2008-4/2008
			Đỗ Khang Ninh	4/2008-2009
			Lê Minh Hồng (kiêm nhiệm)	2010
		<i>Thành viên Hội đồng Thành viên</i>	Vũ Đình Chiến (Phó Chủ tịch)	2008-2010
			Đỗ Khang Ninh	2007-4/2008
			Nguyễn Thị Lan	2008-2010
			Phan Quốc Nghĩa	
			Trần Văn Vĩnh	4/2008-1/2009
			Phạm Việt Anh	2/2009- 12/2009
			Đỗ Khang Ninh	2010
		<i>Tổng Giám đốc</i>	Đỗ Khang Ninh	2007-4/2008
			Trần Văn Vĩnh	4/2008-1/2009
			Phạm Việt Anh	2/2009- 12/2009
			Đỗ Khang Ninh	2010
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Nguyễn Trung Dân	2007-2010
			Trần Văn Vĩnh	2007-4/2008
			Đỗ Văn Liên	7/2006-7/2007
			Trần Hưng Hiến	2007-2010
			Bùi Minh Tiến	2007-2010
Nguyễn Thị Lan	2007-4/2008			
Nguyễn Xuân Hòa	2007-2008			
Phạm Thanh Sơn	2008-10/2010			
Dương Mạnh Sơn	2009-2010			
Nguyễn Thanh Nghị	2009-2010			
Nguyễn Quốc Huy	2010			
Phạm Hồng Lĩnh	8/2010			
Nguyễn Ngọc Sơn	9/2010- 12/2010			

3	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Chế biến và Kinh doanh sản phẩm dầu mỏ (PVPDC)	<i>Chủ tịch Hội đồng Thành viên</i>	Nguyễn Mạnh Hiền	2007-6/2008
		<i>Thành viên Hội đồng Thành viên</i>	Nguyễn Quốc Khánh	2007-6/2008
			Vương Tiến Khoa	2007-6/2008
			Phùng Như Dũng	2007-6/2008
			Nguyễn Sinh Khang	2007-6/2008
		<i>Tổng Giám đốc</i>	Nguyễn Quốc Khánh	2007-6/2008
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Vương Tiến Khoa	2007-6/2008
			Phùng Như Dũng	2007-6/2008
			Nguyễn Sinh Khang	2007-6/2008
			Lê Xuân Trình	2007-6/2008
Nguyễn Quốc Huy	2007-6/2008			
4	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại Dầu khí (Petechim)	<i>Chủ tịch Hội đồng Thành viên</i>	Nguyễn Văn Quân	2007-6/2008
		<i>Thành viên Hội đồng Thành viên</i>	Nguyễn Xuân Thắng	2007-6/2008
			Chu Thị Hiền	2007-6/2008
		<i>Tổng Giám đốc</i>	Nguyễn Xuân Thắng	2007-6/2008
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Chu Thị Hiền	2007-6/2008
			Hồ Tùng Vũ	2007-6/2008
			Võ Khánh Hưng	
Hoàng Dương				
5	Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) (trên cơ sở sáp nhập hai công ty PVPDC và Petechim)	<i>Chủ tịch Hội đồng Thành viên</i>	Nguyễn Sinh Khang	6/2008-3/2010
			Lê Như Linh	4/2010
		<i>Thành viên Hội đồng Thành viên</i>	Trần Cao Phong	6/2008-2010
			Nguyễn Hữu Thành	2009-2010
			Hoàng Dương	2009-2010
			Nguyễn Hữu Thành	2009-2010
			Nguyễn Xuân Sơn	2010
		<i>Tổng Giám đốc</i>	Nguyễn Quốc Khánh	6/2008-6/2009
			Nguyễn Xuân Sơn	7/2009-2010
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Hồ Tùng Vũ	6/2008-12/2010
			Hoàng Dương	6/2008-3/2009
			Lê Xuân Trình	7/2008-2010
			Trịnh Kim Nhạc	6/2008-2010
			Lý Hồng Đức	6/2008-2010
Phạm Thành Vinh	2009-2010			
Nguyễn Duyên Cường	2009-2010			

6	Công ty Thương mại Kỹ thuật Đầu tư (Petec) (trở thành đơn vị thành viên của Tập đoàn từ tháng 6-2010)	<i>Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc</i>	Lê Minh Trực	6/2010	
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Võ Tấn Phong	6/2010	
			Đỗ Hoàng Phúc	6/2010	
			Nguyễn Quý Nhân	6/2010	
			Nguyễn Đức Linh	6/2010	
7	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power)	<i>Chủ tịch Hội đồng Thành viên</i>	Vũ Huy Quang	2007-2008	
			Nguyễn Thanh Liêm	2008-11/2010	
			Đỗ Chí Thanh	11/2010	
		<i>Thành viên Hội đồng Thành viên</i>	Lê Hồng Tịnh	2007-8/2008	
			Đỗ Khang Ninh	5/2007-2/2009	
			Nguyễn Thanh Hương	5/2007-9/2007	
			Lê Đình Mậu	5/2007-9/2007	
			Nguyễn Thanh Liêm	9/2007-2008	
			Vũ Thị Bích Ngọc	9/2007-2/2009	
			Vũ Quốc Hải	2/2009-7/2010	
			Hồ Công Kỳ	9/2008-2/2009	
			Vũ Huy Quang	6/2007-2010	
			Hà Đức Thu	2/2009-2010	
			Nguyễn Hữu Quý	2/2009-2010	
			Nguyễn Việt Lợi	9/2010	
			<i>Tổng Giám đốc</i>	Lê Hồng Tịnh	5/2007-8/2008
				Vũ Huy Quang	9/2008-2010
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Lê Chung	5/2007-8/2007	
			Lê Anh Thông	5/2007-2/2009	
			Nguyễn Đình Lâm	9/2007-2008	
			Vũ Thị Bích Ngọc	9/2007-8/2008	
			Nguyễn Bùi Hải	1/2008-9/2008	
			Hồ Công Kỳ	8/2008-2/2009	
			Nguyễn Xuân Hòa	2/2009-3/2009	
			Vũ Thị Tố Nga	5/2009-10/2010	
			Phạm Xuân Trường	3/2008-2010	
			Hoàng Văn Nghiệp	11/2008-2010	
Đặng Minh Phong	2/2009-2010				
Nguyễn Thị Ngọc Bích	5/2009-2010				

8	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	<i>Chủ tịch Hội đồng Thành viên</i>	Trương Văn Tuyển	2008-9/2010
			Vũ Văn Nghiêm	10/2010
		<i>Thành viên Hội đồng Thành viên</i>	Nguyễn Hoài Giang	2008-2010
			Nguyễn Việt Sơn (kiêm nhiệm)	2008-7/2010
			Nguyễn Hoàng Yến (kiêm nhiệm)	7/2010
		<i>Tổng Giám đốc</i>	Đinh Văn Ngọc (Phó Tổng Giám đốc phụ trách)	2008-4/2009
			Nguyễn Hoài Giang	2009-2010
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Đinh Văn Ngọc	2009-2010
			Vũ Mạnh Tùng	2009-2010
			Phạm Văn Chất	11/2008-2010
			Nguyễn Việt Thắng	11/2008-2010
		9	Tổng công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo)	<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>
Nguyễn Xuân Thắng	6/2008-2010			
<i>Ủy viên Hội đồng Quản trị</i>	Cao Tùng Sơn			2007-2009
	Nguyễn Đức Hòa			2007-2010
	Nguyễn Thị Hiền			2007-2010
	Phạm Đăng Nam			2007-2010
	Bùi Quang Hưng			2009-2010
<i>Tổng Giám đốc</i>	Trịnh Thanh Bình			1-10/2007
	Phan Đình Đức			11/2007-11/2010
	Cao Hoài Dương			11/2010
<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Phạm Hữu Tiến			2007-2008
	Cao Tùng Sơn			2007-2008
	Ngô Hồng Minh			2007-2008
	Nguyễn Đức Hòa			2007
	Phạm Thành Vinh			2007-2008
	Từ Cường			2008-2010
	Lê Văn Quốc Việt			2007-2010
	Nguyễn Đức Thành			2009-2010
	Nguyễn Văn Tòng			2009-2010
	Chu Thị Hiền			2009-2010
Nguyễn Hồng Vinh	12/2009-2010			

10	Tổng công ty cổ phần Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí (DMC)	<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>	Bùi Ngọc Quang	5/2008-3/2009
			Nguyễn Ngọc Khánh	3/2009-2010
		<i>Ủy viên Hội đồng Quản trị</i>	Trần Quốc Việt	5/2008-10/2009
			Lê Công Thanh	5/2008-10/2009
			Lương Nguyễn Khoa Trường	5/2008-2010
			Nguyễn Ngọc Khánh	1/2009-3/2009
			Nguyễn Văn Lụa	8/2008-12/2008
			Đinh Thị Thủy	5/2009-2010
			Chu Thị Hiền	10/2009-2010
			Hà Duy Tân	10/2009-2010
		<i>Tổng Giám đốc</i>	Lương Nguyễn Khoa Trường	4/2008-2010
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Nguyễn Văn Lụa	5/2008-7/2008
			Nguyễn Ngọc Khánh	5/2008-12/2009
			Phạm Xuân Toàn	5/2008-2010
Nguyễn Ngọc Vinh	9/2008-2010			
Lê Hải Phong	4/2009-2010			
Lưu Quốc Phương	8/2010-12/2010			
11	Công ty cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi tổng hợp Dầu khí (PV Tex)	<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>	Trần Trung Chí Hiếu	8/2008-2010
			<i>Ủy viên Hội đồng quản trị</i>	Nguyễn Minh Đạo
		Vũ Đình Duy		7/2009-2010
		<i>Tổng Giám đốc</i>	Nguyễn Minh Đạo	8/2008-7/2009
			Vũ Đình Duy	7/2009-2010
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Đỗ Văn Kế	2009-2010
			Lê Quốc Anh	7/2009-5/2010
			Đinh Văn Ngữ	6/2010
Bùi Việt Hà	10/2010			
12	Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí (PV Construction)	<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>	Bùi Quang Hưng	1/2007-11/2007
			<i>Ủy viên Hội đồng Quản trị</i>	Phạm Xuân Diệu
		Nguyễn Minh Sửa		1/2007-11/2007
		<i>Tổng Giám đốc</i>	Phạm Xuân Diệu	1/2007-11/2007
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Nguyễn Minh Sửa	1/2007-11/2007
			Nguyễn Ngọc Dũng	1/2007-11/2007
Nguyễn Ngọc Quý	1/2007-11/2007			

13	Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí (PV Engineering)	<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>	Đỗ Văn Định	1/2007- 11/2007
		<i>Tổng Giám đốc</i>	Đỗ Văn Thanh	1/2007- 11/2007
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Phạm Thanh Minh	1/2007- 11/2007
14	Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) (trên cơ sở sáp nhập PV Construction, PV Engineering và các công ty xây dựng, bất động sản của Tập đoàn từ tháng 11-2007)	<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>	Phạm Xuân Diệu	11/2007-2008
			Trịnh Xuân Thanh	2009-2010
		<i>Ủy viên Hội đồng Quản trị</i>	Trịnh Xuân Thanh	11/2007-2008
			Nguyễn Minh Sửa	11/2007-2008
			Đỗ Văn Thanh	9/2009-2010
			Nguyễn Đình Thế	11/2007-2008
			Vũ Đức Thuận	2009-2010
			Nguyễn Ngọc Quý	2009-2010
			Bùi Tiến Thành	11/2007-2008
			Nguyễn Thị Thu Hương	2009-9/2010
		<i>Tổng Giám đốc</i>	Trịnh Xuân Thanh	11/2007-2008
			Phạm Xuân Diệu	1/2009-9/2009
			Vũ Đức Thuận	9/2009-2010
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Nguyễn Minh Sửa	11/2007-2008
			Phạm Hữu Nghĩa	11/2007-2010
			Nguyễn Huy Hòa	11/2007-2010
			Nguyễn Ngọc Dũng	2008-2010
			Nguyễn Ngọc Quý	11/2007-2008
			Lê Chung Dũng	2009-2010
Chu Văn Minh	2009-2010			
Nguyễn Mạnh Tiến	2009-2010			
Nguyễn Tiến Dũng	2008-10/2009			
Lý Ngọc Tuấn	11/2009-2010			

15	Tổng công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)	<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>	Đặng Thế Hường	2007
			Lê Minh Hồng	1/2008-5/2008
			Thái Quốc Hiệp	6/2008-2010
		<i>Ủy viên Hội đồng Quản trị</i>	Nguyễn Chí Thành	2007-2008
			Thái Quốc Hiệp	2007-5/2008
			Nguyễn Hùng Dũng	2008-2010
			Nguyễn Hữu Hải	2008-2010
			Nguyễn Văn Dân	2009-2010
			Phạm Văn Dũng	2009-2010
			Lê Minh Tiến	2007-2010
		<i>Tổng Giám đốc</i>	Phạm Việt Anh (PCT)	1/2010-11/2010
			Thái Quốc Hiệp	2007-5/2008
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Nguyễn Hùng Dũng	6/2008-2010
			Lê Minh Tiến	2007-8/2009
			Nguyễn Chí Thành	2007-2008
			Nguyễn Tấn Hòa	2007-2010
			Phạm Việt Anh	1/2007-7/2007
			Nguyễn Hùng Dũng	2007-5/2008
Trần Ngọc Dũng	2007-2008			
Tạ Đức Tiến	2007-2008			
Phùng Tuấn Hà	2007-8/2009			
Nguyễn Trần Toàn	2007-2010			
Lê Cự Tân	2009-2010			
Nguyễn Văn Mậu	2009-2010			
Lê Mạnh Cường	2009-2010			

16	Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD)	<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>	Đỗ Đình Luyện	2007-6/2009
			Lê Như Linh	7/2009-3/2010
			Đỗ Đức Chiến	4/2010
		<i>Ủy viên Hội đồng Quản trị</i>	Đỗ Văn Khánh	2007-7/2010
			Trần Văn Hoạt	2007-2009
			Phạm Tiến Dũng	2007-2010
			Đoàn Đình Thái	2010
			Kiều Thị Hoài Minh	2010
		<i>Tổng Giám đốc</i>	Đỗ Văn Khánh	2007-7/2010
			Phạm Tiến Dũng	8/2010
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Trần Văn Hoạt	2007-2010
			Phạm Tiến Dũng	2007-7/2010
			Lương Trọng Diệp	2007-2009
			Hồ Vũ Hải	2008-2010
			Hồ Ngọc Yến Phương	2008-2010
			Đào Ngọc Anh	12/2009-2010
Nguyễn Xuân Cường	8/2010			
17	Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (PV Trans)	<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>	Bùi Thọ Mạnh	5/2007-3/2008
			Đỗ Văn Liên	4/2008-2010
		<i>Ủy viên Hội đồng Quản trị</i>	Bùi Đình Khả	1/2010-7/2010
			Nguyễn Phùng Hưng	2007-2010
			Phạm Việt Anh	8/2007-3/2009
			Tạ Đức Tiến	4/2009-11/2010
		<i>Tổng Giám đốc</i>	Bùi Đình Khả	1/2007-7/2007
			Phạm Việt Anh	8/2007-3/2009
			Tạ Đức Tiến	4/2009-11/2010
			Phạm Việt Anh	12/2010
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Đỗ Văn Liên	8/2007-3/2008
			Nguyễn Phùng Hưng	2007-2010
			Trần Tuấn Nam	2007-2010
			Nguyễn Anh Minh	2008-2010
			Đào Mạnh Tiến	2009-2010

18	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (trở thành đơn vị thành viên của Tập đoàn từ tháng 7-2010)	<i>Chủ tịch công ty</i>	Nguyễn Văn Hội	7/2010
		<i>Tổng Giám đốc</i>	Cao Thành Đồng	7/2010
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Đinh Tiến Dũng	7/2010
			Huỳnh Văn Điều	7/2010
			Vũ Hữu Chiến	7/2010
			Trần Hoài An	10/2010
19	Tổng công ty cổ phần Dịch vụ tổng hợp Dầu khí (Petrosetco)	<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>	Trần Công Tào	2007-6/2009
			Đỗ Đức Chiến	7/2009-3/2010
			Trịnh Thanh Bình	4/2010-7/2010
			Vũ Quang Nam (kiêm nhiệm)	8/2010
		<i>Ủy viên Hội đồng Quản trị</i>	Nguyễn Hữu Thành	2007-7/2009
			Nguyễn Sỹ Đàm	9/2009-2009
			Lê Thuận Khương	2009-2010
			Phùng Tuấn Hà	8/2009-2010
			Trịnh Thanh Bình (PCT)	12/2009-4/2010
			Dương Minh Đức (PCT)	5/2010
		<i>Tổng Giám đốc</i>	Nguyễn Hữu Thành	2007-7/2009
			Phùng Tuấn Hà	8/2009-2010
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Hồ Sỹ Long	2007-2010
			Nguyễn Sỹ Đàm	2007-9/2010
			Phạm Anh Tuấn	2007-2009
			Đặng Xuân Thọ	2009
			Nguyễn Xuân Hùng	2009-2010
			Bùi Anh Dũng	2009-2010
			Phạm Thị Hồng Điệp	10/2010

20	Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)	<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>	Nguyễn Tiến Dũng	2007-2008
			Nguyễn Đình Lâm	2009-2010
		<i>Ủy viên Hội đồng Quản trị</i>	Nguyễn Xuân Sơn	1/2007-6/2007
			Nguyễn Xuân Sơn	2007-2008
			Đỗ Quang	2007-2010
			Tống Quốc Trường	2007-2/2010
			Đình Thái Hà	2007-3/2008
			Vũ Huy An (PCT)	2009-2010
			Nguyễn Khuyến Nguồn	2009-2010
			Nguyễn Thiện Bảo	3/2010
			<i>Tổng Giám đốc</i>	Nguyễn Xuân Sơn
		Tống Quốc Trường		6/2007-2/2010
		Nguyễn Thiện Bảo		3/2010
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Phạm Ngọc Láng	2007-2008
			Đoàn Minh Mẫn	2007-2010
			Tống Quốc Trường	1/2007-6/2007
			Bùi Thị Nguyệt	2007
			Vũ Thị Ngọc Lan	2007-2008
			Nguyễn Khuyến Nguồn	2007-2008
			Nguyễn Đình Lâm	2008
Nguyễn Anh Tuấn	2008-2010			
Nguyễn Quốc Khánh	2008			
Phạm Huy Tuyên	2009-2010			
Triệu Thọ Hân	2009-2010			
Nguyễn Thiện Bảo	2009-2/2010			
Nguyễn Thu Hương	2009-2010			

21	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI)	<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>	Lê Văn Hùng	2007-2008
			Nguyễn Anh Tuấn	2009-2010
		<i>Ủy viên Hội đồng Quản trị</i>	Nguyễn Anh Tuấn	2007-2008
			Trần Văn Kim	2007-2010
			Tôn Thiện Việt (PCT)	2007-2010
			Bùi Vạn Thuận	2009-2010
			Trần Văn Quý	12/2010
		<i>Tổng Giám đốc</i>	Nguyễn Anh Tuấn	2007-2008
			Bùi Vạn Thuận	2009-2010
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Trần Văn Kim	1/2007-4/2007
			Tôn Thiện Việt	1/2007-5/2007
			Phạm Anh Đức	2007-2010
			Đỗ Trung Thiện	2007
			Trần Văn Quý	2009-2010
			Bùi Ngọc Thắng	2007-4/2009
			Bùi Vạn Thuận	2007-2008
			Nguyễn Hoàng Tuấn	2009-2010
			Vũ Văn Thắng	2009-2010
			Nguyễn Ngọc Minh	6/2010
Trương Quốc Lâm	11/2010			
Phạm Khắc Dũng	11/2010			
22	Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (năm 2009 chuyển về làm thành viên của PVI và từ năm 2010 chuyển về PVFC)	<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>	Ngô Anh Tuấn	2007-2/2008
			Đình Thái Hà	3/2008-4/2009
			Dương Minh Đức	4/2009-9/2009
			Bùi Ngọc Thắng	9/2009-2010
		<i>Ủy viên Hội đồng Quản trị</i>	Dương Minh Đức	2007-4/2009
			Bùi Ngọc Thắng	4/2009-9/2009
		<i>Tổng Giám đốc</i>	Dương Minh Đức	2007-4/2009
			Bùi Ngọc Thắng	4/2009-9/2009
			Nguyễn Quang Huy	9/2009-2010
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Trần Hùng Dũng	2007-2010
			Nguyễn Văn Tòng	2007-2008
			Nguyễn Xuân Hưng	2007-2010
Nguyễn Quang Huy	4/2010-9/2010			

23	Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (năm 2009 chuyển về làm thành viên của PVFC)	<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>	Nguyễn Hữu Phẩm	2007-7/2009	
			Nguyễn Ngọc Minh	7/2009-6/2010	
		<i>Tổng Giám đốc</i>	Chu Xuân Lai	2007-2010	
			<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Kiều Hùng	2007-2010
				Nguyễn Ngọc Minh	2007-7/2009
24	Công ty cổ phần Dịch vụ cao cấp Dầu khí (năm 2008 chuyển về PVFC, năm 2009 chuyển về PVC)	<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>	Dương Văn Thúc	2007	
			Bùi Quang Hưng	2008	
		<i>Tổng Giám đốc</i>	Nguyễn Văn Nguyên	2007-2008	
			<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Bùi Ngọc Hưng	2007-2008
				Đào Anh Dũng	2007-2008
25	Công ty cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (năm 2009 chuyển về làm thành viên PTSC)	<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>	Phan Huy Thông	2007-2009	
			<i>Tổng Giám đốc</i>	Hoàng Trung Hưng	2007-2009
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Nguyễn Đình Nguyên	2007-2009	
			Nguyễn Tuấn Minh	2008-2009	
26	Công ty Quản lý và Khai thác tài sản Dầu khí (năm 2009 chuyển về Petrosetco)	<i>Chủ tịch Công ty</i>	Phan Kiến Anh	2007	
			<i>Tổng Giám đốc</i>	Nguyễn Lê Bình	2007-2/2008
		Hồ Công Kỳ		2/2008-2/2009	
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Bùi Ngọc Biểu	2007-2008	
			Đỗ Tuấn	2007-2008	
			Đồng Xuân Hưng	2007-2008	
27	Công ty cổ phần Truyền thông Dầu khí (PV Media) (từ tháng 2-2009 về PVFC, năm 2010 chuyển về PVI)	<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>	Nguyễn Trường Sơn	2007-2008	
			Lê Minh Hồng (kiêm nhiệm)	12/2008-7/2009	
			Dương Minh Đức	7/2009-4/2010	
		<i>Tổng Giám đốc</i>	Phan Chí Thanh	2007-2008	
			<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Nguyễn Việt Cường	2007-2008

28	Công ty cổ phần Công nghệ thông tin viễn thông và Tự động hóa (từ năm 2010 chuyển về PTSC)	<i>Chủ tịch Công ty</i>	Hoàng Thế Dũng	2007-2009
		<i>Tổng Giám đốc</i>	Nguyễn Việt Hùng	2007-2009
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Trịnh Văn Lượng	2007-2009
29	Công ty cổ phần Tập đoàn công nghệ Năng lượng Dầu khí (PV EIC)	<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>	Vũ Thúy Huệ	3/2009-9/2010
			Nguyễn Văn Quế	9/2010
		<i>Tổng Giám đốc</i>	Nguyễn Văn Quế	3/2009-9/2010
			Trần Trung Chính	9/2010
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Trần Trung Chính	7/2010-9/2010
			Vũ Quang Vinh	10/2010
30	Công ty cổ phần Đầu tư cảng Phước An (PAP)	<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>	Nguyễn Mạnh Hiền	2008-2010
		<i>Tổng Giám đốc</i>	Trần Ngọc Dũng	2008-2010
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Trần Thanh Tùng	2008-2010
			Trần Ngọc Tôn	2008-2010
31	Công ty Cung ứng và Xuất khẩu nhân lực dầu khí (Petromanning) (từ năm 2009 chuyển về Trường Cao đẳng nghề Dầu khí)	<i>Chủ tịch Hội đồng Thành viên</i>	Bùi Hải Hòa	2007-2009
		<i>Thành viên Hội đồng Thành viên</i>	Nguyễn Văn Tới	2007-2008
			Trần Văn Đào	2008-2009
		<i>Tổng Giám đốc</i>	Nguyễn Văn Tới	2007-2008
			Nguyễn Hữu Quý	2008-2009
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Trần Văn Đào	2007-2009
			Đinh Ngọc Việt	2007-2009

32	Viện Dầu khí Việt Nam (VPI) (năm 2007 các Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Chế biến Dầu khí, Nghiên cứu Phát triển An toàn Môi trường Dầu khí và Trung tâm Thông tin Tư liệu Dầu khí chuyển về làm thành viên của VPI)	Viện trưởng	Vũ Văn Kính	2007
			Phan Tiến Viễn	2007- 2008
			Phan Ngọc Trung	2008-2010
		Phó Viện trưởng	Phạm Ngọc Giản	2007-2008
			Nguyễn Trọng Tín	2007-2010
			Phan Tiến Viễn	2007
			Nguyễn Hữu Trung	2007-2010
			Phạm Thị Thanh Tuyền	2008-2010
			Nguyễn Anh Đức	2007-2010
			Đào Duy Khu	2007-4/2008
Nguyễn Hồng Minh	6/2010			
33	Trường Cao đẳng Nghề Dầu khí	Chủ tịch Hội đồng Trường	Vũ Duy Hào	2008-7/2010
			Trần Văn Thục	8/2010
		Ủy viên Hội đồng Trường	Trần Thắm	2008-2010
			Ngô Xuân Hưng	2008-2010
			Nguyễn Huy Thăng	2008-2010
			Trịnh Tuấn Anh	2008-2010
		Hiệu trưởng	Vũ Duy Hào	2007-2010
		Phó Hiệu trưởng	Trần Thắm	2007-2010
			Nguyễn Văn Đức	2007-2010
			Dương Văn Viên	2007-2010
Trịnh Hải	2007-2008			
Ngô Xuân Hưng	2009-2010			

34	Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro (VSP)	<i>Tổng Giám đốc</i>	Trần Lê Đông	2007-2/2009
			Nguyễn Hữu Tuyển	3/2009-2010
		<i>Phó Tổng Giám đốc thứ nhất</i>	M.A. Sobolev	2007-2010
		<i>Chánh kỹ sư</i>	Nguyễn Thúc Kháng	2007-2010
		<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	Trần Văn Hồi (Phụ trách địa chất)	2007-2010
			P.G. Kladiev (Phụ trách vật tư)	2007-2009
			Hà Ngọc Khuê (Phụ trách khoan)	2007-2010
			Vũ Thiện Lương (Phụ trách khoan)	3/2010
			Nguyễn Văn Tuyển (Phụ trách thương mại)	2007-2008
			Nguyễn Văn Quân (Phụ trách thương mại)	2008-2010
			Lâm Quang Chiến (Phụ trách xây dựng cơ bản)	2007-2010
			Đỗ Đình Khải (Phụ trách nội chính)	2007
			Bùi Văn Vi (Phụ trách nội chính)	2007-2010
			Vũ Nam Cường (Phụ trách nội chính)	4/2010
Lê Minh Tuân (Phụ trách đầu tư và phát triển)	4/2010			

35	Ban Quản lý dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau	<i>Trưởng ban</i>	Phạm Văn Định	2007-1/2009
			Trịnh Thanh Bình	2/2009-11/2009
			Lê Mạnh Hùng	12/2009-2010
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Đào Văn Chuyên	2007-2008
			Phạm Thanh Trị	2007-2009
			Nguyễn Đức Thành	2007-2008
			Lê Anh Thông	2009-2010
			Lê Tự Hiếu	2007-2008
			Phan Văn Hiến	2007-2008
			Đỗ Trung Hùng	4/2009-12/2009
			Trương Văn Thiện	2007-2008
			Hoàng Trọng Dũng	2009-2010
			Văn Tiến Thanh	2010
36	Ban Quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	<i>Trưởng ban</i>	Trương Văn Tuyển	2007-9/2010
			Vũ Văn Nghiêm	10/2010
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Nguyễn Đăng Kiến	2007-2008
			Trần Minh Ngọc	2007-2008
			Nguyễn Tấn Yên	2007-2008
			Bùi Hữu An	2007-2010
			Hoàng Việt Dũng	2007-2008
			Bùi Danh Cường	2007-2008
			Nguyễn Hoài Giang	2007-2008
			Vũ Mạnh Tùng	2008
			Đình Văn Ngọc	2007-2008
			Nguyễn Văn Hội	2007-6/2010
			37	Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp lọc - hóa dầu Nghi Sơn
Tôn Anh Thi	2008-2010			
<i>Phó Trưởng ban</i>	Tôn Anh Thi	2007-2008		
	Lê Xuân Hoàng	2007-2010		
	Trần Khắc Hiệp	2007-2010		
	Nguyễn Trọng Phong	2009-2010		

38	Ban Chuẩn bị đầu tư Nhà máy Lọc dầu số 3 (từ tháng 2-2010 giải thể)	<i>Trưởng ban</i>	Trần Ngọc Sơn	2007-5/2009
			Trần Văn Thục	6/2009-2/2010
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Trần Kim Thạch	2007-11/2009
39	Ban Quản lý Dự án các công trình xây dựng phía Bắc (năm 2010 cổ phần hóa thành Công ty Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí)	<i>Trưởng ban</i>	Lê Chung	2007-2009
			<i>Phó Trưởng ban</i>	Đỗ Trung Hùng
		Nguyễn Hữu Hùng		2007-2009
		Vương Tiến Khoa		2008-2009
Khuất Quang Tiến	2009			
40	Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí (PCIC)	<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>	Võ Thế Vinh	2010
			<i>Tổng Giám đốc</i>	Lê Chung
		Nguyễn Hữu Hùng		2010
		Vương Tiến Khoa		2010
		Khuất Quang Tiến	2010	
41	Ban Quản lý Dự án khí Tây Nam Bộ (từ tháng 4-2010 chuyển về làm thành viên PV Gas)	<i>Trưởng ban</i>	Phạm Hồng Lĩnh	2009-2010
			<i>Phó Trưởng ban</i>	Đình Văn Dĩnh
		Nguyễn Mạnh Tường		2009-2010
		Nguyễn Quốc Hùng		2009-2010
42	Ban Quản lý Dự án khí Đông Nam Bộ (từ tháng 12-2010 chuyển về làm thành viên PV Gas)	<i>Trưởng ban</i>	Nguyễn Xuân Sơn	2009
			<i>Phó Trưởng ban</i>	Bùi Ngọc Quang
		Đào Văn Chuyên		2009-2010
		Nguyễn Minh Sửa		2009-2010
		Đoàn Văn Cường		2009-2010
43	Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú - Sông Hậu	<i>Trưởng ban</i>	Hồ Công Kỳ	2009-11/2010
			Nguyễn Doãn Toàn	11/2010
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Lê Anh Thông	2009-2010
			Lý Ngọc Tuấn	2009-5/2010
			Nguyễn Doãn Toàn	2009-11/2010
			Nguyễn Tiến Dũng	5/2010

44	Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	<i>Trưởng ban</i>	Phạm Văn Định	2009-2010
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Nguyễn Thành Hường	2009-2010
			Hồ Xuân Hiền	2009-2010
			Phan Văn Hiến	2009-2010
45	Ban Quản lý Dự án đóng mới giàn khoan	<i>Trưởng ban</i>	Trần Minh Ngọc	2009-2010
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Lê Hữu Quý	2009-2010
46	Ban Quản lý Dự án Trường đại học Dầu khí	<i>Trưởng ban</i>	Lê Phước Hào	2007-2010
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Trịnh Dũng	2007-4/2010
			Hoàng Hùng	2007-2010
			Đình Văn Toàn	2007-2010
47	Trường đại học Dầu khí (thành lập theo Quyết định số 2157/QĐ-TTg ngày 25-11-2010 của Thủ tướng Chính phủ)	<i>Chủ tịch Hội đồng Trường</i>	Nguyễn Văn Minh	12/2010
		<i>Ủy viên Hội đồng Trường</i>	Lê Phước Hào	12/2010
			Nguyễn Xuân Sơn	12/2010
			Hoàng Hùng	12/2010
			Lê Xuân Vệ	12/2010
			Vũ Duy Hào	12/2010
			Lâm Quang Chiến	12/2010
			Đỗ Văn Khánh	12/2010
			Nguyễn Trọng Tín	12/2010
		<i>Hiệu trưởng</i>	Lê Phước Hào	12/2010
		<i>Phó Hiệu trưởng</i>	Hoàng Hùng	12/2010
Đình Văn Toàn	12/2010			

48	Ban Chuẩn bị đầu tư Bệnh viện Dầu khí (năm 2009 giải thể)	<i>Trưởng ban</i>	Nguyễn Tất Thắng	2007-2008
		<i>Phó Trưởng ban</i>	Vũ Văn Trọng	2007-2008
49	Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BĐPOC)	<i>Giám đốc</i>	Nguyễn Quỳnh Lâm	2009-2010
		<i>Phó Giám đốc</i>	Trần Việt Dũng	2009-2010
			Trần Hồng Nam	2009-2010
50	Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Nhập khẩu và Phân phối Than Dầu khí (PV Coal)	<i>Giám đốc</i>	Nguyễn Xuân Hòa	2009-2010
		<i>Phó Giám đốc</i>	Phạm Ngọc Láng	2009-2010
			Trịnh Hải	2009-2010
			Tô Minh Tiến	9/2010

PHÂN LÔ DẦU KHÍ THÊM LỤC ĐỊA VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KỲ (1973-2010)

Phạm Việt Dũng¹

I. TRƯỚC NĂM 1975

Việc phân lô dầu khí thêm lục địa phía Nam Việt Nam đã được chính quyền Việt Nam Cộng hòa tiến hành từ năm 1970. Ngày 1-12-1970, Chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã ban hành Luật số 011/70 về tìm kiếm, khai thác dầu mỏ và ngày 9-6-1971, Bộ Kinh tế của Chính quyền Việt Nam Cộng hòa công bố Nghị định số 249/BKT/VP/UBQGDH/NĐ về cấp quyền đặc nhượng tìm kiếm, khai thác dầu mỏ ngoài khơi thêm lục địa phía Nam Việt Nam và quy định cho đấu thầu đặc nhượng đối với 61 lô.

Các lô này được gọi là lô mở và chưa được đặt tên. Chỉ khi nào lô dầu khí được đưa vào đàm phán với các đối tác để đi đến ký Hợp đồng Đặc nhượng tìm kiếm khai thác dầu mỏ thì mới được đặt tên theo số thứ tự ký kết hợp đồng, lần lượt là: lô 01-TLĐ, lô 02-TLĐ,...

Trong năm 1973 có 8 lô được cấp quyền đặc nhượng là:

STT	Tên lô năm 1973	Tên tổ hợp, công ty trúng thầu	Ngày ký	Lô tương ứng (sau năm 1975)
1	01-TLĐ	Sunning Dale	21-8-1973	Lô 28
2	02-TLĐ	Sunning Dale	21-8-1973	Lô 29
3	03-TLĐ	Mobil Oil	21-8-1973	Lô 05
4	04-TLĐ	Mobil Oil	21-8-1973	Lô 09
5	05-TLĐ	Esso Exploration	21-8-1973	Lô 11
6	06-TLĐ	Pecten Vietnam	28-8-1973	Lô 04
7	07-TLĐ	Pecten Vietnam	28-8-1973	Lô 15
8	08-TLĐ	Pecten Vietnam	28-8-1973	Lô 12

1. Phó Trưởng ban Tìm kiếm, thăm dò, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

Năm 1974 có thêm 5 lô được cấp quyền đặc nhượng là:

STT	Tên lô năm 1974	Tên tổ hợp, công ty trúng thầu	Ngày ký	Lô tương ứng (sau năm 1975)
1	09-TLĐ	Pecten BHP	27-6-1974	Lô 06
2	10-TLĐ	Union Texas Vietnam	27-6-1974	Lô 10
3	11-TLĐ	Marathon Petroleum	27-6-1974	Lô 20
4	12A-TLĐ	Mobil Keiyo	27-6-1974	Lô 03
5	12B-TLĐ	Mobil Keiyo	27-6-1974	Lô 16

Ngoài ra còn có 4 hợp đồng đặc nhượng, với các lô có số hiệu là 14-TLĐ, 15-TLĐ, 16-TLĐ và 17-TLĐ (tương ứng với số hiệu các lô sau này là 18, 25, 32 và 40) còn trong quá trình đàm phán chưa được cấp quyền đặc nhượng.

(Chi tiết xem ở Phần I, Chương 2, Mục II. Hoạt động dầu khí của Pháp ở vùng tạm chiếm và của Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam).

II. NĂM 1976

Để chuẩn bị cho việc tiến hành các hoạt động dầu khí ở thêm lục địa phía Nam Việt Nam, Tổng cục Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam đã tiến hành việc đánh số tên các lô theo quy tắc từ trên xuống dưới và từ phải sang trái trên cơ sở Sơ đồ phân lô dầu hỏa thêm lục địa phía Nam Việt Nam được Chính quyền Việt Nam Cộng hòa phân năm 1971. Trừ trường hợp lô 15, đã được điều chỉnh, bổ sung thêm một phần diện tích nhỏ ở phía Đông Nam ban đầu thuộc lô 09.

III. NĂM 1982

Từ năm 1978, giữa hai nước Việt Nam và Indônêxia đã tiến hành đàm phán về phân định ranh giới vùng đặc quyền kinh tế và thêm lục địa. Phía Việt Nam đưa ra quan điểm về rãnh sâu trong công tác phân định. Đến năm 1982, giữa Việt Nam và Campuchia đã ký kết Hiệp định về vùng nước lịch sử ở vùng biển Tây Nam. Do vậy, Sơ đồ phân lô dầu khí thêm lục địa phía Nam Việt Nam năm 1982 có sự điều chỉnh một số lô.

IV. NĂM 1988

Năm 1987, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Để chuẩn bị cho việc đàm phán và ký hợp đồng dầu khí với các công ty hoặc tổ hợp các công ty dầu khí nước ngoài, Tổng cục Dầu khí Việt Nam tiến hành phân lô dầu khí cho toàn bộ thêm lục địa Việt Nam. Cơ sở pháp lý của việc phân lô này bao gồm: “Tuyên bố về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thêm lục địa của Việt Nam” do Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra tuyên bố ngày 12-5-1977 và “Tuyên bố về đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam” do Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra tuyên bố ngày 12-11-1982. Sơ đồ phân lô dầu khí năm 1988 đã kế thừa Sơ đồ phân lô dầu khí ở thêm lục địa phía Nam Việt Nam và sử dụng hải đồ với các tỷ lệ 1/100.000, 1/300.000 và 1/500.000 do Hải quân Nhân dân Việt Nam xuất bản để xác định tọa độ các điểm ranh giới ngoài thêm lục địa Việt Nam.

V. NĂM 1991

Trên cơ sở Hiệp định Dầu khí Việt - Xô năm 1991, từ năm 1994, Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro chỉ giữ lại diện tích khu vực các mỏ Bạch Hổ, Rồng (lô 09-1) để phát triển và khai thác. Một số lô dầu khí ở thêm lục địa phía Nam Việt Nam được phân chia lại để đưa ra đàm phán ký hợp đồng dầu khí có diện tích phù hợp với thông lệ. Trong đó các lô 04, 05, 09, 11, 12, 15 và 16 được chia lại thành các lô 04-1, 04-2, 04-3, 05-1a, 05-1b, 05-1c, 05-2, 05-3, 09-1, 09-2, 09-3, 11-1, 11-2, 12E, 12W, 15-1, 15-2, 16-1 và 16-2.

VI. TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY

Từ năm 1991 trở đi, rất nhiều lô được đưa ra để đàm phán và ký kết các hợp đồng dầu khí. Theo quy định của các hợp đồng dầu khí, sau mỗi kỳ hoặc giai đoạn thực hiện hợp đồng, nhà thầu phải trả lại một phần diện tích của hợp đồng đã ký. Phần diện tích mà nhà thầu giữ lại được giữ nguyên tên lô ban đầu khi ký kết hợp đồng. Phần diện tích mà nhà thầu hoàn trả được gán tên mới với việc ghép tên cũ với năm hoàn trả diện tích cách nhau bởi dấu gạch chéo từ phải sang, ví dụ các lô 06/94, 42/02,... Do có một số diện tích hoàn trả quá nhỏ hoặc không đủ cơ sở để đưa ra đàm phán hợp đồng dầu khí, nên đã kết hợp lại thành các lô mới. Hai chữ số sau dấu gạch chéo được gán cho năm hình thành lô mới.

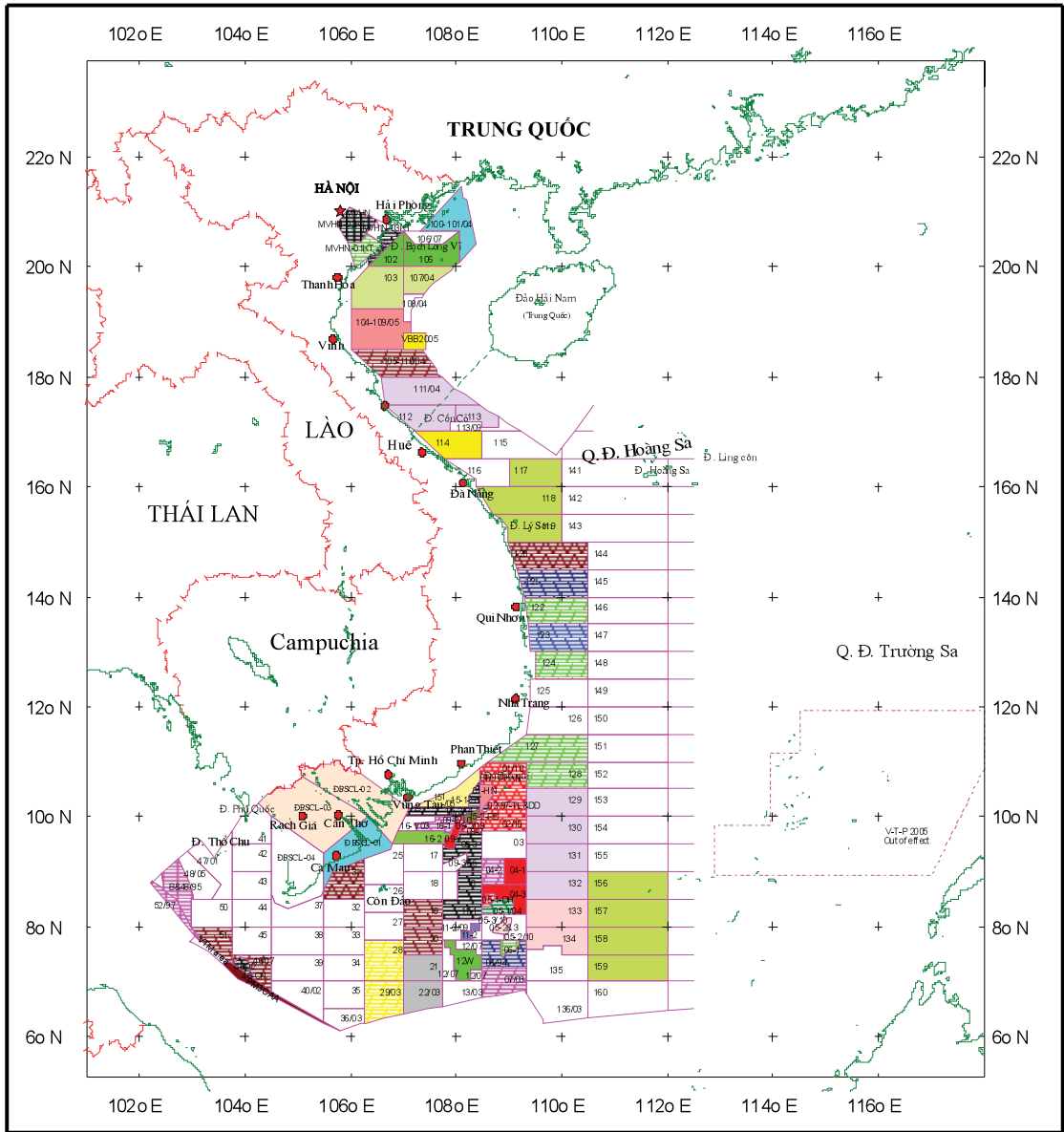
Sơ đồ phân lô dầu khí còn được điều chỉnh lại mỗi khi hiệp định về phân định ranh giới thêm lục địa được ký kết với nước láng giềng. Cụ thể là:

- Hiệp định ký với Thái Lan năm 1997;
- Hiệp định phân định vịnh Bắc Bộ ký với Trung Quốc năm 2000;
- Hiệp định ký với Indônêxia năm 2003.

Đồng thời, Sơ đồ phân lô dầu khí sau này đã không đưa vào các lô nằm trong vùng nước lịch sử Việt Nam - Campuchia, mà đã được hai nước thỏa thuận trong Hiệp định.

Sơ đồ phân lô dầu khí thể hiện hoạt động dầu khí tại thêm lục địa Việt Nam được cập nhật theo tháng khi ký kết hợp đồng dầu khí mới hoặc khi có diện tích được nhà thầu hoàn trả. Sơ đồ hoạt động dầu khí đến tháng 7-2010 được thể hiện dưới đây.

HOẠT ĐỘNG DẦU KHÍ Ở VIỆT NAM



Bể Cửu Long

- 01 (HN) PCOSB
- 01/97&02/97 Lam son JOC
- 01/10&02/10 PVEP
- 09-1 Vietsovietro
- 09-2 Hoan vu JOC
- 09-2/09 Hong long POC
- 09-2/10 PVEP
- 09-3 VRJ JOC
- 15-1 (ST) Cuu long JOC
- 15-1/05 Phu quy POC
- 15-2 (RD) JVPC
- 15-2/01 Thang long JOC
- 16-1 Hoang long JOC
- 16-2 Phu quy POC
- ĐBSCL-01 Salamander
- ĐBSCL-02 Total E&P Vietnam
- ĐBSCL-03 Total E&P Vietnam
- 31 Salamander Energy

Bể Nam Côn Sơn

- 04-1 Vietsovietro
- 04-2 Peari Oil Tephrite
- 04-3 Vietsovietro
- 05-1 (DH) PVEP
- 05-1b&05-1c Idemitsu
- 05-2&05-3 Bien dong POC
- 06-1 BP
- 06/94 Pearl Energy
- 07/03 Premier Oil
- 10 & 11-1 Con son JOC
- 11-2 (RD) KNOC
- 12W Premier Oil
- 19 Mitra Energy VNPQ
- 20 Mitra Energy VNRD
- 28, 29/03 BHP Billiton
- 129-132 Vietgazprom

Bể Sông Hồng

- 100-101/04 Santos
- 102, 106 PCVL
- 103, 107/04 Bach dang POC
- 104, 109/05 Premier Oil
- 105&110/04 Neon Energy
- 111/04,112,113 Vietgazprom
- 114 Essar E & P Ltd.
- 117, 118, 119 ExxonMobil
- 120 Neon Energy
- 121 Origin Energy
- MVHN-02 Quad Energy
- MVHN-01KT Arrow
- MVHN-02KT Keeper

Bể Phú Khánh

- 122 Chevron Vietnam
- 123 Santos
- 124 Plains
- 127 ONGC Videsh
- 128 ONGC Videsh

Bể Malay - Thổ Chu

- 46 (CN) Talisman Vietnam
- 46/02 Trương sơn JOC
- 46/07 Mitra Energy
- 51 Mitra Energy
- 52/97 Chevron Vietnam
- B & 48/95 Chevron Vietnam
- PM3 CAA Talisman

Bể Tư Chính

- 133, 134 Talisman
- 156-159 ExxonMobil

- Bacbo Gulf-2005 HTSP
- Vietnam-Philippine-China 2005 (Out of effect)

Phụ lục số 3A

**CÁC HIỆP ĐỊNH/HỢP ĐỒNG/THỎA THUẬN DẦU KHÍ TRONG NƯỚC
GIAI ĐOẠN 1978-2010**

Vũ Thị Bích Ngọc¹

STT	Tên lô	Tên hợp đồng	Ngày và nơi ký hợp đồng	Ngày có hiệu lực	Người ký	
					Nhà thầu nước ngoài	Phía Việt Nam
1	Lô 15 ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng Phân chia sản phẩm dầu khí (PSC) giữa Petrovietnam và Nhà thầu Deminex (Cộng hòa Liên bang Đức)	4-4-1978			Nguyễn Văn Biên, Tổng cục trưởng Tổng cục Dầu khí Việt Nam
2	Các lô 04 và 12 ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng Phân chia sản phẩm dầu khí (PSC) giữa Petrovietnam và Nhà thầu Agip (Italia)	18-4-1978			
3	Các lô 28 và 29 ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng Phân chia sản phẩm dầu khí (PSC) giữa Petrovietnam và Nhà thầu Bow Valley (Canada)	2-9-1978			

1. Trưởng ban Quản lý hợp đồng dầu khí, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

4	Các lô 09, 15, 16..., ngoài khơi Việt Nam	Hiệp định Liên Chính phủ Việt - Xô về hợp tác tiến hành thăm dò địa chất và khai thác dầu khí tại thềm lục địa phía Nam Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	3-7-1980 tại Mátxcova		N.K. Baibakov, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Liên Xô	Nguyễn Lam, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Việt Nam
5	Các lô 09, 15, 16..., ngoài khơi Việt Nam	Hiệp định Liên Chính phủ Việt - Xô về thành lập Xí nghiệp Liên doanh dầu khí Việt - Xô để tiến hành thăm dò địa chất và khai thác dầu khí tại thềm lục địa phía Nam Việt Nam	19-6-1981 tại Mátxcova		K.F. Katusev, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô	Trần Quỳnh, Phó Thủ tướng Chính phủ Việt Nam
6	Các lô 06, 12E và 19 ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và Công ty Hydrocarbon India Ltd ¹	19-5-1988 tại Hà Nội	19-5-1988	MAJ GEH. S.C.N. JATAR - Chủ tịch kiêm Giám đốc điều hành	Trương Thiên, Tổng cục trưởng Tổng cục Dầu khí Việt Nam
7	Các lô 112, 114 và 116 ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và các nhà thầu Shell (Hà Lan) và Petrofina (Bỉ)	16-6-1988	17-6-1988		Trương Thiên, Tổng cục trưởng Tổng cục Dầu khí Việt Nam
8	Lô 106 và một phần của các lô 102, 103, 107	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam với Nhà thầu Total (Pháp)	22-11-1988	23-11-1988		Trương Thiên, Tổng cục trưởng Tổng cục Dầu khí Việt Nam

1. Sau đổi thành Công ty ONGC Videsh Ltd. (Ấn Độ).

9	Các lô 117, 118 và 119 ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam với Nhà thầu BP (Anh)	16-2-1989	17-2-1989		Trương Thiên, Tổng cục trưởng Tổng cục Dầu khí Việt Nam
10	Các lô 17 và 21 ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và Nhà thầu Enterprise Oil (Anh)	15-4-1989	16-4-1989		
11	Lô 22 ngoài khơi Việt Nam	Thỏa thuận PSC giữa Petrovietnam và Swedish Exploration Consortium AB và International Petroleum Limited và Clyde Expro PLC	27-2-1990	28-2-1990		
12	Lô 115, ngoài khơi Việt Nam	Thỏa thuận PSC giữa Petrovietnam và Swedish Exploration Consortium AB và International Petroleum Limited và Clyde Expro PLC	27-2-1990	28-2-1990		
13	Lô 111, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và Sceptre Resources (Canada)	22-5-1990	23-5-1990		Trương Thiên, Tổng cục trưởng Tổng cục Dầu khí Việt Nam
14	Các lô 03, 20 và 12W ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và Petrocanada Vietnam Inc. và Husky oil Vietnam Ltd. và Kufpec Vietnam Ltd.	29-5-1990	29-5-1990		

15	Các lô 45, 46, 49, 50, 51, 53, 54, 55 và 58 thêm lục địa Tây Nam	Hợp đồng địa chấn và lựa chọn PSC giữa Petrovietnam và Fina Exploration Minh Hải B.V. (Bỉ)	8-8-1990	9-8-1990	Ing Henrique Bandeira Vieira, Giám đốc điều hành Fina Exploration	Trương Thiên, Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam
16	Các lô 120 và 121, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và BHP Petroleum Vietnam Pty.Ltd. (Ôxtrâyliá)	10-1-1991	11-1-1991	Griffith, Tổng Giám đốc BHP	Trương Thiên, Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam
17	Các lô 05-1, 09 và 16 ngoài khơi Việt Nam	Hiệp định Liên Chính phủ Việt - Xô về việc tiếp tục hợp tác thăm dò và khai thác dầu khí ở Thêm lục địa Nam Việt Nam trong khuôn khổ Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro	16-7-1991 tại Hà Nội Việt Nam		B.A. Nikitin, Thứ trưởng Bộ Công nghiệp dầu khí Liên Xô	Trần Lum, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng Việt Nam
18	Các lô 01 và 02, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và Petronas Carigali Overseas SDN. BHD. (Malaixia)	9-9-1991	10-9-1991	Tan Sri Datuk Azizan zainul Abidin, Chủ tịch Petronas	Trương Thiên, Tổng Giám đốc Petrovietnam
19	Lô 10, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và SHELL Vietnam Exploration B.V. (Hà Lan)	27-4-1992	28-4-1992		

20	Lô 11-2, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và Công ty Pedco ¹ (Hàn Quốc)	19-5-1992	20-5-1992	Pak Chong Yu, Chủ tịch Công ty Pedco	Trương Thiên, Tổng Giám đốc Petrovietnam
21	Lô 05-3, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và AEDC Vietnam Ltd. và Teikokuj oil (offshore Vietnam) CO. Ltd. (Nhật Bản)	4-6-1992	5-6-1992		
22	Lô 05-2, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và BP Exploration Operating Ltd. (Anh) và Den Norske Stats Olsjelskap. a.s. (Na Uy)	9-6-1992	10-6-1992	M.A. Yeldhc, Giám đốc Tìm kiếm-thăm dò BP và Yarh BD, Giám đốc Tìm kiếm- thăm dò Statoil	Hồ Sĩ Thoảng, Tổng Giám đốc Petrovietnam
23	Lô 102/91, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và Idemitsu Hải Phòng oil Exploration Co. Ltd. (Nhật Bản)	24-6-1992	1-10-1992		
24	Lô 11-1, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và TOTAL Oil and gas International B.V. (Pháp)	9-7-1992	10-7-1992		

1. Sau đổi tên thành Công ty KNOC (Hàn Quốc).

25	Khu vực các lô 07 và 08, ngoài khơi Việt Nam	Đề án hợp tác nghiên cứu địa chất khu vực chống lấn với Ấn Độ giữa Petrovietnam và Red River (Thụy Sĩ)	17-7-1992			
26	Lô 04-2, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và Lasmo Vietnam Limited (Anh) và C.ITOH Energy Development Co. Ltd. (Nhật Bản)	19-8-1992			
27	Lô 15-2, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và Mitsubishi oil Ltd. (Nhật Bản)	6-10-1992	7-10-1992	Shiro Takahashi, Tổng Giám đốc	Hồ Sĩ Thoảng, Tổng Giám đốc Petrovietnam
28	Lô 04-3, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và PT. Astra Petronusa (Ấn Độ)	22-10-1992			
29	Lô 04-1, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và British gas Exploration and Production Ltd. (Anh)	28-10-1992			
30	Lô 05-1a/ Đại Hùng ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và tổ hợp BHPP (Ôxtrâyli), Petronas Carigali (Malaixia), Total (Pháp), Sumitomo (Nhật Bản) và PVEP (Việt Nam)	15-4-1993			

31	Lô đất liền bồn trũng Hà Nội, Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và ANZOIL (ASIA) Pte. Ltd. (Ôxtrâylia)	22-7-1993			
32	Lô 104, ngoài khơi Việt Nam	Thỏa thuận PSC giữa Petrovietnam và OMV Exploration GmbH (Áo)	20-8-1993			
33	Khu vực chông lấn Việt Nam và Malaixia (PM3- CAA)	Thoả thuận thương mại giữa Petroliam Nasional Berhad (Petronas) và Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam), để thăm dò và khai thác dầu khí trong diện tích thoả thuận giữa Tây Malaixia và Tây - Nam Việt Nam	25-8-1993			
34	Đồng bằng sông Mêkông, Việt Nam	Thoả thuận không độc quyền về khảo sát địa chấn đất liền, địa chấn biển, tái xử lý; và khảo sát từ hàng không giữa Petrovietnam và Tổng công ty CCG (Pháp)	28-12-1993			

35	Lô 05-1b/ Thanh Long, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (Bên thứ nhất); Petrovietnam và RVO Zarubezhneft gọi chung là Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro (Bên thứ hai) và tổ hợp MJC - Nhật Bản, Nestro - Liên bang Nga và PVEP - Vietnam (Bên thứ ba)	19-4- 1994			
36	Các lô 133 và lô 134, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) giữa Petrovietnam và Conoco Vietnam Exploration & production B.V. (Mỹ)	10-4- 1996	10-4-1996	Archie W.Duaham	Hồ Sĩ Thoảng, Tổng Giám đốc Petrovietnam
37	Lô B, thêm lục địa Tây Nam, Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và Unocal Vietnam Exploration Ltd., Repsol Exploracion S.A. (Tây Ban Nha) và Moeco Vietnam Petroleum Co. Ltd. (Nhật Bản)	28-5- 1996	28-5-1996		Hồ Sĩ Thoảng, Tổng Giám đốc Petrovietnam
38	Lô 12E ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và Opeco International INC. và Canadian Petroleum Vietnam, Ltd.	19-9- 1997			

39	Lô 15-1, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng dầu khí giữa Petrovietnam và Tổ hợp Công ty PVSC (Việt Nam); Conoco (U.K) Ltd; Pedco và SK (Hàn Quốc) và Geopetrol (Pháp)	16-9-1998	17-9-1998	Đỗ Văn Đạo, PVSC; P.L.Frederickson Conoco; M.H.Yi KNOC; Th. H.Choung SK; và Laurent Geopetrol	Ngô Thường San, Tổng Giám đốc Petrovietnam
40	Lô B (bổ sung diện tích lô 48/95)	Sửa đổi số 1, Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và Unocal Vietnam Exploration Ltd., Repsol exploracion Vietnam S.A. (Tây Ban Nha) và Moeco petroleum Co. Ltd. (Nhật Bản)	26-9-1998			
41	Các lô 7 và 8/97, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và Vietnam American Exploration company INC.	26-7-1999	28-7-1999	Melvin William Jackson, Tổng Giám đốc	Ngô Thường San, Tổng Giám đốc Petrovietnam
42	Lô 05-1a/ Đại Hùng	Hợp đồng hợp tác kinh doanh thăm dò và khai thác mỏ Đại Hùng giữa Tổng công ty Dầu khí Việt Nam và RVO ZARUBEZHNEFT	12-8-1999			

43	Lô 52/97, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và UNOCAL Southwest Vietnam Exploration and production Ltd. và MOECO Southwest Vietnam Petroleum Co. Ltd.	19-10-1999			
44	Lô 16-1, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng dầu khí giữa Petrovietnam với Tổ hợp Công ty PVSC (Việt Nam), SOCO Vietnam Ltd., AMERADA HESS Vietnam và OPECO Vietnam Ltd. (Mỹ)	15-11-1999	8-12-1999	Edward Story, Chủ tịch Soco; Douglas Wyatt, Tổng Giám đốc Amerada Hess; Quetin Rigby, Chủ tịch Opeco; và Đỗ Văn Đạo Giám đốc điều hành PVSC	Ngô Thường San, Tổng Giám đốc Petrovietnam
45	Các lô 102 và 106, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và American Technologies INC (ATI)	28-1-2000	24-2-2000	Đình Đức Hữu, Tổng Giám đốc	Ngô Thường San, Tổng Giám đốc Petrovietnam
46	Lô 46/ Cái Nước, thêm lục địa Tây Nam Việt Nam	Thoả thuận hợp nhất mở East Bunga - 46/Cái Nước giữa Petronas (Malaixia) và Petrovietnam (Việt Nam)	10-2-2000			

47	Lô 16-2, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam với Tổ hợp Công ty PVSC (Việt Nam), Conoco (U.K.) Ltd., và Korea National Oil Corporation (KNOC)	27-4-2000			
48	Lô 112 thêm lục địa Việt Nam	Hợp đồng dầu khí giữa Petrovietnam với Tổ hợp Công ty cổ phần rộng rãi Gazprom, Công ty PVSC (Việt Nam), và Công ty Cổ phần hạn chế ZARUBEZHNEFTEGAZ	11-9-2000	21-6-2002	V.V. Remizov, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; Đỗ Văn Đạo, Giám đốc điều hành và A.T. KONDRATIUK, Tổng Giám đốc	Nguyễn Xuân Nhậm, Tổng Giám đốc Petrovietnam
49	Lô 111, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và OMV Vietnam Exploration GmbH và EDISON International S.P.A. (Áo)	19-9-2000			
50	Lô 06-1, ngoài khơi Việt Nam	Thỏa thuận bổ sung Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và ONGC Videsh Ltd. và BP Exploration operating company Ltd. (Anh) và Statoil a.s. (Na Uy)	11-10-2000			
51	Lô 12W, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và Opeco Natural gas Ltd. và Samedan Vietnam Ltd.	17-11-2000	22-11-2000	Alan R. Bullington, Phó Chủ tịch và Douglas Wyatt, Chủ tịch	Nguyễn Xuân Nhậm, Tổng Giám đốc Petrovietnam

52	Lô 9-2, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng dầu khí giữa Petrovietnam với Tổ hợp Công ty PIDC (Việt Nam) và Soco Vietnam Ltd. (Mỹ)	16-12-2000	21-12-2000	Edward Story, Tổng Giám đốc và Đỗ Văn Đạo, Giám đốc điều hành	Nguyễn Xuân Nhậm, Tổng Giám đốc Petrovietnam
53	Các lô 10 và 11-1 ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng dầu khí giữa Petrovietnam và Tổ hợp công ty PIDC (Việt Nam) và Petronas Carigali Overseas SDN. BHD. (PCOSB) và Pertamina (Indônêxia)	8-1-2002	8-1-2002	Đỗ Văn Hậu, Giám đốc, Mohd Hassan Marican, Chủ tịch và Baihaki Hakim, Tổng Giám đốc	Nguyễn Xuân Nhậm, Tổng Giám đốc Petrovietnam
54	Lô 09-3 ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng dầu khí giữa Petrovietnam với Tổ hợp Công ty PVEP (Việt Nam), RVO Zarubezhneft (Liên bang Nga) và Idemisu Oil and Gas Co. Ltd. (Nhật Bản)	19-1-2002	8-2-2002	Phùng Đình Thực, Giám đốc; Nikolai Tokarev, Tổng Giám đốc và Kergo Kurihara, Chủ tịch	Nguyễn Xuân Nhậm, Tổng Giám đốc Petrovietnam
55	Lô 46/02 ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng dầu khí giữa Petrovietnam và Talisman Vietnam 46/02 Ltd. (Canada) Petronas Carigali Overseas SDN.BHD. (Malaixia) và Công ty PVEP (Việt Nam)	12-12-2002	16-12-2002	Nick Walker, Giám đốc; Mohamad Johari Bin Dasri, Giám đốc và Phùng Đình Thực, Giám đốc	Nguyễn Xuân Nhậm, Tổng Giám đốc Petrovietnam

56	Các lô 01/97 và 02/97, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng dầu khí giữa Petrovietnam và Tổ hợp công ty PVEP (Việt Nam) và Petronas Carigali Overseas SDN. BHD. (Malaixia)	7-1-2003	6-1-2003	Phùng Đình Thực, Giám đốc và Hassan Bin Marican, Chủ tịch	Nguyễn Xuân Nhậm, Tổng Giám đốc Petrovietnam
57	Lô 15-2	Thoả thuận sửa đổi lần 3 Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và Japan Vietnam Petroleum Co. Ltd. (Nhật Bản) và PVEP (Việt Nam) và Conocophilips (U.K.) Gama Ltd.	29-7-2004			
58	Các lô 05-1b và 05-1c, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và Idemitsu oil and gas Co. Ltd và Nippon oil exploration Limited và Teikoko oil Co. Ltd. (Nhật Bản)	28-10-2004	18-11-2004	Hiromi Wakahara, Tổng Giám đốc; Kazufumi Fukuoka, Giám đốc điều hành và Takeshi Maki, Giám đốc điều hành cao cấp	Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam
59	Lô 46/ Cái Nước, ngoài khơi Việt Nam	Thoả thuận sửa đổi liên quan đến Hợp đồng địa chấn lựa chọn và PSC giữa Petrovietnam và Tổ hợp Talisman Vietnam Ltd. (Canada) và Công ty PIDC (Việt Nam) và Petronas Carigali Overseas SDN. BHD. và PC Vietnam Ltd. (Malaixia)	6-12-2004			

60	Lô 11-2 ngoài khơi Việt Nam	Thỏa thuận bổ sung Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và KNOC (Hàn Quốc)	20-12-2004			
61	Lô 15-2/01, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng dầu khí giữa Petrovietnam và Talisman Vietnam 15-2/01 Ltd. (Canada) và Công ty PVEP (Việt Nam)	26-4-2005	16-5-2005	TN DHARES, Tổng Giám đốc và Phùng Đình Thực, Giám đốc	Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam
62	Các lô 102 và 106, ngoài khơi Việt Nam	Thỏa thuận sửa đổi lần thứ ba Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và Tổ hợp Petronas Carigali Overseas SDN. BHD (Malaixia) và Công ty PIDC ¹ (Việt Nam) và Singapore Petroleum Company Vietnam (lô 102/106) Co. Ltd. và ATI petroleum Inc.	17-5-2005			
63	Các lô 10 và 11.1 ngoài khơi Việt Nam	Thỏa thuận sửa đổi Hợp đồng dầu khí giữa Petrovietnam với Tổ hợp Công ty PIDC (Việt Nam) và Petronas Carigali Overseas SDN. BHD (Malaixia)	7-2005			
64	Khu vực cấu tạo vạt ngang thuộc lô 104, vịnh Bắc Bộ	Thỏa thuận khung về Hợp tác dầu khí giữa Tổng công ty Dầu khí Việt Nam và Tổng công ty Dầu khí ngoài khơi quốc gia Trung Quốc trong khu vực thỏa thuận	31-10-2005			

1. Khi ký Hợp đồng ban đầu mang tên là PVSC (Việt Nam).

65	Các lô từ 155 đến 159 ngoài khơi Việt Nam	Thoả thuận nghiên cứu chung và lựa chọn PSC giữa Tổng công ty Dầu khí Việt Nam và Công ty Thăm dò và khai thác Biển Đông (Mobil) để nghiên cứu tiềm năng dầu và khí	2-12-2005			
66	Lô 124, khu vực ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam với Công ty Pogo Producing và Keeper Resources INC. (Có hiệu lực từ ngày 6-8-2006)	5-4-2006;	12-5-2006	Paul G. Van Wagenen, Chủ tịch Hội đồng Quản trị/Tổng Giám đốc và Loren Komperdo, Chủ tịch, Tổng Giám đốc điều hành	Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam
67	Lô 122, khu vực ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam với Chevron Việt Nam Phú Khánh (Lô 122) Ltd. (Mỹ) và Petronas Carigali Overseas Sdn. Bhd. (Malaixia)	28-4-2006	1-6-2006	Stephen w. Green, Giám đốc và Mohamad Johari Bin Dasri, Tổng Giám đốc điều hành	Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam
68	Lô 127, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và ONGC VIDESH Ltd. (Ấn Độ)	24-5-2006	16-6-2006	R.S. Butola, Tổng Giám đốc	Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam

69	Lô 128, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và ONGC VIDESH Ltd. (Ấn Độ)	24-5-2006	16-6-2006	R.S. Butola, Tổng Giám đốc	Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam
70	Lô 101- 100/04, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam với Santos Vietnam Pty Ltd. và Singapore Petroleum Vietnam Song Hong Co. Ltd.	27-10- 2006	19-1-2007	John Ellice - Flint, Tổng Giám đốc và Koh Ban Heng, Tổng Giám đốc	Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam
71	Khu vực cấu tạo vạt ngang thuộc lô 104, vịnh Bắc Bộ	Thỏa thuận thăm dò chung trong khu vực thỏa thuận giữa Tổng công ty Dầu khí Việt Nam và Tổng công ty Dầu khí ngoài khơi quốc gia Trung Quốc	16-11- 2006			
72	Lô 124, ngoài khơi Việt Nam	Thỏa thuận sửa đổi Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và Keeper Resources Inc. và Công ty Pogo Producing	29-12- 2006			
73	Lô 15-1/05 ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam với Nhà thầu PVEP (Việt Nam) và SK (Hàn Quốc)	11-2-2007	2-7-2007	Nguyễn Quỳnh Lâm, Giám đốc và Shin Heon Cheol, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc	Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam

74	Lô 06/94, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam với các nhà thầu PEARL Energy và Serica NCS B.V. và Lundin Vietnam B.V.	12-2-2007	2-4-2007	Keith G.Cameron, Giám đốc; Ian Collins, Đại diện được ủy quyền và Alexander J.M. Schneiter, Giám đốc	Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam
75	Các lô 103 và 107, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam với các nhà thầu Petronas (Malaixia) và PVEP (Việt Nam)	22-6-2007	16-7-2007	Tan Sri Dato Sri Mohd Hassan Marican, Chủ tịch và Nguyễn Văn Minh, Tổng Giám đốc	Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam
76	ĐBSCL 01	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và Công ty SALAMANDER Energy Vietnam	29-6-2007	23-7-2007	James Mengies, Tổng Giám đốc	Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam
77	Các lô 28 và 29/03, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và Công ty MITRA	9-10-2007	22-10-2007	Paul Ebdale, Tổng Giám đốc	Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam
78	Lô 16-2, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam với các nhà thầu PVEP, Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro và Công ty NOEX.	16-11-2007	12-12-2007	Đỗ Văn Hậu, Tổng Giám đốc; Trần Lê Đông, Tổng Giám đốc và Teruo Omori, Tổng Giám đốc	Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam

79	MVHN-02	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và Công ty CQUAD Energy S.A.	20-12-2007	20-12-2007		
80	Miền vông Hà Nội-01KT	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và các nhà thầu ARROW Energy (Hanoi Basin CBM) và PVEP (PVEPSH)	10-1-2008	29-1-2008	Nick Davies, Giám đốc điều hành và Nguyễn Quốc Thập, Tổng Giám đốc	Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam
81	Lô 104-109/05, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam với các nhà thầu MOECO và PREMIER OIL VIETNAM	27-2-2008	12-3-2008	Yorhiyuki Kafawa, Tổng Giám đốc và Philip John MacLaurw, Giám đốc vùng	Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam
82	Lô 123, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam với các nhà thầu SANTOS, SK Energy, và PVEP	28-5-2008	12-6-2008	Trevor Jbrown, Phó Tổng Giám đốc, Cheol Kim, Phó Tổng Giám đốc và Nguyễn Quốc Thập, Tổng Giám đốc	Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam
83	Miền vông Hà Nội - 02KT	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam với các nhà thầu KEEPER Resources Inc. và PVEP (PVEPSH)	10-10-2008	29-10-2008	John Shrimpton, Tổng Giám đốc và Nguyễn Quốc Thập, Tổng Giám đốc	Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam

84	Các lô 129-130 và 131-132, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC các lô 129 và 130 VIETGAZPROM JOC Zarubeznheftgas và PVEP	27-10-2008	4-2-2009	Borisovich, Chủ tịch điều hành; Gulev Valer Leonidovich, Tổng Giám đốc và Nguyễn Quốc Thập, Tổng Giám đốc	Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam
85	Lô 120, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và NEON Energy (Song Hong) Pty. Ltd.	14-1-2009	23-1-2009	Alan Sherrard, Giám đốc	Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam
86	Lô 121, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và Origin Energy (Song Hong) Pte. Ltd.	6-3-2009	25-3-2009	Robbert Jan Willink, Tổng Giám đốc điều hành	Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam
87	ĐBSCL 02 và 03	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam với các nhà thầu TOTAL E&P Vietnam (Pháp) và PVEP (Việt Nam)	20-3-2009	23-4-2009	Chules MuHewt, Chủ tịch và Nguyễn Quốc Thập, Tổng Giám đốc	Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam
88	Lô 31, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam với các nhà thầu SALAMANDER Energy Vietnam và PVEP	10-3-2009	25-3-2009	Micheal J. Buck, Giám đốc điều hành và Nguyễn Quốc Thập, Tổng Giám đốc	Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam

89	Lô 05-1a, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và Công ty PVEP Đại Hùng	25-6-2009	18-8-2009	Nguyễn Quốc Thập, Tổng Giám đốc	Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam
90	Lô 04-1, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro	26-6-2009	18-8-2009	Nguyễn Hữu Tuyền, Tổng Giám đốc Vietsovpetro	Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam
91	Lô 04-3, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam với Zarubeznheftgas	26-6-2009	18-8-2009	Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc và V.S. Gorsenev, Phó Tổng Giám đốc thứ nhất	Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam
92	Các lô 117, 118 và 119, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và Tổng công ty PVEP	30-6-2009	19-8-2009	Nguyễn Quốc Thập, Tổng Giám đốc	Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam
93	Các lô 156-157, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam với EXXON MOBIL Exploration and Production Vietnam Ltd.	30-6-2009	19-8-2009	Russ Alan Beakoben, Chủ tịch	Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam
94	Các lô 158 -159, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và EXXON MOBIL Exploration and Production Vietnam Ltd.	30-6-2009	19-8-2009	Russ Alan Beakoben, Chủ tịch	Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam

95	Lô 09-2/09, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và PVEP - HONGLONG	6-8-2009	21-8-2009	Nguyễn Vũ Trường Sơn, Tổng Giám đốc	Phùng Đình Thực, Tổng Giám đốc Petrovietnam
96	Các lô 19 và 20, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam với các nhà thầu MITRA Energy (Vietnam ConSon) Ltd. và KUFPEC và SPC.	21-8-2009	10-9-2009	Paul Ebdale, Tổng Giám đốc; Khaled Abdullah Al-Qaoud, Phó Giám đốc điều hành và Koh Ban Heng, Tổng Giám đốc	Phùng Đình Thực, Tổng Giám đốc Petrovietnam
97	Lô 114, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC lô 114 giữa Petrovietnam và ESSAR Exploration & Production Ltd.	21-11-2009	17-3-2010	ShiShirr R Aqrawal, Giám đốc	Đỗ Văn Hậu, Phó Tổng Giám đốc Petrovietnam
98	Các lô 105-110/04, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam với các nhà thầu NEON Energy (Song Hong) Pty. và Enovation Resources	5-1-2010	3-2-2010	Alan Sherrard, Giám đốc và Stephen Doyle, Giám đốc	Phùng Đình Thực, Tổng Giám đốc Petrovietnam
99	Lô 04-2, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam với các nhà thầu Pearloil Tephrite Ltd. và Bitexco	19-1-2010	3-2-2010	Robert Shan, Giám đốc điều hành tại Việt Nam và Vũ Quang Bảo, Tổng Giám đốc	Phùng Đình Thực, Tổng Giám đốc Petrovietnam

100	Lô 51, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam với các nhà thầu MITRA Energy (Vietnam Tho Chu) Ltd. và KUFPEC và PVEP	12-5-2010	11-6-2010	Paul William Bernard Ebdale, Tổng Giám đốc; Ali D.A.A.AL Shammari, Phó Tổng Giám đốc và Nguyễn Vũ Trường Sơn, Tổng Giám đốc PVEP	Phùng Đình Thực, Tổng Giám đốc Petrovietnam
101	Các lô 09-2/10, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và PVEP	28-6-2010	30-6-2010	Vũ Thị Ngọc Lan, Phó Tổng Giám đốc PVEP	Đỗ Văn Hậu, Phó Tổng Giám đốc Petrovietnam
102	Lô 46/07, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam với các nhà thầu MITRA Energy (Vietnam Nam Du) Ltd. và PVEP	28-6-2010	30-6-2010	Paul William Bernard Ebdale, Tổng Giám đốc và Vũ Thị Ngọc Lan, Phó Tổng Giám đốc PVEP	Đỗ Văn Hậu, Phó Tổng Giám đốc Petrovietnam
103	Các lô 01/10 và 02/10, ngoài khơi Việt Nam	Hợp đồng PSC giữa Petrovietnam và PVEP	28-6-2010	30-6-2010	Vũ Thị Ngọc Lan, Phó Tổng Giám đốc PVEP	Đỗ Văn Hậu, Phó Tổng Giám đốc Petrovietnam
104	Các lô 09-1, 04-3...	Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga về tiếp tục hợp tác trong lĩnh vực thăm dò địa chất và khai thác dầu khí tại thềm lục địa Việt Nam trong khuôn khổ Liên doanh Việt - Nga Vietsovetpetro	27-12-2010 tại Trụ sở Bộ Công Thương, Việt Nam		Đại sứ Đặc mệnh toàn quyền Liên bang Nga tại Việt Nam Andrey G. Kovtun, thay mặt Chính phủ Liên bang Nga	Bộ trưởng Bộ Công Thương Việt Nam Vũ Huy Hoàng, thay mặt Chính phủ Việt Nam

CÁC HỢP ĐỒNG ĐẦU TƯ THĂM DÒ KHAI THÁC DẦU KHÍ Ở NƯỚC NGOÀI

Lê Ngọc Quang¹

STT	Lô hợp đồng	Thông tin về tài liệu (Nội dung, cơ quan và thời gian lập/dự thảo, phê duyệt)	Ngày và nơi ký Hợp đồng	Ngày có hiệu lực	Người ký	
					Nước chủ nhà	Đại diện Petrovietnam/PVEP và các nhà thầu nước ngoài
1	Các lô 19, 21 và 22 vùng Tamtsag, Mông Cổ	Thỏa thuận chuyển nhượng 5% quyền tham gia Dự án thăm dò và khai thác dầu khí vùng Tamtsag giữa công ty Soco Tamtsag Mongolia, Inc. và Petrovietnam	15-11-1999 tại Mongolia	15-11-1999	Mongolia	Ngô Thường San, Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam và Edway Story, Tổng Giám đốc Soco Tamtsag Mongolia

1. Phó ban Quản lý các hợp đồng tại nước ngoài, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

2	Các lô PM 304 và SK 306 ngoài khơi Malaixia	Thỏa thuận chuyển nhượng (Deed of Assignment) giữa Công ty Amerada Hess (Vietnam) Ltd.; Công ty Amerada Hess (Malaixia - PM 304) Ltd.; Công ty Amerada Hess (Malaixia - SK 306) Ltd. và Công ty PVSC (nay là PVEP)	15-11-1999 tại Malaixia	31-3-2000	Malaixia	Đỗ Văn Đạo, Giám đốc điều hành PVSC và Quentin Rigby Giám đốc Amerada Hess
3	Lô PM 304 ngoài khơi Malaixia	Thỏa thuận chuyển nhượng lần 2 giữa Công ty Petrofac (Malaixia - PM 304) Ltd., và Công ty PIDC (Việt Nam)	31-7-2005 tại Kuala Lumpur, Malaixia	31-7-2005	Malaixia	Đỗ Văn Hậu, Giám đốc PIDC; đại diện Petrofac và đại diện Petronas Carigali
4	Mỏ dầu Amara	Hợp đồng SC phát triển mỏ dầu Amara (Field Development Contract for Amara Oil Field) giữa Bộ Dầu Irắc và Petrovietnam/PIDC	15-3-2002 tại Bátđã	29-4-2002	Bộ Dầu Irắc	Đỗ Văn Hậu, Giám đốc điều hành PIDC và Đại diện Bộ Dầu Irắc
5	Các lô 433a và 416b Sahara, Angiêri	Hợp đồng đầu tư thăm dò và khai thác dầu khí giữa PIDC (nay là PVEP) và Công ty dầu khí quốc gia Angiêri Sonatrach	10-7-2002 tại Angiêri	30-6-2003	Angiêri	Lê Văn Trương, Phó Giám đốc PIDC và Djamel Eddine Khene, Phó Tổng Giám đốc tìm kiếm, thăm dò Sonatrach

6	Lô SK 305, ngoài khơi Malaixia	Hợp đồng dầu khí giữa Petronas (Malaixia) với Tổ hợp nhà thầu Petronas Carigali (Malaixia); Pertamina (Indônêxia) và Công ty PIDC (Việt Nam)	16-6-2003 tại Kuala Lăm-pơ, Malaixia	16-6-2003	Malaixia	Đỗ Văn Hậu, Giám đốc PIDC, Mohamad Johari Dasri Giám đốc điều hành Petronas Carigali SDN. BHD và Baihaki Hakim, Tổng Giám đốc Pertamina và Tan Sri Dato' Mohd Hassan Marican, Tổng Giám đốc Petroliam Nasional Berhad
7	Lô 01 Đông Bắc Madura, ngoài khơi Đông Java, Indônêxia	Hợp đồng PSC giữa BP Migas (Indônêxia) và Tổ hợp KNOC (Hàn Quốc) và PIDC (Việt Nam)	14-10-2003 tại Giacác-ta, Indônêxia	14-10-2003	Indônêxia	Đỗ Văn Hậu, Giám đốc PIDC và Ông Koo Bon Chung, Tổng Giám đốc KNOC (và các công ty GS Holding, Daesung, SK Corporation)
8	Lô 02 Đông Bắc Madura, ngoài khơi Đông Java, Indônêxia	Hợp đồng PSC giữa BP Migas (Indônêxia) và Tổ hợp KNOC (Hàn Quốc) và PIDC (Việt Nam)	14-10-2003 tại Giacác-ta, Indônêxia	14-10-2003	Indônêxia	Đỗ Văn Hậu, Giám đốc PIDC, Koo Bon Chung, Tổng Giám đốc KNOC (và các công ty GS Holding, Daesung)
9	Lô Majunga, Cộng hòa Mađagaxca	Thỏa thuận tham gia (farm-in) Hợp đồng PSC	27-10-2006 tại Antana - naviro, Mađagaxca	16-11-2006	Cộng hòa Mađagaxca	Đại diện EXXONMOBIL, BG, và Nguyễn Quốc Thập, Giám đốc điều hành PIDC và Hyun Moo Kim, Phó Tổng Giám đốc Tìm kiếm - thăm dò SK

10	Lô 16, 17 trên đất liền Cuba	Hợp đồng hợp tác kinh tế quốc tế - PSC giữa Cupet (Cuba) và PVEP (Việt Nam)	1-6-2007 tại Playa, Cuba	13-6-2007	Cuba	Ông Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam, Chủ tịch PVEP và Fidel Rivero Prieto, Tổng Giám đốc Cupet, Cuba
11	Các lô N31, N32, N42 và N43, ngoài khơi Cuba	Hợp đồng hợp tác kinh tế quốc tế - PSC, giữa Cupet và PVEP	1-6-2007 tại Playa, Cuba	13-6-2007	Cuba	Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam, Chủ tịch PVEP và Fidel Rivero Prieto, Tổng Giám đốc Cupet, Cuba
12	Lô Randugunting - Indônêxia	Hợp đồng PSC, giữa các bên: BP Migas, PT Pertamina, PC Randugunting, PV Randugunting	9-8-2007 tại Giacácta, Indônêxia	9-8-2007	Indônêxia	Sukusen Soemarinda, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Thăm dò khai thác Pertamina và Nguyễn Thiện Bảo, Phó Tổng Giám đốc PVEP và đại diện Petronas và Kardaya Warnika, Chủ tịch BP Migas
13	Lô Bomana Cộng hòa Camêrun	Hợp đồng dầu khí giữa Công ty Dầu khí Quốc gia Camêrun; Total và PVEP	1-10-2007 Gaounde, Camêrun	31-3-2008	Camêrun	Pierre Bang, Giám đốc điều hành Total và Nguyễn Quốc Thập, quyền Tổng Giám đốc PVEP
14	Lô Z47, Pêru	Hợp đồng CC	22-11-2007 tại Lima Pêru	22-11-2007	Pêru	PVEP (Việt Nam)

15	Lô Champasak và Saravan Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào	Hợp đồng PSC, giữa Chính phủ Lào và PVEP (Việt Nam)	8-1-2008 tại Lào	8-1-2008	Lào	Nguyễn Quốc Thập, quyền Tổng Giám đốc PVEP và Thongmy Phomvisay, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào
		Thỏa thuận chuyển nhượng 20% quyền và nghĩa vụ Hợp đồng PSC lô Champasak & Saravan cho Salamander	4-3-2008	4-3-2008	Lào	Nguyễn Quốc Thập, quyền Tổng Giám đốc PVEP và James Menzies, Tổng Giám đốc Salamander
16	Lô Tanit, Tuynidi	Hợp đồng PSC các lô dầu khí giữa ETAP và PVEP và Vietsovpetro	19-2-2008 tại Tunis, Tuynidi	13-5-2008	Tunisia	Nguyễn Quốc Thập, quyền Tổng Giám đốc PVEP và Trần Lê Đông, Tổng Giám đốc Vietsovpetro và Khaled Becheikh, Tổng Giám đốc ETAP, Tuynidi
17	Lô Guellala, Tuynidi	Thỏa thuận cho phép thu nổ địa chấn giữa nhà nước Tunisia và PVEP, Vietsovpetro	19-2-2008 tại Tunis, Tuynidi	19-2-2008	Tunisia	Khaled Becheikh, Tổng Giám đốc ETAP, Tuynidi; Nguyễn Quốc Thập, quyền Tổng Giám đốc PVEP và Trần Lê Đông, Tổng Giám đốc Vietsovpetro và Afif Chelbi, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và năng lượng và các doanh nghiệp vừa và nhỏ, Tuynidi

18	Lô Savanakhet, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào	Thỏa thuận chuyển nhượng Hợp đồng PSC giữa Salamander Energy (E&P) Ltd. và PVEP (Việt Nam)	4-3-2008 tại Lào	31-10-2008	Lào	James Menzies, Tổng Giám đốc Salamander và Nguyễn Quốc Thập, quyền Tổng Giám đốc PVEP và đại diện các bên NDC và IIFC và Thongmy Phomvisay, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào
19	Lô Marine 11, Cônggô	Thỏa thuận chuyển nhượng Hợp đồng PSC giữa Soco EPC và PVEP	4-3-2008 tại Luân Đôn, Vương quốc Anh	4-3-2008	Cônggô	Nguyễn Quốc Thập, quyền Tổng Giám đốc PVEP và đại diện các bên SNPC; AOGC; Lundin và Raffle Oil và Roger D.Cagle Soco EPC
20	Lô Danan, Iran	Hợp đồng SC giữa NIOC Iran và PVEP	12-3-2008 Tehran, Iran	1-8-2008	Iran	Nguyễn Quốc Thập, quyền Tổng Giám đốc PVEP và S.Jashnsaz, Giám đốc điều hành
21	Lô M2, ngoài khơi Mianma	Hợp đồng, giữa MOGE và tổ hợp PVEP, Vietsovetro và Eden Group Company	2-10-2008 Mianma	2-1-2009	Mianma	Nguyễn Quốc Thập, Tổng Giám đốc PVEP, và Trần Lê Đông, Tổng Giám đốc Vietsovetro và U Chit Khine, Giám đốc điều hành Eden Group Company và U Myint Htay, Giám đốc điều hành Myanmar Oil and Gas Enterprise (MOGE)

22	Lô 01-04 khu tự trị Nhenhetxki	Hợp đồng số 19 - 429/08 chuyển nhượng tỷ lệ tham gia vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn Liên doanh RusVietPetro giữa Petrovietnam và OAO Zarubezhneft	24-12-2008 tại Mátxcova, Liên bang Nga	24-12-2008	Liên bang Nga	Brunhich N.G, Tổng Giám đốc OAO Zarubezhneft và Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Petrovietnam
23	Lô 162 Bôn Ucayali, Pêru	Hợp đồng CC	16-4-2009 tại Lima, Pêru	1-6-2009	Pêru	Đào Việt Cảnh, Tổng Giám đốc (GM) PVEP Pêru; Đỗ Văn Hậu, Phó Tổng Giám đốc Petrovietnam và Manuel Monteagudo Valdez (BCRP) và Renzo Guillermo Rossini Minán và Milton Ubaldo Rodriguez Cornejo, Tổng Giám đốc (GM) Perupetro SA
24	Lô XV, Campuchia	Hợp đồng PSC giữa CNPA và PVEP	12-11-2009 tại Phnôm Pênh, Campuchia	12-11-2009	Campuchia	Nguyễn Vũ Trường Sơn, Tổng Giám đốc PVEP và H. E. Sok An, Chủ tịch CNPA

25	Lô Nagumanov	Hợp đồng thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn Liên doanh Gazpromviet giữa Công ty cổ phần mở Gazprom và Tập đoàn PETROVIETNAM	15-12-2009, tại Mátxcova, Liên bang Nga	15-12-2009	Liên bang Nga	Phùng Đình Thực, Tổng Giám đốc Petrovietnam và A.B. Miller, Tổng Giám đốc Gazprom
26	Lô Kossor, Udobêkixtan	Hợp đồng dầu khí	29-1-2010 tại Udobêkixtan	Hợp đồng chưa có hiệu lực	Udobêkixtan	Nguyễn Vũ Trường Sơn, Tổng Giám đốc PVEP
27	Khu vực Junin 2, Vênezuela	Hợp đồng thành lập và quản lý Công ty Liên doanh Petromacareo giữa CVP và PVEP, dự án Junin 2, Vênezuela	29-6-2010 tại Caracas, Vênezuela	12-11-2010	Vênezuela	Nguyễn Vũ Trường Sơn, Tổng Giám đốc PVEP và Eulogio Del Pino, CVP

BIÊN BẢN CÁC KỲ HỌP HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO GIAI ĐOẠN 1981-2010

(Tóm lược)

Ông Đỗ Quang Toàn¹

Theo “Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết về việc thành lập Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro tiến hành thăm dò địa chất và khai thác dầu khí ở thềm lục địa phía Nam Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” ký tại Mátxcơva ngày 19-6-1981. Điều 17 của Hiệp định ghi: “Cơ quan lãnh đạo của Xí nghiệp Liên doanh là Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh mỗi Phía có một số đại diện thường trực ngang nhau. Cơ quan chấp hành của Xí nghiệp Liên doanh là Ban Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc thứ nhất được bổ nhiệm là công dân của hai nước”. Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh mỗi năm họp từ 1 đến 2 lần. Nếu họp 1 lần trong năm thì cuộc họp được tiến hành vào tháng cuối năm; nếu họp 2 lần trong năm thì cuộc họp thứ nhất được họp vào giữa năm và cuộc họp thứ 2 được họp vào tháng cuối năm. Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro họp để phê duyệt chương trình công tác hàng năm, phê duyệt bộ máy, bổ nhiệm nhân sự, biểu biên chế, quỹ lương và mức lương chức danh, tổng dự toán ngân sách... và những vấn đề trong phạm vi được quy định quyền của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro.

1. KỲ HỌP THỨ I HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Sau khi Hiệp định về thành lập Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro tiến hành thăm dò địa chất và khai thác dầu khí ở thềm lục địa phía Nam Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được ký chính thức ngày 19-6-1981, kỳ họp đầu tiên Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro đã được tiến hành tại Vũng Tàu và Hà Nội, Việt Nam. Từ ngày 12-11-1981 đến ngày 23-11-1981, kỳ họp đầu tiên này đã

1. Nguyên Vụ trưởng Vụ Dầu khí, Văn phòng Chính phủ.

họp tới 3 kỳ cả ở Vũng Tàu và Hà Nội và diễn ra dài ngày vì có nhiều vấn đề phải bàn để Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro nhanh chóng đi vào hoạt động và Biên bản kỳ họp đã được ký tại Hà Nội ngày 23-11-1981.

Tổng cục trưởng Tổng cục Dầu khí Nguyễn Hòa, Trưởng đoàn Việt Nam trong Hội đồng được bầu làm Chủ tịch Kỳ họp thứ I của Hội đồng. Kỳ họp đã ra một số quyết định cụ thể như sau:

- Tên gọi tắt của Xí nghiệp Liên doanh Việt - Xô về tiến hành thăm dò và khai thác dầu khí ở thềm lục địa phía Nam Việt Nam là “Vietsovetro”.

- Bổ nhiệm Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro: Mamedov Jeral Ali-Geiderovich - công dân Liên Xô từ tháng 11-1981 đến tháng 10-1985¹.

- Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc thứ nhất Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro: ông Nguyễn Hòa - công dân Việt Nam từ tháng 11-1981 đến tháng 10-1985².

- Bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Sớm - công dân Việt Nam giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ tháng 11-1981 đến tháng 10-1984.

- Duyệt biểu biên chế tạm thời bộ máy quản lý của Ban Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro và cơ cấu tổ chức của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro.

- Cho phép Ban Tổng Giám đốc sử dụng con dấu tạm thời được đăng ký tại các tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cho đến khi Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro duyệt con dấu chính thức.

- Về kế hoạch công tác năm 1982 của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro.

+ Duyệt kế hoạch công tác của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro năm 1982 như bản giải trình của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro, dự kiến trong kế hoạch công tác khả năng sử dụng tối đa các tổ chức nghiên cứu khoa học của Việt Nam kể cả việc các tổ chức này hoàn thành toàn bộ công tác theo từng đề tài; giao cho Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro cùng với Viện Dầu khí thuộc Tổng cục Dầu khí và Văn phòng Thiết kế công nghệ đặc biệt thuộc Tổng cục Dầu khí biển “Glavmoneftegazprom”, từ nay đến tháng 3-1982 xem xét về đề tài nghiên cứu khoa học và thiết kế thử nghiệm đã được dự kiến trong kế hoạch năm 1982 và về chương trình tổng hợp công trình tại thềm lục địa phía Nam Việt Nam trong các năm 1981-1982,

1. Trên thực tế ông J.A.G. Mamedov thôi đảm nhận vị trí Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro từ ngày 1-11-1984 theo đề nghị của Bên tham gia Liên Xô.

2. Trên thực tế ông Nguyễn Hòa thôi đảm nhận vị trí Phó Tổng Giám đốc thứ nhất Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro từ ngày 1-2-1984 theo đề nghị của Bên tham gia Việt Nam.

kèm theo biên bản ký ngày 19-6-1981 và đưa ra kiến nghị về các hình thức tham gia của các tổ chức nghiên cứu khoa học Việt Nam trong công tác này.

+ Giao cho Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro với sự tham gia của Tổng cục Dầu khí Việt Nam (Viện Dầu khí Việt Nam) xem xét khả năng sử dụng các phòng thí nghiệm của Viện Dầu khí Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh để hoàn thành công tác nghiên cứu khoa học và thiết kế thử nghiệm.

+ Xem xét khả năng sử dụng Tàu Địa vật lý “Bình Minh” của Việt Nam để tiến hành các công tác địa chất công trình và địa vật lý.

+ Nghiên cứu khả năng xử lý một phần tài liệu địa vật lý ở Trung tâm tính toán tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về các vấn đề tổ chức có liên quan đến việc bắt đầu hoạt động của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro.

+ Chấp nhận đề nghị của Phía Việt Nam rằng, giá ăn 3 bữa/1 ngày dành cho các chuyên gia Liên Xô là 35-50 đồng. Thí điểm việc này trong 1 tháng để tính gộp vào giá những chi phí ăn uống. Nhà ăn sẽ mở cửa trước ngày 20-11-1981.

+ Cho tới ngày 20-11-1981, Phía Việt Nam chuẩn bị địa điểm mở cửa hàng thực phẩm có trang bị tủ bảo quản thực phẩm và Xí nghiệp Thương nghiệp phục vụ đời sống sẽ mở cửa hàng trước ngày 1-12-1981.

Và nhiều quyết định khác để Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro đi vào hoạt động.

Thành phần Kỳ họp thứ I của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro:

Phía Việt Nam

1. Nguyễn Hòa, trưởng đoàn
2. Nông Tắc Lâm, thành viên
3. Hồ Tế, thành viên
4. Phan Minh Bích, thành viên
5. Trần Thái Vĩnh, thành viên
6. Nguyễn Xuân Trúc, thành viên
7. Ngô Thiết Thạch, thành viên
8. Vũ Tiến Liễu, thành viên
9. Trần Hữu Lạc, thành viên

Phía Liên Xô

1. Iu.V. Zaixep, trưởng đoàn
2. U.V. Tchugunốp, thành viên
3. J.A. Mamedov, thành viên
4. O.O. Seremeta, thành viên
5. V.G. Vcanốp, thành viên
6. A.X. Voitenko, thành viên
7. G.Z. Khaxkin, thành viên
8. N.P. Xoloviốp, thành viên
9. P.P. Ademianx, thành viên

2. KỶ HỌP THỨ II HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ II Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro được tiến hành tại thành phố Bacu thuộc Liên Xô từ ngày 5 đến ngày 9-7-1982.

Ông Iu.V. Zaixep, Thứ trưởng thứ nhất Bộ Công nghiệp khí, Trưởng đoàn Phía Liên Xô trong Hội đồng được bầu làm Chủ tịch Kỳ họp.

Về thành viên Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro:

- Phía Liên Xô đề nghị bổ nhiệm ông Konstantinov Genadia Alexandrovich, Phó Giám đốc Liên đoàn Souzzarubegazprom là thành viên Hội đồng thay vị trí của ông A.S. Voitenco ra khỏi Hội đồng. Hội đồng nhất trí ông G.A. Konstantinov là thành viên chính thức của Hội đồng.

- Phía Việt Nam theo “Quy chế tạm thời về thủ tục hoạt động của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro, Hội đồng đã đồng ý việc chuyển toàn quyền của ông Nguyễn Xuân Trúc thành viên Hội đồng Phía Việt Nam cho ông Ngô Thiết Thạch.

Trên cơ sở chương trình nghị sự Kỳ họp thứ II, Hội đồng đã quyết định những vấn đề của chương trình nghị sự kỳ họp:

- Bổ nhiệm các lãnh đạo của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro:

+ Ông Ngô Thường San, công dân Việt Nam làm Phó Tổng Giám đốc về địa chất từ tháng 7-1982 đến hết tháng 7-1985¹.

+ Ông E.S. Xaturov, công dân Liên Xô làm Phó Tổng Giám đốc về vật tư từ tháng 7-1982 đến hết tháng 7-1985.

+ Ông Nguyễn Đình Vũ, công dân Việt Nam làm Phó Tổng Giám đốc về xây dựng cơ bản từ tháng 7-1982 đến hết tháng 7-1985.

+ Ông V.F. Leptev, công dân Liên Xô làm Phó Tổng Giám đốc về thương mại.

- Quyết định các thành viên của Ban Thanh tra gồm công dân của hai Phía tham gia Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro.

- Phê chuẩn mẫu con dấu và phù hiệu tượng trưng của Xí nghiệp Liên doanh

1. Trên thực tế ông Ngô Thường San đảm nhận chức danh Phó Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro đến ngày 31-12-1991 trước khi trở thành Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro từ ngày 1-1-1992.

Vietsovpetro và giao Ban Tổng Giám đốc đăng ký theo đúng thủ tục được quy định tại Việt Nam.

- Về dự thảo kế hoạch của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro trong năm 1983:

Phê duyệt kế hoạch công việc của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro năm 1983, trong đó có nêu:

+ Phía Liên Xô tham gia Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro đã thông báo cho Hội đồng về những khó khăn hiện có trong việc mua giàn khoan di động tự nâng và thuê tàu cần cẩu lắp ráp trọng tải 1.600 tấn, kế hoạch khoan thăm dò tìm kiếm năm 1983, do vậy có thể phải chính xác hóa lại.

Phía Liên Xô tham gia Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro cũng thông báo sẽ áp dụng mọi biện pháp cần thiết để giải quyết những khó khăn trên.

+ Về những nhiệm vụ địa vật lý, khảo sát, thiết kế và những công việc khác do các tổ chức của Việt Nam tiến hành:

Phê duyệt nhiệm vụ mà các tổ chức Việt Nam tiến hành như: công tác địa vật lý ở vịnh Bắc Bộ do tàu nghiên cứu Bình Minh, các công trình Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro do các tổ chức thiết kế Việt Nam thực hiện.

- Về thể thức tính chi phí của các Bên trong vốn pháp định của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro.

+ Ghi nhận rằng, Bên Việt Nam đã chi phí cho việc trả lương cho bộ máy của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro trong năm 1982 là 3.595 nghìn đồng.

+ Yêu cầu Bên Liên Xô tìm các biện pháp để chuyển tiền vào quỹ lương của bộ máy điều hành của Ban Giám đốc trong tháng 7-1982.

- Về việc thay đổi mức lương chức danh:

Đưa vào mức lương chức danh của cán bộ bộ máy điều hành Ban Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro đã được duyệt ở Kỳ họp thứ I Hội đồng (bằng đồng Việt Nam).

1. Chánh kế toán	1.466,00
2. Phó phòng Lao động tiền lương	1.349,00
3. Kỹ sư trưởng Phòng Kiểm tra đo lường và Tự động hóa	1.233,00
4. Kỹ sư trưởng Phòng Công tác kỹ thuật dưới nước và Công tác lặn	1.233,00

5. Kỹ sư trưởng Phòng Đối ngoại	1.988,00
6. Kỹ sư Phòng Đối ngoại	1.288,00
7. Trưởng phòng Cán bộ	1.466,00
8. Phó phòng Cán bộ	1.349,00

- Thành lập mới các đơn vị kinh tế và sản xuất trong hạch toán của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro.

+ Cục Xây lắp

+ Cục Dịch vụ sản xuất kỹ thuật và đồng bộ

+ Xí nghiệp Vận tải ô tô

+ Phòng Thông tin liên lạc

+ Đội Bảo vệ

+ Phòng Cung cấp cho công nhân cùng nhóm sửa chữa dịch vụ

+ Phòng Y tế

+ Nhóm Đón tiếp chuyên gia ở Thành phố Hồ Chí Minh

Và nhiều quyết định khác của Kỳ họp thứ II nhằm hoàn thiện dần về tổ chức và sản xuất của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro.

Thành phần Kỳ họp thứ II Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro:

Phía Việt Nam

1. Nguyễn Hòa, trưởng đoàn
2. Nông Tắc Lâm, thành viên
3. Hồ Tế, thành viên
4. Phan Minh Bích, thành viên
5. Trần Thái Vĩnh, thành viên
6. Ngô Thiết Thạch, thành viên
7. Vũ Tiến Liễu, thành viên
8. Trần Hữu Lạc, thành viên

Phía Liên Xô

1. Iu.V. Zaixep, trưởng đoàn
2. U.V. Trugunốp, thành viên
3. J.A. Mamedov, thành viên
4. O.O. Seremeta, thành viên
5. V.G. Vcanốp, thành viên
6. G.A. Konstantinov, thành viên
7. G.Z. Khaxkin, thành viên
8. N.P. Xoloviốp, thành viên
9. P.P. Ademianx, thành viên

3. KỶ HỌP THỨ III HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ III Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro đã được tiến hành tại Vũng Tàu từ ngày 18-5 đến ngày 2-6-1983.

Tham gia công việc của Kỳ họp thứ III có 9 thành viên Hội đồng của mỗi Phía và các chuyên viên.

Ông Nguyễn Hòa, Tổng cục trưởng Tổng cục Dầu khí Việt Nam, Trưởng đoàn Phía Việt Nam trong Hội đồng được bầu làm Chủ tịch Kỳ họp thứ III.

Phía Liên Xô thông báo ông N.M. Nhemchinov, Thứ trưởng Bộ Công nghiệp khí Liên Xô được bổ nhiệm làm Trưởng đoàn Phía Liên Xô trong Hội đồng.

Phía Việt Nam thông báo ông Trần Xuân Giá, Ủy viên Ủy ban Vật giá Nhà nước được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng, thay cho ông Vũ Tiến Liễu. Hai thành viên hội đồng là ông Phan Minh Bích và ông Trần Thái Vĩnh vắng mặt tại Kỳ họp này nên quyền biểu quyết của các ông nói trên được chuyển cho ông Hồ Tế và ông Nông Tắc Lâm.

Về chương trình công tác, Hội đồng phê duyệt một số kế hoạch chính sau:

- Kế hoạch xây dựng các công trình để tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí tại thêm lục địa phía Nam Việt Nam.

- Lập tiến độ xây dựng giàn khoan cố định số 1 tại mỏ Bạch Hổ.

- Kế hoạch xây dựng các giếng khoan thăm dò, tìm kiếm và khai thác sớm trong những năm 1983-1985 và nhiều kế hoạch chi tiết khác phục vụ cho tìm kiếm, thăm dò.

- Về cơ cấu tổ chức, Hội đồng cho phép thành lập những cơ sở sản xuất kinh doanh mới:

+ Xưởng Sửa chữa cơ khí trung tâm

+ Cục Khoan biển

+ Ban Nhà ở và công trình công cộng

+ Xí nghiệp Địa vật lý giếng khoan

+ Đội Phòng chống sự cố phun dầu khí

+ Bỏ nhóm đại diện ở Mátxcova trong phương án biên chế của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro năm 1983.

- Về duyệt mức lương chức vụ và bảng lương cán bộ công nhân viên, hai Phía nhận được các tài liệu của các Phía về đề nghị Hội đồng xem xét và cho phép Ban Giám đốc áp dụng mức lương chức vụ và bậc lương do Ban Giám đốc thảo ra trước đây, đã được 2 Phía tạm thời thỏa thuận cho đến khi có quyết định cuối cùng về vấn đề này.

Kỳ họp thứ III của Hội đồng còn quyết định nhiều vấn đề quan trọng khác nữa nhằm đưa tiến độ thực hiện kế hoạch của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro đẩy nhanh hơn.

Thành phần Kỳ họp thứ III của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro:

Phía Việt Nam

1. Nguyễn Hòa, trưởng đoàn
2. Ngô Thiết Thạch, thành viên
3. Nguyễn Xuân Trúc, thành viên
4. Trần Xuân Giá, thành viên
5. Nông Tắc Lâm, thành viên
6. Hồ Tế, thành viên
7. Trần Thái Vĩnh, thành viên
8. Trần Hữu Lạc, thành viên
9. Phan Minh Bích, thành viên

Phía Liên Xô

1. N.M. Nhemchinov, trưởng đoàn
2. U.V. Trugunốp, thành viên
3. A.M. Vardanhian, thành viên
4. B.G. Voennov, thành viên
5. G.A. Konstantinov, thành viên
6. P.P. Ademianx, thành viên
7. J.A. Mamedov, thành viên
8. G.Z. Khaxkin, thành viên
9. B.P. Koval, thành viên

4. KỲ HỌP THỨ IV HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ IV Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro đã được tiến hành tại Vũng Tàu từ ngày 17 đến ngày 19-1-1984.

Phía Liên Xô thông báo ông V.I. Timonin, Thứ trưởng thứ nhất Bộ Công nghiệp khí Liên Xô được bổ nhiệm làm Trưởng đoàn Phía Liên Xô trong Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro.

Hội đồng nhất trí bầu ông V.I. Timonin, làm Chủ tịch Kỳ họp thứ IV Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro.

Về nhân sự của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro, Kỳ họp này đã xem xét quyết định một số vấn đề quan trọng:

- Ông Nguyễn Hòa, Tổng cục trưởng Tổng cục Dầu khí Việt Nam, Trưởng đoàn Phía Việt Nam trong Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro đề nghị Hội đồng cho ông được thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc thứ nhất Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro và đề nghị cử ông Nguyễn Ngọc Cư, kỹ sư địa chất, công dân Việt Nam giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc thứ nhất Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro kể từ ngày 1-2-1984, nhiệm kỳ đến ngày 30-1-1988.

- Phía Liên Xô đề nghị bổ nhiệm ông Ph.O. Argianov - công dân Liên bang Xôviết giữ chức Chánh kỹ sư Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro nhiệm kỳ từ ngày 9-1-1984 đến ngày 8-1-1987.

- Về công tác sản xuất kinh doanh, Hội đồng đã phê chuẩn báo cáo tổng kết năm 1983 của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro về hoạt động sản xuất, kế hoạch tài chính và kinh doanh, chuẩn xác kế hoạch của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro năm 1984.

Thành phần Kỳ họp thứ IV của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro:

Phía Việt Nam

1. Nguyễn Hòa, trưởng đoàn
2. Ngô Thiết Thạch, thành viên
3. Nguyễn Xuân Trúc, thành viên
4. Trần Xuân Giá, thành viên
5. Nông Tắc Lâm, thành viên
6. Hồ Tế, thành viên
7. Trần Thái Vĩnh, thành viên
8. Phan Minh Bích, thành viên
9. Trần Hữu Lạc, thành viên

Phía Liên Xô

1. V.I. Timonin, trưởng đoàn
2. U.V. Trugunốp, thành viên
3. A.M. Vardanhian, thành viên
4. P.P. Ademianx, thành viên
5. B.G. Voennov, thành viên
6. J.A. Mamedov, thành viên
7. G.Z. Khaxkin, thành viên
8. B.P. Koval, thành viên

5. KỶ HỌP THỨ V HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ V Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro được tiến hành tại Vũng Tàu từ ngày 29 đến ngày 31-10-1984.

Ông Nguyễn Hòa - Tổng cục trưởng Tổng cục Dầu khí Việt Nam, Trưởng đoàn Phía Việt Nam trong Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro được bầu làm Chủ tịch kỳ họp.

Về thành viên Hội đồng, Phía Việt Nam thông báo xin rút ông Hồ Tế khỏi Hội đồng và bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Cư, Phó Tổng Giám đốc thứ nhất Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro làm thành viên Hội đồng. Hội đồng đã nhất trí việc đề nghị này.

Phía Liên Xô trong Hội đồng đề nghị cho ông D.A. Mamedov Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro thôi chức Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro và thôi thành viên hội đồng vì đã hết nhiệm kỳ công tác. Đề nghị cho ông F.G. Arzanov thôi giữ chức Chánh kỹ sư Xí nghiệp Liên doanh và bổ nhiệm ông làm Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro từ ngày 1-11-1984 và là thành viên Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh. Hội đồng đã nhất trí các đề nghị này.

Về công tác sản xuất kinh doanh, Hội đồng phê chuẩn:

- Báo cáo của Ban Giám đốc về công tác sản xuất, kế hoạch tài chính và các hoạt động kinh tế của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro năm 1984.

- Báo cáo thanh tra về các hoạt động của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro giai đoạn 1981-1984.

- Về tiến hành thực hiện trách nhiệm của các Phía trong việc thực thi chương trình công tác tại thêm lục địa phía Nam Việt Nam giai đoạn 1981-1984. Hội đồng nhận xét:

+ Do thực hiện chậm trễ khối lượng công tác (khoan tìm kiếm, thăm dò, xây dựng các giàn khoan cố định và khai thác thử công nghiệp các giếng khoan) nên kế hoạch năm 1985 được hoạch định có tính đến việc hoàn thành nhiệm vụ chủ yếu của chương trình và khẳng định trữ lượng công nghiệp dầu khí của mỏ Bạch Hổ và đánh giá sơ bộ trữ lượng này tại cấu tạo Rồng.

+ Có sự chậm trễ trong công tác khoan tìm kiếm, thăm dò, khoan các giếng khai thác sớm, cũng như trong công tác xây dựng các giàn khoan cố định và các công trình khác chủ yếu do những nguyên nhân sau:

* Hệ số thời tiết xấu trên thực tế (2,3) và hệ số dự kiến trong thiết kế (1,16) không trùng hợp nhau.

* Việc mua sắm và giao sang Việt Nam các phương tiện kỹ thuật thủy chủ yếu (giàn khoan nổi tự nâng Ekhabi, tàu cầu Ixpolin...) bị chậm trễ 2-2,5 năm.

* Không ký kết kịp thời các hợp đồng về cung cấp những phương tiện thủy và thiết bị vật tư.

* Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro bị hạn chế quyền trong việc quyết định các giải pháp cuối cùng về những vấn đề kỹ thuật trong việc tham gia thảo luận và ký kết các hợp đồng.

Cho đến nay một phần đáng kể các công tác ở thêm lục địa Việt Nam là do các tổ chức thầu Việt Nam và Liên Xô thực hiện, mặc dù về cơ bản các công tác đó Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro có thể đảm nhiệm được.

Hội đồng giao cho Ban Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro huy động lực lượng của Viện Dầu khí Việt Nam và các cố vấn của Bộ Công nghiệp khí Liên Xô trong năm 1985 hoàn thành việc tính toán trữ lượng dầu khí mỏ Bạch Hổ theo kết quả khoan 5 giếng tìm kiếm, thăm dò (1, 3, 4, 5 và 8) và theo các tài liệu địa vật lý hiện có.

Hội đồng nhận xét rằng, việc đánh giá khả năng chứa dầu khí của các cấu tạo Rồng sẽ được thực hiện sau khi khoan giếng số 1 ở cấu tạo Rồng bằng giàn khoan tự nâng Ekhabi trong năm 1985.

Các Phía tham gia nhận xét rằng, mặc dù đã có những vật tư chủ yếu để xây dựng các công trình thuộc kế hoạch năm 1984, xong tổng thầu (Ban Quản lý công trình) vẫn không bảo đảm hoàn thành khối lượng công tác đã được hoạch định do việc cung cấp thiết bị thiếu đồng bộ.

- Hội đồng xem xét Chương trình kế hoạch tổng thể năm 1985 và dự thảo Kế hoạch giai đoạn 1986-1990.

Thành phần Kỳ họp thứ V của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro:

Phía Việt Nam

1. Nguyễn Hòa, trưởng đoàn
2. Ngô Thiết Thạch, thành viên
3. Phan Minh Bích, thành viên
4. Trần Xuân Giá, thành viên
5. Nông Tắc Lâm, thành viên
6. Trần Thái Vĩnh, thành viên
7. Trần Hữu Lạc, thành viên
8. Nguyễn Ngọc Cự, thành viên
9. Nguyễn Xuân Trúc, thành viên

Phía Liên Xô

1. V.I. Timonin, trưởng đoàn
2. U.V. Trugunốp, thành viên
3. A.M. Vardanhian, thành viên
4. B.G. Voennov, thành viên
5. P.P. Ademianx, thành viên
6. F.G. Arzanov, thành viên
7. G.Z. Khaxkin, thành viên

6. KỲ HỌP THỨ VI HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ VI của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro được tiến hành tại Vũng Tàu từ ngày 24 đến ngày 25-10-1985.

Ông V.I. Timonin, Trưởng đoàn Phía Liên Xô trong Hội đồng được bầu làm Chủ tịch Kỳ họp thứ VI.

Về thành viên hội đồng của Phía Việt Nam, ông Nguyễn Hòa, Trưởng đoàn Phía Việt Nam trong Hội đồng thông báo quyết định rút ông Nông Tắc Lâm khỏi thành phần Hội đồng và bổ nhiệm ông Nguyễn Quang Hạp, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tổng cục Dầu khí Việt Nam làm thành viên hội đồng. Hội đồng đã biểu quyết nhất trí đề nghị của Phía Việt Nam.

Phía Liên Xô trong Hội đồng thông báo là các thành viên P.A. Arusanov và Iu.V. Trugunov vắng mặt, nên quyền biểu quyết của các thành viên này được chuyển cho các thành viên Hội đồng A.M. Vardanhian và V. G.Voennov.

Phía Việt Nam trong Hội đồng thông báo là thành viên hội đồng Ngô Thiết Thạch vắng mặt nên quyền biểu quyết được chuyển cho thành viên Hội đồng Trần Xuân Giá.

Cũng trong Kỳ họp này đã bổ nhiệm một số thành viên Ban Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro như sau:

- Ông Puri Grigori Vaxilovich, công dân Liên Xô giữ chức Chánh kỹ sư từ ngày 12-3-1985.

- Ông Truprin Anatoli Avramovich, công dân Liên Xô giữ chức Phó Tổng Giám đốc về công tác cán bộ và công tác đặc biệt từ ngày 8-4-1985.

- Ông Lê Quang Trung, công dân Việt Nam giữ chức Phó Tổng Giám đốc về đời sống từ ngày 8-4-1985.

- Ông Frolov Antoli Ivanovich, công dân Liên Xô làm Chánh kế toán từ ngày 22-10-1985.

Về hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng đã xem xét báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và lưu ý Ban Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro phải áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm khắc phục những thiếu sót đã nêu trong Kỳ họp về việc tổ chức công tác của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro.

Hội đồng đã phê duyệt các phương hướng công tác chủ yếu và khối lượng công tác tại thêm lục địa Nam Việt Nam giai đoạn 1986-1990 và kế hoạch công tác năm 1986 của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro. Trong đó lưu ý giai đoạn 1986-1990, lập thiết kế khai thác và tổ chức khai thác dầu khí mỏ Bạch Hổ, đưa mức khai thác đến 2,5 triệu tấn dầu vào năm 1990.

Tới năm 1987, Xí nghiệp phải hoàn thành công tác thăm dò địa chất, tính trữ lượng dầu và lập dự án (hồ sơ) khai thác mỏ và xây dựng các công trình khai thác mỏ Bạch Hổ, chuẩn bị lập thiết kế khai thác các đối tượng riêng biệt các mỏ Rồng, cấu tạo Trà Tân và “M”; bảo đảm tăng trữ lượng dầu khai thác với khối lượng 200-220 triệu tấn bằng cách khoan các giếng tìm kiếm, thăm dò tại 9 cấu tạo với khối lượng mét khoan là 72.000 m; tiến hành nghiên cứu địa vật lý và địa chất công trình Tổng hợp tại các lô 04, 05, 09, 10, 11, 15, 16 với khối lượng 15.000 km và chuẩn bị 33 khu vực để xây dựng các giàn khoan cố định và đặt các giàn khoan nổi (SPBU).

- Kế hoạch khoan giai đoạn 1986-1990:

Hội đồng Kỳ họp giao cho Ban Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro trước ngày 1-12-1985 phải thỏa thuận tất cả các vấn đề kỹ thuật có liên quan tới thuê giàn khoan nổi (SPBU) Ekhabi, có hợp thức hóa bằng biên bản kỹ thuật. Trên cơ sở biên bản này, đề nghị các tổ chức ngoại

thương của hai Bên ký kết hợp đồng thuê giàn SPBU Ekhabi cùng đội thuyền viên trước ngày 1-2-1986.

- Về việc trả lương khuyến khích vật chất và ưu đãi cho cán bộ công nhân viên Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro áp dụng từ ngày 1-10-1985 trả vào lương chức vụ và bậc lương:

* Phụ cấp làm việc ngoài biển: 35%

* Phụ cấp làm đêm: 20%

* Phụ cấp cho lái xe ô tô do ngày làm việc không định mức: từ 5-10%

* Phụ cấp cá nhân đến 20% (tổng số phụ cấp cá nhân không được vượt quá 3% quỹ tiền lương theo biểu biên chế).

* Phụ cấp thâm niên một lần 1 năm:

Từ 2-3 năm = 0,8 của lương chức vụ trung bình tháng (của bậc lương)

Từ 3-5 năm = 1,0 của lương chức vụ trung bình tháng (của bậc lương)

Từ 5 năm trở lên = 1,8 của lương chức vụ trung bình tháng (của bậc lương).

Thành phần Kỳ họp thứ VI của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro:

Phía Việt Nam

1. Nguyễn Hòa, trưởng đoàn
2. Trần Xuân Giá, thành viên
3. Nguyễn Quang Hạp, thành viên
4. Trần Thái Vĩnh, thành viên
5. Trần Hữu Lạc, thành viên
6. Nguyễn Ngọc Cư, thành viên
7. Nguyễn Xuân Trúc, thành viên
8. Phan Minh Bích, thành viên

Phía Liên Xô

1. V.I. Timonin, trưởng đoàn
2. A.M. Vardanhian, thành viên
3. V.G. Voennov, thành viên
4. P.P. Ademianx, thành viên
5. F.G. Arzanov, thành viên
6. G.Z. Khaxkin, thành viên
7. B.P. Koval, thành viên

7. KỶ HỌP THỨ VII HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ VII Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro đã được tiến hành trong hai ngày 4 và 5-8-1986 tại Mátxcova, Liên Xô.

Ông Nguyễn Hòa, Tổng cục trưởng Tổng cục Dầu khí Việt Nam, Trưởng đoàn Phía Việt Nam trong Hội đồng được bầu làm Chủ tịch Kỳ họp thứ VII của Hội đồng.

Trưởng đoàn Phía Liên Xô trong Hội đồng thông báo sự vắng mặt của các thành viên hội đồng Iu.V. Trugunov và P.P. Agamian quyền bỏ phiếu của họ được chuyển cho các thành viên hội đồng V.G. Voennov và A.M. Vardanhian.

Hội đồng đã bổ nhiệm một số lãnh đạo trong Ban Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro:

- Ông I.T. Demko, công dân Liên Xô làm Phó Tổng Giám đốc về cung cấp vật tư và đồng bộ hóa thiết bị.

- Ông In.V. Zakharov, công dân Liên Xô làm Phó Tổng Giám đốc về thương mại.

Về chương trình sản xuất kinh doanh, Hội đồng đã xem xét bản báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch nửa đầu năm 1986 và đánh giá cao tập thể quốc tế Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro đã đạt được những tiến bộ to lớn hoàn thành xây dựng nhanh chóng và đưa vào sử dụng trạm rót dầu không bến, giàn cố định số 3, khoan các giếng khoan khai thác sớm số 1, 28, 22 bằng giàn cố định số 1, đã đưa vào sản xuất thử công nghiệp. Tuy nhiên, Hội đồng cũng nhận xét rằng cả hai Phía Việt Nam và Liên Xô đã không hoàn thành hàng loạt các nghĩa vụ đã được Hội đồng Kỳ họp thứ VI và các văn bản khác đề cập tới, ví dụ như: lịch cử chuyên gia vào Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro, thời hạn xây dựng một số công trình do nhà thầu Việt Nam và Liên Xô thực hiện, v.v., hoặc việc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro đôi khi trì hoãn việc xem xét và quyết định các vấn đề về kỹ thuật nên gây khó khăn cho việc ký các hợp đồng thiết kế và nghiên cứu khoa học của các cơ quan cả hai Phía tham gia.

Đơn hàng vật tư kỹ thuật được thành lập không tính đến những vật tư đã có trong Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro và những danh mục vật tư đã ký ở các hợp đồng trước đó. Vì vậy, tại Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro số vật tư tồn kho ngày càng lớn, Xí nghiệp thường huỷ bỏ thiết bị vật tư đã đặt; trường hợp cá biệt còn liên hệ thẳng với Phía Liên Xô, bỏ qua các tổ chức ngoại thương của Việt Nam (mục 3.4.1. Nghị quyết Hội đồng Kỳ họp thứ VII).

Về thiết lập mối quan hệ sản xuất và thương mại trực tiếp của Bộ Công nghiệp khí với Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro.

Mục b.2.1. ghi: Từ ngày 15-8-1986, toàn bộ các công việc cấp hàng và dịch vụ do các tổ chức Liên Xô thực hiện cho Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro sẽ được hợp thức hóa bằng các hợp đồng ngoại thương giữa Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro và Liên đoàn “Soiuzzarubezmorneftegazprom” không có sự tham gia của cơ quan ngoại thương...

Mục b.2.3. ghi: Tháng Giêng hàng năm, Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro phải trình khoản ứng trước cho Liên đoàn “Soiuzzarubezmorneftegazprom” (No.204814) ở Ngân hàng Nhà nước Trung ương Liên Xô khoảng 15% tổng số chi phí hàng năm theo kế hoạch tài chính công việc. Giao hàng và dịch vụ do Phía Liên Xô thực hiện.

Về ngày chính thức thành lập Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro.

Ngày chính thức thành lập Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro về tiến hành công tác thăm dò địa chất và khai thác dầu khí ở thềm lục địa phía Nam Việt Nam là ngày 19-11-1981, là ngày ban hành Quyết định số 136/HĐBT “Về việc cho phép Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro bắt đầu hoạt động”.

Kỳ họp thứ VII này Hội đồng đã xem xét nhiều vấn đề có ý kiến khen, có ý kiến chê để rút kinh nghiệm và thúc đẩy công việc.

Thành phần Kỳ họp thứ VII của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro:

Phía Việt Nam

1. Nguyễn Hòa, trưởng đoàn
2. Ngô Thiết Thạch, thành viên
3. Trần Xuân Giá, thành viên
4. Nguyễn Xuân Trúc, thành viên
5. Nguyễn Quang Hạp, thành viên
6. Trần Thái Vĩnh, thành viên
7. Phan Minh Bích, thành viên
8. Nguyễn Ngọc Cư, thành viên
9. Trần Hữu Lạc, thành viên

Phía Liên Xô

1. V.I. Timonin, trưởng đoàn
2. A.M. Vardanhian, thành viên
3. V.G. Voennov, thành viên
4. F.G. Arzanov, thành viên
5. G.Z. Khaxkin, thành viên
6. B.P. Koval, thành viên
7. F.A. Arushanov, thành viên

8. KỶ HỌP THỨ VIII HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ VIII Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro đã được tiến hành trong hai ngày 13 và 14-2-1987 tại Vũng Tàu.

Ông Nguyễn Hòa, Tổng cục trưởng Tổng cục Dầu khí Việt Nam Trưởng đoàn Phía Việt Nam trong Hội đồng được bầu làm Chủ tịch Kỳ họp thứ VIII.

Phía Liên Xô thông báo ông V.I. Timonin, Trưởng đoàn Phía Liên Xô không thể tham dự Kỳ họp này nên cử thành viên hội đồng Phía Liên Xô là ông I.M. Sidorenko, Ủy viên Ban lãnh đạo Bộ khí, Tổng cục trưởng Tổng cục Dầu khí biển làm quyền Trưởng đoàn Phía Liên Xô trong Hội đồng. Hai thành viên hội đồng Phía Liên Xô vắng mặt là S.V. Degtiarov và V.G. Voennov nên quyền biểu quyết chuyển cho các thành viên O.K. Popov và A.M. Vardanhian.

Phía Việt Nam, thành viên Trần Hữu Lạc vắng mặt nên quyền biểu quyết được giao cho thành viên Nguyễn Xuân Trúc.

Về bổ nhiệm nhân sự Ban Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro, Hội đồng quyết định bổ nhiệm:

- Ông Tasaev Nikolai Georgievich, công dân Liên Xô giữ chức Phó Tổng Giám đốc kinh tế từ ngày 1-10-1986.

- Ông Bazanov Nikolai Valentinovich, công dân Liên Xô giữ chức Chánh Kế toán từ ngày 4-12-1986.

Đặc biệt Kỳ họp thứ VIII này, Hội đồng đã quyết định giảm số ủy viên của Hội đồng xuống còn 7 người mỗi Phía và thông báo vấn đề này cho các Phía tham gia.

Về báo cáo sản xuất kinh doanh, tài chính của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro năm 1986, Hội đồng nhận xét:

- Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro đã vững mạnh về mặt kỹ thuật và tổ chức, các chỉ tiêu kế hoạch chính trong năm 1986 đã được hoàn thành vượt mức.

- Đã khoan 24.200 m/kế hoạch 16.600 m khoan thăm dò và khai thác, đã đưa vào khai thác 6 giếng, tổ chức khai thác thủ công nghiệp và đã khai thác được 40.500 tấn dầu so với 40.000 tấn theo kế hoạch. Kế hoạch gia tăng trữ lượng không hoàn thành. Về cơ bản đã hoàn thành việc xây dựng các công trình căn cứ trên bờ và các công trình nhà ở và văn hóa công cộng.

- Báo cáo trữ lượng dầu khí và sơ đồ công nghệ khai thác cùng vị trí đặt các giàn khoan cố định tại mỏ Bạch Hổ đã chưa được soạn thảo và trình lên các cấp tương ứng.

Hội đồng nhận xét rằng:

- Phía Liên Xô năm 1986 đã không bảo đảm thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch về công tác địa vật lý cũng như hiệu quả công tác khoan của tàu khoan Mikhailin Mirchin bị giảm xuống.

- Các đơn hàng cung cấp vật tư do Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetropetrol lập thường không dựa trên tính toán và định mức, trong năm thường có đơn hàng bổ sung, có trường hợp chuyển giao vật tư cho các tổ chức khác. Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetropetrol và Phía tham gia Việt Nam không bảo đảm việc đào tạo tại Việt Nam và Liên Xô các chuyên gia Việt Nam theo kế hoạch và việc thay thế các chuyên gia Liên Xô bằng chuyên gia Việt Nam theo các quyết định đã được thông qua trước đây.

Và nhiều vấn đề liên quan tới thương mại, giá cả, tiến độ ký kết các hợp đồng cung cấp vật tư thiết bị, cũng như kế hoạch phương hướng chủ yếu tìm kiếm, thăm dò trong năm 1987... cũng được Hội đồng xem xét và lưu ý từng vấn đề cụ thể cho Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetropetrol và kiến nghị các Phía giải quyết.

Thành phần Kỳ họp thứ VIII của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetropetrol:

Phía Việt Nam

1. Nguyễn Hòa, trưởng đoàn
2. Ngô Thiết Thạch, thành viên
3. Trần Xuân Giá, thành viên
4. Nguyễn Xuân Trúc, thành viên
5. Nguyễn Quang Hạp, thành viên
6. Trần Thái Vĩnh, thành viên
7. Phan Minh Bích, thành viên
8. Nguyễn Ngọc Cư, thành viên

Phía Liên Xô

1. I.M. Sidorenko, trưởng đoàn
2. O.K. Popov, thành viên
3. A.M. Vardanian, thành viên
4. F.G. Arzanov, thành viên
5. S.G. Tarasov, thành viên
6. X.G. Turkadze, thành viên

9. KỶ HỢP THỨ IX HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ IX Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro được tiến hành tại Vũng Tàu trong hai ngày 17 và 18-12-1987.

Ông L.I. Philimonov, Thứ trưởng thứ nhất Bộ Công nghiệp khí Liên Xô, Trưởng đoàn Phía Liên Xô trong Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro được cử làm Chủ tịch Kỳ họp thứ IX.

Phù hợp với Nghị quyết Kỳ họp thứ VIII Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro, hai Phía Việt Nam và Liên Xô đều thông báo về số lượng thành viên hội đồng của mình trong Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro như Nghị quyết Kỳ họp thứ VIII đã quy định.

Hội đồng đã bổ nhiệm một số vị trí lãnh đạo Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro như sau:

- Kulin Boris Alexandrovich, công dân Liên Xô giữ chức Phó Tổng Giám đốc về cán bộ và công tác đặc biệt từ ngày 1-7-1987.

- Perov Anatoli Vaxilevich, công dân Liên Xô giữ chức Phó Tổng Giám đốc về khoan từ ngày 13-10-1987.

Theo quy định cơ quan lãnh đạo của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro là Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro cho nên Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro họp hàng năm là xem xét các vấn đề về bổ nhiệm nhân sự và điều quan trọng nhất là xem xét kế hoạch công tác năm và đề ra phương hướng cho các năm tiếp theo.

Kỳ họp này Hội đồng đã đánh giá cao việc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro đã hoàn thành trước thời hạn các chỉ tiêu đề ra trong năm 1987, trong đó khối lượng khoan tìm kiếm, thăm dò đạt 139%, tốc độ thương mại 127%, về khoan khai thác là 175%, sản lượng khai thác năm 1987 sẽ đạt gần 287.000 tấn so với kế hoạch đề ra là 270.000 tấn. Năm 1987 đã đưa các giàn MSP-4 và 5 vào hoạt động trước thời hạn và đã triển khai việc lắp ráp ngoài biển giàn MSP-6.

Ngoài ra, Hội đồng cũng đã biểu dương nhiều việc khác, cũng như nhận xét và nhắc nhở một số việc cần rút kinh nghiệm như: do nhiều nguyên nhân khác nhau mà trong năm 1987 đã để xảy ra 10 sự cố và phức tạp trong quá trình khoan với tổng thời gian chi phí theo lịch để khắc phục là 30 ngày đêm (bằng 2,4% thời gian khoan). Hội đồng lưu ý Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro cần thực hiện tổ hợp các biện pháp phòng tránh sự cố khoan trong quá trình thi công giếng khoan.

Trong năm 1987, Xí nghiệp không hoàn thành khối lượng kế hoạch công tác xây dựng các công trình thuộc Căn cứ tổng hợp trên bờ, nhà ở và văn hóa xã hội. Chỉ có 3 công trình thuộc Căn cứ tổng hợp trên bờ dự kiến sẽ được đưa vào sử dụng theo kế hoạch. Kế hoạch xây dựng nhà ở và công trình văn hóa xã hội cũng không hoàn thành.

Các kế hoạch cung cấp phương tiện kỹ thuật nổi cho Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro dự kiến trong Nghị quyết Kỳ họp thứ VIII của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro không được thực hiện, gây ra những khó khăn đáng kể cho việc bảo đảm kế hoạch công tác của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro năm 1988.

Qua Kỳ họp Hội đồng lần này có thể thấy, năm 1987 Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro thực hiện rất tốt kế hoạch của năm, vượt mức nhiều chỉ tiêu đề ra, có lẽ năm 1987 là năm hoạt động hiệu quả nhất của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro tính cho tới thời điểm này.

Thành phần Kỳ họp thứ IX của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro:

Phía Việt Nam

1. Nguyễn Hòa, trưởng đoàn
2. Nguyễn Quang Hạp, thành viên
3. Đào Duy Chũ, thành viên
4. Nguyễn Ngọc Cư, thành viên
5. Trần Hữu Lạc, thành viên

Phía Liên Xô

1. L.I. Philimonov, trưởng đoàn
2. O.K. Popov, thành viên
3. F.G. Arzanov, thành viên
4. S.G. Tarasov, thành viên
5. I.M. Sidorenko, thành viên

10. KỲ HỌP THỨ X HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ X Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro diễn ra tại Vũng Tàu trong hai ngày 21 và 22-12-1988.

Tham gia Kỳ họp thứ X theo quy định mỗi Phía trong Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro có 5 thành viên hội đồng.

Ông Trương Thiên, Tổng cục trưởng Tổng cục Dầu khí Việt Nam, Trưởng đoàn Phía Việt Nam trong Hội đồng được bầu làm Chủ tịch Kỳ họp.

Theo chương trình Kỳ họp, Hội đồng đã phê duyệt:

- Thành phần mới của Hội đồng (có danh sách).

- Thành phần mới của Ban thanh tra của Hội đồng, Hội đồng bổ nhiệm lãnh đạo của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro:

+ Ông Vovk Vladimir Stepanovich, công dân Liên Xô giữ chức Tổng Giám đốc từ ngày 18-5-1988.

+ Ông Usik Vitali Akimovich, công dân Liên Xô giữ chức Chánh Kỹ sư từ ngày 9-3-1988.

+ Ông Mitrophanov Boris Ivanovich, công dân Liên Xô giữ chức Phó Tổng Giám đốc về cung ứng vật tư từ ngày 31-5-1988.

+ Bổ nhiệm ông Đỗ Đình Khải, công dân Việt Nam làm Chánh kế toán từ ngày 1-12-1988.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro về các hoạt động sản xuất và kinh tế tài chính 11 tháng đầu năm 1988 và nhiệm vụ năm 1989, Hội đồng nhận xét:

- Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro đã hoàn thành vượt mức kế hoạch khai thác dầu, khoan, xây dựng các công trình biển, khảo sát địa chất công trình.

- Hoàn thành kế hoạch tăng trữ lượng dầu 40,9 triệu tấn (102,2%). Sản lượng khai thác dầu đạt 620.000 tấn (102,8%).

Và nhiều chỉ tiêu khác như khoan, xây dựng công trình biển... đều vượt mức kế hoạch.

Về kế hoạch năm 1989, Hội đồng quyết định sản lượng khai thác dầu năm 1989 đạt 1.490.000 tấn và Hội đồng đã đưa ra biện pháp để bảo đảm sản lượng trên.

Bên cạnh đó, các tổ chức nhận thầu chưa hoàn thành kế hoạch xây dựng cơ bản Căn cứ tổng hợp trên bờ và kế hoạch đưa các công trình phi sản xuất vào sử dụng. Kế hoạch đưa diện tích nhà ở vào sử dụng chỉ thực hiện được 44,7%.

Do kế hoạch năm 1988 không được cân đối đủ vật tư kỹ thuật từ Liên Xô nên đã không thực hiện được kế hoạch do Hội đồng Kỳ họp thứ IX phê duyệt trong việc đưa giàn MSP-7 vào hoạt động và xây dựng đường ống dẫn dầu khí. Do không cung cấp nhíp ngành ống chống và một loạt các vật tư khác đã phải tạm dừng kế hoạch đưa 4 giếng khoan ở mỏ Bạch Hổ nên đã không hoàn thành kế hoạch đưa

các giếng vào khai thác (kế hoạch 19 giếng, chỉ thực hiện được 16 giếng). Do Phía Liên Xô chưa đưa tàu Mikhail Mirchin về nên không hoàn thành xây dựng giếng khoan số 3 “Rồng”.

Phía Liên Xô cho rằng cần phải tăng cường công tác thăm dò các vỉa dầu thuộc lớp vỏ phong hóa của mỏ Bạch Hổ và tiếp tục các công tác thăm dò địa chất tại các cấu tạo “Đại Hùng”, “Ba Vì”, “Bà Đen”, “Sói” nhằm bảo đảm kế hoạch gia tăng trữ lượng khai thác công nghiệp ở thềm lục địa phía Nam Việt Nam theo đúng chương trình công tác giai đoạn 1986-1990 của Hiệp định Liên Chính phủ.

Về lĩnh vực khoan tìm kiếm, thăm dò:

- Phía Việt Nam đề nghị công tác thăm dò địa chất của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro tập trung vào 3 lô: 09, 15 và 16 và đề nghị phê duyệt kế hoạch khoan cho năm 1989 như nêu trong Phụ lục số 9, bảo đảm mức gia tăng trữ lượng dầu là 25 triệu tấn.

Phía Liên Xô không đồng ý với ý kiến này và giữ vững lập trường là Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro phải thực hiện đúng chương trình công tác đề ra trong Hiệp định Liên Chính phủ ký ngày 19-6-1981 và Nghị định thư ngày 25-10-1985 kèm Hiệp định này và thực hiện khoan tìm kiếm thăm dò trong năm 1989 như nêu trong Phụ lục số 10, bảo đảm mức gia tăng trữ lượng 50 triệu tấn dầu trong năm 1989 và kế hoạch 5 năm (200 triệu tấn).

Ghi nhận thông báo của Phía Việt Nam về việc Chính phủ Việt Nam quyết định giới hạn vùng hoạt động của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro trong 3 lô, do vậy sẽ đình chỉ các công tác trong khu vực mỏ Đại Hùng. Sau khi khoan xong giếng số 3. Hai Phía tham gia quyết định trong thời hạn trước khi hoàn thành khoan giếng số 3 Đại Hùng sẽ kiến nghị lên Chính phủ hai nước giải quyết điều kiện tiếp tục tiến hành công tác trên 7 lô của thềm lục địa phía Nam Việt Nam, trong đó có mỏ Đại Hùng.

Hai Phía tham gia khẳng định sự đồng ý hoàn thành xây dựng trong năm 1989 các giếng thăm dò số 3 Đại Hùng, số 3 Rồng, số 2 Bạch Hổ và khoan giếng tìm kiếm số 1 cấu tạo Ba Vì và thấy cần thiết thực hiện một số công tác thăm dò địa chất trong năm 1989 tại thềm lục địa phía Nam Việt Nam theo điều kiện tổng thầu.

Trong lĩnh vực nghiên cứu, Hội đồng phê duyệt kế hoạch nghiên cứu địa vật lý, khảo sát địa chất công trình, bảo đảm hàng hải cho xây dựng các công trình biển.

Trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, Hội đồng lưu ý chủ yếu các công trình biển như giàn cố định số 7, số 8, đường ống dẫn dầu Bạch Hổ, tổ hợp xử lý dầu thô.

Và nhiều vấn đề khác mà Hội đồng quan tâm để đẩy mạnh công tác của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro.

Thành phần Kỳ họp thứ X của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro:

Phía Việt Nam

1. Trương Thiên, trưởng đoàn
2. Đào Duy Chũ, thành viên
3. Nguyễn Quang Hạp, thành viên
4. Trần Hữu Lạc, thành viên
5. Nguyễn Ngọc Cư, thành viên

Phía Liên Xô

1. L.I. Philimonov, trưởng đoàn
2. O.O. Seremeta, thành viên
3. O.K. Popov, thành viên
4. I.M. Sidorenko, thành viên
5. V.S. Vovk, thành viên

11. KỲ HỌP THỨ XI HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ XI Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro được tiến hành trong hai ngày 20 và 21-10-1989 tại Vũng Tàu - Việt Nam, tham gia Kỳ họp này mỗi Phía có 5 thành viên.

Phía Liên Xô giới thiệu ông B.A. Nikitin, Thứ trưởng thứ nhất Bộ Công nghiệp Dầu Liên Xô được chỉ định làm Trưởng đoàn Phía Liên Xô trong Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro và được bầu làm Chủ tịch Kỳ họp.

Phía Việt Nam thông báo ông Bùi Hải Ninh, Phó Tổng Giám đốc thứ nhất Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro được bổ sung vào thành phần Phía Việt Nam trong Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro.

Về việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro năm 1989 và kế hoạch năm 1990:

Năm 1989: Hội đồng nhận định:

- Hoàn thành kế hoạch khai thác và tìm kiếm thăm dò.
- Không hoàn thành kế hoạch sử dụng vốn đầu tư.
- Không đáp ứng nhu cầu vật tư cho chương trình công tác.

Năm 1990: Hội đồng quyết định:

- Sản lượng khai thác: 2.500.000 tấn dầu thô.
- Khoan 57.500 m khoan khai thác.
- Phê duyệt kế hoạch khảo sát thiết kế công trình biển, công tác nghiên cứu khoa học và nhiều hạng mục khác phục vụ kế hoạch năm.

Về công tác thương mại: Hội đồng quyết định về giá xuất xưởng dầu thô là 125 RCN/tấn (RCN = Rúp chuyển nhượng) đặc biệt Hội đồng đã bàn tới việc chuyển Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro sang hoạt động theo cơ chế mới từ ngày 1-1-1990 và trao quyền tự chủ kinh tế cho Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro.

Về xây dựng đường ống dẫn dầu “Bạch Hổ - bờ” và “tổ hợp xử lý dầu thô”. Hội đồng quyết nghị:

- Phía Việt Nam đề nghị chuyển giao khí đồng hành của các mỏ Bạch Hổ, Rồng, Đại Hùng cho Phía Việt Nam không tính tiền, chỉ tính chi phí nén khí để vận chuyển.

- Phía Liên Xô sẽ xem xét vấn đề này và thông báo quyết định của mình cho Phía Việt Nam.

Về việc ghi giảm bản tổng kết tài sản của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro và chuyển cho Phía Việt Nam các chi phí cho công tác địa vật lý ngoài 3 lô: 05, 09 và 16.

Hội đồng quyết nghị:

- Giải quyết việc thanh lý các chi phí liên quan đến công tác ở 4 lô (04, 10, 11, 15) sau khi chính xác hóa Hiệp định Liên Chính phủ hiện hành.

- Đồng thời Hội đồng cũng xem xét nhiều vấn đề, trong đó có điều chỉnh vốn pháp định tương ứng của 2 Bên đóng góp (vật tư cung cấp cho xây dựng công trình từ Phía Liên Xô được tính vào vốn pháp định).

Thành phần Kỳ họp thứ XI của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro:

Phía Việt Nam

1. Trương Thiên, Trưởng đoàn
2. Đào Duy Chũ, thành viên

Phía Liên Xô

1. B.A. Nikitin, Trưởng đoàn
2. O.O. Seremeta, thành viên

- | | |
|---------------------------------|-------------------------------|
| 3. Nguyễn Quang Hạp, thành viên | 3. O.K. Popov, thành viên |
| 4. Bùi Hải Ninh, thành viên | 4. I.M. Sidorenko, thành viên |
| 5. Trần Hữu Lạc, thành viên | 5. V.S.Vovk, thành viên |

12. KỶ HỌP THỨ XII HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ XII Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro tiến hành tại Vũng Tàu - Việt Nam trong các ngày 12 và ngày 13-12-1990.

Ông Trương Thiên, Trưởng đoàn Phía Việt Nam thông báo về thay đổi thành phần Hội đồng Phía Việt Nam như sau: Ông Đỗ Quang Toàn, Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Công nghiệp nặng và ông Đỗ Chí Hiếu, Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Tổng công ty Dầu khí Việt Nam được chỉ định làm thành viên Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh.

Ông B.A. Nikitin, Trưởng đoàn Phía Liên Xô thông báo ông B.K. Kutúchkin, quyền Tổng Giám đốc Liên đoàn ZNS được chỉ định làm thành viên Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh.

Hội đồng nhất trí bầu ông Trương Thiên, Trưởng đoàn Phía Việt Nam làm Chủ tịch kỳ họp thứ XII.

A. Những nội dung chính được Hội đồng xem xét quyết nghị trong kỳ họp thứ XII

1. Về thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 1990

Hội đồng ghi nhận:

- + Hoàn thành xuất sắc các kế hoạch: về khai thác và về gia tăng trữ lượng dầu.
- + Tình hình tài chính năm 1990 của Xí nghiệp Liên doanh là ổn định.

Tuy nhiên Hội đồng cũng thấy rằng:

- + Không hoàn thành kế hoạch đưa giếng mới vào khai thác.
- + Hệ số thời gian không hữu ích trong khai thác còn cao.
- + Chưa thực hiện được nghiên cứu địa chấn 3D ở mỏ Đại Hùng.

2. Về kế hoạch năm 1991

Hội đồng quyết nghị:

- + Khai thác 3.571.000 tấn dầu thô.
- + Hoàn thành thi công 12 giếng và đưa 15 giếng vào khai thác.
- + Tăng trữ lượng 16 triệu tấn dầu thô cấp C1.
- + Trình lên Hội đồng trữ lượng của hai phía để phê chuẩn trữ lượng dầu và khí tại tầng móng và vỉa Miocen và Oligocen, sau đó trình Hội đồng trữ lượng Nhà nước Việt Nam và Liên Xô phê chuẩn lại.

3. Về các công việc khác của Xí nghiệp Liên doanh

Hội đồng đã xem xét và cho ý kiến phê duyệt nhiều vấn đề, như:

Vấn đề sửa đổi định mức công tác phí như: (i) Đi công tác trong lãnh thổ Việt Nam: 5 USD/ngày; (ii) Thuê khách sạn cho Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc thứ nhất ở khách sạn 4 sao, các cán bộ công nhân viên khác một người/1 phòng khách sạn loại 3 sao.

B. Thành phần kỳ họp thứ XII của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro

Phía Việt Nam

1. Trương Thiên, trưởng đoàn
2. Bùi Hải Ninh, thành viên
3. Đỗ Quang Toàn, thành viên
4. Trần Hữu Lạc, thành viên
5. Đỗ Chí Hiếu, thành viên

Phía Liên Xô

1. B.A. Nikitin, trưởng đoàn
2. O.O. Seremeta, thành viên
3. B.K. Kutúchkin, thành viên
4. I.M. Sidorenco, thành viên
5. V.S. Vovk, thành viên

13. KỲ HỌP THỨ XIII HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ XIII Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro được tiến hành từ ngày 9 đến ngày 10-12-1991 tại Vũng Tàu - Việt Nam.

Phía Liên Xô thông báo ông V.N. Prixiaginui, Phó Cục trưởng Cục Khai thác tổng hợp các mỏ dầu khí biển, Bộ Công nghiệp dầu khí Liên Xô được cử làm thành viên Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh.

Ông B.A. Nikitin, Trưởng đoàn Phía Liên Xô trong Hội đồng được bầu làm Chủ tịch Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh kỳ họp thứ XIII.

Theo chương trình nghị sự của kỳ họp, Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh xem xét từng vấn đề hoạt động của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro trong năm 1991 và quyết nghị về kế hoạch năm 1992.

A. Những nội dung chính được Hội đồng xem xét quyết nghị trong kỳ họp thứ XIII

1. Về bổ nhiệm nhân sự cho Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro

Phù hợp với Hiệp định Liên Chính phủ về việc tiếp tục hợp tác trong lĩnh vực thăm dò địa chất và khai thác dầu khí trong khuôn khổ Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro đến năm 2010 ngày 16-7-1991 (Điều 16) và thỏa thuận đạt được của hai phía, Hội đồng quyết nghị bổ nhiệm chức vụ sau:

+ Ông Ngô Thường San, công dân Việt Nam giữ chức Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro từ ngày 1-1-1992.

+ Miễn nhiệm ông Vladimir Stepanovich Vovk, công dân Liên Xô thôi giữ chức Tổng Giám đốc và bổ nhiệm ông làm Phó Tổng Giám đốc thứ nhất Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro kể từ ngày 1-1-1992.

+ Bổ nhiệm ông Lê Quang Trung, công dân Việt Nam làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách nội chính từ ngày 5-2-1991.

2. Về kế hoạch năm 1991 (ước thực hiện kế hoạch năm 1991 theo kết quả 11 tháng đã thực hiện)

Hội đồng nhận định:

+ Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch khai thác dầu, hoàn thành nhiệm vụ gia tăng trữ lượng, kế hoạch xây dựng công trình biển, tình hình tài chính năm 1991 đạt yêu cầu.

+ Tồn tại: chậm trễ nghiên cứu địa vật lý 3D mỏ Bạch Hổ; không hoàn thành khoan thăm dò, chậm trễ trong việc lập hồ sơ công nghệ khai thác mỏ Bạch Hổ.

3. Về phê chuẩn kế hoạch năm 1992

+ Đảm bảo khai thác 4.800.000 tấn dầu thô.

+ Phê duyệt định mức hao phí công nghệ dầu thương phẩm.

+ Khoan 49.000 m khoan khai thác.

+ Bảo đảm gia tăng trữ lượng 9 triệu tấn cấp C1.

B. Thành phần kỳ họp thứ XIII của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro**Phía Việt Nam**

1. Trương Thiên, trưởng đoàn
2. Bùi Hải Ninh, thành viên
3. Đỗ Quang Toàn, thành viên
4. Trần Hữu Lạc, thành viên
5. Đỗ Chí Hiếu, thành viên

Phía Liên Xô

1. B.A. Nikitin, trưởng đoàn
2. O.K. Popov, thành viên
3. V.N. Prixiaginui, thành viên
4. I.M. Sidorenco, thành viên
5. V.S. Vovk, thành viên

14. KỲ HỌP THỨ XIV HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ XIV Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro được tiến hành ngày 23-12-1992 tại Vũng Tàu - Việt Nam.

Tham dự kỳ họp có 5 thành viên Hội đồng Phía Việt Nam do ông Hồ Sĩ Thoảng, Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam làm Trưởng đoàn Phía Việt Nam trong Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh.

Phía Liên Xô có 5 thành viên Hội đồng do ông O.K. Popov, Tổng Giám đốc RVO Zarubezhneft làm Trưởng đoàn Phía Liên Xô trong Hội đồng.

Ông Hồ Sĩ Thoảng, Trưởng đoàn Phía Việt Nam được bầu làm Chủ tịch kỳ họp thứ XIV.

A. Những nội dung chính được Hội đồng xem xét quyết nghị trong kỳ họp thứ XIV**1. Về nhân sự lãnh đạo của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro**

Hội đồng phê chuẩn:

+ Ông X.M. Glozman, công dân Liên Xô làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách vật tư Xí nghiệp Liên doanh từ ngày 17-3-1992.

+ Ông Nguyễn Giao, công dân Việt Nam làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách địa chất Xí nghiệp Liên doanh từ ngày 23-12-1992.

+ Ông Bùi Hải Ninh thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách thương mại để nhận nhiệm vụ khác của Tổng công ty Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam và Phó Tổng Giám đốc phụ trách thương mại Xí nghiệp Liên doanh Phía Việt Nam sẽ thông báo sau.

2. Về tình hình thực hiện kế hoạch năm 1992

Hội đồng ghi nhận:

+ Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro đã hoàn thành vượt mức kế hoạch khai thác dầu, khoan khai thác, kết thúc 4 giếng khoan khai thác có chiều sâu 4.500 m.

+ Hoàn thành kế hoạch đầu tư xây dựng công trình biển.

+ Các khoản thu của Xí nghiệp Liên doanh trong năm 1992 là 331,3 triệu USD.

Tuy nhiên Hội đồng cũng nhận xét về những điểm còn kém trong thực hiện kế hoạch như về: bơm ép mỏ Bạch Hổ còn chậm, chất lượng nghiên cứu tại các giếng đang khoan và giếng khai thác tại mỏ Bạch Hổ còn yếu và nhiều vấn đề khác.

3. Về công tác thanh tra

Hội đồng ghi nhận kết quả thanh tra hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp Liên doanh.

4. Về kết luận của Công ty Kiểm toán Việt Nam

Hội đồng ghi nhận thông báo của Công ty Kiểm toán Việt Nam (VACO) và Xí nghiệp Liên doanh lưu ý tới những kiến nghị của VACO.

5. Về Chương trình nghị sự kỳ họp: gồm 15 vấn đề, Hội đồng đã xem xét rất kỹ từng vấn đề và đều có những nghị quyết cụ thể cho Xí nghiệp Liên doanh

B. Thành phần kỳ họp thứ XIV của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro

Phía Việt Nam

1. Hồ Sĩ Thoảng, trưởng đoàn
2. Ngô Thường San, thành viên
3. Đỗ Quang Toàn, thành viên
4. Vũ Ngọc Xuân, thành viên
5. Nguyễn Đức Tần, thành viên

Phía Liên Xô

1. O.K. Popov, trưởng đoàn
2. N.M. Bogdanov, thành viên
3. B.K. Kutuchkin, thành viên
4. Iu.P. Ivanov, thành viên
5. V.S. Vovk, thành viên

15. KỶ HỌP THỨ XV HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ XV của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro được tiến hành tại Mátxcơva, Liên bang Nga trong 2 ngày từ ngày 7 đến ngày 8-7-1993. Tham gia kỳ họp thứ XV Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh lần này có đầy đủ các thành phần Hội đồng; mỗi phía 5 thành viên.

A. Những nội dung chính được Hội đồng xem xét quyết nghị trong kỳ họp thứ XV

1. Về thực hiện kế hoạch sản xuất và tài chính của Xí nghiệp Liên doanh

+ Hoàn thành vượt mức kế hoạch khai thác dầu thô 6 tháng đầu năm 1993 (2.817.863 tấn/2.175.000 tấn).

+ Tổng thu ngân sách của Xí nghiệp Liên doanh năm 1992 là 647,530 triệu USD.

+ Tổng kết tài sản của Xí nghiệp Liên doanh năm 1992 là 747,530 triệu USD.

+ Tổng kết tài sản của Xí nghiệp Liên doanh tính đến ngày 1-1-1993 với tổng số tiền là 2.239,6 triệu USD.

2. Về đề nghị của Phía tham gia Liên bang Nga tổ chức chế biến một phần dầu thô do Xí nghiệp Liên doanh khai thác

Phía Việt Nam đã xem xét Luận chứng kinh tế - kỹ thuật về vấn đề trên và cho rằng đề án này không hiệu quả, tuy nhiên Hội đồng giao cho Zarubezhneft và Tổng công ty Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam xem xét và có kết luận cuối cùng về vấn đề này vì đây là vấn đề hợp tác mới.

3. Về tổ chức tìm kiếm, thăm dò dầu khí tại cấu tạo Thanh Long

Hai phía Việt Nam và Liên bang Nga đã tiến hành đàm phán và ký biên bản ngày 7-7-1993 về việc đẩy nhanh tiến độ tại cấu tạo Thanh Long và đưa ra sơ đồ phân chia thu nhập, chi phí và lợi nhuận của hợp đồng này.

4. Về kế hoạch 6 tháng cuối năm 1993

Hội đồng quyết nghị Xí nghiệp Liên doanh phải bảo đảm thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 1993 đã thông qua tại kỳ họp thứ XIV.

Cũng tại kỳ họp này Hội đồng đã xem xét vấn đề lập văn phòng đại diện của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro tại Xingapo và đồng ý làm thủ tục cần thiết trình Chính phủ Việt Nam xem xét.

B. Thành phần kỳ họp thứ XV của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

Phía Việt Nam

1. Hồ Sĩ Thoảng, trưởng đoàn
2. Ngô Thường San, thành viên
3. Đỗ Quang Toàn, thành viên
4. Vũ Ngọc Xuân, thành viên
5. Nguyễn Đức Tần, thành viên

Phía Liên Xô

1. O.K. Popov, trưởng đoàn
2. N.M. Bogđanov, thành viên
3. E.G. Aresev, thành viên
4. N.P. Đrozđov, thành viên
5. B.K. Kutúchkin, thành viên

16. KỲ HỌP THỨ XVI HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ XVI Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro diễn ra từ ngày 24 đến ngày 25-12-1993 tại Vũng Tàu - Việt Nam.

Tham gia kỳ họp thứ XVI có đủ mỗi phía 5 thành viên Hội đồng. Ông Hồ Sĩ Thoảng được bầu làm Chủ tịch kỳ họp thứ XVI. Hội đồng xem xét từng điểm trong chương trình nghị sự trong đó có những điểm chính sau:

Hội đồng thông qua danh sách thành viên mới của Hội đồng kỳ họp thứ XVI.

A. Những nội dung chính được Hội đồng xem xét quyết nghị trong kỳ họp thứ XVI

Về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 1993

- + Khai thác đạt 6,3 triệu tấn dầu thô và gia tăng trữ lượng được 14,8 triệu tấn.
- + Hoàn thành kế hoạch lập sơ đồ kỹ thuật khai thác mỏ Bạch Hổ.

Tuy nhiên, Hội đồng cũng chỉ ra một loạt vấn đề không hoàn thành về khối lượng xây dựng các công trình của mỏ Bạch Hổ, về xử lý kỹ thuật khai thác của mỏ Rồng và một số vấn đề khác của Xí nghiệp Liên doanh.

B. Thành phần kỳ họp thứ XVI của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

Phía Việt Nam

1. Hồ Sĩ Thoảng, trưởng đoàn

Phía Liên Xô

1. O.K. Popov, trưởng đoàn

- | | |
|-------------------------------|------------------------------|
| 2. Ngô Thường San, thành viên | 2. A.T. Satolov, thành viên |
| 3. Đỗ Quang Toàn, thành viên | 3. E.G. Aresev, thành viên |
| 4. Vũ Ngọc Xuân, thành viên | 4. N.M. Bogđanov, thành viên |
| 5. Nguyễn Đức Tần, thành viên | 5. N.P. Đrozđov, thành viên |

17. KỶ HỌP THỨ XVII HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp được tiến hành ngày 24-12-1994 tại Vũng Tàu - Việt Nam.

Tham gia kỳ họp thứ XVII có đầy đủ mỗi phía 5 thành viên Hội đồng. Ông O.K. Popov, Trưởng đoàn Phía Liên bang Nga được bầu làm Chủ tịch kỳ họp thứ XVII.

A. Những nội dung chính được Hội đồng xem xét quyết nghị trong kỳ họp thứ XVII

1. Về bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

+ Ông Phạm Hồng Minh thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách thương mại từ ngày 15-6-1994.

+ Bổ nhiệm ông Dương Quốc Hà, công dân Việt Nam làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách thương mại từ ngày 15-6-1994.

+ Ông X.M. Glozman thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách vật tư kể từ ngày 27-7-1994.

+ Tạm thời giao cho ông E.X. Xaturov, công dân Liên bang Nga làm quyền Phó Tổng Giám đốc phụ trách vật tư từ ngày 1-11-1994.

2. Về kế hoạch sản xuất kinh doanh Xí nghiệp Liên doanh năm 1994

Trong năm 1994 đã giải quyết một loạt các vấn đề về công nghệ mang tính nguyên tắc:

+ Chuyển từ bơm ép thử nghiệm sang bơm ép công nghiệp để duy trì áp suất tầng móng.

+ Chuyển những giếng đã kết thúc giai đoạn tự phun sang khai thác bằng phương pháp gaslift.

- + Đã đưa được mỏ Rồng vào khai thác thử công nghiệp.
- + Hoàn thành nhiệm vụ khai thác dầu thô 6,9 triệu tấn, đây là cố gắng lớn.

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được, Xí nghiệp Liên doanh vẫn còn thiếu sót là:

- + Đưa mỏ Rồng vào khai thác thử công nghiệp nhưng chậm 6 tháng.
- + Số giếng ngưng hoạt động tăng từ 4 lên 14 giếng.
- + Không hoàn thành kế hoạch khoan khai thác, tốc độ thương mại thấp so với kế hoạch.
- + Không hoàn thành kế hoạch gia tăng trữ lượng.
- + Chi phí sửa chữa tàu Ba Vì tăng đáng kể.

Hội đồng kỳ họp này đã xem xét kỹ và cho nhiều ý kiến về tình hình phát triển hệ thống duy trì áp suất vỉa và gaslift. Trong năm 1995, Xí nghiệp Liên doanh bảo đảm bơm ép 8,25 triệu m³ nước, trong đó 6,95 triệu m³ vào tầng móng, lắp đặt 7,1 km tuyến ống gaslift.

B. Thành phần kỳ họp thứ XVII của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

Phía Việt Nam

1. Hồ Sĩ Thoảng, Trưởng đoàn
2. Ngô Thường San, thành viên
3. Đỗ Quang Toàn, thành viên
4. Vũ Ngọc Xuân, thành viên
5. Nguyễn Đức Tần, thành viên

Phía Liên Xô

1. O.K. Popov, Trưởng đoàn
2. A.T. Satolov, thành viên
3. E.G. Aresev, thành viên
4. N.M. Bogđanov, thành viên
5. N.P. Đrozđov, thành viên

18. KỲ HỌP THỨ XVIII HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp được tiến hành ngày 22-12-1995 tại Vũng Tàu - Việt Nam.

Tham gia kỳ họp thứ XVIII có đầy đủ mỗi phía 5 thành viên Hội đồng. Trưởng

đoàn Phía Việt Nam là ông Hồ Sĩ Thoảng, Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam; Trưởng đoàn Phía Liên bang Nga là ông O.K. Popov, Tổng Giám đốc RVO Zarubezhneft.

Ông Hồ Sĩ Thoảng Trưởng đoàn Phía Việt Nam được cử làm Chủ tịch kỳ họp thứ XVIII Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro.

Ông E.L. Grđzelov đại diện Phía tham gia Liên bang Nga được cử làm thư ký kỳ họp thứ XVIII Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro.

A. Về nội dung chính được Hội đồng xem xét quyết nghị trong kỳ họp thứ XVIII

1. Về bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro

+ Ông N.P. Drodđov, công dân Liên bang Nga thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc thứ nhất để chuyển công tác từ ngày 13-3-1995.

+ Bổ nhiệm ông Ph.I. Bađikov, công dân Nga làm Phó Tổng Giám đốc thứ nhất từ ngày 8-2-1995.

+ Bổ nhiệm ông E.X. Xaturov, công dân Liên bang Nga làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách vật tư từ ngày 1-12-1995.

+ Ông N.A. Ponomarenko, công dân Liên bang Nga thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách khoan để chuyển công tác từ ngày 15-8-1995.

+ Bổ nhiệm ông Đặng Cửa, công dân Việt Nam làm quyền Phó Tổng Giám đốc phụ trách công tác khoan từ ngày 15-8-1995.

2. Về kế hoạch sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp Liên doanh năm 1995

Hội đồng thấy rằng: “Đã hoàn thành nhiệm vụ khai thác dầu với khối lượng 6.700 nghìn tấn”;

3. Về “Chương trình sản xuất, kế hoạch tài chính của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro năm 1996 và Chương trình xây dựng cơ bản giai đoạn 1996-1997”

Hội đồng quyết nghị:

“3.1. Phê chuẩn kế hoạch khai thác dầu năm 1996 với khối lượng 7.750 nghìn tấn”.

“Kể từ ngày 1-1-1996 trích cho hai phía tham gia Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro số tiền quản lý phí là 0,4% cho mỗi phía”.

4. Về các biện pháp bảo đảm đưa khí về bờ (thu gom, xử lý, vận chuyển và nén khí). Việc cấp kinh phí cho xây dựng các công trình khí, bao gồm cả giàn nén khí lớn.

Hội đồng quyết nghị:

“4.1. Phê chuẩn các biện pháp đảm bảo đưa khí từ mỏ Bạch Hổ về các nhà máy phát điện với khối lượng 2,0 triệu m³/ngày đêm trong tháng 12-1996;...”

4.5. Trong quý I-1996, hai phía tham gia sẽ thoả thuận phương pháp xác định giá thành dịch vụ, xử lý và nén khí đồng hành để xác định các chi phí thực tế về vận chuyển khí vào bờ”.

5. Về hoàn thiện hệ thống quản lý và cơ cấu tổ chức Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro và hình thức khuyến khích vật chất cho các chuyên gia đầu ngành người Nga mà hiện nay chuyên gia Việt Nam chưa thể thay thế.

Hội đồng quyết nghị:

“6.1. Giao cho Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro trong thời hạn đến ngày 1-4-1996 phải soạn thảo xong và trình hai phía tham gia xem xét những đề xuất kinh tế - kỹ thuật, cùng với những tài liệu giải trình và tính toán về hoàn thiện hệ thống quản lý và cơ cấu tổ chức Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro;

6.2. Giao cho Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro soạn thảo và trong thời hạn đến ngày 1-4-1996 trình hai phía tham gia xem xét những kiến nghị về việc xác định hình thức khuyến khích vật chất cho những chuyên gia đầu ngành người Nga mà hiện nay chuyên gia Việt Nam chưa thể thay thế được. Trong thời hạn đến ngày 1-6-1996, theo thể thức công vụ hai phía tham gia sẽ thống nhất thông qua giải pháp về việc cấp chi phí cho các mục đích này”.

6. Về việc chuẩn bị chuyển sang hệ thống hạch toán kế toán và báo cáo mới.

Hội đồng quyết nghị:

“- Ghi nhận báo cáo của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro về việc từ ngày 1-1-1996 tất cả các xí nghiệp thuộc mọi lĩnh vực hoạt động sẽ áp dụng hệ thống hạch toán kế toán và báo cáo mới phù hợp với Thông tư số 1141TC-QĐ/CDKT ngày 1-11-1995 của Bộ Tài chính;

- Giao cho Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro soạn thảo hệ thống hạch toán kế toán và báo cáo, có tính tới những đặc thù trong hoạt động của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro và các yêu cầu của ngành; trong thời hạn đến ngày 1-6-1996 trình hai phía tham gia xem xét tài liệu về việc chuyển sang hệ thống hạch toán kế toán để Tổng công ty Dầu khí Việt Nam thoả thuận với Bộ Tài chính Việt Nam”.

B. Thành phần kỳ họp thứ XVIII của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro

Phía Việt Nam

1. Hồ Sĩ Thoảng, trưởng đoàn
2. Trần Văn Giao, thành viên
3. Vũ Ngọc Xuân, thành viên
4. Nguyễn Đức Tân, thành viên
5. Ngô Thường San, thành viên

Phía Liên Xô

1. O.K. Popov, trưởng đoàn
2. A.T. Satolov, thành viên
3. E.G. Aresev, thành viên
4. N.M. Bogđanov, thành viên
5. Ph.I. Bađikov, thành viên

19. KỲ HỌP THỨ XIX HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ XIX Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro được tiến hành ngày 29-11-1996 tại Vũng Tàu - Việt Nam.

Tham gia kỳ họp thứ XIX mỗi phía tham gia có 5 thành viên Hội đồng và các chuyên viên của hai bên.

Ông O.K. Popov, Trưởng đoàn Phía tham gia Liên bang Nga trong Hội đồng được bầu làm Chủ tịch kỳ họp thứ XIX Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro.

A. Những nội dung chính được Hội đồng xem xét quyết nghị trong kỳ họp thứ XIX

1. Về bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro

Hội đồng quyết nghị:

+ Ông Ngô Thường San, công dân Việt Nam thôi giữ chức Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro chuyển công tác từ ngày 8-10-1996.

+ Ông Nguyễn Giao, công dân Việt Nam thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách địa chất Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro chuyển công tác từ ngày 8-10-1996.

+ Bổ nhiệm ông Nguyễn Giao, công dân Việt Nam giữ chức Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro từ ngày 8-10-1996.

+ Ông A.G. Selomenxev, công dân Nga thôi giữ chức vụ Chánh kỹ sư Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro chuyển công tác từ ngày 18-3-1996.

+ Bổ nhiệm ông Trần Lê Đông, công dân Việt Nam giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách địa chất từ ngày 8-10-1996.

+ Bổ nhiệm ông Phùng Đình Thực, công dân Việt Nam giữ chức Chánh kỹ sư Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro từ ngày 1-1-1997.

+ Ông E.X. Xaturov, công dân Liên bang Nga thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách vật tư từ ngày 6-9-1996.

+ Bổ nhiệm ông A.I. Bexpalov giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách vật tư từ ngày 26-8-1996.

2. Về thực hiện kế hoạch sản xuất và kinh doanh tài chính năm 1996

+ Sản lượng khai thác dầu đạt 8,17 triệu tấn.

+ Hoàn thành khối lượng nghiên cứu địa vật lý và khảo sát địa chất công trình năm 1996.

+ Đã khoan thành công giếng khoan ngang đầu tiên số 815 xuống các trầm tích Miocen dưới. Giếng hoạt động ổn định và cho lưu lượng 250 tấn/ngày đêm.

+ Đã thực hiện 30 đề tài nghiên cứu khoa học và thiết kế thực nghiệm.

3. Về tài chính

+ Tổng doanh thu bán dầu đạt 1.178,4 triệu USD.

+ Vốn vay tới cuối năm 1996 là 58 triệu USD, trong đó có 37,4 triệu USD đã trả cho khoản vay năm 1995.

Tuy còn có những thiếu sót như không hoàn thành một số hạng mục công trình trong thăm dò và khai thác...

Hội đồng đánh giá: hoạt động của tập thể Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro trong năm 1996 là đạt yêu cầu.

4. Về kế hoạch sản xuất và kế hoạch tài chính năm 1997 và chương trình xây dựng cơ bản 1997-1998

+ Khối lượng khai thác dầu: 9,00 triệu tấn.

+ Trong quý II-1997 hoàn thành sơ đồ khai thác mỏ Bạch Hổ trình hai phía xem xét để trình lên Nhà nước Việt Nam.

- + Phê chuẩn kế hoạch, tiến độ sửa chữa tàu thuyền và phương tiện nổi.
- + Phê chuẩn kế hoạch tài chính năm 1997.

5. Về việc hoàn trả các khoản nợ mà Xí nghiệp Liên doanh đã vay trong giai đoạn 1995-1996

Hội đồng quyết nghị:

+ Cho phép Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro trong năm 1997-1998 được trang trải phần vốn thiếu hụt bằng cách thu hút các vốn vay.

+ Việc hoàn trả các khoản vay trong những năm 1996-1998 được lấy từ nguồn vốn tài chính tự có cho tới năm 2000.

+ Giữ nguyên phần để lại cho Xí nghiệp Liên doanh là 28% doanh thu bán dầu cho tới năm 1999.

6. Về khuyến khích vật chất cho chuyên gia Liên bang Nga mà hiện chưa thể thay thế bằng người Việt Nam

Hội đồng quyết nghị:

+ Gia hạn hiệu lực của Biên bản đàm phán giữa hai phía tham gia Nga và Việt Nam về vấn đề khuyến khích vật chất cho các chuyên gia Nga làm việc tại Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro mà hiện chưa thể thay thế được bằng người Việt Nam ký ngày 12-7-1996 cho đến khi hai phía trong năm 1997 có quyết định về hệ thống trả công lao động mới cho cán bộ công nhân viên Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro.

+ Số tiền ước tiết kiệm được trong năm 1997 để tính phụ cấp theo kế hoạch thay thế và giảm 202 chức danh chuyên gia Liên bang Nga trong cả năm 1997 là 1.205.700 USD.

Hội đồng còn xem xét và cho ý kiến về nhiều vấn đề khác liên quan đến hoàn thiện cơ chế hoạt động của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro.

B. Thành phần kỳ họp thứ XIX của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro

Phía Việt Nam

1. Ngô Thường San, trưởng đoàn
2. Vũ Ngọc Xuân, thành viên

Phía Liên Xô

1. O.K. Popov, trưởng đoàn
2. A.T. Satolov, thành viên

- | | |
|-------------------------------|------------------------------|
| 3. Nguyễn Đức Tân, thành viên | 3. E.G. Aresev, thành viên |
| 4. Trần Văn Giao, thành viên | 4. N.M. Bogđanov, thành viên |
| 5. Nguyễn Giao, thành viên | 5. Ph.I. Bađikov, thành viên |

20. KỶ HỌP THỨ XX HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ XX Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro được tiến hành ngày 24-12-1997 tại Vũng Tàu - Việt Nam.

Tham gia kỳ họp thứ XX có đủ mỗi phía 5 thành viên Hội đồng và các chuyên viên của hai bên.

Ông Ngô Thường San, Trưởng đoàn Phía Việt Nam trong Hội đồng, Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam được bầu làm Chủ tịch kỳ họp thứ XX của Hội đồng.

A. Những nội dung chính được Hội đồng xem xét quyết nghị trong kỳ họp thứ XX

1. Về thực hiện chương trình sản xuất và kế hoạch tài chính của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro năm 1997

- Về sản xuất:

- + Sản lượng khai thác dầu đạt 9,42 triệu tấn (104,7% kế hoạch).
- + Hoàn thành khối lượng công tác nghiên cứu địa vật lý và khảo sát địa chất công trình.
- + Kế hoạch sửa chữa lớn giếng khoan đạt 105% kế hoạch.
- + Khối lượng khí cung cấp cho các trạm phát điện trên bờ tăng từ 1,2 -3,0 triệu m³/ngày.

+ Hoàn thành thi công và đưa vào hoạt động giàn nén khí lớn; vốn xây dựng giàn nén khí lớn đã được bảo đảm bằng thỏa thuận tín dụng trị giá 81 triệu USD.

- Về tài chính:

- + Tổng doanh thu bán dầu đạt gần 1.391 triệu USD (113% kế hoạch).
- + Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro hoàn thành nghĩa vụ trả các khoản vay với số tiền 46,5 triệu USD.

+ Thực hiện đúng nghĩa vụ với ngân sách nhà nước Việt Nam và chuyển lợi nhuận kịp thời cho các phía tham gia.

2. Về chương trình sản xuất và kế hoạch tài chính năm 1998 và chương trình xây dựng cơ bản 1998-1999

+ Kế hoạch khai thác dầu không dưới 10,30 triệu tấn.

+ Soạn thảo hệ thống tối ưu về thu gom, vận chuyển khí vào bờ nhằm tận dụng tối đa và bảo đảm khối lượng khí đưa vào bờ không dưới 1 tỷ m³.

+ Trong quý IV-1998 hoàn tất soạn thảo “các phương hướng phát triển chủ yếu và khối sản xuất của Xí nghiệp Liên doanh giai đoạn 1998-2000 và tới năm 2010”.

+ Phê chuẩn kế hoạch tài chính của Xí nghiệp Liên doanh năm 1998, trong đó chi phí cho thực hiện chương trình sản xuất của Xí nghiệp Liên doanh là 420,218 triệu USD.

+ Ổn định mức quản lý phí cho hai phía tham gia Xí nghiệp Liên doanh trong năm 1998 là 0,4% cho mỗi phía.

3. Về những vấn đề khác

Hội đồng quyết định:

+ Cho phép Xí nghiệp Liên doanh được tiến hành thanh lý các khoản chi phí về những công trình “Xây dựng dở dang” phù hợp với danh mục đã trình.

+ Cho phép về vấn đề tài sản cố định: tài sản cố định là các tài sản có thời hạn sử dụng trên 1 năm và có giá trị không dưới 500 USD (có quy định cụ thể về một số vật tư lao động, quần áo bảo hộ lao động...) không phụ thuộc vào giá trị và thời hạn sử dụng thì không là tài sản cố định.

+ Và nhiều vấn đề khác mà Hội đồng đã xem xét quyết định.

B. Thành phần kỳ họp thứ XX của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

Phía Việt Nam

Phía Liên Xô

1. Ngô Thường San, trưởng đoàn

1. O.K. Popov, trưởng đoàn

- | | |
|----------------------------------|------------------------------|
| 2. Nguyễn Quang Dũng, thành viên | 2. V.I. Ott, thành viên |
| 3. Nguyễn Đức Tân, thành viên | 3. E.G. Aresev, thành viên |
| 4. Trần Văn Giao, thành viên | 4. N.M. Bogđanov, thành viên |
| 5. Nguyễn Giao, thành viên | 5. Ph.I. Bađikov, thành viên |

21. KỶ HỌP THỨ XXI HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỷ họp thứ XXI Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro tiến hành ngày 18-12-1998 tại Vũng Tàu - Việt Nam.

Tham gia kỷ họp này mỗi phía có 5 thành viên Hội đồng và các chuyên viên của hai bên.

Ông O.K. Popov, Trưởng đoàn Phía tham gia Liên bang Nga trong Hội đồng, Tổng Giám đốc RVO Zarubezhneft được bầu làm Chủ tịch kỷ họp.

A. Những nội dung chính được Hội đồng xem xét quyết nghị trong kỷ họp thứ XXI

1. Về bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

+ Ông Đặng Cửa, công dân Việt Nam thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách khoan Xí nghiệp Liên doanh chuyển công tác khác. Hội đồng chân thành cảm ơn ông Đặng Cửa đã có những đóng góp hiệu quả cho hoạt động của Xí nghiệp Liên doanh.

+ Hội đồng bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Tuyến, công dân Việt Nam giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách khoan từ ngày 1-1-1999.

2. Về tình hình thực hiện sản xuất và kế hoạch tài chính năm 1998

- Về sản xuất:

- + Sản lượng khai thác dầu đạt 11,0 triệu tấn (106,8%).
- + Hoàn thành cơ bản khối lượng khảo sát địa vật lý và địa chất công trình.
- + Kể từ khi áp dụng phương án gaslift, tổng cộng đã có 50 giếng được chuyển sang khai thác bằng phương pháp gaslift.

+ Khối lượng khí cung cấp vào bờ đạt trên 1 tỷ m³.

- Về tài chính:

+ Tổng doanh thu bán dầu năm 1998 đạt 1.121,9 triệu USD. Xí nghiệp Liên doanh đã thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn với ngân sách nhà nước Việt Nam và chuyển kịp thời lợi nhuận cho phía tham gia Liên bang Nga.

Tuy nhiên Hội đồng nhận thấy, bên cạnh những thành tích còn những việc chưa hoàn thành:

+ Chưa hoàn thành nhiệm vụ về cơ cấu phân bổ sản lượng khai thác và bơm ép nước ở các đối tượng khai thác.

+ “Sơ đồ công nghệ điều chỉnh khai thác và xây dựng mỏ Bạch Hổ” chưa hoàn thành đúng hạn.

+ Chưa hoàn tất công tác minh giải lại tài liệu thăm dò địa chấn 3D ở những khu vực có triển vọng thuộc mỏ Rồng.

+ Một công tác kỹ thuật khác cũng như xây lắp các công trình dưới biển chưa hoàn thành.

3. Về an toàn lao động và môi trường

Hội đồng quyết nghị:

+ Bảo đảm thực hiện những kiến nghị của đoàn chuyên viên hai phía tham gia về kết quả kiểm tra trong tháng 10-1998.

+ Tiếp tục củng cố các bộ phận nghiệp vụ của Ban Trung tâm và bảo vệ môi trường, và soạn thảo đầy đủ các quy chế, thường xuyên tổ chức kiểm tra.

4. Về kế hoạch sản xuất, tài chính năm 1999 và kế hoạch xây dựng cơ bản 1999-2000

+ Kế hoạch khai thác dầu: 11,7 triệu tấn.

+ Đưa 17 giếng vào hoạt động.

+ Thực hiện 52 lượt sửa chữa lớn giếng khoan.

+ Bảo đảm đưa khí vào bờ từ 1,33 tỷ m³ đến 1,45 tỷ m³.

+ Phê chuẩn danh mục công tác nghiên cứu khoa học và thiết kế thực nghiệm năm 1999. Đặc biệt, Hội đồng chỉ ra những cách giải quyết khi có những công

trình nghiên cứu khoa học có tầm quan trọng mà Xí nghiệp Liên doanh hoặc hai phía tham gia.

+ Phê chuẩn kế hoạch tài chính năm 1999 trong đó lưu ý đặc biệt là chi phí cho thực hiện chương trình sản xuất của Xí nghiệp Liên doanh không được vượt quá 432,531 triệu USD.

Về bổ sung quy chế sử dụng lợi nhuận (thu nhập) từ những hoạt động và dịch vụ cho các tổ chức Việt Nam, Liên bang Nga và nước thứ ba:

Hội đồng nhất trí phê chuẩn quy chế bổ sung (có cách tính toán cụ thể). Lợi nhuận thu được từ quy định này là thu nhập sau khi trừ đi tất cả các chi phí về: vật tư, nhiên liệu, nguyên liệu, trả công lao động, khấu hao tài sản cố định, chi phí quản lý, các chi phí khác, trích và nộp thuế theo quy định của luật pháp Việt Nam.

B. Thành phần kỳ họp thứ XXI của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro

Phía Việt Nam

1. Ngô Thường San, trưởng đoàn
2. Nguyễn Quang Dũng, thành viên
3. Nguyễn Đức Tân, thành viên
4. Trần Văn Giao, thành viên
5. Nguyễn Giao, thành viên

Phía Liên Xô

1. O.K. Popov, trưởng đoàn
2. V.I. Kaliuznui, thành viên
3. E.G. Aresev, thành viên
4. N.M. Bogđanov, thành viên
5. Ph.I. Bađikov, thành viên

22. KỲ HỌP THỨ XXII HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ XXII được tiến hành ngày 25-11-1999 tại Vũng Tàu -Việt Nam.

Tham gia kỳ họp thứ XXII có 4 thành viên Hội đồng Phía Việt Nam và 4 thành viên Hội đồng Phía Liên bang Nga. Quyền biểu quyết của các ủy viên Hội đồng vắng mặt Nguyễn Đức Tân và P.V. Niđzelxki được chuyển giao tương ứng cho các thành viên Trần Văn Giao của Phía Việt Nam và O.K. Popov của Phía Liên bang Nga.

Ông Ngô Thường San, Trưởng đoàn Phía Việt Nam trong Hội đồng, Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam được bầu làm Chủ tịch kỳ họp thứ XXII Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh.

A. Những nội dung chính được Hội đồng xem xét quyết nghị trong kỳ họp thứ XXII

1. Về bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro

Hội đồng quyết nghị:

+ Ông A.I. Bexpalov, công dân Liên bang Nga thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách vật tư Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro từ ngày 28-10-1999.

+ Bổ nhiệm ông V.I. Arefiev, công dân Liên bang Nga giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách vật tư Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro từ ngày 28-10-1999.

2. Về tình hình thực hiện sản xuất và kế hoạch tài chính của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro năm 1999

- Về sản xuất

+ Khai thác dầu thô đạt 12,00 triệu tấn.

+ Hoàn thành khối lượng công tác nghiên cứu địa vật lý và khảo sát địa chất công trình năm 1999.

+ Gia tăng trữ lượng dầu cấp C1 đạt 4,0 triệu tấn.

+ Đưa khí vào bờ đạt 1,4 tỷ m³ (105,3% kế hoạch).

- Về tài chính:

+ Tổng doanh thu bán dầu đạt 1.487,6 triệu USD (144,4% kế hoạch). Xí nghiệp Liên doanh đã làm nghĩa vụ kịp thời với ngân sách nhà nước Việt Nam và chuyển lợi nhuận cho hai phía tham gia.

+ Hội đồng thấy rằng, trong năm 1999 tập thể Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro đã thực hiện một khối lượng lớn công việc, do đó đã hoàn thành vượt mức kế hoạch khai thác dầu, đưa khí vào bờ. Hội đồng đánh giá hoạt động của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro đạt yêu cầu.

3. Về chương trình sản xuất, kế hoạch tài chính của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro năm 2000 và chương trình xây dựng cơ bản 2000-2001

- Về sản xuất:

- + Khối lượng khai thác dầu: 13,00 triệu tấn.
- + Bảo đảm khối lượng khí đưa vào bờ: 1,5 tỷ m³.
- + Phê chuẩn kế hoạch - lịch sửa chữa tàu thuyền và phương tiện nổi, sửa chữa và bảo dưỡng định kỳ.

+ Phê chuẩn kế hoạch nghiên cứu khoa học và thiết kế năm 2000, đặc biệt lưu ý công tác “Lập hồ sơ công nghệ khai thác và xây dựng khu vực đông nam mở Rồng”.

- Về tài chính:

+ Phê chuẩn kế hoạch tài chính của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro năm 2000, trong đó lưu ý chi phí cho thực hiện chương trình sản xuất của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro không vượt quá 500 triệu USD.

+ Ấn định mức phí quản lý năm 2000 cho hai phía tham gia Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro là 0,5% mỗi phía.

Cũng tại kỳ họp này, Hội đồng còn xem xét cho ý kiến giải quyết và quyết định nhiều vấn đề quan trọng khác.

B. Thành phần kỳ họp thứ XXII của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

Phía Việt Nam

1. Ngô Thường San, trưởng đoàn
2. Nguyễn Quang Dũng, thành viên
3. Nguyễn Đức Tân, thành viên
4. Trần Văn Giao, thành viên
5. Nguyễn Giao, thành viên

Phía Liên Xô

1. O.K. Popov, trưởng đoàn
2. P.V. Niđzelxki, thành viên
3. E.G. Aresev, thành viên
4. N.M. Bogđanov, thành viên
5. Ph.I. Bađikov, thành viên

23. KỲ HỌP THỨ XXIII HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ XXIII Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro được tiến hành ngày 12-12-2000 tại Vũng Tàu - Việt Nam.

Tham gia kỳ họp thứ XXIII có 5 thành viên Hội đồng của Phía Việt Nam và 5 thành viên Hội đồng Phía Liên bang Nga và các chuyên viên của hai bên.

Ông N.P. Tokarev, Trưởng đoàn Phía Liên bang Nga trong Hội đồng, Tổng Giám đốc RVO Zarubezhneft được bầu làm Chủ tịch kỳ họp này.

A. Những nội dung chính được Hội đồng xem xét quyết nghị trong kỳ họp thứ XXIII

1. Về bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro

+ Ông Đỗ Đình Khải, công dân Việt Nam thôi giữ chức Chánh kế toán Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro chuyển công tác từ ngày 1-11-2000. Hội đồng ghi nhận và chân thành cảm ơn những đóng góp hiệu quả của ông Đỗ Đình Khải cho Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro.

+ Bổ nhiệm ông Nguyễn Xuân Thắng, công dân Việt Nam làm Chánh kế toán Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro từ ngày 1-11- 2000.

2. Về thực hiện kế hoạch sản xuất và tài chính năm 2000

+ Khai thác 12,600 triệu tấn dầu (96,9% kế hoạch), không hoàn thành kế hoạch do sự cố kỹ thuật hệ thống neo cặp trạm UBN - Ba Vì và không hoàn thành kế hoạch khai thác mỏ Rồng là do chậm tiến độ thi công và đưa tổ hợp công nghệ RP-3 vào hoạt động.

+ Đưa 1,55 tỷ m³ khí vào bờ.

+ Tình hình tài chính trong năm ổn định, tổng doanh thu bán dầu trong năm đạt 2.657,1 triệu USD (188,3% kế hoạch). Trong đó phần của Xí nghiệp Liên doanh là 670,4 triệu USD, thu về dịch vụ là 29,6 triệu USD.

3. Về phê chuẩn chương trình sản xuất, kế hoạch tài chính năm 2001 và chương trình xây dựng cơ bản giai đoạn 2001-2002

+ Kế hoạch khai thác dầu 13,100 triệu tấn.

+ Đưa khí vào bờ không dưới 1,65 tỷ m³.

+ Gia tăng trữ lượng 12 triệu tấn.

+ Áp dụng công nghệ và kỹ thuật mới trong đó có công nghệ khoan và bơm rửa bằng hỗn hợp khí chất lỏng, có sử dụng hệ thống tuần hoàn khép kín.

+ Phê chuẩn kế hoạch - lịch sửa chữa tàu thuyền và phương tiện nổi, kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng định kỳ, kế hoạch thuê tàu và phương tiện nổi.

+ Phê chuẩn kế hoạch tài chính của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro năm 2001. Chi phí cho thực hiện chương trình sản xuất của Xí nghiệp Liên doanh

Vietsovetro không vượt quá 500 triệu USD. Phê chuẩn kế hoạch phân bổ dầu và doanh thu bán dầu năm 2001. Lưu ý là: số tiền Xí nghiệp Liên doanh thu được do giá dầu tăng sẽ tính vào vốn dự phòng và không được sử dụng nếu chưa thỏa thuận với hai phía.

Ngoài ra Hội đồng kỳ họp này có những kiến nghị mới với hai phía như:

+ Dự thảo sơ đồ mới về lương chức vụ của chuyên gia Liên bang Nga và Việt Nam trình lên hai phía xem xét.

+ Thêm chức danh Phó Chánh kỹ sư của Xí nghiệp Liên doanh.

Xí nghiệp Liên doanh được phép ký hợp đồng ngoài về mua sắm vật tư... có giá trị tới 500.000 USD, hợp đồng dịch vụ tư vấn giá trị tới 350.000,00 USD.

B. Thành phần kỳ họp thứ XXIII của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro

Phía Việt Nam

1. Nguyễn Xuân Nhậm, trưởng đoàn
2. Nguyễn Quang Dũng, thành viên
3. Ngô Văn Sáng, thành viên
4. Nguyễn Đức Tân, thành viên
5. Nguyễn Giao, thành viên

Phía Liên Xô

1. N.P. Tokarev, trưởng đoàn
2. A.B. Miler, thành viên
3. O.K. Popov, thành viên
4. E.G. Aresev, thành viên
5. N.M. Bogđanov, thành viên

24. KỲ HỌP THỨ XXIV HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ XXIV Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro được tiến hành ngày 17-7-2001 tại Mátxcova - Liên bang Nga.

Tham gia kỳ họp thứ XXIV có 5 thành viên Hội đồng Phía Việt Nam, 5 thành viên Hội đồng Phía Liên bang Nga.

Ông Nguyễn Xuân Nhậm, Trưởng đoàn Phía Việt Nam trong Hội đồng, Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam được bầu làm Chủ tịch kỳ họp thứ XXIV.

A. Những nội dung chính được Hội đồng xem xét quyết nghị trong kỳ họp thứ XXIV

1. Về bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro

+ Ông Ph.I. Bađikov, công dân Liên bang Nga thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc thứ nhất Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro kể từ ngày 2-5-2001 vì lý do sức khỏe. Hội đồng chân thành cảm ơn những đóng góp của ông Ph.I. Bađikov đối với Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro.

+ Bổ nhiệm ông V.A. Jukov, công dân Liên bang Nga giữ chức Phó Tổng Giám đốc thứ nhất Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro từ ngày 29-5-2001.

+ Bổ nhiệm ông Nguyễn Hữu Tuyển, công dân Việt Nam giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách xây dựng cơ bản Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro từ ngày 1-8-2001.

2. Về thực hiện kế hoạch sản xuất và tài chính 6 tháng đầu năm 2001

+ Khai thác được 6,832 triệu tấn (105% kế hoạch).

+ Đưa khí vào bờ với khối lượng 889,7 triệu m³ (101,8% kế hoạch).

+ Khối lượng xây dựng cơ bản 6 tháng đầu năm làm được rất nhiều việc, đạt yêu cầu, sửa chữa lớn một số công trình biển phục vụ cho thăm dò và khai thác.

+ Doanh thu bán dầu 6 tháng đạt 1.458 triệu USD (67,6% kế hoạch).

+ Tình hình tài chính ổn định.

Nói chung hoạt động của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro 6 tháng đầu năm 2001 là đạt yêu cầu.

3. Về việc xem xét và phê chuẩn những phương hướng chủ yếu phát triển Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro giai đoạn 2001-2005 và tới năm 2010

+ Chấp thuận đề nghị của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro về sản lượng khai thác dầu ở mỏ Bạch Hổ và mỏ Rồng năm 2002 là 13 triệu tấn.

+ Giao Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro đến nửa đầu năm 2002 cùng với các chuyên gia độc lập của hai Bên phải chính xác lại xong các thông số đầu vào có tính tới số liệu hiện có và số liệu mới, tính toán lại trữ lượng dầu ở mỏ Bạch Hổ tính đến ngày 1-1-2002, ít nhất bằng 2 phương pháp và trình Hội đồng Trữ lượng Nhà nước Việt Nam phê duyệt. Trong 6 tháng cuối năm 2002 đến ngày 1-11-2002

trình Hội đồng cấp Nhà nước phê duyệt “Sơ đồ công nghệ điều chỉnh khai thác và xây dựng mỏ Bạch Hổ” mới.

+ Giai đoạn 2001-2005: (i) Tiến hành thăm dò 3D lô 04-3 trên diện tích 770 km²; (ii) Gia tăng trữ lượng khai thác dầu và khí không dưới 50 triệu tấn.

Ngoài ra, Hội đồng còn xem xét và cho ý kiến nhiều vấn đề có liên quan đến hoàn thiện hoạt động của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro.

B. Thành phần kỳ họp thứ XXIV của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

Phía Việt Nam

1. Nguyễn Xuân Nhậm, trưởng đoàn
2. Nguyễn Quang Dũng, thành viên
3. Ngô Văn Sáng, thành viên
4. Nguyễn Đức Tân, thành viên
5. Nguyễn Giao, thành viên

Phía Liên Xô

1. N.P. Tokarev, trưởng đoàn
2. G.Đ. Avalis, thành viên
3. E.G. Aresev, thành viên
4. N.M. Bogdanov, thành viên
5. V.A. Jukov, thành viên

25. KỲ HỌP THỨ XXV HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ XXV Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro được tiến hành ngày 24-1-2002 tại Vũng Tàu - Việt Nam.

Tham dự kỳ họp thứ XXV có đủ 5 thành viên Hội đồng của mỗi phía.

Ông N.P. Tokarev, Trưởng đoàn Phía Liên bang Nga trong Hội đồng, Tổng Giám đốc RVO Zarubezhneft được bầu làm Chủ tịch kỳ họp này.

A. Những nội dung chính được Hội đồng xem xét quyết nghị trong kỳ họp thứ XXV

1. Về bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

+ Ông Phùng Đình Thực, công dân Việt Nam thôi giữ chức Chánh kỹ sư Xí

ng nghiệp Liên doanh Vietsovpetro chuyển công tác từ ngày 16-11-2001.

+ Ông Lê Quang Trung, công dân Việt Nam thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách nội chính Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro nghỉ hưu từ ngày 1-1-2002.

+ Bổ nhiệm ông Nguyễn Thúc Kháng, công dân Việt Nam giữ chức Chánh kỹ sư Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro từ ngày 16-11-2001.

2. Về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất và tài chính năm 2001

+ Khai thác được 13,3209 triệu tấn dầu (101,7% kế hoạch), trong đó mỏ Bạch Hổ được 12,770 triệu tấn, mỏ Rồng được 551 nghìn tấn. So với năm 2000, sản lượng khai thác dầu tăng 728,9 nghìn tấn.

+ Gia tăng trữ lượng đạt 12,5 triệu tấn (kế hoạch là 12 triệu tấn).

+ Tiếp tục chuyển giếng sang khai thác bằng gaslift và tối ưu hóa hoạt động của giếng, do đó đã khai thác được 726,8 nghìn tấn dầu từ 69 giếng gaslift đang khai thác.

+ Về tổ chức công tác sửa chữa các công trình ngoài biển khai thác dầu khí còn nhiều chậm trễ và không thể được xem là đạt yêu cầu.

+ Về tình hình tài chính năm 2001 của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro ổn định. Doanh thu xuất khẩu dầu đạt 2.631,9 triệu USD (121,9% kế hoạch). Việc trích nộp ngân sách nhà nước Việt Nam và chuyển lợi nhuận cho 2 phía được thực hiện kịp thời, cụ thể: nộp vào ngân sách nhà nước Việt Nam 1.229,5 triệu USD, lợi nhuận Phía Việt Nam 480,4 triệu USD, lợi nhuận Phía Nga 497,2 triệu USD.

Điểm quan trọng là Hội đồng đánh giá hoạt động của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro trong năm 2001 đạt nhiều thành tích. Trong năm 2001, để kỷ niệm 20 năm thành lập, Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro đã vượt qua mốc 100 triệu tấn dầu và được Nhà nước Việt Nam phong tặng danh hiệu Anh hùng lần thứ hai.

3. Về chương trình sản xuất, kế hoạch tài chính năm 2002

+ Kế hoạch khai thác dầu: 13,1 triệu tấn.

+ Bảo đảm đưa khí vào bờ với khối lượng không dưới 2000 triệu m³, trong đó mỏ Bạch Hổ không dưới 1650 triệu m³ khí.

+ Phê chuẩn kế hoạch tài chính của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro năm 2002 (căn cứ kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm và sự thay đổi giá dầu trên thế giới, trong tháng 7- 2002, hai phía sẽ điều chỉnh kế hoạch tài chính nếu thấy cần).

+ Giữ mức quản lý phí năm 2002 cho hai phía tham gia Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro là 0,5% mỗi phía từ phần doanh thu bán dầu để lại cho Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro.

B. Thành phần kỳ họp thứ XXV của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

Phía Việt Nam

1. Nguyễn Xuân Nhậm, trưởng đoàn
2. Nguyễn Quang Dũng, thành viên
3. Ngô Văn Sáng, thành viên
4. Lê Thị Tiếp, thành viên
5. Trần Lê Đông, thành viên

Phía Liên Xô

1. N.P. Tokarev, trưởng đoàn
2. O.G. Gordeev, thành viên
3. E.G. Aresev, thành viên
4. N.M. Bogdanov, thành viên
5. V.A. Jukov, thành viên

26. KỲ HỌP THỨ XXVI HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ XXVI Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro được tiến hành ngày 29-11-2001 tại Vũng Tàu - Việt Nam.

Tham gia kỳ họp thứ XXVI mỗi phía có 5 thành viên Hội đồng và các chuyên gia của hai bên.

Ông Nguyễn Xuân Nhậm, Trưởng đoàn Phía Việt Nam trong Hội đồng, Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam được Hội đồng bầu làm Chủ tịch kỳ họp thứ XXVI.

A. Những nội dung chính được Hội đồng xem xét quyết nghị trong kỳ họp thứ XXVI

1. Về bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

+ Ông Nguyễn Giao, công dân Việt Nam thôi giữ chức Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro nghỉ hưu từ ngày 1-6-2002. Hội đồng chân thành

cảm ơn những đóng góp của ông Nguyễn Giao đối với Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro trên cương vị của mình.

+ Bổ nhiệm ông Trần Lê Đông, công dân Việt Nam, giữ chức Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro từ ngày 1-6-2002.

+ Bổ nhiệm ông Trần Văn Hồi, công dân Việt Nam, giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách địa chất Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro từ ngày 1-9-2002.

+ Ông V.I. Arefiev, công dân Liên bang Nga, thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách vật tư Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro từ ngày 6-8-2002.

+ Bổ nhiệm ông A.I. Bogachev, công dân Liên bang Nga giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách vật tư Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro từ ngày 24-7-2002.

2. Về chương trình thực hiện sản xuất và kế hoạch tài chính năm 2002

Hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất chủ yếu:

+ Sản lượng khai thác dầu 13,5 triệu tấn, đạt 102,8%.

+ Kế hoạch khoan thăm dò đạt 6899 m, đạt 124,1%.

+ Khoan khai thác đạt 48493 m, đạt 121,3%.

+ Khối lượng khí đưa vào bờ đạt 2,05 tỷ m³. Trong đó từ mỏ Bạch Hổ là 1,73 tỷ m³.

+ Tình hình tài chính ổn định, doanh thu xuất khẩu dầu đạt 2396,4 triệu USD, thu từ dịch vụ bên ngoài đạt 74,3 triệu USD. Bảo đảm trích nộp kịp thời vào ngân sách nhà nước Việt Nam và chuyển lợi nhuận cho hai phía, cụ thể: nộp ngân sách cho Nhà nước Việt Nam là 1065,8 triệu USD, lợi nhuận Phía Việt Nam 382,2 triệu USD, lợi nhuận Phía Liên bang Nga là 401,6 triệu USD.

Tuy nhiên còn những thiếu sót:

+ Chưa hoàn thành xây dựng tuyến cáp điện 6 KV PPD-MSP-1 và tuyến ống hỗn hợp dầu khí BK6-RP CTK. Chưa hoàn thành kế hoạch thay thế cần đước và đầu đước trên các giàn MSP.

+ Do không có tàu mới, Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro buộc phải khai thác số tàu hiện có đồng thời phải bỏ ra một số chi phí đáng kể để duy trì đội tàu luôn trong tình trạng làm việc. Chi phí cho sửa chữa đội tàu 5 năm trở lại đây tăng 1,5 lần, chi phí thuê tàu tăng 2 lần.

3. Kế hoạch sản xuất, kế hoạch tài chính năm 2003 và chương trình xây dựng cơ bản giai đoạn 2003-2004

+ Kế hoạch khai thác dầu: 13,005 triệu tấn. Trong đó mỏ Bạch Hổ là 12,440 triệu tấn (riêng tầng móng là 11,6 triệu tấn). Bảo đảm hệ số bù trừ ở vòm trung tâm tầng móng mỏ Bạch Hổ đạt 100% ổn định áp suất vỉa ở đỉnh móng cao 12 at so với áp suất bão hòa.

+ Bảo đảm đưa khí vào bờ với khối lượng 2.200 triệu m³, trong đó từ mỏ Bạch Hổ là 1.700 triệu m³ khí.

+ Kế hoạch gia tăng trữ lượng là 13,5 triệu tấn dầu.

+ Phê duyệt kế hoạch khảo sát và sửa chữa các công trình biển để bảo đảm hoàn thành kế hoạch sản xuất khai thác dầu và khoan tìm kiếm, thăm dò.

+ Phê duyệt kế hoạch tài chính của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro năm 2003. Trong đó lưu ý, số tiền Xí nghiệp Liên doanh thu được do giá dầu tăng so với giá kế hoạch 160 USD/tấn sẽ tính vào vốn dự phòng và hạch toán trên một tiểu khoản riêng.

4. Về công tác hoàn thiện cơ cấu tổ chức và cơ cấu quản lý Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

Hội đồng giao cho Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro trong thời hạn không muộn quá ngày 15-4-2003 trình hai phía xem xét các tài liệu sau:

+ Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và biên chế Xí nghiệp Liên doanh.

+ Xác định nhu cầu về số lượng cán bộ công nhân viên của Xí nghiệp Liên doanh phù hợp với khối lượng công việc.

+ Kế hoạch các biện pháp sử dụng hợp lý các chuyên gia Liên bang Nga và Việt Nam.

B. Thành phần kỳ họp thứ XXVI của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

Phía Việt Nam

1. Nguyễn Xuân Nhậm, trưởng đoàn
2. Nguyễn Quang Dũng, thành viên
3. Ngô Văn Sáng, thành viên
4. Lê Thị Tiếp, thành viên
5. Trần Lê Đông, thành viên

Phía Liên Xô

1. N.P. Tokarev, trưởng đoàn
2. A.Iu.Voronhin, thành viên
3. E.G. Aresev, thành viên
4. N.M. Bogdanov, thành viên
5. V.A. Jukov, thành viên

27. KỲ HỌP THỨ XXVII HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ XXVII Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro được tiến hành ngày 8-12-2003 tại Vũng Tàu - Việt Nam.

Tham gia kỳ họp thứ XXVII có 5 thành viên Hội đồng Phía Việt Nam và 5 thành viên Hội đồng Phía Liên bang Nga và các chuyên viên hai bên.

Ông N.P. Tokarev, Trưởng đoàn Phía Liên bang Nga trong Hội đồng, Tổng Giám đốc RVO Zarubezhneft được bầu làm Chủ tịch kỳ họp thứ XXVII.

A. Những nội dung chính được Hội đồng xem xét quyết nghị trong kỳ họp thứ XXVII

1. Về bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

+ Ông V.A. Jukov, công dân Liên bang Nga thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc thứ nhất Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro chuyển công tác từ ngày 11-8-2003.

+ Bổ nhiệm ông V.I. Urmancheiev, công dân Liên bang Nga giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc thứ nhất Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro từ ngày 11-8-2003.

2. Về thực hiện chương trình sản xuất và kế hoạch tài chính

+ Sản lượng khai thác dầu đạt 13,100 triệu tấn (100,7% kế hoạch). Trong đó riêng mỏ Bạch Hổ đạt 12,5 triệu tấn.

+ Đưa vào bờ 2,15 tỷ m³ khí (97,7% kế hoạch).

+ Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro có 17 đơn vị tàu thuyền, thuê 11 tàu. Đội tàu đã hoàn thành tất cả các chỉ tiêu kế hoạch.

+ Nhờ tăng giá dầu nên các chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu bán dầu và trích nội ngân sách đã hoàn thành. Doanh thu bán dầu đạt 2,9 tỷ USD với giá trung bình 220 USD/tấn. Trích nộp ngân sách và lợi nhuận Phía Việt Nam đạt 1,7 tỷ USD.

3. Về kế hoạch sản xuất và tài chính năm 2004 và chương trình xây dựng cơ bản giai đoạn 2004-2005

+ Sản lượng khai thác dầu 11,65 triệu tấn (mỏ Bạch Hổ: 10,84 triệu tấn; mỏ Rồng: 0,810 triệu tấn). Đặc biệt lưu ý việc khai thác mỏ Rồng và tầng Oligocen mỏ Bạch Hổ, kịp thời báo cáo hai phía về tình hình công việc để có quyết định cần thiết.

+ Cho phép Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro được thuê giàn SPBU để khoan ở mỏ Bạch Hổ và mỏ Rồng.

+ Phê chuẩn kế hoạch xây dựng cơ bản các công trình biển của Xí nghiệp Liên doanh giai đoạn 2004-2005.

+ Phê chuẩn kế hoạch tài chính năm 2004 của Xí nghiệp Liên doanh (chi tiết nêu trong tờ trình của Xí nghiệp Liên doanh).

4. Về hoàn thiện cơ cấu tổ chức Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

+ Giao cho Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro đến ngày 31-3-2004 hoàn thiện danh sách cán bộ công nhân viên Liên bang Nga không thuộc diện bị cắt giảm hoặc thay thế.

+ Đổi tên Xí nghiệp Xây lắp các công trình biển thành Xí nghiệp Xây lắp, khảo sát và sửa chữa các công trình khai thác dầu khí.

+ Thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin và liên lạc trên cơ sở hợp nhất phòng máy tính và thông tin kinh tế kỹ thuật và Ban Thông tin kỹ thuật.

B. Thành phần kỳ họp thứ XXVII của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

Phía Việt Nam

1. Trần Ngọc Cảnh, trưởng đoàn
2. Nguyễn Quang Dũng, thành viên
3. Ngô Văn Sáng, thành viên
4. Lê Thị Tiếp, thành viên
5. Trần Lê Đông, thành viên

Phía Liên Xô

1. N.P. Tokarev, trưởng đoàn
2. A.Iu.Voronhin, thành viên
3. E.G. Aresev, thành viên
4. N.M. Bogđanov, thành viên
5. V.A. Jukov, thành viên

28. KỲ HỌP THỨ XXVIII HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ XXVIII Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro diễn ra tại Mátxcơva - Liên bang Nga ngày 8-7-2004.

Tham gia kỳ họp thứ XXVIII có 5 thành viên Hội đồng Phía Việt Nam; 5 thành viên Hội đồng Phía Liên bang Nga.

Ông Trần Ngọc Cảnh, Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam được bầu là Chủ tịch kỳ họp thứ XXVIII.

A. Những nội dung chính được Hội đồng xem xét quyết nghị trong kỳ họp thứ XXVIII

1. Về bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo

Hội đồng quyết nghị:

+ Miễn nhiệm ông Dương Quốc Hà, công dân Việt Nam thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách thương mại Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro từ ngày 30-6-2004.

+ Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Tuyến, công dân Việt Nam giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách thương mại Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro từ ngày 1-7-2004.

2. Về báo cáo tình hình sản xuất và tài chính của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro 6 tháng đầu năm 2004

Hội đồng ghi nhận:

+ 6 tháng đầu năm 2004 đã khai thác 5.234,6 nghìn tấn dầu trong đó 5.872,8 nghìn tấn của mỏ Bạch Hổ và 361,9 nghìn tấn mỏ Rồng. Đưa vào bờ 1097,3 triệu m³ khí, trong đó từ mỏ Bạch Hổ là 881,85 triệu m³.

+ Về tài chính: doanh thu bán dầu đạt 1.548,7 triệu USD với giá dầu trung bình 249,86 USD/tấn. Doanh thu từ dịch vụ cho các tổ chức bên ngoài trong 6 tháng đầu năm đạt 15,0 triệu USD.

Tuy nhiên vẫn còn các thiếu sót:

+ Chưa chuẩn bị Luận chứng kinh tế - kỹ thuật khai thác các lô ở bể Phú Khánh. Chưa triển khai đấu thầu thuê giàn SPBU để khoan giếng.

+ Một số lượng lớn giếng ở BK đang khai thác tầng móng cần được sửa chữa ngăn cách không những trong cần ống mà còn cả trong thân hở và cần dự kiến công việc cho công tác này.

+ Công tác an toàn lao động có cố gắng nhưng vẫn còn có 8 trường hợp sự cố làm 7 cán bộ công nhân Việt Nam và 1 chuyên gia Nga bị chấn thương nhẹ.

3. Về chương trình sản xuất, tài chính năm 2004

+ Khối lượng khai thác dầu: 12,1 triệu tấn. Giao cho Xí nghiệp Liên doanh áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm gia tăng sản lượng khai thác dầu năm 2004 ở tầng Oligocen và Miocen mỏ Bạch Hổ và mỏ Rồng.

+ Giao cho Xí nghiệp Liên doanh tiếp tục hoàn thiện, chính xác lại mô hình địa chất và sơ đồ công nghệ khai thác mỏ Bạch Hổ và trình kết quả lên hai phía vào năm 2007. Xí nghiệp Liên doanh xúc tiến soạn thảo thiết kế tận thăm dò mỏ Bạch Hổ, mỏ Rồng và trình hai phía xem xét quý III-2004. Và nhiều công tác kỹ thuật, công tác xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn giếng khoan, giàn khoan...

+ Cho phép Xí nghiệp Liên doanh trong năm 2004 tổ chức đấu thầu chọn thiết kế tàu cầu rải ống và đấu thầu đóng tàu rải ống và thực hiện chi phí trong các năm 2005-2006. Và nhiều công tác có liên quan tới đấu thầu đóng mới tàu UBN, giàn SPBU (90 m)...

4. Về việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

+ Phê chuẩn việc thành lập Phòng Tiếp thị và dịch vụ trực thuộc bộ máy điều hành từ ngày 1-7-2004.

+ Thành lập mới và đưa vào hoạt động Trung tâm Công nghệ thông tin và liên lạc từ ngày 1-8-2004.

+ Bổ sung “Bảng phân bố các chức danh lãnh đạo thuộc bộ máy điều hành và các đơn vị trực thuộc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro”.

+ Đồng ý với đề nghị của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro về “Danh sách các chức danh chuyên gia Nga không thể thay thế và cắt giảm” đến hết năm 2010.

Và nhiều vấn đề quan trọng khác.

B. Thành phần kỳ họp thứ XXVIII của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

Phía Việt Nam

Phía Liên Xô

1. Trần Ngọc Cảnh, trưởng đoàn

1. N.P. Tokarev, trưởng đoàn

2. Nguyễn Quang Dũng, thành viên

2. O.G.Gordeev, thành viên

3. Ngô Văn Sáng, thành viên

3. E.G. Aresev, thành viên

4. Lê Thị Tiếp, thành viên

4. N.M. Bogdanov, thành viên

5. Trần Lê Đông, thành viên

5. V.I. Urmancheiev, thành viên

29. KỲ HỌP THỨ XXIX HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ XXIX Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro họp ngày 15-12-2004 tại Vũng Tàu - Việt Nam.

Tham gia kỳ họp thứ XXIX có 5 thành viên Hội đồng Phía Việt Nam và 5 thành viên Hội đồng Phía Liên bang Nga và các chuyên viên hai bên.

Ông N.P. Tokarev, Trưởng đoàn Phía Liên bang Nga trong Hội đồng, Tổng Giám đốc OAO Zarubezhneft được bầu làm Chủ tịch kỳ họp.

A. Những nội dung chính được Hội đồng xem xét quyết nghị trong kỳ họp thứ XXIX

1. Về bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

+ Ông A.N. Bogachev, công dân Liên bang Nga thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách vật tư Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro chuyển công tác từ ngày 14-8-2004.

+ Bổ nhiệm ông P. G. Kladiev, công dân Liên bang Nga giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách vật tư Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro từ ngày 1-8-2004.

+ Bổ nhiệm ông Hà Ngọc Khuê, công dân Việt Nam giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách khoan Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro từ ngày 1-9-2004.

+ Bổ nhiệm ông Đỗ Đình Khải, công dân Việt Nam giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách nội chính Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro từ ngày 1-11-2004.

+ Ông Nguyễn Hữu Tuyến, công dân Việt Nam thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách xây dựng cơ bản Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro chuyển công tác từ ngày 1-8-2004.

2. Về tình hình thực hiện chương trình sản xuất và tài chính năm 2004

- Về sản xuất:

+ Khai thác dầu đạt 11,211 triệu tấn, vượt 0,8% kế hoạch.

+ Khảo sát địa chấn 3D được 459 km² ở lô 17 và xử lý được 84 km².

+ Khoan khai thác 49.845 m/63.375 m (78,7% kế hoạch).

Không hoàn thành kế hoạch là do không thuê được giàn khoan di động.

+ Đưa khí vào bờ 1,402 tỷ m³ khí (116% kế hoạch).

+ Viện NIPI thực hiện một khối lượng đáng kể công tác nghiên cứu khoa học (31 đề tài nghiên cứu khoa học và thử nghiệm, 36 đề tài khảo sát thiết kế).

- Về tình hình tài chính 2004:

+ Tài chính ổn định, doanh thu xuất khẩu dầu đạt 3,468 triệu USD (167,3% kế hoạch). Nộp kịp thời vào ngân sách nhà nước Việt Nam 1,548 triệu USD, lợi nhuận Phía Việt Nam 550,7 triệu USD, lợi nhuận Phía Liên bang Nga 552,7 triệu USD.

Ngoài thành tích đã đạt được, còn một số chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch. Hội đồng đánh giá hoạt động của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro đạt yêu cầu.

3. Về chương trình sản xuất và kế hoạch tài chính năm 2005 và chương trình xây dựng cơ bản giai đoạn 2005-2006

Phía tham gia Việt Nam và phía tham gia Liên bang Nga đều đưa ra phương án của mình. Hội đồng quyết định:

+ Phê chuẩn kế hoạch khai thác dầu: 11,2 triệu tấn, trong đó mỏ Bạch Hổ 10,430 triệu tấn, mỏ Rồng 770 nghìn tấn.

+ Đưa khí vào bờ 1,5 tỷ m³.

+ Kế hoạch gia tăng trữ lượng 35 triệu tấn.

+ Tháng 1-2005 trình hai phía “Chương trình tận thăm dò mỏ Bạch Hổ”, “Chương trình tận thăm dò mỏ Rồng”. Trong năm 2005 xử lý lại tài liệu địa chấn 3D mỏ Rồng với khối lượng 500 km² và minh giải lại các tài liệu nói trên.

+ Ấn định mức quản lý phí cho hai phía tham gia Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro là 0,5% mỗi phía trên doanh thu bán dầu để lại cho Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro theo giá thực tế nhưng không vượt quá giá kế hoạch đã được Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh duyệt.

Về các vấn đề khác:

Sửa đổi tiêu chuẩn quy định tài sản cố định: (i) Có thời hạn sử dụng từ 1 năm trở lên; (ii) Có giá trị từ 800 USD trở lên/1 đơn vị tài sản; và (iii) Thời gian được tính kể từ ngày 1-1-2004.

B. Thành phần kỳ họp thứ XXIX của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

Phía Việt Nam

1. Trần Ngọc Cảnh, trưởng đoàn
2. Nguyễn Quang Dũng, thành viên
3. Ngô Văn Sáng, thành viên
4. Lê Thị Tiếp, thành viên
5. Trần Lê Đông, thành viên

Phía Liên Xô

1. N.P. Tokarev, trưởng đoàn
2. O.G. Gordeev, thành viên
3. D.B. Aratski, thành viên
4. V.S. Gorshenhiov, thành viên
5. V.I. Urmancheiev, thành viên

30. KỶ HỢP THỨ XXX HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ XXX Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro được tiến hành ngày 8-12-2005 tại Vũng Tàu - Việt Nam.

Tham gia kỳ họp thứ XXX Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro có 5 thành viên Hội đồng Phía Việt Nam, 5 thành viên Hội đồng Phía Liên bang Nga và các chuyên viên hai bên.

Ông Trần Ngọc Cảnh, Trưởng đoàn Phía Việt Nam trong Hội đồng, Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam được bầu làm Chủ tịch kỳ họp này.

A. Những nội dung chính được Hội đồng xem xét quyết nghị trong kỳ họp thứ XXX

1. Về bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

Bổ nhiệm ông Lâm Quang Chiến, công dân Việt Nam giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách xây dựng cơ bản Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro từ ngày 1-12-2005.

2. Về thực hiện chương trình sản xuất và kế hoạch tài chính năm 2005

- Về sản xuất:

+ Sản lượng khai thác đạt 9,145 triệu tấn dầu thô (101,4% kế hoạch).

Hội đồng cũng ghi nhận một số tình hình về khai thác tầng móng mỏ Bạch Hổ phức tạp, một số khu vực như giàn BK-4, 6, 8, 9 bị ngập nước, dẫn đến giảm một ít sản lượng, những sản lượng khai thác của giàn BK-1, 3, 5, 7 và giàn MSP-2 lại tăng.

+ Sản lượng khai thác khí đạt 1,842 tỷ m³ khí đồng hành.

+ Tình hình xây dựng cơ bản trong các đơn vị của Xí nghiệp Liên doanh cũng như khối lượng sửa chữa các kết cấu kim loại của các công trình khai thác dầu ngoài khơi là đạt yêu cầu. Đội tàu đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch.

- Về tình hình tài chính:

+ Tài chính trong năm ổn định. Doanh thu bán dầu đạt 4,263 tỷ USD (giá dầu trung bình 402,9 USD/tấn).

+ Trích nộp ngân sách cho Nhà nước Việt Nam: 2,0318 tỷ USD. Lợi nhuận Phía Việt Nam là 572,5 triệu USD; lợi nhuận Phía Liên bang Nga là 592,9 triệu USD.

Hội đồng ghi nhận: mặc dù có những thiếu sót trong quá trình hoạt động, nhưng Xí nghiệp Liên doanh đã thực hiện vượt mức kế hoạch, đặc biệt là doanh thu bán dầu.

3. Về chương trình sản xuất và kế hoạch tài chính năm 2006

+ Sản lượng khai thác dầu thô: 9,6 triệu tấn.

Trong quý I-2006 trình các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam về sản lượng khai thác dầu tầng móng mỏ Bạch Hổ của năm 2006 để xem xét phê duyệt chính thức:

+ Khối lượng khí đưa vào bờ là 1,200 tỷ m³.

+ Kế hoạch gia tăng trữ lượng 15,5 triệu tấn.

Phê chuẩn kế hoạch tài chính năm 2006 có tính đến số dư đầu kỳ thực tế đến 1-1-2006.

+ Phê chuẩn kế hoạch phân chia dầu thương phẩm.

+ Giao cho Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro, trước ngày 31-3-2006 trình hai phía xem xét việc mở rộng hoạt động ra các thị trường dầu khí Việt Nam, Nga, SNG và các nước thứ ba khác phù hợp với mục 4 Hiệp định Liên Chính phủ ngày 16-7-1991 và mục 2 Điều lệ Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro.

Hội đồng còn quyết nghị nhiều vấn đề khác tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro.

B. Thành phần kỳ họp thứ XXX của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

Phía Việt Nam

1. Trần Ngọc Cảnh, trưởng đoàn
2. Nguyễn Quang Dũng, thành viên
3. Ngô Văn Sáng, thành viên
4. Lê Thị Tiếp, thành viên
5. Trần Lê Đông, thành viên

Phía Liên Xô

1. N.P. Tokarev, trưởng đoàn
2. O.G.Gordeev, thành viên
3. V.S Gorshenhiov, thành viên
4. D.B. Aratxki, thành viên
5. V.I. Urmancheiev, thành viên

31. KỲ HỌP THỨ XXXI HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ XXXI Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro được tiến hành ngày 22-6-2006 tại Vũng Tàu - Việt Nam.

Tham gia kỳ họp thứ XXXI có 5 thành viên Hội đồng Phía Việt Nam, 5 thành viên Hội đồng Phía Liên bang Nga và các chuyên viên hai bên.

Ông N.P. Tokarev, Trưởng đoàn Phía Liên bang Nga trong Hội đồng, Tổng Giám đốc OAO Zarubezhneft được bầu làm Chủ tịch kỳ họp.

A. Những nội dung chính được Hội đồng xem xét quyết nghị trong kỳ họp thứ XXXI

1. Về bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

Hội đồng quyết nghị:

+ Ông V.I. Uрманcheiev, công dân Liên bang Nga thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc thứ nhất Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro chuyển công tác từ ngày 15-3-2006.

+ Bổ nhiệm ông M.A. Sobolev, công dân Liên bang Nga giữ chức Phó Tổng Giám đốc thứ nhất Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro từ ngày 1-3-2006.

2. Về hoạt động sản xuất và tài chính của Xí nghiệp Liên doanh trong 6 tháng đầu năm 2006

+ Sản lượng khai thác dầu 4,175 triệu tấn (mỏ Bạch Hổ là 3,976 triệu tấn, mỏ Rồng 198,4 nghìn tấn).

+ Đã hoàn thiện việc lập bảng cân đối trữ lượng Hyđrôcacbon tại các mỏ của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro tính đến ngày 1-1-2006.

+ Khối lượng khí đưa vào bờ đạt 843,2 triệu m³.

+ Doanh thu bán dầu trong 5 tháng đạt 2.020,3 triệu USD với giá dầu trung bình 475,35 USD/tấn. Lợi nhuận của Phía Việt Nam trong 5 tháng đầu năm đạt 271,3 triệu USD; Phía Liên bang Nga đạt 282,2 triệu USD.

3. Phê duyệt hiệu chỉnh các chỉ tiêu sản xuất và tài chính của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro năm 2006

+ Kế hoạch khai thác dầu năm 2006 là 9,6 triệu tấn (mỏ Bạch Hổ là 8,97 triệu tấn; mỏ Rồng 630 nghìn tấn).

- + Đưa khí vào bờ 1,2 tỷ m³.
- + Phê duyệt kế hoạch tài chính năm 2006 như phương án đã trình.
- + Phê duyệt giá dịch vụ đưa khí đồng hành từ mỏ Bạch Hổ vào bờ cho Xí nghiệp Liên doanh năm 2006 ở mức 12 USD/1000 m³.

4. Về tăng lương chức danh cho cán bộ công nhân viên của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

- + Phê duyệt tăng quỹ lương chức danh 20% và đưa vào áp dụng từ ngày 1-7-2006 kế hoạch lao động tiền lương và điều chỉnh năm 2006.
- + Phê duyệt bảng lương chức danh Ban Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro, áp dụng từ ngày 1-7-2006.

5. Về vùng hoạt động của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

Giao cho Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro soạn thảo và trình hai phía trong quý III-2006 về quy chế và điều kiện để Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro tham gia vào các dự án dầu khí ở Việt Nam, Liên bang Nga và các nước thứ 3, bao gồm các phương diện về pháp lý, kinh tế và tài chính.

Hội đồng còn có nghị quyết về các vấn đề khác nhằm hoàn thiện và tăng cường các hoạt động của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro.

B. Thành phần kỳ họp thứ XXXI của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro:

Phía Việt Nam

1. Trần Ngọc Cảnh, trưởng đoàn
2. Nguyễn Quang Dũng, thành viên
3. Ngô Văn Sáng, thành viên
4. Trần Hữu Tiến, thành viên
5. Trần Lê Đông, thành viên

Phía Liên Xô

1. N.P. Tokarev, trưởng đoàn
2. Iu.M. Medvedev, thành viên
3. V.Iu. Salamatov, thành viên
4. V.S. Gorshenhiov, thành viên
5. M.A. Sobolev, thành viên

32. KỶ HỌP THỨ XXXII HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ XXXII Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro được tiến hành ngày 22-11-2006 tại Vũng Tàu - Việt Nam.

Tham gia kỳ họp thứ XXXII có 5 thành viên Hội đồng Phía tham gia Việt Nam và 5 thành viên Hội đồng Phía tham gia Liên bang Nga và các chuyên gia hai bên.

Ông Trần Ngọc Cảnh, Trưởng đoàn Phía Việt Nam trong Hội đồng, Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam được bầu làm Chủ tịch kỳ họp.

A. Những nội dung chính được Hội đồng xem xét quyết nghị trong kỳ họp thứ XXXII

1. Về bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

Hội đồng quyết nghị:

+ Ông Nguyễn Xuân Thắng, công dân Việt Nam thôi giữ chức Chánh kế toán Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro chuyển công tác từ ngày 1-9-2006.

+ Chấp thuận bổ nhiệm ông Võ Quang Huy đảm nhận nhiệm vụ Quyền Chánh kế toán Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro từ ngày 1-9-2006.

2. Về thực hiện chương trình sản xuất và tài chính năm 2006

- Về sản xuất:

+ Khai thác dầu thô đạt 8,218 triệu tấn.

+ Gia tăng trữ lượng (địa chất/thu hồi) đạt 55,7 triệu tấn/12,3 triệu tấn.

+ Khối lượng khí đưa vào bờ đạt 1,595 tỷ m³.

+ Khối lượng xây lắp các công trình biển, duy tu bảo dưỡng các phương tiện nổi đạt yêu cầu cho tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí.

- Về tài chính:

Doanh thu 10 tháng bán dầu đạt 4,291 tỷ USD. Với giá dầu trung bình 514,6 USD/tấn.

Hội đồng ghi nhận công tác của tập thể Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro là đạt yêu cầu, lưu ý lãnh đạo Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro cần khắc phục những thiếu sót và tăng cường kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng.

3. Về phê chuẩn chương trình sản xuất và tài chính của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro năm 2007

+ Sản lượng dầu khai thác: 8,6 triệu tấn (trong đó mỏ Bạch Hổ: 7,85 triệu tấn, mỏ Rồng: 0,750 triệu tấn).

+ Khối lượng khí đưa vào bờ là 1,360 tỷ m³.

+ Tiến hành không dưới 31 lượt sửa chữa lớn giếng.

+ Phê duyệt kế hoạch xây dựng cơ bản giai đoạn 2007-2008.

+ Phê duyệt kế hoạch tài chính năm 2007 phù hợp với kế hoạch trình của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro.

+ Giao cho Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro chuyển cho hai phía và nộp ngân sách nhà nước Việt Nam số tiền 650 triệu USD từ phần số dư chưa sử dụng đến.

4. Về các vấn đề khác

+ Xuất phát từ việc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro, phù hợp với Hiệp định Liên Chính phủ Việt Nam - Liên Xô về thành lập Liên doanh Việt - Xô, gọi tắt là Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro ký ngày 19-6-1981, trong giai đoạn 1991-1993 đã thực hiện công tác tìm kiếm, thăm dò tại các lô 16, 05-1 và 09. Phù hợp với Nghị quyết kỳ họp thứ XVI Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh, cho phép Xí nghiệp Liên doanh thanh lý số chi phí của các lô nằm ngoài diện tích các mỏ thuộc lô 09-1 phù hợp với các nguyên tắc kế toán và các quy định của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro.

+ Ngoài ra, Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh kỳ họp thứ XXXII còn quyết nghị một số vấn đề khác nhằm đẩy mạnh hoạt động của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro.

B. Thành phần kỳ họp thứ XXXII của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

Phía Việt Nam

1. Trần Ngọc Cảnh, trưởng đoàn
2. Nguyễn Quang Dũng, thành viên
3. Ngô Văn Sáng, thành viên
4. Trần Hữu Tiến, thành viên
5. Trần Lê Đông, thành viên

Phía Liên Xô

1. N.P. Tokarev, trưởng đoàn
2. Iu.M. Medvedev, thành viên
3. V.Iu. Salamatov, thành viên
4. V.S. Gorshenhiov, thành viên
5. M.A. Sobolev, thành viên

33. KỲ HỌP THỨ XXXIII HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ XXXIII Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro được tiến hành ngày 4-7-2007 tại Mátxcova - Liên bang Nga.

Tham gia kỳ họp thứ XXXIII có 5 thành viên Hội đồng Phía Việt Nam, 5 thành viên Hội đồng Phía Liên bang Nga và các chuyên viên hai bên.

Ông N.P. Tokarev, Trưởng đoàn Phía Liên bang Nga trong Hội đồng, Tổng Giám đốc OAO Zarubezhneft được bầu làm Chủ tịch kỳ họp thứ XXXIII Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro.

A. Những nội dung chính được Hội đồng xem xét quyết nghị trong kỳ họp thứ XXXIII

1. Về bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

+ Ông Đỗ Đình Khải, công dân Việt Nam thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách nội chính Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro từ ngày 1-4-2007 do nghỉ hưu. Hội đồng chân thành cảm ơn ông Đỗ Đình Khải về những đóng góp cho hoạt động của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro.

+ Bổ nhiệm ông Bùi Văn Vĩ, công dân Việt Nam đảm nhiệm chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách nội chính Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro từ ngày 1-6-2007.

2. Về thực hiện chương trình sản xuất và tài chính 6 tháng đầu năm 2007 và các biện pháp bảo đảm khai thác dầu năm 2007

+ 5 tháng đầu năm 2007 khai thác được: 3,702 triệu tấn dầu.

+ Đưa khí vào bờ đạt 668,4 triệu m³ (khí cung cấp vào bờ cả năm 2007 dự kiến đạt 1,392 tỷ m³).

+ Doanh thu bán dầu 5 tháng đầu đạt 1.811,6 triệu USD với giá dầu trung bình 478,9 USD/tấn.

+ Phê duyệt kế hoạch tìm kiếm, thăm dò và gia tăng trữ lượng đã hiệu chỉnh năm 2007.

+ Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro chuyển cho hai phía và nộp ngân sách nhà nước Việt Nam số tiền 140 triệu USD từ doanh thu bán dầu với giá cao hơn giá kế hoạch.

3. Về các vấn đề khác

+ Về tiến trình chuẩn bị và thỏa thuận với hai phía các đề xuất về việc tiếp tục hợp tác trên cơ sở Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro sau năm 2010: giao cho Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro hoàn tất công tác soạn thảo và trình hai phía thỏa thuận trong tháng 9-2007, các đề xuất và điều kiện cụ thể, hình thức, lộ trình và các vấn đề khác của chương trình chuyển đổi Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro để trình lên các bộ, ngành chức năng của hai nước trước tháng 10-2007.

+ Về việc thành lập Văn phòng đại diện của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro tại Mátxcova: cho phép Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro được thành lập Văn phòng đại diện của Xí nghiệp Liên doanh tại Mátxcova, Liên bang Nga.

+ Ngoài ra Hội đồng còn cho ý kiến và nghị quyết nhiều vấn đề khác nữa nhằm bảo đảm thực hiện đúng kế hoạch đề ra cho năm 2007.

B. Thành phần kỳ họp thứ XXXIII của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

Phía Việt Nam

1. Trần Ngọc Cảnh, trưởng đoàn
2. Nguyễn Quang Dũng, thành viên
3. Ngô Văn Sáng, thành viên
4. Trần Hữu Tiến, thành viên
5. Trần Lê Đông, thành viên

Phía Liên Xô

1. N.P. Tokarev, trưởng đoàn
2. Iu.M. Medvedev, thành viên
3. V.Iu. Salamatov, thành viên
4. V.S. Gorshenhiov, thành viên
5. M.A. Sobolev, thành viên

34. KỲ HỌP THỨ XXXIV HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ XXXIV Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro được tiến hành ngày 30-1-2008 tại Vũng Tàu - Việt Nam.

Tham gia kỳ họp thứ XXXIV Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro có 5 thành viên Hội đồng Phía Việt Nam, 5 thành viên Hội đồng Phía Liên bang Nga và các chuyên viên hai bên.

Ông Trần Ngọc Cảnh, Trưởng đoàn Phía Việt Nam trong Hội đồng, Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được bầu làm Chủ tịch kỳ họp thứ XXXIV.

A. Những nội dung chính được Hội đồng xem xét quyết nghị trong kỳ họp thứ XXXIV

1. Về việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

Bổ nhiệm ông Võ Quang Huy, công dân nước Việt Nam đảm nhận chức Chánh kế toán Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro từ ngày 1-12-2007.

2. Về tình hình thực hiện chương trình sản xuất và kế hoạch tài chính năm 2007

- Về sản xuất:

+ Sản lượng dầu khai thác đạt 8,7 triệu tấn (101,2% kế hoạch).

+ Gia tăng trữ lượng đạt 9,2 triệu tấn.

+ Khối lượng khai thác đạt 1,717 tỷ m³ và khối lượng khí đưa vào bờ đạt 1,454 tỷ m³.

+ Hoàn thành 27 đề tài khoa học và 24 đề tài khảo sát thiết kế.

+ Bảo vệ thành công trước Hội đồng trữ lượng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về tính toán trữ lượng dầu và khí hòa tan trong móng cấu tạo Nam Rồng - Đồi Mồi.

- Về tài chính:

+ Doanh thu bán dầu đạt 4.765,5 triệu USD với giá dầu trung bình là 546,9 USD/tấn.

+ Nộp ngân sách nhà nước Việt Nam bao gồm cả lợi nhuận Phía Việt Nam là 3.064,9 triệu USD, so với kế hoạch là 2.020,7 triệu USD.

3. Phê duyệt chương trình sản xuất và tài chính năm 2008; chương trình xây dựng cơ bản và sửa lớn công trình biển giai đoạn 2008-2009

+ Khai thác dầu thô: 7,1 triệu tấn.

+ Khối lượng khí vào bờ: 1,39 tỷ m³.

+ Tiến hành 34 lượt sửa chữa lớn giếng, trong đó 7 giếng sửa chữa lớn đặc biệt.

+ Cho phép đóng mới tàu chứa dầu (UBN) và đưa vào sử dụng không muộn hơn quý II-2010.

+ Phê duyệt kế hoạch tài chính năm 2008. Chuyển cho hai phía và nộp ngân sách nhà nước Việt Nam số tiền 500 triệu USD từ số dư kinh phí chưa sử dụng đến.

4. Về tăng lương chức danh cho cán bộ công nhân viên Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

Tăng quỹ lương chức danh cán bộ công nhân viên lên 30% kể từ ngày 1-1-2008 và phân bổ kinh phí tương ứng cho mục đích này.

Ngoài ra, Hội đồng còn nghị quyết một số vấn đề khác nhằm đẩy mạnh hoạt động Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro.

B. Thành phần kỳ họp thứ XXXIV của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

Phía Việt Nam

1. Trần Ngọc Cảnh, trưởng đoàn
2. Nguyễn Quang Dũng, thành viên
3. Ngô Văn Sáng, thành viên
4. Trần Hữu Tiến, thành viên
5. Trần Lê Đông, thành viên

Phía Liên Xô

1. N.G. Brunhich, trưởng đoàn
2. Iu.M. Medvedev, thành viên
3. V.Iu. Salamatov, thành viên
4. V.S. Gorshenhiov, thành viên
5. M.A. Sobolev, thành viên

35. KỲ HỌP THỨ XXXV HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ XXXV Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro được tiến hành ngày 10-12-2008 tại Vũng Tàu - Việt Nam.

Tham gia kỳ họp thứ XXXV có 5 thành viên Hội đồng Phía Việt Nam, 5 thành viên Hội đồng Phía Liên bang Nga và các chuyên viên hai bên.

Ông N.G. Brunhich, Trưởng đoàn Phía Liên bang Nga trong Hội đồng, Tổng Giám đốc OAO Zarubezhneft được bầu làm Chủ tịch kỳ họp thứ XXXV.

A. Những nội dung chính được Hội đồng xem xét quyết nghị trong kỳ họp thứ XXXV

1. Về thành phần Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

Hội đồng ghi nhận thông báo của Phía Liên bang Nga về việc đưa vào thành phần Hội đồng Phía Liên bang Nga ông S.Iu. Sveliski, Thứ trưởng Bộ Năng lượng Liên bang Nga.

2. Về bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

Hội đồng quyết nghị:

+ Ông Nguyễn Văn Tuyển, công dân Việt Nam thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách thương mại Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro từ ngày 15-7-2008 do chuyển công tác.

+ Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Quân, công dân Việt Nam đảm nhận chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách thương mại Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro từ ngày 1-7-2008.

+ Ông Trần Lê Đông, công dân Việt Nam thôi giữ chức Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro từ ngày 1-3-2009 để nghỉ hưu theo chế độ.

+ Bổ nhiệm ông Nguyễn Hữu Tuyển, công dân Việt Nam đảm nhận chức Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro từ ngày 1-3-2009.

3. Về thực hiện chương trình sản xuất và kế hoạch tài chính năm 2008

- Về sản xuất:

+ Sản lượng khai thác dầu đạt: 7,068 triệu tấn (tính đến ngày 1-12-2008).

+ Gia tăng trữ lượng dầu đạt (địa chất/thu hồi) là 21,5/28,7 triệu tấn tương ứng.

+ Thực hiện 37 lượt sửa chữa lớn giếng và sửa chữa khác.

+ Khối lượng khí đưa vào bờ 1,359 tỷ m³.

+ Hoàn thành rải tuyến ống PPD BK-8; RC-1; RP-2; RP-3 dài 33,8 km.

- Về tài chính:

Doanh thu bán dầu trong 11 tháng đạt 6.004,403 triệu USD (kế hoạch là 3.287,7 triệu USD) do giá dầu thực tế trong 11 tháng là 845,44 USD/tấn. Nộp ngân sách nhà nước Việt Nam đạt 3.239,27 triệu USD (kế hoạch 1.565,053 triệu USD). Tổng

thu nhập của Nhà nước Việt Nam bao gồm cả lợi nhuận Phía Việt Nam trong 11 tháng của năm 2008 là 4.162,540 triệu USD.

4. Về kế hoạch sản xuất và tài chính 2009

+ Khai thác dầu: 6,4 triệu tấn.

+ Đưa khí vào bờ từ mỏ Bạch Hổ: 650 triệu m³.

+ Gia tăng trữ lượng địa chất 18,7 triệu tấn.

+ Phê duyệt kế hoạch tài chính năm 2009 như tờ trình, Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro tính chuyển cho hai phía tham gia và nộp ngân sách nhà nước Việt Nam 600 triệu USD là tiền từ khoản thu bán dầu với giá cao hơn kế hoạch.

5. Về hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

Bổ sung chức danh Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro (Phía Việt Nam) từ ngày 1-1-2009.

B. Thành phần kỳ họp thứ XXXV của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

Phía Việt Nam

1. Trần Ngọc Cảnh, trưởng đoàn
2. Nguyễn Quang Dũng, thành viên
3. Ngô Văn Sáng, thành viên
4. Trần Hữu Tiến, thành viên
5. Trần Lê Đông, thành viên

Phía Liên Xô

1. N.G. Brunhich, trưởng đoàn
2. Iu.M. Medvedev, thành viên
3. S.Iu. Svetliski, thành viên
4. V.S. Gorshenhiov, thành viên
5. M.A. Sobolev, thành viên

36. KỲ HỌP THỨ XXXVI HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ XXXVI Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro được tiến hành ngày 9-12-2009 tại Vũng Tàu - Việt Nam.

Tham gia kỳ họp thứ XXXVI có 5 thành viên Hội đồng Phía Việt Nam, 5 thành viên Hội đồng Phía Liên bang Nga và các chuyên viên hai bên.

Ông Phùng Đình Thực, Trưởng đoàn Phía Việt Nam trong Hội đồng, Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được bầu làm Chủ tịch kỳ họp thứ XXXVI.

A. Những nội dung chính được Hội đồng xem xét quyết nghị trong kỳ họp thứ XXXVI

1. Về bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

Hội đồng quyết nghị:

+ Ông Hà Ngọc Khuê, công dân Việt Nam thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách khoan Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro từ ngày 1-3-2010 để nghỉ hưu.

+ Bổ nhiệm ông Vũ Thiện Lương, công dân Việt Nam đảm nhận chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách khoan Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro từ ngày 1-3-2010.

2. Về thực hiện kế hoạch sản xuất và tài chính năm 2009

- Về sản xuất:

+ Khai thác dầu thô đạt: 6,5 triệu tấn.

+ Khối lượng khí đưa vào bờ: 1,379 tỷ m³.

+ Trình và được Bộ Công Thương Việt Nam phê duyệt báo cáo “Kế hoạch tổng thể thu dọn mỏ Bạch Hổ”.

- Về tài chính:

+ Doanh thu bán dầu: 3.185,33 triệu USD (giá dầu 479,5 USD/tấn so với 394,5 USD/tấn kế hoạch).

+ Nộp ngân sách nhà nước Việt Nam 1.961,528 triệu USD gồm cả lợi nhuận Phía Việt Nam.

+ Hoạt động Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro năm 2009 là đạt yêu cầu.

3. Phê duyệt kế hoạch sản xuất và tài chính năm 2010, kế hoạch xây dựng cơ bản giai đoạn 2010-2011

+ Khai thác dầu là 6,2 triệu tấn.

+ Bảo đảm đưa khí vào bờ khối lượng là 595 triệu m³ từ mỏ Rạng Đông, Cá Ngừ Vàng... theo hợp đồng đã ký với PV Gas.

+ Ưu tiên nhiệm vụ đưa vào khai thác khu vực Đông Bắc và Nam của mỏ Bạch Hổ và khu Đông Bắc mỏ Rồng.

+ Phê duyệt kế hoạch tài chính năm 2010 theo tờ trình.

4. Về vấn đề triển vọng hợp tác trên cơ sở Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro sau năm 2010

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trình lên Chính phủ Việt Nam xem xét phê duyệt trong quý I-2010 các đề xuất đã thỏa thuận của hai phía về các nguyên tắc, phương pháp đánh giá tài sản và điều chỉnh tài chính các vấn đề của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro và mức vốn pháp định của công ty trách nhiệm hữu hạn Vietsovpetro.

Ngoài ra, Hội đồng còn quyết định nhiều vấn đề khác liên quan đến hoàn thiện hoạt động Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro, đặc biệt là giai đoạn sau năm 2010.

B. Thành phần kỳ họp thứ XXXVI của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

Phía Việt Nam

Phía Liên Xô

1. Phùng Đình Thực, trưởng đoàn

1. N.G. Brunhich, trưởng đoàn

2. Nguyễn Quang Dũng, thành viên

2. Iu.M. Medvedev, thành viên

3. Ngô Văn Sáng, thành viên

3. S.Iu. Svetliski, thành viên

4. Trần Hữu Tiến, thành viên

4. V.S. Gorshenhiov, thành viên

5. Nguyễn Hữu Tuyển, thành viên

5. M.A. Sobolev, thành viên

37. KỲ HỌP THỨ XXXVII HỘI ĐỒNG XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Kỳ họp thứ XXXVII diễn ra tại Mátxcơva, Liên bang Nga ngày 9-7-2010.

Tham gia kỳ họp thứ XXXVII Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro có 5 thành viên Hội đồng Phía Việt Nam, 5 thành viên Hội đồng Phía Liên bang Nga và các chuyên viên hai bên.

Ông N.G. Brunhich, Tổng Giám đốc OAO Zarubezhneft, Trưởng đoàn Phía Liên bang Nga trong Hội đồng được bầu làm Chủ tịch kỳ họp thứ XXXVII.

A. Những nội dung chính được Hội đồng xem xét quyết nghị trong kỳ họp thứ XXXVII

1. Về bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

+ Ông Bùi Văn Vì, công dân Việt Nam thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách nội chính Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro từ ngày 1-4-2010 để nghỉ hưu.

+ Bổ nhiệm ông Vũ Nam Cường, công dân Việt Nam đảm nhận chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách nội chính Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro từ ngày 1-4-2010.

+ Bổ nhiệm ông Lê Minh Tuân, công dân Việt Nam đảm nhận chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách đầu tư và phát triển Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro từ ngày 1-4-2010.

2. Về thực hiện chương trình sản xuất và kế hoạch tài chính của Xí nghiệp Liên doanh 6 tháng đầu năm 2010 và biện pháp nhằm bảo đảm kế hoạch năm 2010

- Về sản xuất:

+ Khai thác dầu 6 tháng đạt: 3,078 triệu tấn.

+ Khối lượng khí 6 tháng đầu năm đưa vào bờ: 632,7 triệu m³.

+ Thực hiện 22 lượt sửa chữa lớn giếng khoan trong 6 tháng đầu năm.

- Về tài chính:

+ Doanh thu bán dầu 6 tháng đạt 1.900,3 triệu USD (giá dầu trung bình đạt 630,2 USD/tấn).

+ Nộp vào ngân sách nhà nước Việt Nam bao gồm cả lợi nhuận Phía Việt Nam là 1.039,7 triệu USD.

Ghi nhận báo cáo 6 tháng đầu năm 2010 và các biện pháp bảo đảm kế hoạch năm 2010, hoạt động của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro thời gian qua đạt yêu cầu.

3. Về sản lượng dầu thô khai thác lô 09-1 của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro các năm 2011-2015

Hội đồng thảo luận và quyết nghị cho giai đoạn 2011-2015 cho lô 09-1 với tổng sản lượng là 29,02 triệu tấn.

4. Về tình hình thực hiện công tác triển vọng hợp tác trên cơ sở Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro sau năm 2010

Hội đồng quyết nghị:

Thực hiện thỏa thuận ký ngày 27-10-2008 giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga về việc tiếp tục hợp tác trong lĩnh vực thăm dò địa chất và khai thác dầu khí trên cơ sở Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro, chuyển đổi Xí nghiệp Liên doanh thành Công ty trách nhiệm hữu hạn Vietsovpetro là pháp nhân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hoạt động phù hợp với luật pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Các thành viên tham gia của Công ty trách nhiệm hữu hạn Vietsovpetro là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam) và Công ty cổ phần mở Zarubezhneft với tỷ lệ tham gia vào vốn điều lệ là 51% và 49% tương ứng. Hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn Vietsovpetro bắt đầu từ ngày 1-1-2011.

Hội đồng còn quyết nghị nhiều vấn đề liên quan đến chuyển đổi Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro thành Công ty trách nhiệm hữu hạn Vietsovpetro.

B. Thành phần kỳ họp thứ XXXVII của Hội đồng Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro

Phía Việt Nam

1. Phùng Đình Thực, trưởng đoàn
2. Nguyễn Quang Dũng, thành viên
3. Ngô Văn Sáng, thành viên
4. Trần Hữu Tiến, thành viên
5. Nguyễn Hữu Tuyển, thành viên

Phía Liên Xô

1. N.G. Brunhich, trưởng đoàn
2. Iu.M. Medvedev, thành viên
3. S.Iu. Svetliski, thành viên
4. V.S. Gorshenhiov, thành viên
5. M.A. Sobolev, thành viên

Phụ lục số 5

**CÁC GIẾNG KHOAN ĐỊA CHẤT VÀ TÌM KIẾM,
THĂM DÒ DẦU KHÍ**

Nguyễn Văn Khương¹

I. GIAI ĐOẠN 1961-1975

1. Các giếng khoan ở miền võng Hà Nội

1.1. Các giếng khoan vẽ bản đồ

TT	Số hiệu giếng	Chiều sâu	Địa điểm	Lát cắt địa chất
1	101	150 m	Cấu tạo hồ Hà Nội	Bắt gặp trầm tích Neogen, điệp Vĩnh Bảo
2	106	54,6 m	Cấu tạo hồ Thanh Hà	
3	107	144,6 m	Lỗm sâu Ân Thi - Mỹ Hào	
4	112	154,0 m	Cấu tạo hồ Nam Định	
5	132	156 m		
6	135	153,1 m	Vùng Hải Hậu, Nam Định	
7	136	152,1 m	Vùng Hải Hậu, Nam Định	Bắt gặp trầm tích Đệ tứ, điệp Hải Dương
8	137	153,3 m		
9	102	67,15 m	Văn Lâm, Hưng Yên	Bắt gặp trầm tích J1 (Jura) Hà Cối
10	103	76,35 m	Cấu tạo hồ Gia Lương	
11	104	31,10 m	Hải Dương	

1. Phó Trưởng ban Tìm kiếm - Thăm dò, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

12	105	77,0 m	Bồi tả Gia Lộc, Hải Dương	
13	108	73,4m	Cấu tạo hồ Tiên Lãng, Kiến An	
14	110	46,0 m	Lõm sâu Hòa Mỹ	
15	111	36,9 m	Cấu tạo hồ Đồng Văn, Hà Nam	
16	122	53,0 m		
17	125	109,5 m		
18	123	44,4 m		
19	124	149,9 m		
20	131	74,9 m		
21	133	142,55 m	Kim Bôi, Hòa Bình	
22	15	165,27 m	Vụ Bản, Nam Định	

1.2. Giếng khoan cấu tạo

Giếng khoan cấu tạo số 1 tại huyện Khoái Châu, Hưng Yên; khởi công vào ngày 14-2-1962 với dự kiến chiều sâu 650 m và kết thúc ngày 15-4-1963, đạt chiều sâu 802 m. Kết quả khoan vượt chiều sâu thiết kế, đã phát hiện phần trên lát cắt trầm tích Neogen.

Giếng khoan cấu tạo số 2 tại xã Trường Chinh, Phù Cù, Hưng Yên. Giếng khoan dự kiến khoan sâu. Khởi công ngày 12-4-1964 và kết thúc ngày 20-3-1965, đạt chiều sâu 1.182,5 m. Ở đây phát hiện các tầng trầm tích Neogen và bắt gặp trầm tích tầng Phù Cù lần đầu tiên ở miền vông Hà Nội.

Giếng khoan cấu tạo số 3 tại Vĩnh Bảo, Hải Phòng; khởi công ngày 24-4-1964 và kết thúc ngày 20-3-1965, đạt chiều sâu 1.165,50 m; ở đây lần đầu tiên phát hiện trầm tích Vĩnh Bảo.

Giếng khoan cấu tạo số 4 tại xã Nguyên Xá, Tiên Hưng, Thái Bình, dự kiến khoan sâu 1.200 m với bộ máy khoan 3MФ-1200; khởi công ngày 24-4-1965 và kết thúc ngày 15-10-1965, đạt chiều sâu 1.144,56 m. Phát hiện các tầng trầm tích Tiên Hưng và Phù Cù.

<p><i>Giếng khoan cấu tạo số 5</i> tại xã Hòa Bình, Kiến Xương, Thái Bình; khởi công ngày 26-3-1968 và kết thúc ngày 18-9-1968, đạt chiều sâu 1.123,10 m... Lần đầu tiên phát hiện trầm tích tầng Kiến Xương.</p>
<p><i>Giếng khoan cấu tạo số 6</i> tại xã Nam Thịnh, Tiên Hải, Thái Bình; khởi công ngày 25-6-1966 và kết thúc ngày 26-2-1968 và đạt chiều sâu 1.030,6 m.</p>
<p><i>Giếng khoan cấu tạo số 8 và 8B</i> tại Gia Lộc và Cẩm Giàng, Hải Dương và tại Gia Lâm, Hà Nội, sâu 766,2 m và 312,4 m. Kết quả xác định rìa Đông Bắc miền vông Hà Nội (giếng khoan cấu tạo 8B).</p>
<p><i>Giếng khoan cấu tạo số 11</i> tại Thư Trì, Thái Bình, 650,65 m.</p>
<p><i>Giếng khoan cấu tạo số 12</i> tại xã Chương Dương, Tiên Hưng, Thái Bình; khởi công ngày 9-4-1967 và kết thúc ngày 8-11-1967, đạt chiều sâu 652,10 m. Theo dõi sự biến đổi tương trầm tích ở khối nâng Tiên Hưng từ phía Nam đến phía Tây khối.</p>
<p><i>Giếng khoan cấu tạo số 13</i> tại Bắc Sơn, Hưng Hà, Thái Bình; khởi công ngày 22-4-1968 và kết thúc ngày 31-12-1968, đạt chiều sâu 1.200,30 m. Ở đây đã xác định sự biến đổi tương trầm tích của khối nâng Tiên Hưng theo hướng Tây Bắc.</p>
<p><i>Giếng khoan cấu tạo số 14</i> tại Tiên Lãng, Hải Phòng; khởi công ngày 5-6-1965 và kết thúc ngày 18-4-1966, đạt chiều sâu 851,5 m. Kết quả xác định ranh giới rìa Đông miền vông Hà Nội và phát hiện nguồn nước và khí đốt xen kẽ.</p>
<p><i>Giếng khoan cấu tạo số 18</i> tại Xuân Thủy, Nam Định, 635,90 m.</p>
<p><i>Giếng khoan cấu tạo số 19</i> tại Gia Lương, Bắc Ninh.</p>
<p><i>Giếng khoan cấu tạo số 20</i> tại Phú Xuyên, Hà Tây, 607 m.</p>
<p><i>Giếng khoan cấu tạo số 31</i> tại Nam Bình, Kiến Xương, Thái Bình; khởi công ngày 4-7-1970 và kết thúc ngày 2-4-1971, đạt chiều sâu 742,6 m.</p>
<p><i>Giếng khoan cấu tạo số 33</i> tại Hồng Tiến, Kiến Xương, Thái Bình; khởi công ngày 10-7-1972 và kết thúc ngày 17-12-1972, đạt chiều sâu 1.200,25 m.</p>
<p><i>Giếng khoan cấu tạo số 34</i> tại Hồng Thuận, Giao Thủy, Nam Định; khởi công ngày 16-12-1970 và kết thúc ngày 10-5-1972, đạt chiều sâu 1.200,25 m. Khoan qua tầng trầm tích Neogen, hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu cấu tạo KXC.</p>

<p><i>Giếng khoan cấu tạo số 35 tại Hồng Thuận, Giao Thủy, Nam Định; khởi công ngày 26-11-1972 và kết thúc ngày 30-4-1973, đạt chiều sâu 1.201,25 m.</i></p>
<p><i>Giếng khoan cấu tạo số 36 tại Nam Hải, Tiền Hải, Thái Bình; khởi công ngày 16-4-1974 và kết thúc ngày 12-10-1973, chiều sâu 1.200,5 m.</i></p>
<p><i>Giếng khoan cấu tạo số 37 tại Quang Trung, Kiến Xương, Thái Bình; khởi công ngày 5-12-1971 và kết thúc ngày 22-6-1972, chiều sâu 1.106,2 m.</i></p>
<p><i>Giếng khoan cấu tạo số 41 tại Giao Thủy (từ năm 1972 đến năm 1974); khởi công ngày 2-2-1974 và kết thúc ngày 31-5-1974, đạt chiều sâu 1.201,4 m, nghiên cứu cấu tạo KXC.</i></p>
<p><i>Các giếng khoan cấu tạo Tây Nam miền vông:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GK 11 Thư Trì, Thái Bình, 650,65 m; - GK 18 tại Xuân Thủy, Nam Định, 635,90 m; - GK 20 tại Phú Xuyên, Hà Tây, 607 m; - GK 15 tại Vụ Bản, Nam Định, 165,27 m.

2. Các giếng khoan dầu khí vùng An Châu

2.1. Các giếng khoan vẽ bản đồ

TT	Tên giếng khoan	TT	Tên giếng khoan
1	GK Dĩnh Kế (Bắc Giang)	7	GK Đèo Vá (Quốc Tuấn, Sơn Động)
2	GK Làng Ghép (Thái Đào)	8	GK Vĩnh Khương (Sơn Động)
3	GK Chu Điện (Lục Ngạn)	9	GK Làng Mực (Thái Bình, Đình Lập, Lạng Sơn)
4	GK Lim	10	GK Bản Ngà (Lộc Bình, Lạng Sơn)
5	GK Chũ (Kép Hạ)	11	GK Bản Chung (Đình Lập, Lạng Sơn)
6	GK Biển Động	12	GK Châu Sơn (Đình Lập, Lạng Sơn)

2.2. Các giếng khoan tìm kiếm - cấu tạo

TT	Tên GK	Địa điểm	Sâu (m)	Năm	Đặc điểm
1	GK 301	Cấu tạo Chũ (An Sơn, Lục Ngạn, Bắc Giang)	1.200	1970	Lát cắt trầm tích không thuận lợi cho sinh - chứa - chắn dầu khí
2	GK 601	Cấu tạo Dương Hữu - Đẳng, Thăng Long, Sơn Động	1.200	1970	Lát cắt trầm tích không thuận lợi cho sinh - chứa - chắn dầu khí
3	GK 401	Nà Mò, Lộc Bình, Lạng Sơn	0		Đã làm xong đường vào vị trí giếng khoan nhưng không thực hiện khoan

3. Các giếng khoan trên thềm lục địa phía Nam Việt Nam

TT	Tên giếng	Công ty	Ngày khởi công	Ngày hoàn thành	Độ sâu (m)	Kết luận
1	HỒNG 1X Lô 08.TLĐ	Pecten	17-8-1974	31-8-1974	1.640	Biểu hiện dầu
2	DỪA 1X Lô 08.TLĐ	Pecten	1-9-1974	10-1974	4.049	Dầu công nghiệp
3	MÍA 1X Lô 06.TLĐ	Pecten	10-11-1974	17-12-1975	3.353	Biểu hiện dầu
4	DỪA 2X Lô 08.TLĐ	Pecten	28-2-1975	1-4-1975	3.652	Biểu hiện dầu
5	BẠCH HỔ 1 Lô 04.TLĐ	Mobil	30-10-1974	3-1975	3.026	Dầu công nghiệp
6	ĐẠI HÙNG 1 Lô 03.TLĐ	Mobil	10-3-1975	4-1975	1.829	Chưa hoàn thành

II. CÁC GIẾNG KHOAN THĂM ĐÒ 1X TRÊN THỀM LỤC ĐỊA VIỆT NAM TỪ SAU NĂM 1975

TT	Tên giếng	Bể trầm tích	Nhà điều hành	Kết quả khoan	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành	Chiều sâu khoan (m)
1	28-A-1X	Nam Côn Sơn	Bow Valley	Khô	10-2-1979	27-2-1979	1.594
2	29-A-1X	Nam Côn Sơn	Bow Valley	Khô	6-3-1979	20-3-1979	1.610
3	15-A-1X	Cửu Long	Deminex	Có dấu hiệu dầu	30-3-1979	10-5-1979	3.095
4	15-C-1X	Cửu Long	Deminex	Có dấu hiệu dầu và khí	12-6-1979	27-7-1979	3.290
5	12-A-1X	Nam Côn Sơn	Agip	Khô	16-6-1979	10-8-1979	3.948
6	15-B-1X	Cửu Long	Deminex	Có dấu hiệu dầu và khí	28-7-1979	13-9-1979	3.642
7	04-A-1X	Nam Côn Sơn	Agip	Có dấu hiệu dầu và khí	14-8-1979	15-10-1979	2.462
8	15-G-1X	Cửu Long	Deminex	Có dấu hiệu dầu và khí	15-9-1979	13-10-1979	2.963
9	04-B-1X	Nam Côn Sơn	Agip	Khô	3-2-1980	7-3-1980	2.593
10	12-B-1X	Nam Côn Sơn	Agip	Có dấu hiệu khí	3-2-1980	30-11-1980	3.948
11	12-C-1X	Nam Côn Sơn	Agip	Có dấu hiệu khí	12-3-1980	22-4-1980	3.657
12	09-R-1X	Cửu Long	Vietsovetro	Phát hiện dầu	21-2-1985	28-6-1985	
13	RO-1	Cửu Long	Vietsovetro	Phát hiện dầu	27-2-1985	30-6-1985	2.571
14	05.1a-DH-1X	Nam Côn Sơn	Vietsovetro	Phát hiện dầu	6-10-1985	16-12-1985	3.362

TT	Tên giếng	Bể trầm tích	Nhà điều hành	Kết quả khoan	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành	Chiều sâu khoan (m)
15	16-TD-1X	Cửu Long	Vietsovpetro	Có dấu hiệu dầu	18-8-1988	21-11-1988	3.427
16	16-BV-1X	Cửu Long	Vietsovpetro	Có dấu hiệu dầu và khí	8-1-1989	26-5-1989	3.463
17	16-BD-1X	Cửu Long	Vietsovpetro	Có dấu hiệu dầu và khí	14-2-1989	26-5-1989	4.200
18	17-DD-1X	Cửu Long	EOE	Có dấu hiệu dầu	3-11-1989	27-11-1989	2.413
19	103-TH-1X	Sông Hồng	Total	Có dấu hiệu khí	2-1-1990	16-4-1990	3.413
20	103-TG-1X	Sông Hồng	Total	Có dấu hiệu khí	20-4-1990	3-7-1990	3.505
21	114-KT-1X	Sông Hồng	Shell	Phát hiện khí	11-6-1990	10-10-1990	4.110
22	119-CH-1X	Sông Hồng	BP	Phát hiện khí	22-9-1990	21-11-1990	2.473
23	17-C-1X	Cửu Long	EOE	Phát hiện dầu	2-10-1990	19-3-1991	3.356
24	06-A-1X	Nam Côn Sơn	ONGC- Videsh	Có dấu hiệu khí	6-10-1990	28-3-1991	4.215
25	21-S-1X	Nam Côn Sơn	EOE	Khô	19-11-1990	27-1-1991	4.001
26	118-CVX-1X	Sông Hồng	BP	Phát hiện khí	21-11-1990	14-3-1991	2.927
27	107-PA-1X	Sông Hồng	Total	Khô	8-12-1990	24-2-1991	3.530
28	17-N-1X	Cửu Long	EOE	Khô	8-2-1991	16-3-1991	3.159
29	112-HO-1X	Sông Hồng	Shell	Có dấu hiệu dầu và khí	18-2-1991	23-4-1991	1.585

TT	Tên giếng	Bể trầm tích	Nhà điều hành	Kết quả khoan	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành	Chiều sâu khoan (m)
30	BUNGA ORKID-1	Malay - Thổ Chu	HOC	Có dấu hiệu khí	7-3-1991	11-5-1991	3.707
31	06-D-1X	Nam Côn Sơn	ONGC-Videsh	Có dấu hiệu khí	28-3-1991	8-5-1991	1.138
32	115-A-1X	Sông Hồng	IPL	Phát hiện khí	13-4-1991	17-6-1991	3.538
33	112-BT-1X(RDR)	Sông Hồng	Shell	Có dấu hiệu dầu và khí	26-4-1991	31-8-1991	4.111
34	20-PH-1X	Nam Côn Sơn	PetroCanada	Có dấu hiệu hydrocarbon	21-6-1991	19-8-1991	3.985
35	BUNGA PAKMA-1	Malay - Thổ Chu	BHP	Có dấu hiệu khí	12-7-1991	11-9-1991	3.603
36	BUNGA RAYA-1	Malay - Thổ Chu	HOC	Có dấu hiệu khí	15-9-1991	6-11-1991	3.421
37	112-AV-1X	Sông Hồng	Shell	Có dấu hiệu khí	9-1-1992	1-2-1992	1.780
38	03-BOS-1X	Nam Côn Sơn	PetroCanada	Khô	13-5-1992	5-7-1992	3.285
39	02-JADE-1X(C)	Cửu Long	Petronas	Có dấu hiệu dầu	31-8-1992	3-1-1993	4.510
40	06-LD-1X	Nam Côn Sơn	BP	Phát hiện khí	13-12-1992	29-5-1993	3.412
41	11.1-CPD-1X	Nam Côn Sơn	Total	Có dấu hiệu dầu và khí	3-1-1993	20-4-1994	4.275
42	02-SP-1X(D)	Cửu Long	Petronas	Có dấu hiệu khí	7-1-1993	8-2-1993	2.764
43	06-LT-1X	Nam Côn Sơn	BP	Phát hiện khí	26-1-1993	16-3-1993	1.613
44	10-DP-1X	Nam Côn Sơn	Shell	Khô	10-2-1993	1-4-1993	2.492

TT	Tên giếng	Bể trầm tích	Nhà điều hành	Kết quả khoan	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành	Chiều sâu khoan (m)
45	03-PL-1X	Nam Côn Sơn	PetroCanada	Khô	26-3-1993	11-5-1993	4.001
46	121-CM-1X	Sông Hồng	BHP	Có dấu hiệu hydrocarbon	4-4-1993	16-5-1993	2.200
47	120-CS-1X	Sông Hồng	BHP	Có dấu hiệu dầu và khí	18-5-1993	10-6-1993	1.521
48	06-HDN-1X	Nam Côn Sơn	BP	Có dấu hiệu khí	30-5-1993	8-8-1993	3.100
49	06-HDB-1X	Nam Côn Sơn	BP	Có dấu hiệu khí	1-6-1993	17-9-1993	4.006
50	05.3-MT-1X	Nam Côn Sơn	AEDC	Phát hiện khí	7-6-1993	21-9-1993	3.402
51	06-LT-OBS1	Nam Côn Sơn	BP	Phát hiện khí	8-8-1993	30-4-1994	2.148
52	51-MH-1X	Malay - Thổ Chu	Fina	Có dấu hiệu khí	7-9-1993	6-11-1993	3.555
53	118-BT-1X	Sông Hồng	BP	Có dấu hiệu khí	21-9-1993	11-1-1994	3.790
54	05.3-TT-1X	Nam Côn Sơn	AEDC	Có dấu hiệu khí	24-9-1993	9-10-1993	1.024
55	11.2-RB-1X	Nam Côn Sơn	KNOC	Phát hiện dầu	7-10-1993	17-2-1994	3.941
56	05.3-TT-1AX	Nam Côn Sơn	AEDC	Có dấu hiệu khí	10-10-1993	19-2-1994	3.678
57	05.2-NT-1X	Nam Côn Sơn	BP	Có dấu hiệu khí	17-10-1993	17-11-1993	1.925
58	50-CM-1X	Malay - Thổ Chu	Fina	Có dấu hiệu khí	8-11-1993	23-2-1994	3.540
59	102-HD-1X	Sông Hồng	Idemitsu	Có dấu vết dầu và khí	7-1-1994	13-3-1994	3.095

TT	Tên giếng	Bể trầm tích	Nhà điều hành	Kết quả khoan	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành	Chiều sâu khoan (m)
60	10-TM-1X	Nam Côn Sơn	Shell	Có dấu hiệu hydrocarbon	25-2-1994	29-4-1994	4.566
61	102-CQ-1X	Sông Hồng	Idemitsu	Có dấu hiệu dầu và khí	17-3-1994	28-5-1994	3.021
62	22-TT-1X	Nam Côn Sơn	Cairn Energy	Khô	13-4-1994	5-5-1994	1.700
63	15.2-RD-1X	Cửu Long	JVPC	Phát hiện dầu	23-4-1994	1-7-1994	3.400
64	01-RB-1X(B)	Cửu Long	Petronas	Phát hiện dầu và khí	30-4-1994	10-8-1994	3.135
65	05.2-B-1X	Nam Côn Sơn	BP	Phát hiện khí và có dấu hiệu dầu	1-5-1994	20-5-1994	1.315
66	10-BM-1X	Nam Côn Sơn	Shell	Khô	4-5-1994	28-5-1994	1.961
67	06-LT-1XR	Nam Côn Sơn	BP	Có dấu hiệu dầu	26-5-1994	16-3-1995	3.237
68	06-HDB-1X/ST1	Nam Côn Sơn	BP	Có dấu hiệu khí	29-5-1994	17-9-1994	4.006
69	04.1-ST-1X	Nam Côn Sơn	BG	Có dấu hiệu khí	3-6-1994	15-8-1994	3.894
70	10-PM-1X	Nam Côn Sơn	Shell	Có dấu hiệu dầu	7-6-1994	9-7-1994	3.503
71	15.2-VD-1X	Cửu Long	JVPC	Có dấu hiệu dầu	11-7-1994	16-11-1994	3.410
72	04.3-UT-1X	Nam Côn Sơn	OXY	Có dấu hiệu dầu	24-7-1994	26-2-1995	3.642
73	15.2-PD-1XR	Cửu Long	JVPC	Có dấu hiệu dầu	25-7-1994	15-10-1994	3.754
74	06-LT-2X	Nam Côn Sơn	BP	Phát hiện khí	3-8-1994	7-9-1994	1.790

TT	Tên giếng	Bể trầm tích	Nhà điều hành	Kết quả khoan	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành	Chiều sâu khoan (m)
75	04.2-NB-1X	Nam Côn Sơn	Lasmo	Có dấu hiệu khí	6-8-1994	1-11-1994	4.150
76	05.1b-TL-1X	Nam Côn Sơn	Idemitsu	Có dấu hiệu dầu và khí	30-8-1994	3-2-1995	4.460
77	06-LT-OBS2	Nam Côn Sơn	BP	Phát hiện khí	9-9-1994	28-9-1994	1.553
78	05.2-NT-1RX	Nam Côn Sơn	BP	Có dấu hiệu dầu và khí	29-9-1994	12-10-1994	4.311
79	05.2-KCT-1X	Nam Côn Sơn	BP	Phát hiện dầu	14-10-1994	28-2-1995	3.852
80	11.1-CC-1X	Nam Côn Sơn	Total	Phát hiện dầu và khí	19-10-1994	26-2-1995	4.275
81	11.2-RD-1X	Nam Côn Sơn	KNOC	Phát hiện khí	1-11-1994	14-4-1995	4.624
82	05.1b-TL-1XST1	Nam Côn Sơn	MJC	Có dấu hiệu khí	20-12-1994	13-3-1995	4.341
83	05.3-TT-1RX	Nam Côn Sơn	AEDC	Có dấu hiệu khí	31-12-1994	12-1-1995	878
84	11.2-RVD-1X	Nam Côn Sơn	KNOC	Phát hiện khí	4-1-1995	21-4-1995	4.780
85	05.3-TT-1RRX	Nam Côn Sơn	AEDC	Có dấu hiệu khí	13-1-1995	7-7-1995	3.925
86	11.1-CH-1X	Nam Côn Sơn	Total	Có dấu hiệu hydrocarbon	1-3-1995	3-4-1995	3.445
87	11.1-CT-1X	Nam Côn Sơn	Total	Khô	1-3-1995	31-3-1995	3.750
88	05.2-HT-1X	Nam Côn Sơn	BP	Phát hiện khí	3-3-1995	20-7-1995	4.160
89	01-RB-2X(B)	Cửu Long	Petronas	Phát hiện dầu và khí	19-4-1995	15-7-1995	3.412

TT	Tên giếng	Bể trầm tích	Nhà điều hành	Kết quả khoan	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành	Chiều sâu khoan (m)
90	04.3-BC-1X	Nam Côn Sơn	OXY	Có dấu hiệu khí	24-4-1995	15-7-1995	4.177
91	01-EM-1X(P)	Cửu Long	Petronas	Phát hiện dầu và khí	26-4-1995	13-10-1995	4.190
92	15.2-PD-1X	Cửu Long	JVPC	Phát hiện dầu và khí	1-5-1995	30-7-1995	3.722
93	05.1b-TL-2X	Nam Côn Sơn	Idemitsu	Phát hiện khí	8-6-1995	20-12-1995	4.829
94	05.3-MT-1RX	Nam Côn Sơn	AEDC	Phát hiện dầu và khí	12-7-1995	18-12-1995	3.381
95	04.2-HT-1X	Nam Côn Sơn	Lasmo	Có dấu hiệu khí	13-7-1995	20-9-1995	4.500
96	117-STB-1X	Sông Hồng	BP	Phát hiện khí	26-7-1995	16-8-1995	2.218
97	15.2-RD-2X	Cửu Long	JVPC	Phát hiện dầu và khí	30-7-1995	1-1-1996	4.188
98	02-OP-1X(M)	Cửu Long	Petronas	Có dấu hiệu khí	3-9-1995	3-10-1995	2.336
99	04.2-SB-1X	Nam Côn Sơn	Lasmo	Khô	24-9-1995	27-10-1995	4.002
100	01-TP-1X(R)	Cửu Long	Petronas	Phát hiện dầu và khí	22-10-1995	13-2-1996	3.498
101	Bạch Hổ-1X	Cửu Long	Vietsovpetro	Phát hiện dầu			3.105
102	113-BD-1X	Sông Hồng	VietGasProm	Có dấu hiệu khí	18-12-2006	30-1-2007	1.525
103	09-SOI-1X	Cửu Long	Vietsovpetro	Có dấu hiệu dầu	10-11-1989	12-2-1990	3.286
104	04.3-HH-1X	Nam Côn Sơn	Vietsovpetro	Có dấu hiệu dầu			

TT	Tên giếng	Bể trầm tích	Nhà điều hành	Kết quả khoan	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành	Chiều sâu khoan (m)
105	104-QV-1X	Sông Hồng	OMV	Có dấu hiệu khí	27-11-1995	29-12-1995	1.050
106	05.3-NH-1X	Nam Côn Sơn	AEDC	Có dấu hiệu khí	21-12-1995	11-2-1996	3.074
107	104-QN-1X	Sông Hồng	OMV	Khô	31-12-1995	6-2-1996	2.115
108	04.1-SDN-1X	Nam Côn Sơn	BG	Có dấu hiệu dầu	14-1-1996	25-1-1996	1.294
109	04.1-SDN- 1RX	Nam Côn Sơn	BG	khô	1-2-1996	24-3-1996	3.530
110	01-Agate-1X	Cửu Long	Petronas	Có dấu hiệu dầu	15-2-1996	20-3-1996	1.600
111	D14-STL-1X	Sông Hồng	Anzoil	Phát hiện khí	25-2-1996	6-6-1996	3.355
112	05.2-HT-2X	Nam Côn Sơn	BP	Phát hiện khí	28-2-1996	26-7-1996	4.155
113	46-NC-1X	Malay - Thổ Chu	Fina	Có dấu hiệu khí	4-3-1996	30-3-1996	2.709
114	01-A-1X	Cửu Long	Petronas	Phát hiện dầu	7-3-1996	3-6-1996	4.125
115	11.2-RN-1X	Nam Côn Sơn	KNOC	Phát hiện khí	4-4-1996	10-4-1996	1.176
116	11.2-RN-1RX	Nam Côn Sơn	KNOC	Có dấu hiệu khí	14-4-1996	21-6-1996	4.239
117	12W-HA-1X	Nam Côn Sơn	Canadian	Khô	16-4-1996	31-7-1996	4.443
118	46-DD-1X	Malay - Thổ Chu	Fina	Có dấu hiệu khí	11-5-1996	24-6-1996	2.438
119	04.3-DB-1X	Nam Côn Sơn	OXY	Có dấu hiệu dầu	3-6-1996	3-10-1996	2.485

TT	Tên giếng	Bể trầm tích	Nhà điều hành	Kết quả khoan	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành	Chiều sâu khoan (m)
120	01-PE-1X(F)	Cửu Long	Petronas	Phát hiện dầu	5-6-1996	27-7-1996	3.080
121	BS-1X(K2)	Sông Hồng	Anzoil	Khô	20-6-1996	5-8-1996	3.100
122	11.2-RDT-1X	Nam Côn Sơn	KNOC	Phát hiện khí	20-6-1996	6-7-1996	815
123	117-VT-1X	Cửu Long	EOE	Có dấu hiệu hydrocarbon	25-6-1996	2-7-1996	704
124	17-VT-1XR	Cửu Long	EOE	Có dấu hiệu hydrocarbon	3-7-1996	25-8-1996	2.389
125	11.2-RDT- 1RX	Nam Côn Sơn	KNOC	Phát hiện khí	7-7-1996	11-9-1996	4.045
126	B10-STB-1X	Sông Hồng	Anzoil	Phát hiện dầu	23-8-1996	24-9-1996	1.450
127	15.2-GD-1X	Cửu Long	JVPC	Khô	23-11-1996	30-1-1997	3.728
128	05.3-CTT-1X	Nam Côn Sơn	AEDC	Có dấu hiệu khí	1-12-1996	6-1-1997	2.850
129	51-UM-1X	Malay - Thổ Chu	Fina	Có dấu hiệu hydrocarbon	21-12-1996	20-1-1997	2.765
130	46-NH-1X	Malay - Thổ Chu	Fina	Phát hiện khí	27-1-1997	19-2-1997	2.526
131	05.1b-TLB-1X	Nam Côn Sơn	Idemitsu	Có dấu hiệu dầu	31-1-1997	24-3-1997	2.600
132	46-PT-1X	Malay - Thổ Chu	Fina	Có dấu hiệu hydrocarbon	21-2-1997	27-3-1997	2.349
133	46-CN-1X	Malay - Thổ Chu	Fina	Có dấu hiệu khí	27-3-1997	30-4-1997	2.680
134	11.2-RD-2X	Nam Côn Sơn	KNOC	Có dấu hiệu khí	16-7-1997	15-9-1997	3.960

TT	Tên giếng	Bể trầm tích	Nhà điều hành	Kết quả khoan	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành	Chiều sâu khoan (m)
135	12W-HH-1X	Nam Côn Sơn	Canadian	Khô	15-9-1997	30-10-1997	3.881
136	B-KL-1X	Malay - Thổ Chu	Unocal	Phát hiện khí	6-11-1997	14-12-1997	3.533
137	50-TV-1X	Malay - Thổ Chu	Fina	Có dấu hiệu hydrocarbon	27-4-1998	19-5-1998	3.180
138	46-KM-1X	Malay - Thổ Chu	Fina	Khô	24-5-1998	21-6-1998	2.544
139	46-TL-1X	Malay - Thổ Chu	Fina	Có dấu hiệu khí	23-6-1998	5-7-1998	2.472
140	B-KQ-1X	Malay - Thổ Chu	Unocal	Có dấu hiệu khí	15-12-1998	29-12-1998	1.513
141	D24-STL-1X	Sông Hồng	Anzoil	Phát hiện khí	18-5-1999	30-7-1999	3.640
142	103-HOL-1X	Sông Hồng	PV	Có dấu hiệu khí	16-4-2000	11-7-2000	3.460
143	B-KL-2X	Malay - Thổ Chu	Unocal	Phát hiện khí	27-6-2000	5-7-2000	2.840
144	B/48-TDD-1X	Malay - Thổ Chu	Unocal	Khô	18-7-2000	26-7-2000	3.198
145	B-AQ-1X	Malay - Thổ Chu	Unocal	Có dấu hiệu khí	27-7-2000	14-8-2000	3.668
146	15.1-SD-1X	Cửu Long	Cửu Long	Phát hiện dầu	6-8-2000	6-10-2000	3.015
147	52/97-CV-1X	Malay - Thổ Chu	Unocal	Khô	14-9-2000	30-9-2000	3.500
148	12W-TN-1X	Nam Côn Sơn	Premier Oil	Có dấu hiệu khí	27-5-2001	22-7-2001	4.458
149	12E-LK-1X	Nam Côn Sơn	Premier Oil	Có dấu hiệu hydrocarbon	24-7-2001	19-10-2001	5.009

TT	Tên giếng	Bể trầm tích	Nhà điều hành	Kết quả khoan	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành	Chiều sâu khoan (m)
150	01-TN-1X	Cửu Long	Petronas	Khô	2-8-2001	20-9-2001	3.061
151	15.1-SV-1X	Cửu Long	Cửu Long	Phát hiện dầu	8-9-2001	23-10-2001	3.723
152	16.2-BG-1X	Cửu Long	Conoco	Khô	23-10-2001	18-12-2001	4.842
153	111-HE-1X	Sông Hồng	OMV	Khô	8-12-2001	24-2-2002	2.848
154	PV-XT-1X	Sông Hồng	PIDC	Khô	13-12-2001	27-2-2002	1.877
155	PV-THC-02	Sông Hồng	PIDC	Phát hiện khí	17-12-2001	14-3-2002	1.239
156	PV-PC-1X	Sông Hồng	PIDC	Khô	29-12-2001	12-1-2002	2.002
157	B26-STB-1X	Sông Hồng	M&P	Khô	26-3-2002	31-3-2002	1.040
158	15.1-SC-1X	Cửu Long	Cửu Long	Có dấu hiệu hydrocarbon	17-5-2002	21-7-2002	4.259
159	16.1-NO-1X	Cửu Long	Hoàng Long	Khô	23-5-2002	15-7-2002	3.684
160	09.2-CNV-1X	Cửu Long	Hoàn Vũ	Phát hiện dầu	23-7-2002	9-10-2002	4.567
161	01-Turquoise-1X	Cửu Long	Petronas	Khô	14-9-2002	9-10-2002	4.597
162	RO-10S1	Cửu Long	Vietsoyptero	Có dấu hiệu dầu	23-9-2002	8-4-2004	4.720
163	16.1-VT-1X	Cửu Long	Hoàng Long	Có dấu hiệu hydrocarbon	12-10-2002	8-11-2002	2.490
164	09.2-COD-1X	Cửu Long	Hoàn Vũ	Có dấu hiệu dầu	17-11-2002	21-2-2003	4.618

TT	Tên giếng	Bể trầm tích	Nhà điều hành	Kết quả khoan	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành	Chiều sâu khoan (m)
165	16.1-VV-1X	Cửu Long	Hoàng Long	Có dấu hiệu hydrocarbon	28-3-2003	7-5-2003	3.760
166	52/97-TH-1X	Malay - Thổ Chu	Unocal	Phát hiện khí	4-7-2003	9-7-2003	2.138
167	10-GO-1X	Nam Côn Sơn	Côn Sơn JOC	Có dấu hiệu hydrocarbon	25-8-2003	7-11-2003	3.957
168	15.1-ST-1X	Cửu Long	Cửu Long	Phát hiện dầu	29-8-2003	25-12-2003	4.435
169	46/02-NPT- 1X	Malay - Thổ Chu	Trường Sơn	Phát hiện dầu và khí	27-10-2003	14-12-2003	2.380
170	46/02-SD-1X	Malay - Thổ Chu	Trường Sơn	Phát hiện khí	27-10-2003	22-11-2003	2.888
171	01-AZ-1X	Cửu Long	Petronas	Có dấu hiệu dầu	9-11-2003	16-1-2004	4.301
172	112-BT-1X	Sông Hồng	VietGasProm	Có dấu hiệu hydrocarbon	22-11-2003	2-2-2004	3.493
173	09.3-DM-1X	Cửu Long	VRJ	Có dấu hiệu hydrocarbon	2-2-2004	18-6-2004	3.850
174	16.2-BV-1X	Cửu Long	Conoco	Khô	17-2-2004	12-3-2004	1.394
175	10-GDD-1X	Nam Côn Sơn	Côn Sơn JOC	Khô	16-3-2004	17-4-2004	4.519
176	02/97-TL-1X	Cửu Long	Lam Sơn	Phát hiện dầu	27-3-2004	16-6-2004	2.817
177	52/97-VD-1X	Malay - Thổ Chu	Unocal	Khô	6-5-2004	16-5-2004	3.553
178	52/97-TH-2X	Malay - Thổ Chu	Unocal	Phát hiện thương mại	25-5-2004	5-6-2004	3.742
179	46/02-TG-1X	Malay - Thổ Chu	Trường Sơn	Có dấu hiệu khí	24-7-2004	7-8-2004	2.707

TT	Tên giếng	Bể trầm tích	Nhà điều hành	Kết quả khoan	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành	Chiều sâu khoan (m)
180	46/02-TG-1XST1	Malay - Thổ Chu	Trường Sơn	Có dấu hiệu khí	7-8-2004	22-8-2004	2.961
181	46/02-TG-1XST2	Malay - Thổ Chu	Trường Sơn	Có dấu hiệu khí	22-8-2004	13-9-2004	2.507
182	106-YT-1X	Sông Hồng	Petronas	Có dấu hiệu dầu	17-9-2004	21-10-2004	1.967
183	46/02-RT-1X	Malay - Thổ Chu	Trường Sơn	Khô	17-9-2004	9-10-2004	2.745
184	PV-DQD-1X	Sông Hồng	PIDC	Phát hiện khí	4-12-2004	22-2-2005	3.452
185	09.1-TU-1X	Cửu Long	Vietsovetro	Phát hiện khí	27-12-2004	20-5-2005	3.800
186	11.2-RT-1X	Nam Côn Sơn	KNOC	Có dấu hiệu khí	25-3-2005	28-5-2005	4.397
187	11.2-RBC-1X	Nam Côn Sơn	KNOC	Có dấu hiệu khí	17-5-2005	5-6-2005	2.736
188	16.1-TGT-1X	Cửu Long	Hoàng Long	Phát hiện dầu	2-6-2005	27-8-2005	4.478
189	15.1-SN-1X	Cửu Long	Cửu Long	Phát hiện dầu	26-7-2005	19-9-2005	4.376
190	46/02-TB-1X	Malay - Thổ Chu	Trường Sơn	Có dấu hiệu hydrocarbon	4-11-2005	22-11-2005	2.638
191	46/02-TB-1XST1	Malay - Thổ Chu	Trường Sơn	Có dấu hiệu hydrocarbon	22-11-2005	30-11-2005	3.019
192	46/02-TB-1XST2	Malay - Thổ Chu	Trường Sơn	Có dấu hiệu hydrocarbon	30-11-2005	11-12-2005	3.072
193	Bạch Hổ-MSP08-817S1	Cửu Long	Vietsovetro		9-12-2005	28-2-2006	4.810
194	01/97-HX-1X	Cửu Long	Lam Sơn	Có dấu hiệu dầu	10-4-2006	5-7-2006	5.228

TT	Tên giếng	Bể trầm tích	Nhà điều hành	Kết quả khoan	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành	Chiều sâu khoan (m)
195	16.1-TGV-1X	Cửu Long	Hoàng Long	Phát hiện dầu	30-4-2006	2-6-2006	3.926
196	106-HL-1X	Sông Hồng	Petronas	Có dấu hiệu dầu và khí	9-6-2006	10-7-2006	1.930
197	PV-107-BAL- 1X	Sông Hồng	PIDC	Phát hiện khí	13-7-2006	28-8-2006	3.523
198	102-TB-1X	Sông Hồng	Petronas	Phát hiện khí	30-9-2006	8-12-2006	2.990
199	16.1-TGX-1X	Cửu Long	Hoàng Long	Có dấu hiệu dầu	12-10-2006	5-11-2006	3.450
200	15.2/01-HST- 1X	Cửu Long	Thăng Long	Phát hiện dầu	12-10-2006	10-11-2006	3.510
201	12W-CS-1X	Nam Côn Sơn	Premier Oil	Phát hiện khí	17-10-2006	17-12-2006	4.058
202	15.2/01-HST- 1X-ST1	Cửu Long	Thăng Long	Có dấu hiệu dầu	17-1-2007	6-3-2007	3.321
203	01- Moonstone- 1X	Cửu Long	Petronas	Khô	20-1-2007	26-3-2007	4.529
204	113-BD-1XST	Sông Hồng	VietGasProm	Có dấu hiệu dầu	1-2-2007	8-6-2007	1.510
205	05.1b-DH-1X	Nam Côn Sơn	Idemitsu	Có dấu hiệu dầu	9-2-2007	21-3-2007	2.876
206	05.1c-DH-1X	Nam Côn Sơn	Idemitsu	Có dấu hiệu dầu	11-2-2007	5-3-2007	2.875
207	PV-KXA-1X	Sông Hồng	PIDC	Khô	4-3-2007	22-4-2007	2.424
208	15.2/01-HST- 1X-ST2	Cửu Long	Thăng Long	Có dấu hiệu dầu	8-3-2007	4-4-2007	3.344
209	16.1-TGC-1X	Cửu Long	Hoàng Long	Có dấu hiệu dầu	14-3-2007	9-5-2007	4.200

TT	Tên giếng	Bể trầm tích	Nhà điều hành	Kết quả khoan	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành	Chiều sâu khoan (m)
210	16.1-TGD-1X	Cửu Long	Hoàng Long	Phát hiện dầu	5-4-2007	20-8-2007	4.625
211	11.2-RBT-1X	Nam Côn Sơn	KNOC	Có dấu hiệu khí	10-4-2007	29-4-2007	2.930
212	02/97-DD-1X	Cửu Long	Lam Sơn	Có dấu hiệu dầu	15-5-2007	9-6-2007	3.130
213	113-BV-1X	Sông Hồng	VietGasProm	Có dấu hiệu dầu	13-6-2007	30-8-2007	2.515
214	16.1-TGH-1X	Cửu Long	Hoàng Long	Có dấu hiệu dầu	3-7-2007	11-8-2008	3.680
215	11.1-GC-1X	Nam Côn Sơn	Côn Sơn	Có dấu hiệu hydrocarbon	27-7-2007	15-10-2007	4.329
216	16.1-TGL-1X	Cửu Long	Hoàng Long	Có dấu hiệu dầu	13-8-2007	24-9-2007	3.697
217	15.2/01-HSD- 1X	Cửu Long	Thăng Long	Phát hiện dầu	18-9-2007	26-2-2008	3.832
218	16.1-VN-1X	Cửu Long	Hoàng Long	Khô	27-9-2007	30-11-2007	3.183
219	11.1-GC- 1XST	Nam Côn Sơn	Côn Sơn	Có dấu hiệu hydrocarbon	15-10-2007	21-1-2008	4.264
220	16.1-TGD- 1XST1	Cửu Long	Hoàng Long	Có dấu hiệu dầu	31-10-2007	17-5-2008	5.096
221	11.1-GCO-1X	Nam Côn Sơn	Côn Sơn	Có dấu hiệu hydrocarbon	9-11-2007	21-3-2008	4.865
222	12W-CS- 1XST1	Nam Côn Sơn	Premier Oil	Có dấu hiệu khí	17-12-2007	8-2-2008	3.912
223	HD-1X	Cửu Long	Lam Sơn	Có dấu hiệu dầu	24-12-2007	19-2-2008	4.143
224	HSB-1X	Cửu Long	Thăng Long	Có dấu hiệu dầu	20-1-2008	10-5-2008	3.097

TT	Tên giếng	Bể trầm tích	Nhà điều hành	Kết quả khoan	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành	Chiều sâu khoan (m)
225	KS-1X	Malay - Thổ Chu	Chevron	Phát hiện khí	21-1-2008	6-2-2008	3.520
226	HD-1XST	Cửu Long	Lam Sơn	Có dấu hiệu dầu	19-2-2008	2-4-2008	4.325
227	HSN-1X	Cửu Long	Thăng Long	Phát hiện dầu	29-2-2008	1-7-2008	2.534
228	HXS-1X	Cửu Long	Lam Sơn	Có dấu hiệu dầu	2-4-2008	29-5-2008	4.310
229	12W-CU-1X	Nam Côn Sơn	Premier Oil	Có dấu hiệu khí	31-5-2008	22-6-2008	3.735
230	HR-1X&ST	Sông Hồng	Petronas	Có dấu hiệu khí	2-6-2008	28-12-2008	3.767
231	12W-CU- 1XST1	Nam Côn Sơn	Premier Oil	Có dấu hiệu khí	22-6-2008	6-7-2008	4.006
232	12W-CC-1X	Nam Côn Sơn	Premier Oil	Có dấu hiệu khí	11-7-2008	29-8-2008	2.964
233	TLD-1X	Cửu Long	Lam Sơn	Có dấu hiệu dầu	11-7-2008	14-9-2008	2.487
234	15.1-ST-NW- 1X	Cửu Long	Cửu Long	Có dấu hiệu dầu	22-7-2008	29-8-2008	3.519
235	103-HAL-1X	Sông Hồng	Bạch Đằng	Phát hiện khí	7-2-2009	17-4-2009	3.439
236	124-CMT-1X	Tứ Chính	PXP	Có dấu hiệu hydrocarbon	26-3-2009	30-5-2009	2.251
237	Hamai-1X	Sông Hồng	Santos	Có dấu hiệu hydrocarbon	17-4-2009	27-5-2009	2.600
238	07/03-CRD- 1X	Nam Côn Sơn	Premier Oil	Phát hiện khí	30-4-2009	3-7-2009	3.812
239	TV-1X	Nam Côn Sơn	Pearl Oil	Có dấu hiệu dầu	30-5-2009	2-7-2009	2.762

TT	Tên giếng	Bể trầm tích	Nhà điều hành	Kết quả khoan	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành	Chiều sâu khoan (m)
240	NT-1X	Phú Khánh	ONGC- Videsh	Khô	6-7-2009	11-8-2009	1.285
241	124-HT-1X	Phú Khánh	PXP	Khô	11-8-2009	31-8-2009	2.171
242	LDN-1X	Cửu Long	Phú Quý	Có dấu hiệu dầu	12-8-2009	9-11-2009	4.110
243	DD-1X	Cửu Long	JVPC	Phát hiện dầu	13-9-2009	22-10-2009	3.765
244	DL-1X	Sông Hồng	Bạch Đằng	Có dấu hiệu khí	9-10-2009	13-12-2009	3.021
245	113-PR-1X	Sông Hồng	VietGasProm	Có dấu hiệu hydrocarbon	9-6-2009	10-8-2009	1.439

Phụ lục số 6

**CÁC CHƯƠNG TRÌNH/ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU
KHOA HỌC, KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ DẦU KHÍ
GIAI ĐOẠN 1961-2010**

Phạm Văn Huy¹

TT	Tên đề tài/nhiệm vụ NCKH	Cấp (PVN hoặc NN)	Đơn vị chủ trì	Chủ biên
GIAI ĐOẠN 1961-1975				
Chưa có một tổ chức nghiên cứu khoa học dầu khí hoàn chỉnh nhưng công tác này cũng được thực hiện trong chương trình nghiên cứu địa chất và điều tra cơ bản về tài nguyên khoáng sản. Vì vậy các vấn đề nghiên cứu được thực hiện trong các đoàn địa chất thuộc Tổng cục Địa chất Việt Nam, các đơn vị nghiên cứu thuộc Ủy ban Khoa học kỹ thuật Nhà nước hoặc của các Trường đại học. Đề tài nghiên cứu là những phương án điều tra địa chất, từ việc lập bản đồ địa chất để xác định những vùng, những thành tạo có khả năng chứa dầu khí đến các nội dung địa chất dầu khí cùng các công nghệ liên quan.				
GIAI ĐOẠN 1976-1990				
	Chương trình 22-01			
1	22.01.01.01 “Đặc tính tướng trầm tích tầng sản phẩm Neogen và quy luật biến đổi tính chất di dưỡng của chúng ở miền vông Hà Nội”	NN	VDK	Kỹ sư Phạm Hồng Quế
2	22.01.01.02 “Tướng đá - Cổ địa lý trầm tích Kainozoi miền vông Hà Nội”	NN	VDK	Kỹ sư Lưu Hải Thống
3	22.01.01.03 “Phân chi các tầng và phụ tầng cấu trúc trong lớp phủ trầm tích và mối quan hệ của nó với bề mặt móng ở miền vông Hà Nội theo tài liệu khoan và địa vật lý”	NN	VDK	Tiến sĩ Nguyễn Hiệp
4	22.01.01.04 “Các đứt gãy và vai trò của chúng trong việc hình thành bình đồ cấu tạo và quy luật phân bố cacbuahydro ở miền vông Hà Nội”	NN	VDK	Kỹ sư Lê Trọng Cán

1. Phó Trưởng ban Khoa học - công nghệ, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

5	22.01.01.05 “Phân vùng kiến tạo miền vông Hà Nội như chỉ tiêu cho các điều kiện hình thành vỉa dầu khí”	NN	VDK	Tiến sĩ Ngô Văn Đính
6	22.01.01.06 “Khả năng sinh dầu khí trầm tích Kainozoi miền vông Hà Nội”	NN	VDK	Tiến sĩ Hoàng Đình Tiến
7	22.01.01.07 “So sánh đặc điểm địa hoá trong quá trình hình thành bể trầm tích Hà Nội và Cửu Long”	NN	VDK	Kỹ sư Trần Công Tào
8	22.01.01.08 “Các tầng sinh, chứa, chắn dầu khí của trầm tích Neogen miền vông Hà Nội”	NN	VDK	Kỹ sư Bùi Đình Phương
9	22.01.01.09 “Thiết lập quy luật phân bố gradient địa nhiệt ở miền vông Hà Nội”	NN	VDK	Kỹ sư Nguyễn Quang, Kỹ sư Trần Huyền
10	22.01.01.10 “Địa tầng và liên kết địa tầng các trầm tích Đệ Tam miền vông Hà Nội”	NN	VDK	Kỹ sư Phan Huy Quỳnh, Kỹ sư Đỗ Bạt
11	22.01.01.11 “Nghiên cứu các chỉ tiêu thuỷ địa chất đánh giá triển vọng dầu khí miền vông Hà Nội”	NN	VDK	Kỹ sư Lê Quang Nhụ
12	22.01.01.12 “Đặc điểm đá chắn miền vông Hà Nội”	NN	VDK	Kỹ sư Dương Đức Quảng
13	22.01.01.13 “Tổng hợp kết quả công tác nghiên cứu khoa học và tìm kiếm, thăm dò đánh giá triển vọng dầu khí và đề xuất phương hướng công tác ở miền vông Hà Nội”	NN	VDK	Kỹ sư Hồ Đắc Hoài, Kỹ sư Lý Trường Phương
14	22.01.02.01 “Tổng hợp tài liệu địa chất - địa vật lý, tính trữ lượng dự đoán cacbuahydro và vạch phương hướng tìm kiếm dầu khí trong giai đoạn tiếp theo ở thềm lục địa Việt Nam”	NN	VDK	Kỹ sư Hồ Đắc Hoài, Tiến sĩ Trần Lê Đông
15	22.01.02.04 “Sơ bộ nghiên cứu cấu trúc địa chất các bể trầm tích Kainozoi vùng biển Minh Hải - Thuận Hải”	NN	VDK	Tiến sĩ Lê Văn Cự, Kỹ sư Hồ Đắc Hoài

16	22.01.02.12 “Cấu trúc địa chất và triển vọng dầu khí trầm tích Đệ Tam vùng Đồng bằng sông Cửu Long”	NN	VDK	Tiến sĩ khoa học Nguyễn Giao
17	22.01.03.01 “Đánh giá định lượng trữ lượng dự đoán dầu khí miền vông Hà Nội”	NN	VDK	Kỹ sư Hồ Đắc Hoài, Kỹ sư Nguyễn Xuân Định
18	22.01.04.01 “Địa tầng trầm tích Đệ Tam các bể dầu khí Việt Nam”	NN	VDK	Kỹ sư Đỗ Bạt, Kỹ sư Lê Đình Thám
19	22.01.04.02 “Phân vùng kiến tạo các bồn trũng Kainozoi thêm lục địa Việt Nam”	NN	VDK	Kỹ sư Lê Trọng Cán, Kỹ sư Nguyễn Quang Bô
20	22.01.04.03 “Tổng hợp tài liệu địa vật lý sẵn có nhằm mục đích chính xác hoá cấu trúc địa chất, các yếu tố kiến tạo lớn và chọn các đối tượng địa phương cho việc đặt vị trí các giếng khoan tìm kiếm ở miền vông Hà Nội”	NN	VDK	Tiến sĩ Đỗ Văn Lưu
21	22.01.04.04 “Đặt cơ sở khoa học cho phương hướng tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí trong giai đoạn 1986-1990 đạt kết quả cao nhất”	NN	VDK	Kỹ sư Hồ Đắc Hoài, Kỹ sư Lưu Hải Thống
22	22.01.04.05 “Cấu trúc địa chất các bồn trũng Kainozoi chủ yếu của Việt Nam”	NN	VDK	Tiến sĩ Lê Văn Cự, Kỹ sư Trần Xuân Lý
23	22.01.05.01 “Tổng kết công tác thí nghiệm phương pháp địa chấn điểm sâu chung nhằm nâng cao chiều sâu nghiên cứu ở miền vông Hà Nội, 1979-1980”	NN	VDK	Tiến sĩ Đỗ Văn Lưu
24	22.01.05.03 “Tìm hiểu khả năng thu nhận các thông tin thạch học qua tài liệu địa vật lý trên mặt vùng Tiền Hải C”	NN	VDK	Tiến sĩ Trần Ngọc Toàn, Tiến sĩ Trần Đức Chính
25	22.01.05.04 “Nghiên cứu phương pháp thăm dò địa chấn trong điều kiện các bể trầm tích Hà Nội, Cửu Long nhằm mục đích phát hiện các bẫy dầu khí dạng không vòm”	NN	VDK	Tiến sĩ khoa học Trương Minh, Tiến sĩ Trần Đức Chính

26	22.01.05.05 “Nghiên cứu đặc điểm biến đổi các tham số vật lý thạch học của đá chứa sản phẩm Neogen miền võng Hà Nội”	NN	VDK	Kỹ sư Phạm Thế Cầu, Tiến sĩ Hoàng Quý
27	22.01.05.11 “Nghiên cứu công nghệ chế độ khoan tối ưu cho những giếng khoan sâu tới 5000 mét trong điều kiện dị thường áp suất và nhiệt độ cao”	NN	Công ty Dầu khí I Thái Bình	Tiến sỹ Trương Thiên, Kỹ sư Đặng Cửa, Kỹ sư Đinh Hữu Kháng, Kỹ sư Hà Văn Mạo
28	22.01.05.24 “Nghiên cứu thành lập tổ chức và bảo đảm hoạt động tối ưu (cả phần bảo đảm kỹ thuật và bảo đảm toán học) trung tâm tính toán, xử lý tài liệu dầu khí”	NN	VDK	Kỹ sư Hồ Đắc Hoài, Kỹ sư Hà Quốc Quân
29	22.01.05.14 “Nghiên cứu khả năng sử dụng các nguyên liệu địa phương: sét, than bùn, than nâu, tanin, barit, thủy tinh lỏng để pha chế dung dịch khoan dầu khí”	NN	VDK	Tiến sĩ Tạ Đình Vinh
30	22.01.05.14A “Nghiên cứu sử dụng sét Di Linh (Lâm Đồng) để pha chế dung dịch khoan cho các giếng khoan tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí ở thềm lục địa Việt Nam”	NN	VDK	Tiến sĩ Tạ Đình Vinh
31	22.01.14B “Sản xuất thử sét bột hoạt hoá và kiềm than bùn để pha chế dung dịch khoan dầu khí”	NN	VDK	Tiến sĩ Tạ Đình Vinh
32	22.01.05.17 “Chọn phương pháp tác động vào vỉa sản phẩm nhằm tăng khả năng khai thác dầu khí”	NN	VDK	Kỹ sư Hoàng Văn Thạch
33	22.01.05.18 “Lựa chọn phương pháp vận chuyển dầu thô nhiều paraphin trong điều kiện Việt Nam”	NN	VDK	Kỹ sư Hồ Xuân Linh
34	22.01.05.19 “Nghiên cứu sơ đồ chế biến khí ngưng tụ mỏ Tiền Hải - Thái Bình”	NN	VDK	Kỹ sư Trương Đình Hợi

35	22.01.05.20 “Nghiên cứu khí thiên nhiên Tiền Hải - Thái Bình và đề xuất phương hướng sử dụng”	NN	VDK	Kỹ sư Lê Văn Mừng
36	22.01.05.21 “Nghiên cứu đặc tính dầu thô Việt Nam để phân loại, đánh giá và đề xuất công nghệ chế biến”	NN	VDK	Kỹ sư Trương Đình Hợi
37	22.01.05.22 “Thử nghiệm tách paraffin lỏng từ các phân đoạn dầu mỏ có nhiệt độ sôi tới 350°C”	NN	VDK	Kỹ sư Hoàng Văn Thắm
38	22.01.05.25 “Nghiên cứu giảm nhẹ cấu trúc giếng khoan khai thác các vỉa khí tại mỏ Tiền Hải C với việc sử dụng cần khoan thải loại để làm cột ống chống”	NN	VDK	Kỹ sư Đặng Cửa, Kỹ sư Nguyễn Văn Sĩ, Trung cấp Phạm Tâm Quảng
39	22.01.06.01 “Tổng quan kinh nghiệm thế giới về chống nhiễm bẩn biển do dầu thô gây ra”	NN	VDK	Tiến sĩ Nguyễn Đức Huỳnh
	Chương trình nghiên cứu 22A			
40	22A.01.01 “Cấu trúc địa chất và đánh giá tiềm năng dầu khí của các bể trầm tích chủ yếu trầm lục địa Việt Nam và phương hướng tìm kiếm, thăm dò tiếp theo”	NN	VDK	Kỹ sư Hồ Đắc Hoài
41	22A.01.02 “Phân tích tổng hợp và đánh giá kết quả tìm kiếm, thăm dò dầu khí ở miền vông Hà Nội”	NN	VDK	Kỹ sư Nguyễn Văn Đắc
42	22A.01.03 “Tổng hợp tài liệu địa chất - địa vật lý đã có nhằm đánh giá tiềm năng dầu khí của các trầm tích trước Kainozoi”	NN	VDK	Kỹ sư Bùi Đình Phương
43	22A.01.04 “Nâng cao hiệu quả tổ hợp các phương pháp địa vật lý giếng khoan trong nghiên cứu lát cắt trầm tích Đệ Tam các bồn trũng ở Việt Nam”	NN	VDK	Kỹ sư Đoàn Thám

44	22A.01.05 “Nghiên cứu mối tương quan giữa các hệ tọa độ trên các elipxoid đã sử dụng trong công tác dầu khí nhằm xây dựng hệ thống bản đồ trắc địa thống nhất cho thềm lục địa Việt Nam”	NN	VDK	Kỹ sư Phạm Việt Dũng
45	22A.01.06 “Nghiên cứu ứng dụng phương pháp địa chấn - địa tầng trong công tác tìm kiếm, thăm dò dầu khí thềm lục địa Việt Nam”	NN	VDK	Kỹ sư Nguyễn Mạnh Huyền
46	22A.01.07 “Nâng cao từng bước hoàn thiện hệ thống xử lý số liệu địa vật lý và số liệu dầu khí Việt Nam”	NN	VDK	Tiến sĩ Trần Đức Chính
47	22A.01.08 “Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ kỹ thuật khoan sâu, khoan định hướng ở thềm lục địa Việt Nam (Trung Cửu Long)”	NN	VDK	Kỹ sư Phan Ngân
48	22A.02.01 “Nghiên cứu một số vấn đề kỹ thuật ứng dụng trong thăm kế các phương án khai thác mỏ dầu Bạch Hổ thềm lục địa Việt Nam”	NN	VDK	Kỹ sư Hoàng Văn Thạch
49	22A.02.03 “Nghiên cứu sử dụng nguyên liệu địa phương phục vụ khoan khai thác và vận chuyển dầu thô ở thềm lục địa Việt Nam”	NN	VDK	Tiến sĩ Tạ Đình Vinh, Kỹ sư Hoàng Văn Thắm
50	22A.02.04 “Nghiên cứu các phương án kỹ thuật bảo đảm và nâng cao hiệu suất, tuổi thọ và độ tin cậy của thiết bị khoan, bơm trong điều kiện sử dụng ở Việt Nam”	NN	VDK	Kỹ sư Nguyễn Xuân Nhậm
51	22A.04.01 “Nghiên cứu đánh giá phân loại khí đồng hành mỏ Bạch Hổ, Đại Hùng, Rồng và đề xuất phương hướng sử dụng chúng”	NN	VDK	Tiến sĩ Nguyễn Đức Huỳnh

52	22A.04.02 “Nghiên cứu đánh giá phân loại dầu thô Việt Nam nhằm đề xuất phương hướng chế biến và sử dụng chúng”	NN	VDK	Kỹ sư Trương Đình Hợp
53	22A.04.03 “Nghiên cứu sử dụng phân đoạn 300-500°C của dầu mỏ Việt Nam để sản xuất dầu nhờn và paraffin”	NN	VDK	Tiến sĩ Vũ Tam Huế
54	22A.04.04 “Nghiên cứu sản xuất bitum từ cặn dầu thô Việt Nam và mazút nhập ngoại, ứng dụng bitum vào một số ngành kinh tế”	NN	VDK	Kỹ sư Trịnh Văn Thân
55	22A.04.05 “Nghiên cứu vi sinh vật phục vụ khai thác, chế biến và vận chuyển dầu khí”	NN	VDK	Tiến sĩ Lý Kim Bảng
56	22A.05.01 “Dự án chương trình đầu tư và hiệu quả kinh tế trong bước phát triển công nghiệp dầu khí đến năm 2010”	NN	VDK	Kỹ sư Nguyễn Quang Hạp
57	Đề tài độc lập “Nghiên cứu lựa chọn cơ cấu sản phẩm và công nghệ hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế khu liên hợp lọc hoá dầu Việt Nam trên cơ sở luận chứng kinh tế kỹ thuật của Liên Xô”	NN	VDK	Tiến sĩ Lê Văn Cự
58	Đề tài độc lập “Chính xác hoá cấu trúc địa chất đánh giá tiềm năng và đề xuất phương hướng tìm kiếm, thăm dò dầu khí ở bể Nam Côn Sơn”	NN	VDK	Tiến sĩ khoa học Nguyễn Giao
	Chương trình nghiên cứu KT-01			
59	KT-01-15 “Chính xác hoá cấu trúc địa chất và trữ lượng dầu khí bể Sông Hồng”	NN	VDK	Kỹ sư Lê Văn Trương, Tiến sĩ Ngô Văn Đỉnh
60	KT.01.16 “Quá trình thành tạo và đặc điểm phân bố các bẫy phi cấu tạo và khả năng tàng trữ dầu khí của chúng ở các bồn trũng Kainozoi thềm lục địa Việt Nam”	NN	VDK	Tiến sĩ khoa học Trương Minh, Kỹ sư Nguyễn Quý Hùng

61	KT.01.17 “Sự phân bố và đánh giá triển vọng dầu khí của các thành tạo địa chất trước Kainozoi trên thềm lục địa Việt Nam”	NN	VDK	Tiến sĩ khoa học Phan Trung Điền
62	KT.01.18 “Nghiên cứu đặc điểm kiến tạo, mácma, địa nhiệt và dự báo ảnh hưởng của chúng đến quá trình hình thành tích tụ và bảo tồn dầu khí trong các bể trầm tích Kanozoi ở thềm lục địa Việt Nam (Cửu Long, Nam Côn Sơn, Huế, Quảng Đà, Sông Hồng)”	NN	VDK	Tiến sĩ Võ Năng Lạc, Kỹ sư Trần Huyền
63	KT.01.19 “Cấu trúc địa chất và tiềm năng dầu khí của bể trầm tích Kainozoi vùng vịnh Thái Lan”	NN	VDK	Kỹ sư Phùng Sỹ Tài
64	KT.01.20 “Đánh giá tổng hợp tiềm năng dầu khí trên toàn thềm lục địa Việt Nam”	NN	VDK	Tiến sĩ khoa học Nguyễn Giao, Tiến sĩ Nguyễn Trọng Tín
65	Đề tài độc lập “Đặc điểm địa chất và tiềm năng dầu khí vùng quần đảo Trường Sa”	NN	VDK	Tiến sĩ Nguyễn Hiệp, Tiến sĩ Trần Ngọc Toàn, Kỹ sư Hà Quốc Quân
66	Đề tài độc lập “Nghiên cứu nguồn gốc sinh thành phân bố và tích tụ khí nhằm đánh giá trữ lượng của chúng ở thềm lục địa Việt Nam”	NN	VDK	Tiến sĩ khoa học Nguyễn Giao, Tiến sĩ Nguyễn Trọng Tín
67	KT-03-02 “Địa chất, địa động lực và tiềm năng khoáng sản vùng biển Việt Nam”	NN	VDK	Tiến sĩ Bùi Công Quế, Tiến sĩ Ngô Văn Đình
	Chương trình KHCN-09 (1996-2000)			
68	KHCN-09-01 “Nghiên cứu địa nhiệt và sự phân bố than đá trong các bể trầm tích Đệ Tam”	NN	VDK	Tiến sĩ khoa học Trương Minh, Kỹ sư Trần Huyền
69	KHCN-09-02 “Nghiên cứu phát triển năng lượng dầu khí đến năm 2020 có tính đến các yếu tố môi trường”	NN	VDK	Phó giáo sư - Tiến sĩ Trần Ngọc Toàn, Tiến sĩ Nguyễn Trọng Tín

70	“Chính xác hóa tiềm năng, trữ lượng dầu khí ở các bể trầm tích Việt Nam theo những số liệu có đến 1995”	NN	VDK	Phó giáo sư - Tiến sĩ Trần Ngọc Toàn, Tiến sĩ Nguyễn Trọng Tín
71	KHCN-09-11-0 “Nghiên cứu hình thái cấu trúc Pliocen - Đệ tứ thêm lục địa Việt Nam”	NN	VDK	Tiến sĩ Nguyễn Hồng Minh
72	03-09-11 gồm 2 đề tài con: “Phân tích thực trạng và định hướng cơ chế quản lý đối với ngành Dầu khí từ nay đến năm 2020” và “Phân tích hiện trạng và định hướng tổ chức hệ thống kinh doanh của ngành Dầu khí đến năm 2020”	NN	VDK	Tiến sĩ Nguyễn Quang Hình
	2001-2005			
73	KC-08-28-48: “Kinh nghiệm bảo vệ môi trường trong hoạt động dầu khí trên thế giới”	NN	VDK	Phó giáo sư - Tiến sĩ Trần Ngọc Toàn, Tiến sĩ khoa học Trương Minh
74	KC-08-28-29 “Hiện trạng môi trường chế biến, tàng trữ dầu khí”	NN	VDK	Tiến sĩ khoa học Trương Minh, Phó giáo sư - Tiến sĩ Trần Ngọc Toàn
75	KC-08-28-36 “Đánh giá thể chế quản lý các hoạt động dầu khí về phương diện bảo vệ môi trường đã ban hành”	NN	VDK	Tiến sĩ khoa học Trương Minh, Phó giáo sư - Tiến sĩ Trần Ngọc Toàn
76	KC-08-28-57 “Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường trong hoạt động dầu khí ở Việt Nam”	NN	VDK	Phó giáo sư - Tiến sĩ Trần Ngọc Toàn, Tiến sĩ khoa học Trương Minh
77	KC-09-01 “Xây dựng cơ sở dữ liệu biển quốc gia”	NN	VDK	Giáo sư Đặng Ngọc Thanh
78	KC-09-02 “Xây dựng tập bản đồ những đặc trưng cơ bản về điều kiện tự nhiên và môi trường biển Việt Nam”	NN	VDK	Tiến sĩ Bùi Công Quế
79	KC-09-06 “Nghiên cứu cấu trúc địa chất và địa động lực làm cơ sở đánh giá tiềm năng dầu khí vùng biển sâu và xa bờ”	NN	VDK	Tiến sĩ Nguyễn Huy Quý

80	KC-09-09 “Nghiên cứu đặc điểm địa chất công trình vùng Đông Nam thêm lục địa Việt Nam”	NN	VDK	Giáo sư Mai Thanh Tân
81	KC-09-13 “Nghiên cứu cơ sở khoa học cho việc xây dựng và khai thác các công trình biển di động”	NN	VDK	Tiến sĩ Chu Chất Chính
82	Chính sách giá năng lượng bền vững	NN	VDK	Phó giáo sư - Tiến sĩ Trần Ngọc Toàn
83	Đánh giá hiện trạng công nghệ ngành năng lượng	NN	VDK	Ngô Bá Khiết
84	Chương trình độc lập hợp tác với Ucraina “Nghiên cứu ứng dụng các phương pháp kiểm tra không phá hủy trong các công trình dầu khí”	NN	VDK	Tiến sĩ Chu Chất Chính
	Được cấp bằng sáng chế:	NN	VDK	
85	Phương pháp giảm độ nhớt và nhiệt độ đông đặc của dầu thô có hàm lượng paraffin cao trên các giàn khoan biển cố định; No 066, ngày 15-9-1989	NN		F.G. Arzanov, R.A. Macxutov, V.N. Makarov, Phùng Đình Thực, Lưu Quốc Tuấn, Dương Hiến Lương, Nguyễn Chí Nghĩa
86	Cấu trúc Paker hờ nổ ép có cắt cáp để ngăn cách vỉa trong các giếng khoan đã chống ống; No 043, ngày 2-7-1988	NN		E.N. Dergunov, K.A. Sisin, Nguyễn Văn Tuyển, G.M. Fomin, N.M. Kyazinov, V.I. Resotnikov, Phạm Thế Cầu
87	Phương pháp đánh chìm các chân đế giàn khoan biển cố định; No 044, ngày 30-8-1988	NN		Iu.P. Martysenko, V.N. Gavrillov, E.M. Kotrerbitov, E.M. Kopaigorodxki, V.V. Rybuskin, Đặng Hữu Quý, Phạm Đăng Hân, Hoàng Lê Ngọc Vĩnh

88	Phương pháp chế tạo Anod nối đất; No 053, ngày 28-2-1989	NN		V.G. Talakin, Phan Lương Cẩm, Đặng Thế Phương
89	Dụng cụ giữ mẫu lõi khoan nhiều thành phần”; No 074, ngày 9-11-1989	NN		A.O. Kasumov, Phạm Anh Tuấn, V.V. Tovma
90	Phương pháp và thiết bị để xác định vị trí rò rỉ của các ống dẫn ngầm dưới biển hoặc dưới nước” (sáng chế độc quyền); No S2000099, ngày 2-2-2000	NN		Phùng Đình Thực, M.F. Karimov, V.I. Boiko, Nguyễn Văn Cảnh
91	Phương pháp tính toán giá trị độ thấm cho các ô lưới trong mô hình toán học thủy động khai thác thân dầu nứt nẻ, hang hốc trong đá móng mácma kết tinh (sáng chế độc quyền); No SC1-2003-00025, ngày 7-1-2003	NN		Trần Lê Đông, Nguyễn Văn Gia, Trương Công Tài, Nguyễn Văn Út, Nguyễn Chu Nguyên, Phạm Quang Ngọc, Nguyễn Minh Toàn
92	Phương pháp khai thác thân dầu dạng khối đóng kín, không có nước đáy của đá móng kết tinh cấu thành từ granit, granodiorit nứt nẻ, hang hốc (sáng chế độc quyền); No SC1-2003-00026, ngày 7-1-2003	NN		Ngô Thường San, E.G. Areshev, Trần Lê Đông, G.G. Vakhitov, Trương Công Tài
93	Hệ thống cảnh báo giếng khoan (sáng chế độc quyền); No SC1-2004-00111, ngày 10-2-2004	NN		Nguyễn Văn Tuyến, Hoàng Văn Quý, Dương Văn Thắng, Nguyễn Xuân Quang, Trần Đại Tính
94	Nghiên cứu giải pháp công nghệ để xác định tham số mở phục vụ đánh giá trữ lượng và thiết kế khai thác dầu khí trong đá móng nứt nẻ bằng phần mềm BASROC 3.0 ¹	NN		Hoàng Văn Quý, Trần Giang Sơn, Phạm Xuân Sơn
95	Phương pháp xây dựng quỹ đạo giếng xiên định hướng (sáng chế độc quyền do Cục Sở hữu công nghiệp Liên bang Nga cấp); Số 2370620, ngày 20-10-2009	NN		G.C. Oganov, S.A. Shirinzade, A.E. Saroyan, V.A. Linsker, Trần Xuân Đào

1. Giải nhất, Giải sáng tạo khoa học - công nghệ toàn quốc VIFOTEC năm 2006; Huy chương Vàng của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới năm 2007, Huy chương Đồng của Ban Tổ chức Triển lãm Sáng tạo Quốc tế lần thứ 4 tại Hàn Quốc năm 2008.

GIAI ĐOẠN 1991-1995				
96	Cơ sở khoa học công nghệ trong việc tổ chức khai thác các tích tụ dầu khí nhỏ ở thềm lục địa Việt Nam	PVN	VDK	Kỹ sư Hoàng Văn Thạch
97	Nghiên cứu đánh giá sử dụng cát Vân Hải - Bình Định - Nha Trang dùng trong bơm trám xi măng giếng khoan dầu khí	PVN	VDK	Kỹ sư Đặng Hồng Vân
98	Sản xuất thử một số hoá chất phụ gia dung dịch khoan (CaCl ₂ , KCl, Nhôm Stearat, chất bôi trơn, chất diệt khuẩn)	PVN	DMC	Tiến sĩ Cao Anh Dũng
99	Báo cáo tổng hợp, đánh giá công nghệ thi công và giám sát khoan giai đoạn I - Đề án Đại Hùng	PVN	PVEP	Tiến sĩ Đặng Cửa, Kỹ sư Phan Ngân, Kỹ sư Hoàng Bá Cường và một số người khác...
100	Công nghệ thi công các giếng khoan tìm kiếm, thăm dò dầu khí ở các bồn trũng phía Nam - bồn trũng Cửu Long - bồn trũng Nam Côn Sơn thuộc thềm lục địa Việt Nam	PVN	PVEP	Tiến sĩ Đặng Cửa, Kỹ sư Hoàng Bá Cường
101	Nghiên cứu sự phân bố và thành phần các loại sét dễ phân tán trong các tầng trầm tích của bể Nam Côn Sơn và ảnh hưởng của chúng tới quá trình thi công giếng khoan	PVN	VDK	Kỹ sư Dương Đức Quảng
102	Tổng hợp và đánh giá các hệ dung dịch và đơn pha chế dung dịch khoan áp dụng cho các giếng khoan ở bể Nam Côn Sơn	PVN	VDK	Phạm Xuân Toàn
103	Nghiên cứu khả năng ứng dụng phức hệ polyme để bơm ép trong móng nứt nẻ tại các giếng khoan ở thềm lục địa Nam Việt Nam nhằm nâng cao hệ số thu hồi dầu khí	PVN	VDK	Nguyễn Hữu Trung

104	Nghiên cứu các tính chất đặc trưng của paraffin rắn từ dầu mỏ Việt Nam phục vụ cho khai thác và chế biến	PVN	Phân viện Lọc hóa dầu	Vũ Tam Huê
105	Nghiên cứu áp dụng kết quả tách lọc paraffin công suất 150-200 tấn/năm cho các năm	PVN	Phân viện Lọc hóa dầu	Vũ Tam Huê
106	Nghiên cứu thiết lập hệ phương pháp xác định clo, lưu huỳnh, mercaptan trong dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ	PVN	VDK	Nguyễn Văn Vạn
107	Phương pháp tách nhũ dầu Bạch Hổ - Phối hợp với Phân viện Lọc hóa dầu (Phần A). Nghiên cứu sự hình thành nhũ tương nước trong dầu, nhũ dầu trong nước, các phương pháp phá nhũ (Phần B)	PVN	VDK	Vũ Công Thắng
108	Nghiên cứu lựa chọn chất hoạt tính bề mặt phục vụ khai thác dầu thô Việt Nam	PVN	VDK	Hoàng Văn Thắm
109	Nghiên cứu ứng dụng phương pháp quang phổ để phân tích hydrocarbon, vanadi, và niken để phục vụ tìm kiếm, thăm dò dầu khí	PVN	VDK	Lê Mạnh Quyết
110	Nghiên cứu, khảo sát nhu cầu cơ cấu và chất lượng sản phẩm lọc hoá dầu ở nước ta. A) Sản phẩm lọc dầu (Ban Quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất); B) Sản phẩm hoá dầu (phần Phân viện thực hiện...)	PVN	Phân viện Lọc hóa dầu	Vũ Tam Huê
111	Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu (data base) của dầu thô Việt Nam theo hệ thống tiêu chuẩn quốc tế	PVN	Phân viện Lọc hóa dầu	Phạm Quang Dự
112	Nghiên cứu tách paraffin C10-C13 từ phân đoạn Kerosene làm nguyên liệu sản xuất Alky1 benzen	PVN	Phân viện Lọc hóa dầu	Phạm Quang Dự

113	Nghiên cứu thành phần keo trong dầu thô và ảnh hưởng của chúng đối với tính chất dầu thô	PVN	Phân viện Lọc hóa dầu	Trương Đình Hợi
114	Nghiên cứu sự tạo thành nhũ tương nước trong dầu, dầu trong nước và phương pháp tách nhũ trong dầu thô Bạch Hổ	PVN	Phân viện Lọc hóa dầu	Nguyễn Thị Cúc
115	Nghiên cứu chống ăn mòn bên trong các thiết bị khai thác, tàng trữ dầu thô Việt Nam	PVN	Phân viện Lọc hóa dầu	Nguyễn Văn Vạn
116	Nghiên cứu lựa chọn sơ đồ công nghệ lọc dầu tối ưu phù hợp với nguồn nguyên liệu dầu thô và nhu cầu sản phẩm lọc dầu của nước ta trên cơ sở đề án của Shell và Total	PVN	Phân viện Lọc hóa dầu	Phạm Quang Dự
117	Nghiên cứu phục vụ sản xuất một số loại dầu nhờn gốc từ các phân đoạn của dầu mỏ Việt Nam (Bạch Hổ)	PVN	Phân viện Lọc hóa dầu	Vũ Tam Huê
118	Nghiên cứu khả năng thu nhận n-paraphin (C10-C13) và phân đoạn Kerosene của dầu Bạch Hổ tạo nguyên liệu cho sản xuất chất hoạt động bề mặt	PVN	Phân viện Lọc hóa dầu	Vũ Tam Huê
119	Sửa chữa, chuẩn máy Sp 3200 và thực tập vận hành máy hồng ngoại	PVN	VĐK	Lê Mạnh Quyết
120	Phân tích thu thập số liệu cơ sở cho ngân hàng dữ liệu về dầu thô Việt Nam (các mẫu dầu thuộc các vỉa mới phát hiện)	PVN	Phân viện Lọc hóa dầu	Trương Đình Hợi
121	Hoàn thiện chương trình Hysim	PVN	Phân viện Lọc hóa dầu	Phạm Quang Dự
122	Nghiên cứu khả năng sản xuất dầu nhờn gốc từ phân đoạn sôi > 350°C của dầu mỏ Đại Hùng	PVN	TT CBDK	Vũ Tam Huê

123	Nghiên cứu sản xuất mỡ nhờn từ nguyên liệu dầu khí Việt Nam và các nguyên liệu địa phương (dầu mỡ thực vật) phục vụ cho nhu cầu ngành Dầu khí	PVN	TT CBDK	Hoàng Văn Thắm
124	Phân tích đánh giá toàn diện các đặc trưng của các mẫu dầu mới phát hiện ở các mỏ Rồng, Đại Hùng... nhằm hoàn thiện cơ sở dữ liệu dầu khí Việt Nam	PVN	TT CBDK	Trương Đình Hội
125	Nghiên cứu đánh giá sự phân bố n-paraphin trong phân đoạn diesel (200-300°C) và ảnh hưởng của chúng trong quá trình chế biến và sử dụng (mỏ dầu Bạch Hổ)	PVN	TT CBDK	Trịnh Thanh Tùng
126	Phân tích đánh giá toàn diện các đặc trưng của các mẫu khí mới phát hiện ở các mỏ Bạch Hổ, Rồng, Đại Hùng... nhằm hoàn thiện cơ sở dữ liệu khí Việt Nam	PVN	TT CBDK	Nguyễn Thị Liễu
127	Ứng dụng phương pháp hồng ngoại để xác định các thành phần paraffin, naphta và aromat trong dầu mỏ Việt Nam (Bạch Hổ)	PVN	TT CBDK	Lê Mạnh Quyết
128	Nghiên cứu lựa chọn sơ đồ công nghệ tối ưu cho đề án khả thi Nhà máy lọc dầu số 2 bằng phương pháp quy hoạch tuyến tính tối ưu	PVN	TT CBDK	Phạm Quang Dự
129	Phân tích đánh giá toàn diện các mẫu dầu thô mới phát hiện để hoàn thành hệ thống cơ sở dữ liệu về tính chất dầu thô Việt Nam (trừ các mẫu dầu Bạch Hổ, Đại Hùng, Rồng)	PVN	TT CBDK	Trương Đình Hội
130	Nghiên cứu quá trình nhiệt phân condensat dầu mỏ Việt Nam nhằm tạo ra các Olephine phân tử lượng thấp làm nguyên liệu tổng hợp hóa dầu	PVN	TT CBDK	Trịnh Thanh Tùng

131	Nghiên cứu xác định bản chất hệ keo tụ, cơ chế lắng đọng của các chất paraffin - nhựa asphalten từ các dầu thô mới phát hiện được của mỏ Đại Hùng, Rồng và ảnh hưởng của chúng đến các quá trình công nghệ khai thác vận chuyển và chế biến	PVN	TT CBDK	Phạm Thị Ngọc Bích
132	Khảo sát và xác định một số nguyên tử vi lượng có mặt trong dầu mỏ Việt Nam, phục vụ quá trình thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí	PVN	TT CBDK	Lê Mạnh Quyết
133	Nghiên cứu sản xuất mỡ bảo quản kỹ thuật từ dầu thô Bạch Hổ	PVN	TT CBDK	Hoàng Văn Thẩm
134	Nghiên cứu đánh giá khả năng ăn mòn vật liệu kim loại do môi trường đất, nước, không khí khu vực Nhà máy lọc dầu số 1 và đề xuất biện pháp bảo vệ	PVN	TT CBDK	Nguyễn Văn Vạn
135	Nghiên cứu sản xuất thủ tổ hợp chất ức chế ăn mòn khi vận chuyển, tàng trữ dầu khí	PVN	TT CBDK	Lê Thị Kim
136	Nghiên cứu sự phân bố n-paraffin trong các phân đoạn của dầu thô Đại Hùng và ảnh hưởng của đặc tính paraffin tới phẩm chất của một số sản phẩm Kerosine, Jet full, DO và dầu nhờn	PVN	TT CBDK	Vũ Tam Huệ
137	Ứng dụng mô hình tràn dầu vào điều kiện Việt Nam	PVN	VDK	Nguyễn Văn Cao
138	Nghiên cứu đánh giá hiện trạng môi trường một số khu vực bể Nam Côn Sơn và vùng ven bờ	PVN	VDK	Nguyễn Đức Huỳnh
139	Đánh giá hiện trạng môi trường tại khu vực dự định xây dựng nhà máy lọc dầu và dự kiến tác động của nó tới môi trường	PVN	BQL LHD	Nguyễn Doãn Sinh

140	Nghiên cứu phương pháp xác định độ độc hại của mùn khoan, dung dịch khoan; chất phân huỷ dầu phục vụ công tác quản lý các chất thải của các hoạt động tìm kiếm, thăm dò dầu khí	PVN	TT AT&MT	Nguyễn Thành Trung
141	Xây dựng kế hoạch ứng cứu sự cố dầu tràn từ các hoạt động dầu khí của Petrovietnam	PVN	TT AT&MT	Nguyễn Đức Huỳnh
142	Xây dựng báo cáo đánh giá tác động môi trường ở mỏ Thanh Long phục vụ cho hoạt động tìm kiếm, thăm dò dầu khí ở khu vực này	PVN	TT AT&MT	Nguyễn Đức Huỳnh
143	Nghiên cứu thu thập và xử lý số liệu môi trường biển các khu vực thăm dò khai thác dầu khí ở Việt Nam nhằm phục vụ cho việc đánh giá tác động môi trường và xây dựng kế hoạch ứng cứu sự cố dầu tràn cho các hoạt động dầu khí	PVN	TT AT&MT	Nguyễn Đức Huỳnh
144	Nghiên cứu lựa chọn các giải pháp xử lý chất thải mùn khoan và bùn khoan nhằm bảo đảm các yêu cầu của quy chế bảo vệ môi trường trên biển	PVN	TT AT&MT	Vũ Công Thắng
145	Nghiên cứu lập bản đồ tỷ lệ 1/250.000 về phân vùng nhạy cảm môi trường ven bờ từ mũi Kê Gà đến mũi Cà Mau phục vụ công tác bảo vệ môi trường cho các hoạt động dầu khí	PVN	TT AT&MT	Nguyễn Đức Huỳnh
146	Điều tra thống kê đánh giá tai nạn lao động và sự cố trên các công trình, cơ sở sản xuất dầu khí ở Việt Nam từ 1985 đến nay và đề xuất các biện pháp phòng chống tai nạn	PVN	TT AT&MT	Hoàng Văn Thạch

147	Nghiên cứu xác định các chất ô nhiễm môi trường trong nước thải công nghiệp từ hoạt động khai thác dầu khí khu vực mỏ Bạch Hổ, Rồng, Đại Hùng và mô hình hóa quá trình lan truyền của chúng trong môi trường biển	PVN	TT AT&MT	Bùi Thu Thủy
148	Nghiên cứu lựa chọn chất phân tán dầu (dispersant) thích hợp với môi trường biển Việt Nam nhằm phục vụ cho công tác phòng chống ô nhiễm dầu clo các hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí gây ra	PVN	TT AT&MT	Nguyễn Đức Huỳnh
149	Dự báo nhu cầu và quy hoạch dài hạn cho ngành Dầu khí Việt Nam từ 1991 đến 2000	PVN	Vụ KHKT và TCTy	Trần Ngọc Toàn
150	Nghiên cứu ứng dụng chương trình COMFAR trong việc lập và phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế các dự án đầu tư chuyên ngành Dầu khí	PVN	P. KH	Vũ Quang Nam
151	Nghiên cứu xây dựng mô hình dịch vụ dầu khí	PVN	P. KH	Vũ Quang Nam
152	Nghiên cứu và lập cơ sở dữ liệu quản lý thương mại thị trường	PVN	P. KH	Nguyễn Hữu Lợi
153	Điều tra, phân tích, đánh giá thực trạng thiết bị hiện có trong ngành Dầu khí để lập chính sách trang bị quản lý thiết bị, tiến tới để lập cơ sở dữ liệu quản lý thiết bị toàn ngành	PVN	P. KHKT	Trần Hùng Nam
154	Nghiên cứu khảo sát nhu cầu, cơ cấu chất lượng sản phẩm lọc dầu và hoá dầu (phối hợp với Phân viện Lọc hóa dầu)	PVN	BQL LHD	Đậu Hồng Lạc
155	Nghiên cứu quy hoạch phát triển ngành Lọc hóa dầu Việt Nam đến năm 2000 và phương hướng sau năm 2000	PVN	BQL LHD	Bỳ Văn Tú
156	Kiểm kê phân loại tài liệu khoa học kỹ thuật và giao nộp lưu trữ	PVN	VDK	Đỗ Xuân Hưởng

157	Lưu trữ và bảo quản tài liệu khoa học kỹ thuật thuộc lưu trữ cấp III ở Viện Dầu khí	PVN	VDK	Đỗ Xuân Hương
158	Hoàn chỉnh tài liệu lưu trữ cấp III ở Viện Dầu khí	PVN	VDK	Đỗ Xuân Hương
159	Thống kê điều tra thực trạng kinh tế - xã hội của đội ngũ lao động dầu khí và các giải pháp công đoàn	PVN	VP CĐ	Vũ Ngọc Diêu
160	Cơ sở khoa học của việc tập trung quản lý thống nhất tài liệu lưu trữ của ngành Dầu khí	PVN	VP TCTy	Hoàng Xuân Hùng
161	Xây dựng các chức danh và tiêu chuẩn viên chức ngành Dầu khí phục vụ công tác định biên và xây dựng hệ thống tiền lương thống nhất của Tổng công ty làm cơ sở xây dựng quy hoạch đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Ngành	PVN	VDK P. TCNS	Trần Ngọc Toàn, Hoàng Phổ
162	Nghiên cứu đánh giá hiệu quả đầu tư của công tác nghiên cứu khoa học giai đoạn 1991-1995	PVN	VDK	Trần Ngọc Toàn, Đinh Văn Ngà
163	Xây dựng chương trình phần mềm kiểm soát dữ liệu trên máy tính phục vụ công tác bảo mật	PVN	P. TDKT P. TTra	Hoàng Thế Dũng
164	Nghiên cứu xây dựng quy chế quản lý khoa học kỹ thuật ngành Dầu khí	PVN	VDK	Nguyễn Huy Quý
165	Thiết kế khai thác thử công nghiệp vỉa dầu móng vòm Trung tâm mỏ Bạch Hổ	PVN	VSP	
166	Sơ đồ công nghệ khai thác và xây dựng mỏ Bạch Hổ thêm lục địa Nam Việt Nam	PVN	VSP	
167	Bổ sung Sơ đồ công nghệ khai thác và xây dựng mỏ Bạch Hổ thêm lục địa Nam Việt Nam	PVN	VSP	

GIAI ĐOẠN 1996-2000				
168	Nghiên cứu làm giàu quặng barít bằng phương pháp nhiệt	PVN	DMC	Cao Anh Dũng
169	Phân tích đánh giá công nghệ thi công khoan và các yếu tố ảnh hưởng đến giá thành giếng khoan trong điều kiện nhiệt độ và áp suất cao tại cấu tạo Thanh Long	PVN	PVEP	Hoàng Bá Cường
170	Quy định thành lập báo cáo tổng kết thi công giếng khoan	PVN	PVEP	Đặng Quốc Hùng
171	Nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất XANTHAGUM chất lượng cao từ nguyên liệu trong nước để phục vụ khoan khai thác dầu khí...	PVN	DMC	Tạ Đình Vinh
172	Nghiên cứu sản xuất xi măng nhẹ bền nhiệt (120°C - 160°C)	PVN	DMC	Nguyễn Văn Ngọ
173	Nghiên cứu xác định các điều kiện kinh tế kỹ thuật tối hạn của các phát hiện có quy mô nhỏ ở thềm lục địa Việt Nam	PVN	VDK	Nguyễn Xuân Định
174	Nghiên cứu khả năng sử dụng dung dịch gốc dầu áp dụng cho khoan mở vỉa sản phẩm ở Việt Nam	PVN	VDK	Phạm Xuân Toàn
175	Nghiên cứu áp dụng phương pháp sắc ký độ phân giải cao để xác định nhanh sự thay đổi lưu lượng vỉa trong quá trình khai thác dầu thô	PVN	VDK	Lê Như Tiêu
176	Xử lý hóa học H ₂ S và CO ₂ làm bản dung dịch khoan nhằm bảo đảm an toàn cho người và thiết bị trong quá trình thi công khoan	PVN	DMC	Cao Anh Dũng
177	Nghiên cứu khả năng sử dụng phương pháp phức hợp vi sinh - hóa lý nhằm mục đích tăng cường thu hồi dầu khí mỏ Bạch Hổ	PVN	DMC	Tạ Đình Vinh

178	Tổng hợp phân tích đánh giá chi phí thi công giếng khoan tìm kiếm, thăm dò của các hợp đồng PSC (giai đoạn 1988-1997)	PVN	VDK, PIDC, P. TDKT	Nguyễn Văn Toàn
179	Nghiên cứu các vật liệu trung hoà khí H ₂ S và công nghệ làm sạch H ₂ S trong khí đồng hành mỏ Bạch Hổ	PVN	DMC	Cao Anh Dũng
180	Xây dựng mô hình mô phỏng mỏ và đánh giá khả năng khai thác mỏ Hải Thạch	PVN	VDK	Nguyễn Hữu Trung
181	Nghiên cứu khả năng sử dụng xi măng ngậm khí nhằm nâng cao chất lượng bơm trám xi măng các giếng khoan dầu khí trên thềm lục địa Việt Nam	PVN	VDK, DMC, TCTy	Nguyễn Xuân Hoà
182	Xây dựng, vận hành mạng quản lý điều hành khai thác các mỏ dầu khí	PVN	P. TDKT	Nguyễn Văn Đắc
183	Phân tích, đánh giá toàn diện các mẫu dầu thô mới phát hiện để bổ sung hệ thống cơ sở dữ liệu về tính chất dầu thô Việt Nam	PVN	TT CBDK	Trương Đình Hợi
184	Nghiên cứu chỉ tiêu chất lượng sản phẩm lọc dầu phù hợp với thị trường tiêu thụ ở Việt Nam và khu vực đến năm 2000 và 2005	PVN	TT CBDK	Nguyễn Thị Cúc
185	Phân tích đánh giá theo dõi các tính chất hóa lý của khí đồng hành thu gom tại giàn công nghệ trung tâm và trạm Dinh Cô nhằm phục vụ cho vận chuyển và chế biến khí	PVN	TT CBDK	Nguyễn Thị Liễu
186	Nghiên cứu tính paraffin và sự phân bố n-paraffin của loại dầu mỏ mới phát hiện (dầu Rạng Đông)	PVN	TT CBDK	Trịnh Thanh Tùng

187	Nghiên cứu nhằm xây dựng đề án sản xuất chất tẩy rửa phân hủy sinh học trên cơ sở LAB nhằm thay thế chất tẩy rửa trên cơ sở DBSA	PVN	TT CBDK	Vũ Tam Huế
188	Nghiên cứu định hướng phát triển hóa dầu đi từ khí thiên nhiên cho các khu công nghiệp dầu khí	PVN	TT CBDK	Phạm Ngọc Bích
189	Nghiên cứu quy hoạch phát triển công nghiệp lọc hóa dầu Việt Nam đến năm 2000 và sau năm 2000	PVN	TT CBDK	Phạm Quang Dự
190	Nghiên cứu khả năng sản xuất trong nước một số loại hóa chất chủ yếu từ nguyên liệu địa phương nhằm cung cấp cho Nhà máy lọc dầu số 1	PVN	TT CBDK	Trịnh Văn Thân
191	Nghiên cứu một số phân đoạn dầu mỏ phục vụ cho quá trình phát triển hóa dầu bằng các phương pháp hóa lý hiện đại	PVN	TT CBDK	Trần Thanh Phương
192	Đánh giá mức độ ăn mòn kim loại và điều chế thử nghiệm chất ức chế ăn mòn bên trong hệ thống đường ống dẫn khí Bạch Hổ	PVN	TT CBDK	Nguyễn Văn Vạn
193	Nghiên cứu khảo sát và xác định 18 nguyên tố vi lượng trong dầu mỏ Việt Nam	PVN	TT CBDK	Lê Mạnh Quyết
194	Nghiên cứu sản xuất dầu nhờn từ cặn dầu mỏ nhiều paraffin, ít lưu huỳnh Bạch Hổ (Việt Nam)	PVN	TT CBDK	Vũ Tam Huế
195	Nghiên cứu điều chế chất phân tán (dispersant) chống sự cố dầu tràn trong thăm dò khai thác, vận chuyển dầu thô Việt Nam	PVN	TT CBDK	Trịnh Kiến Quốc
196	Phân tích các mẫu khí đồng hành mỏ Bạch Hổ nhằm phục vụ đề án Nhà máy LPG	PVN	TT CBDK	Nguyễn Thị Liễu

197	Phân tích đánh giá các mẫu dầu thô mới phát hiện để bổ sung hệ thống cơ sở số liệu về tính chất dầu thô Việt Nam (Ruby, Rạng Đông)	PVN	TT CBDK	Trương Đình Hợi
198	Phân tích mẫu khí đồng hành của các mỏ dầu mới khai thác nhằm bổ sung cho ngân hàng dữ liệu khí Việt Nam (Đại Hùng, Rồng, Ruby, Rạng Đông)	PVN	TT CBDK	Nguyễn Thị Liễu
199	Phân tích, so sánh tổng hợp đánh giá tính chất các mẫu dầu thô bể Cửu Long (Bạch Hổ, Rồng, Rạng Đông)	PVN	TT CBDK	Nguyễn Thị Cúc
200	Nghiên cứu đặc tính paraffin và phân bố n-paraffin của dầu Ruby và đánh giá ảnh hưởng của chúng tới khai thác, vận chuyển và chế biến	PVN	TT CBDK	Trần Mai Hương
201	Nghiên cứu lựa chọn giải pháp công nghệ hợp lý để giảm hàm lượng olephin trong LPG và xăng của Nhà máy lọc dầu số 1 đạt tiêu chuẩn khu vực Đông Nam Á	PVN	TT CBDK	Phạm Văn Khang
202	Nghiên cứu đánh giá quá trình cracking xúc tác paraffin rắn của dầu Bạch Hổ nhằm thu các loại sản phẩm khác nhau phục vụ cho lọc hóa dầu	PVN	TT CBDK	Phạm Văn Lâm
203	Nghiên cứu thành phần, cấu trúc các phân đoạn cận chưng cất chân không trên 500°C của dầu thô Bạch Hổ để đánh giá những ảnh hưởng của chúng tới các quá trình công nghệ	PVN	TT CBDK	Lê Mạnh Quyết
204	Nghiên cứu phương hướng sản xuất các hóa chất BTX làm nguyên liệu cho sản xuất hóa dầu từ Nhà máy lọc dầu Việt Nam (số 2)	PVN	TT CBDK	Trịnh Văn Thân

205	Nghiên cứu tính chất hệ nhũ nước trong dầu của dầu thô mỏ Rồng và phương pháp phá nhũ bằng nhiệt hóa	PVN	TT CBDK	Đinh Thị Quỳnh Như
206	Nghiên cứu quá trình đồng phân hóa phân đoạn sôi đầu đến 80°C từ dầu Bạch Hồ phục vụ quá trình lọc hóa dầu	PVN	TT CBDK	Trần Thanh Phương
207	Nghiên cứu và áp dụng việc chuyển đổi sử dụng nhiên liệu truyền thống sang khí tự nhiên và LPG	PVN	PVGC	Nguyễn Thị Vân
208	Nghiên cứu điều chế thử tổ hợp chất ức chế ăn mòn phục vụ chống ăn mòn hệ thống đường ống dẫn khí	PVN	TT CBDK	Nguyễn Văn Vạn
209	Phân tích đánh giá các mẫu dầu thô mới phát hiện để bổ sung hệ thống số liệu cơ sở về tính chất dầu thô Việt Nam (Ruby, PM3, Bạch Hồ GK- 110)	PVN	TT CBDK	Trương Đình Hợi
210	Nghiên cứu chất lượng sản phẩm lọc dầu giai đoạn 2005 - 2015 để phục vụ cho đề án Nhà máy lọc dầu số 2	PVN	TT CBDK	Nguyễn Thị Cúc
211	Nghiên cứu quy hoạch phát triển lọc - hóa dầu Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 của ngành Dầu khí Việt Nam	PVN	TT CBDK	Phạm Văn Khang, Phạm Thị Ngọc Bích
212	Nghiên cứu sản xuất thử nghiệm chất phân tán dầu DP-1, DP-4 phục vụ ứng cứu dầu tràn	PVN	TT CBDK	Trịnh Kiến Quốc
213	Nghiên cứu tính paraffin, sự phân bố n-paraffin và ảnh hưởng của chúng tới quá trình khai thác, vận chuyển và chế biến đối với dầu mỏ PM-3 và mỏ Rồng	PVN	TT CBDK	Vũ Tam Huệ

214	Nghiên cứu đánh giá nguyên liệu khí từ dầu mỏ Việt Nam (chủng loại, số lượng, chất lượng nguyên liệu) cho sản xuất etylen	PVN	TT CBDK	Phạm Văn Lâm
215	Nghiên cứu quá trình reforming từ phân đoạn naphta nặng dầu thô Bạch Hổ nhằm góp phần lựa chọn nguyên liệu cho công nghệ reforming xúc tác	PVN	TTCBDK	Trần Thanh Phương
216	Phân tích, đánh giá khí thiên nhiên và khí đồng hành của các mỏ mới nhằm bổ sung số liệu cho ngân hàng dữ liệu khí Việt Nam	PVN	TTCBDK	Nguyễn Thị Liễu
217	Phân tích đánh giá các mẫu dầu thô bổ sung cho hệ thống số liệu cơ sở về tính chất dầu thô các mỏ dầu Việt Nam (dầu thô hỗn hợp mỏ Rạng Đông, mỏ Ruby và mỏ Diamond)	PVN	TTCBDK	Trương Đình Hợi
218	Nghiên cứu, phân tích thành phần paraffin lỏng đọng, khảo sát lựa chọn phụ gia có hiệu quả chống lắng đọng paraffin cho dầu thô Bạch Hổ, Rồng, phục vụ vận chuyển dầu thô từ đường ống khai thác đến tàu chứa và Nhà máy lọc dầu số 1	PVN	TTCBDK	Nguyễn Thị Cúc
219	Xác định tính chất và thành phần hoá lý cận sôi trên 500°C của dầu mỏ Đại Hùng - Rồng. Đề xuất hướng xử lý, chế biến, sử dụng cận này	PVN	TTCBDK	Lê Mạnh Quyết
220	Nghiên cứu quá trình chuyển hoá LPG từ dầu thô Bạch Hổ thành nguyên liệu cho hoá dầu	PVN	TTCBDK	Trần Thanh Phương
221	Phân tích đánh giá khí thiên nhiên và khí đồng hành của các mỏ dầu mới phát hiện cho ngân hàng dữ liệu khí (Đồng bằng sông Hồng gồm các giếng khoan của Công ty Anzoil và Tiền Hải)	PVN	TTCBDK	Nguyễn Thị Liễu

222	Nghiên cứu áp dụng phương pháp từ trường nhân tạo chống lắng đọng paraffin và nhựa asphalten nhằm cải thiện tính chất lưu chuyển của dầu Bạch Hổ, Rông phục vụ khai thác, vận chuyển và chế biến	PVN	TTCBDK	Vũ Tam Huế
223	Nghiên cứu sản xuất thử các chất ức chế ăn mòn phục vụ chống ăn mòn bên trong hệ thống đường ống dẫn khí Bạch Hổ	PVN	TTCBDK	Nguyễn Văn Vạn
224	Nghiên cứu khả năng sản xuất polyester ở Việt Nam	PVN	TTCBDK	Trương Đình Hợi
225	Nghiên cứu chương trình phát triển thị trường khí và LPG ở Việt Nam để tăng cường tiêu thụ sử dụng khí và LPG trong nước	PVN	PVGC	Hà Anh Tuấn
226	Nghiên cứu sử dụng propan thay thế axetylen cho hàn xì và một số nhu cầu công nghiệp	PVN	PVGC	Lê Minh Hải
227	Nghiên cứu áp dụng công nghệ CNG làm nhiên liệu cho công nghiệp và giao thông vận tải	PVN	PVGC	Nguyễn Thị Vân
228	Nghiên cứu lựa chọn các loại dầu gốc và phụ gia phù hợp để pha chế dầu nhờn động cơ diesel, tàu biển và máy phát điện tương đương dầu nhờn gadinia SAE 40 của Shell phục vụ cho ngành Dầu khí Việt Nam	PVN	PDC	Trần Thuý Loan
229	Nghiên cứu khả năng phân hủy tự nhiên của dầu thô Việt Nam trong các điều kiện môi trường biển Việt Nam	PVN	TT AT&MT	Vũ Công Thắng
230	Nghiên cứu lựa chọn các giải pháp kỹ thuật để thu gom và xử lý các vật liệu lẫn dầu từ sự cố tràn dầu ở khu vực biển Đông Nam Bộ	PVN	TT AT&MT	Nguyễn Đức Huỳnh

231	Nghiên cứu xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc đánh giá rủi ro đối với con người và môi trường của các hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí khu vực biển Đông Nam Bộ	PVN	TT AT&MT	Hồ Quang Tạo
232	Nghiên cứu lựa chọn các giải pháp xử lý chất thải từ công nghiệp lọc dầu Việt Nam	PVN	TT AT&MT	Phan Thị Bình Minh
233	Điều tra nghiên cứu khảo sát đặc thù về y học lao động và môi trường lao động ngành Dầu khí, để xuất những biện pháp cải thiện điều kiện làm việc và phòng tránh bệnh nghề nghiệp	PVN	TT AT&MT	Hoàng Văn Thạch
234	Nghiên cứu hỗ trợ xây dựng bản đồ nhạy cảm môi trường bằng ảnh vệ tinh từ mũi Kê Gà đến mũi Cà Mau	PVN	TT AT&MT	
235	Nghiên cứu xây dựng hệ phương pháp nhận dạng nguồn gốc dầu ô nhiễm cho một số loại dầu ở Việt Nam	PVN	TT AT&MT	Vũ Công Thắng
236	Nghiên cứu khả năng tích tụ sinh học các hydrocarbon thơm đa vòng và kim loại nặng của 2 sinh vật 2 mảnh vỏ vùng biển Đông Nam Bộ	PVN	TT AT&MT	Nguyễn Đức Huỳnh
237	Nghiên cứu lựa chọn tiêu chuẩn chất lượng, kiểu dáng trang bị bảo hộ lao động phù hợp với điều kiện lao động dầu khí Việt Nam	PVN	TT AT&MT	Hồ Xuân Linh
238	Nghiên cứu tổng hợp đánh giá ảnh hưởng của các hoạt động công nghiệp dầu khí đối với môi trường tự nhiên và kinh tế - xã hội Việt Nam	PVN	TT AT&MT	Nguyễn Đức Huỳnh

239	Xây dựng bộ Atlas nhóm giáp xác sống ở đáy vùng biển có hoạt động dầu khí thuộc khu vực biển Đông Nam Việt Nam phục vụ cho công tác khảo sát và nghiên cứu môi trường	PVN	TT AT&MT	Nguyễn Thành Trung
240	Báo cáo hiện trạng môi trường tổng hợp 5 năm	PVN	TT AT&MT	Nguyễn Đức Huỳnh
241	Hoàn thiện kỹ thuật an toàn trong công tác lặn và khảo sát công trình ngầm	PVN	Trường đào tạo CNKT	Cao Tân, Lê Minh Hồng
242	Chiến lược thu xếp tài chính của Petrovietnam đến năm 2010	PVN	P. TC HĐQT	Vũ Quang Nam, Nguyễn Ngọc Sự
243	Chính sách và các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác đào tạo đến năm 2010	PVN	VDK P. ĐT	Lương Đức Hào
244	Xây dựng mạng vi tính hạch toán kế toán toàn ngành	PVN	P. Kế toán	Nguyễn Phú Chương
245	Xây dựng hệ thống thông tin địa lý phục vụ công tác quản lý và giám sát nguồn tài nguyên môi trường dầu khí (GIS)	PVN	P. KHCNMT P. TDKT	Trương Minh
246	Nghiên cứu cải tiến quá trình làm tin, nâng cao hiệu quả phục vụ khai thác thông tin dầu khí	PVN	TTTTTL	Nguyễn Văn Báo
247	Điều tra phân tích đánh giá thực trạng thiết bị hiện có trong ngành Dầu khí làm cơ sở hoạch định trang bị, quản lý thiết bị và lập cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý thiết bị toàn ngành	PVN	VDK P. KH CNMT	Lương Thành Hoàng, Văn Hạnh
248	Xây dựng hệ quản lý cơ sở dữ liệu về nhân sự trên mạng máy tính để phục vụ công tác tổ chức nhân sự của Tổng công ty	PVN	VDK P. TCCB LĐTTL	Vũ Văn Kính
249	Phân loại tài liệu khoa học - kỹ thuật trong kho lưu trữ của Viện Dầu khí, đề xuất biện pháp xử lý và tổ chức quản lý khai thác các tài liệu đó trên máy vi tính	PVN	VDK	Ngô Văn Ngọc

250	Phương án tổ chức các đơn vị nghiên cứu khoa học của Tổng công ty Dầu khí	PVN	P. TCCB	Lê Xuân Vệ
251	Đánh giá đội ngũ và quy hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Tổng công ty Dầu khí giai đoạn 2001-2005	PVN	P. ĐT	Lương Đức Hào
252	Xây dựng mô hình và cơ chế hoạt động tài chính của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	PVN	VDK	Nguyễn Tiến Dũng
253	Những giải pháp cần thiết để bảo đảm thành công cho tiến trình và mục tiêu cổ phần hoá của Tổng công ty Dầu khí	PVN	Cty Bảo hiểm (PVIC)	Đỗ Đình Luyện, Nguyễn Tiến Dũng
254	Các giải pháp kinh tế - tổ chức và quản lý nhằm bảo đảm mục tiêu tăng thị phần sản phẩm dầu mỏ của Tổng công ty Dầu khí Việt Nam	PVN	PDC	Nguyễn Quốc Huy
255	Tổng kết, đánh giá tình hình và hiệu quả đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực hạ nguồn đến năm 2000 và chính sách cho giai đoạn 2000-2005 của Tổng công ty Dầu khí Việt Nam	PVN	VDK	Hoàng Xuân Hùng, Đỗ Văn Hà
256	Đánh giá thực trạng công tác định mức kinh tế kỹ thuật của Tổng công ty Dầu khí Việt Nam từ trước đến nay, đề xuất kế hoạch và biện pháp để hoàn thiện công tác định mức kinh tế - kỹ thuật của Tổng công ty	PVN	VDK	Vũ Thị Chon, Vũ Bích Ngọc
257	Nước thải công nghiệp - Nước thải công nghiệp lọc hoá dầu - Xác định hàm lượng chì bằng phương pháp so màu	PVN	TTNCPTCBDK	Lê Thị Kim
258	Nước thải công nghiệp - Nước thải công nghiệp lọc hoá dầu - Xác định hàm lượng Crôm	PVN	TTNCPTCBDK	Nguyễn Văn Vạn
259	Dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ - Dầu thô - Xác định hàm lượng nước và tạp chất cơ học bằng phương pháp ly tâm siêu tốc	PVN	TTCNPTCBDK	Nguyễn Thu Hà

260	Xác định khối lượng phân tử trung bình của dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ bằng phương pháp nghiệm lạnh trong dung môi benzen	PVN	TTNCPTCBDK	Phạm Văn Lâm
261	Phân tích thạch học - Phương pháp phân tích Ronghen xác định các khoáng vật sét	PVN	VDK	Dương Đức Quảng
262	Dung dịch khoan - Phương pháp xác định hàm lượng kẽm(Pf, Mf) trong phần nước lọc của dung dịch khoan bằng phương pháp thể tích	PVN	VDK	Dương Thị Thắng
263	Nước vỉa: Xác định Ion Brom, Iot có trong nước vỉa giếng khoan của các giếng khoan tìm kiếm dầu khí bằng phương pháp thể tích	PVN	VDK	Trần Thị Chúc
264	Phương pháp tách asphalten dầu mỏ thành 4 hợp phần	PVN	VDK	Nguyễn Thị Phúc
265	Dung dịch khoan - Phương pháp xác định hàm lượng kẽm (Pm) 7 hàm lượng vôi tự do (CaCO ₃) trong phần nước lọc của dung dịch khoan bằng phương pháp thể tích	PVN	VDK	Dương Thị Thắng
266	Xác định hàm lượng lưu huỳnh Mercaptan bằng phương pháp điện thế	PVN	TTNCPTCBDK	Nguyễn Văn Vạn
267	Nước thải công nghiệp dầu khí - Xác định hàm lượng Cadmi bằng phương pháp hấp phụ nguyên tử	PVN	TTNCPTCBDK	Nguyễn Quốc Khánh
268	Nước thải công nghiệp dầu khí - Xác định hàm lượng Photpho tổng số bằng phương pháp so màu	PVN	TTNCPTCBDK	Nguyễn Việt Sơn
269	Dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ - Tính toán chỉ số Xetan của nhiên liệu Diesel bằng phương trình 4 ẩn số	PVN	TTNCPTCBDK	Lê Thị Kim

270	Đá trầm tích - Xác định thành phần 16 cỡ hạt bằng phương pháp rây và pipet	PVN	VDK	Dương Đức Quảng
271	Đề án “Các phương hướng cơ bản phát triển và khối lượng sản xuất của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro trong giai đoạn 1996-2000”	PVN	VSP	
272	Báo cáo “Chính xác hóa sơ đồ công nghệ và xây dựng mỏ Bạch Hổ, giai đoạn I”	PVN	VSP	
273	Luận chứng kinh tế - kỹ thuật để thuê hoặc mua kho nổi chứa dầu (UBN)	PVN	VSP	
274	Báo cáo “Tính lại trữ lượng dầu khí hòa tan của mỏ Bạch Hổ tới thời điểm 1-1...”	PVN	VSP	
275	Đề xuất giải pháp rửa sạch đường ống dẫn dầu RC-2 - RP-1 - CTP-2 bằng khí ngưng tụ tạo điều kiện tiếp tục khai thác mỏ Rồng	PVN	VSP	
276	Lập các hồ sơ khảo sát, thiết kế các công trình Rạng Đông, Ruby	PVN	VSP	
277	Báo cáo “Sơ đồ tổng thể khai thác và xây dựng mỏ Rồng”	PVN	VSP	
278	Báo cáo “Nghiên cứu khả thi thuê/mua kho nổi chứa dầu số 4”	PVN	VSP	
279	Báo cáo “Nghiên cứu khả thi dự án tổ hợp công nghệ Trung tâm khu vực BK-4 vòm Nam mỏ Bạch Hổ”	PVN	VSP	
280	Báo cáo “Tính trữ lượng dầu và khí hòa tan mỏ Rồng đến thời điểm 1-1-1999”	PVN	VSP	
281	Báo cáo “Chương trình tổng hợp các biện pháp ưu tiên khai thác mỏ Đại Hùng cho giai đoạn 1999-2001”	PVN	VSP	

282	Báo cáo “Các biện pháp bổ sung và các phương án khai thác mỏ Đại Hùng”, cho giai đoạn 1999-2008	PVN	VSP	
283	Báo cáo “Nghiên cứu khả thi xây dựng công trình giàn khoan biển cố định RP-3, khu vực Đông Nam mỏ Rồng”	PVN	VSP	
284	Báo cáo “Nghiên cứu khả thi tìm kiếm, thăm dò vùng hoạt động mới của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro tại lô 17”	PVN	VSP	
285	Báo cáo “Các triển vọng dầu khí ở vùng hoạt động mới của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro tại lô 04-3 và các hướng tìm kiếm, thăm dò địa chất cơ bản”	PVN	VSP	
286	Báo cáo “Chính xác hóa sơ đồ công nghệ khai thác và xây dựng mỏ Bạch Hổ”	PVN	VSP	
287	Báo cáo “Sơ đồ công nghệ khai thác và xây dựng khu vực Đông Nam mỏ Rồng”	PVN	VSP	
288	Báo cáo “Dự báo sản lượng khai thác và các chỉ tiêu sản xuất cơ bản của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro giai đoạn 2001-2005”	PVN	VSP	
289	Hồ sơ “Thiết kế tổng thể đường ống dẫn khí Rạng Đông - Bạch Hổ”	PVN	VSP	
290	Báo cáo “Nghiên cứu khả thi tìm kiếm, thăm dò vùng hoạt động mới của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro tại lô 04-3”	PVN	VSP	
291	Báo cáo “Nghiên cứu khả thi về mua giàn khoan tự nâng đa năng loại Skid-Off Jackup cho độ sâu 130 m nước”	PVN	VSP	

GIAI ĐOẠN 2001-2005				
292	Nghiên cứu điều chế chất diệt khuẩn dùng để xử lý nước bơm ép cho mỏ Bạch Hổ	PVN	DMC	Cao Anh Dũng
293	Nghiên cứu đề xuất đơn pha chế dung dịch khoan gốc dầu tổng hợp để khoan tầng móng mỏ Bạch Hổ và cho các giếng khoan thuộc Đồng bằng sông Hồng	PVN	DMC	Tạ Quang Minh
294	Tổng hợp và đánh giá kết quả bơm trám xi măng các giếng khoan dầu khí thuộc bể Cửu Long	PVN	VDK	Nguyễn Xuân Hoà
295	Xây dựng mô hình và phương án phát triển mỏ D14, miền võng Hà Nội	PVN	VDK	Trần Văn Long
296	Xây dựng mô hình và đánh giá khả năng khai thác mỏ Kim Long - Ác Quỷ - Cá Voi lô B-52/97	PVN	VDK	Nguyễn Thanh Lam
297	Nghiên cứu khả năng ứng dụng bơm ép nước khí luân phiên đối với các mỏ dầu Việt Nam	PVN	VDK	Nguyễn Mạnh Hùng
298	Nghiên cứu sản xuất thử vật liệu hấp phụ trên cơ sở Zeolit.A.X tổng hợp từ khoáng sét Việt Nam phục vụ công nghệ xử lý khí cho ngành Dầu khí Việt Nam	PVN	DMC	P.V. Đoàn, V.T. Liên
299	Nghiên cứu động thái thân dầu móng nứt nẻ mỏ Bạch Hổ trong điều kiện bất đẳng nhiệt	PVN	VDK	Nguyễn Hữu Trung
300	Phân tích, đánh giá các mẫu dầu thô bổ sung hệ thống số liệu cơ sở về tính chất dầu thô các mỏ dầu Việt Nam (phân tích toàn diện 3 mẫu dầu thô thuộc các tầng miocen, oligocen và móng của cấu tạo Sứ Tử Đen)	PVN	TT CBDK	Trương Đình Hội

301	Nghiên cứu quá trình chuyển hoá condensat từ nguồn dầu khí Việt Nam thành nguyên liệu cho hoá dầu (BTX)	PVN	TT CBDK	Trần Thanh Phương
302	Đánh giá sự biến động thành phần của khí đồng hành mỏ Bạch Hổ	PVN	TT CBDK	Nguyễn Thị Liễu
303	Xây dựng danh mục chỉ tiêu phân tích khí LPG, condensat quy định cho các mục đích khác nhau trong các lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm khí	PVN	TT CBDK	Nguyễn Phú Nghị
304	Nghiên cứu khả năng sản xuất etylen và nhựa polyetylen từ nguyên liệu dầu khí tại Việt Nam	PVN	TT CBDK	Trương Đình Hợi
305	Nghiên cứu khả năng đa dạng hoá sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của Nhà máy đạm Phú Mỹ - Cà Mau	PVN	TTCBDK- Ban Dự án đạm Phú Mỹ	Trịnh Văn Thân
306	Phân tích các mẫu dầu thô mới phát hiện ở lô 15.1, mỏ Sư Tử Đen, Sư Tử Vàng (GK 15.1- SD-2X, 15.1- SV-1X) để bổ sung hệ thống cơ sở dữ liệu về tính chất dầu thô Việt Nam	PVN	TTCBDK 2002	Trương Đình Hợi
307	Phân tích đánh giá khí PM3 bổ sung ngân hàng dữ liệu khí (sau khi kiểm tra các kết quả phân tích của nhà thầu Lundin so với yêu cầu của ngân hàng dữ liệu khí Việt Nam)	PVN	TT CBDK 2002	Nguyễn Thị Liễu
308	Nghiên cứu dùng cồn Etilic sản xuất trong nước pha chế xăng thương phẩm có trị số Ôctan cao và không ô nhiễm môi trường	PVN	TT CBDK 2002	Vũ Tam Huệ
309	Nghiên cứu áp dụng phương pháp từ trường nhân tạo chống lắng đọng Paraphin (trên cơ sở kết quả pha 1)	PVN	TT CBDK 2002	

310	Nghiên cứu khả năng sản xuất xúc tác Cracking trong nước phục vụ nhà máy lọc dầu trên cơ sở tiếp thu công nghệ nước ngoài	PVN	TT CBDK - DMC- 02	Trần Thanh Phương
311	Nghiên cứu dùng keo dán khắc phục sự cố rò chảy kho xăng dầu	PVN	TT CBDK	Trịnh Kiến Quốc
312	Nghiên cứu thăm dò quá trình chuyển hoá khí tự nhiên Việt Nam thành nhiên liệu lỏng (Gas to liquid – Báo cáo tổng quan phục vụ tham gia ASCOPE)	PVN	TT CBDK	Phạm Văn Khang
313	Đánh giá khả năng ăn mòn vật liệu kim loại của môi trường đất, nước và khí quyển khu vực xây dựng Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn, Thanh Hóa	PVN	TTCBDK	Nguyễn Văn Vạn
314	Nghiên cứu quá trình Steam Cracking condensat mỏ Lan Tây nhằm thu olephin nhẹ (C2, C3) phục vụ cho hoá dầu	PVN	TTCBDK	Trần Thanh Phương
315	Phân tích, đánh giá các mẫu dầu thô bổ sung hệ thống số liệu cơ sở về tính chất dầu thô các mẫu dầu Việt Nam - dầu thô thương mại mỏ Sư Tử Đen	PVN	TTCBDK	Nguyễn Phan Trí
316	Xây dựng danh mục các chỉ tiêu phân tích dầu thô phục vụ cho xây dựng dữ liệu cơ sở	PVN	TTCBDK	Đinh Thị Quỳnh Như
317	Phân tích đánh giá chất lượng mẫu condensat Lan Tây	PVN	TTCBDK	Nguyễn Thị Cúc
318	Phân tích đánh giá chất lượng mẫu condensat mới khai thác (Sư Tử Trắng)	PVN		Kỹ sư Đinh Thị Quỳnh Như
319	Nghiên cứu tổng quan và đề xuất công nghệ xử lý khí thiên nhiên có hàm lượng CO ₂ cao tại Việt Nam	PVN		Kỹ sư Trần Vĩnh Lộc
320	Nghiên cứu khả năng sản xuất một số loại dung môi đặc dụng từ condensat Bạch Hổ	PVN		Thạc sĩ Nguyễn Hiến Phong

321	Nghiên cứu tổng hợp và đề xuất công nghệ sản xuất chất bôi trơn từ dầu thực vật cho dung dịch khoan dầu khí	PVN		Kỹ sư Trần Văn Toại
322	Nghiên cứu xây dựng phương pháp đánh giá mức độ thiệt hại môi trường do sự cố tràn dầu gây ra	PVN	TT AT&MT	Nguyễn Đức Huỳnh
323	Khảo sát, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường lao động trong khu vực làm việc và sản xuất của các đơn vị thuộc Petrovietnam	PVN	TT AT&MT	Phan Hoàng Anh
324	Nghiên cứu ứng dụng các phương pháp xác định độc tính, khả năng phân huỷ sinh học và khả năng tích tụ sinh học của một số hoá chất sử dụng trong công nghiệp dầu khí biển ở Việt Nam nhằm phục vụ công tác quản lý môi trường	PVN	TT AT&MT	Hoàng Thái Lộc
325	Nghiên cứu ứng dụng phương pháp kiểm định bằng phân tích rủi ro phục vụ công tác kế hoạch hoá trong việc kiểm định các hệ thống công nghệ ngành Dầu khí	PVN	TT AT&MT	Lê Xuân Vinh
326	Nghiên cứu và đề xuất công nghệ xử lý bùn cặn dầu thô ở Việt Nam	PVN	TT AT&MT	Nguyễn Xuân Hải
327	Xây dựng Atilas nhóm động vật thân mềm (Molusca) sống đáy vùng biển phía Nam Việt Nam (Bình Thuận - Hà Tiên) phục vụ công tác giám sát môi trường trong các hoạt động dầu khí	PVN	TT AT&MT	Đình Văn Hải
328	Nghiên cứu ứng dụng mô hình CHARM (chemical hazard assessment and risk management) phục vụ công tác đánh giá rủi ro môi trường trong việc sử dụng hoá chất cho các hoạt động dầu khí biển Việt Nam	PVN	TT AT&MT	Hoàng Nguyên

329	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý chất thải phục vụ công tác quản lý bảo vệ môi trường ngành Dầu khí	PVN	TT AT&MT	Trần Thị Xuân Thanh, Nguyễn Quang Huy thay từ tháng 12-2004
330	Nghiên cứu ứng dụng quá trình tích tụ sinh học của các chất ô nhiễm lên sinh vật 02 mảnh vỏ vào Monitoring môi trường khu vực lân cận các công trình dầu khí ngoài khơi Việt Nam	PVN	TT AT&MT	Ngô Thị Quỳnh Phương
331	Nghiên cứu ứng dụng quá trình tích tụ sinh học của các chất ô nhiễm lên sinh vật 02 mảnh vỏ vào Monitoring môi trường khu vực lân cận của công trình dầu khí ngoài khơi Việt Nam - Giai đoạn I: Mô phỏng quá trình tích tụ sinh học của sinh vật 02 mảnh vỏ trong điều kiện phòng thí nghiệm nhằm nghiên cứu cơ chế và khả năng tích tụ của sinh vật 02 mảnh vỏ	PVN		Trương Thông
332	Xây dựng cơ sở dữ liệu chất thải và quan trắc môi trường ngành Dầu khí	PVN		Nguyễn Quang Huy
333	Tổng kết, đánh giá tình hình đào tạo công nhân kỹ thuật ngành Dầu khí giai đoạn 1990-2000, kế hoạch và cơ chế đào tạo giai đoạn 2001-2005	PVN	Trường ĐT	Lương Đức Hào, Cao Tân
334	Xác định mức giữ lại của Công ty Bảo hiểm Dầu khí trên cơ sở nghiên cứu và ứng dụng quy trình quản lý rủi ro cho các công trình lớn trong ngành Dầu khí Việt Nam	PVN	Cty Bảo hiểm (PVIC) và TT AT&MT	Đỗ Đình Luyện, Hoàng Văn Thạch
335	Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng quá trình hội nhập AFTA đối với sức cạnh tranh của Nhà máy đạm Phú Mỹ, Cà Mau và đề xuất các giải pháp	PVN	TT CBDK+ Ban đạm Phú Mỹ	Trần Văn Đức
336	Các biện pháp nhằm phát triển thị trường khí phía Nam Việt Nam	PVN	VĐK 2002	Nguyễn Quang Lịch

337	Việt Nam gia nhập AFTA & WTO - cơ hội và thách thức của ngành Dầu khí Việt Nam (giao ngày 10-9-2002)	PVN	VĐK + TT CBDK	Phạm Ngọc Giản
338	Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các liên doanh ngoài lĩnh vực thượng nguồn của Tổng công ty Dầu khí Việt Nam	PVN	Viện Dầu khí	Phạm Ngọc Giản, Nguyễn Thị Phượng thay
339	Xây dựng hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000	PVN	Trường ĐTNL Dầu khí	Lê Minh Hồng
340	Xây dựng hướng dẫn phát triển nghề nghiệp của cán bộ chuyên ngành Dầu khí	PVN	VĐK	Ngô Bá Khiết
341	Tiêu chuẩn sử dụng khí cho giao thông vận tải	PVN	VĐK	Ngô Văn Đỉnh
342	Báo cáo “Phân tích khai thác, dự báo sản lượng dầu và soạn thảo phương hướng, biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng các công trình biển hiện có của mỏ Đại Hùng trong giai đoạn 2002-2005”	PVN	VSP	
343	Báo cáo “Sơ đồ công nghệ khai thác và xây dựng khu vực phía Đông mỏ Rồng”	PVN	VSP	
344	Báo cáo “Nghiên cứu khả thi mua giàn khoan tự nâng đa năng để khoan ở độ sâu đến 90 m nước”	PVN	VSP	
345	Hoàn thành hồ sơ thiết kế cho chân đế và các kết cấu thép của các giàn BK-7, BK-9, giàn ống đứng, giàn nhà ở 140 chỗ và giàn bơm ép nước 30.000 m ³ /ngày	PVN	VSP	
346	Hoàn thành hồ sơ thiết kế thi công công trình đường ống dẫn khí Rạng Đông - Bạch Hồ	PVN	VSP	
347	Hoàn thành “Sơ đồ công nghệ khai thác các thân dầu trong trầm tích Miocen mỏ Đại Hùng”	PVN	VSP	

348	Hoàn thành “Báo cáo nghiên cứu khả thi mở rộng giàn nén khí trung tâm của mỏ Bạch Hổ” và “Báo cáo thiết kế và tổng dự toán lắp đặt bổ sung 2 tổ máy nén khí trung tâm mỏ Bạch Hổ”	PVN	VSP	
349	Hoàn thành “Báo cáo cơ sở cần thiết xây dựng tuyến ống dẫn nước duy trì áp suất via BK-8 - RC-1 - RP-2 - RP-3”	PVN	VSP	
350	Sơ đồ “Hiệu chỉnh công nghệ khai thác và xây dựng mỏ Bạch Hổ”	PVN	VSP	
351	Hoàn thành hồ sơ thiết kế cho chân đế và các kết cấu thép của giàn công nghệ Trung tâm số 3, các cầu dẫn, chân đế nâng cầu dẫn của cụm công nghệ trung tâm (CTK), mỏ Bạch Hổ	PVN	VSP	
352	Hoàn thành hồ sơ thiết kế chế tạo thiết bị rải cáp điện ngầm từ vật tư sẵn có của Xí nghiệp Liên doanh và hồ sơ thi công lắp đặt tuyến cáp điện ngầm 3,5 km đầu tiên tại mỏ Bạch Hổ CTP-2 - cụm công nghệ trung tâm	PVN	VSP	
353	Lắp đặt tuyến cáp điện ngầm và đưa vào vận hành theo thiết kế (Việc lắp đặt xong tuyến cáp đã tiết kiệm cho Xí nghiệp Liên doanh khoảng 2 triệu USD, tạo điều kiện để cung cấp điện từ CTP-2 cho quá trình thi công các hạng mục tại các giàn của cụm công nghệ trung tâm, nhằm giữ được tiến độ thi công và đưa vào chạy thử các hạng mục của cụm công nghệ trung tâm. Ngoài ra, việc thiết kế, chế tạo thiết bị và soạn thảo công nghệ lắp đặt tuyến cáp ngầm thành công đã tạo cơ sở để lắp đặt tiếp các tuyến cáp từ các BK về CTP-2, CTP-3)	PVN	VSP	

354	Báo cáo “Sơ đồ công nghệ điều chỉnh mới khai thác và xây dựng mỏ Bạch Hổ”	PVN	VSP	
355	Báo cáo “Sơ đồ công nghệ khai thác và xây dựng khu vực Đông Bắc mỏ Rồng”	PVN	VSP	
356	Sơ đồ chính xác hóa khai thác thử tổng thể mỏ Rồng	PVN	VSP	
357	Nghiên cứu điều kiện địa chất cấu tạo Vải Thiều và soạn thảo cơ sở để đặt giếng khoan VT-2X	PVN	VSP	
358	Nghiên cứu, soạn thảo cơ sở địa chất - kinh tế các lỗ 122-129 thuộc bể Phú Khánh	PVN	VSP	
359	Soạn thảo các cơ sở khoa học, hồ sơ thiết kế cần thiết để tiến hành khoan thăm dò dầu khí tại vùng hoạt động mới tại lỗ 04-3; thiết kế, giám sát, lắp đặt các tuyến cáp ngầm 6 kV chiều dài 25,3 km; thiết kế, giám sát, lắp đặt hệ thống đường ống dẫn khí ngầm từ CTK-3 đến CTP2 (3.5 km), đường ống dẫn dầu từ BK-6 đến RB CTK-3 (1,92 km); thiết kế cải hoán hệ thống kết nối công nghệ để chuyển sang công nghệ vận chuyển không cần máy bơm từ giàn MSP-7 về MSP-5, MSP-6 về MSP4; thiết kế xây dựng đường ống dẫn dầu RP-3 đến RP-2 (8,5 km) và RP-2 đến UBN-3 (8,5 km); thiết kế cho các công trình mà Xí nghiệp Liên doanh làm Tổng thầu	PVN	VSP	
360	Báo cáo “Tính toán trữ lượng và chương trình công tác tìm kiếm, thăm dò cho năm 2005”	PVN	VSP	
361	Tổng hợp và phân tích tài liệu địa chất - địa vật lý - địa hóa các lỗ mới trong vùng thăm dò địa Việt Nam	PVN	VSP	

362	Hoàn thiện kỹ thuật và công nghệ khai thác dầu, tăng cường thu hồi dầu và tối ưu hóa hoạt động của hệ thống bơm ép nước giữ áp suất vỉa trên các mỏ của Xí nghiệp Liên doanh	PVN	VSP	
363	Soạn thảo giải pháp kỹ thuật để hoàn thiện công nghệ xây dựng và sửa chữa các đường ống ngầm của Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro	PVN	VSP	
364	Phân tích hiệu quả kinh tế, chi phí khai thác mỏ Bạch Hổ và chi phí phát triển mỏ Rồng	PVN	VSP	
365	Thiết kế xây dựng giàn BK-10, BK-11, RP-2; thiết kế cải hoán và hiện đại hóa hệ thống khai thác hiện có trên các giàn BK-3, BK-4, BK-5, BK-8 để chuyển sang khai thác cơ học bằng gaslift; thiết kế cải hoán, đại tu các giàn MSP-6, MSP-3, MSP-1, CTP-2; thiết kế hệ thống đường ống gaslift của mỏ Rồng và Bạch Hổ dài 36 km (BK-8 đến RP-3); thiết kế đường ống dẫn dầu cách nhiệt từ RP3 đến UBN-3; khảo sát, thiết kế công trình đường ống dẫn khí PM-3 - Cà Mau, dài 326 km; khảo sát, thiết kế đường ống dẫn khí Phú Mỹ về Thủ Đức, dài 61 km	PVN	VSP	
366	Sơ đồ công nghệ khai thác và xây dựng khu vực trung tâm RP-1 mỏ Rồng; đưa ra đề xuất khoa học quan trọng phát triển khu vực trung tâm mỏ Rồng; sơ đồ tổng thể phát triển mỏ Rồng	PVN	VSP	
367	Thiết lập cơ sở khoa học cho việc đặt các giếng khoan tìm kiếm TU-2X tại lô 04.3 và Rồng-20 tại khu vực Nam Rồng, mở ra thân dầu mới, tạo điều kiện mở rộng vùng hoạt động cho Xí nghiệp Liên doanh	PVN	VSP	

368	Chính xác hoá mô hình địa chất các mỏ đã phát hiện Bạch Hổ và Rồng theo tài liệu địa chất - địa vật lý và khai thác	PVN	VSP	
GIAI ĐOẠN 2006-2009				
369	Đề án hợp tác với Đan Mạch: Phân tích tổng hợp mô hình hoá các bể trầm tích ở Việt Nam và đánh giá tiềm năng dầu khí của chúng. Pha 2: Bể Malay - Thổ Chu và Phú Quốc	NN	VDK	Vũ Văn Kính
370	Hợp tác với Idemitsu: Nghiên cứu hệ thống dầu khí bằng các phương pháp địa hoá tiên tiến (Pha 2: Bể trầm tích Sông Hồng)	NN	VDK	Lê Như Tiêu
371	Cập nhật và chính xác hoá trữ lượng dầu khí bể trầm tích Sông Hồng (bao gồm cả miền vông Hà Nội) theo lô và đối tượng trên cơ sở dữ liệu đề án VITRA và các kết quả thăm dò đến ngày 31-12-2005	PVN	VDK	Nguyễn Thu Hiền
372	Soạn thảo Quy chế khoan dầu khí	PVN	VDK	Lê Vũ Quân
373	Đá cát kết - Quy trình phân tích định lượng thành phần khoáng vật bằng phương pháp nhiễu xạ tia X	PVN	VDK	Hoàng Anh Tuấn
374	Xác định khoáng vật Canxít - Dolomit bằng phương pháp nhuộm màu lát mỏng	PVN	VDK	Phạm Thị Hồng
375	Cập nhật thông tin về nguồn nguyên liệu khí, condensat Việt Nam và thị trường sản phẩm hóa dầu Việt Nam nhằm phục vụ cho dự án xây dựng Tổ hợp hóa dầu miền Nam Việt Nam	PVN	VDK	
376	Thẩm định kỹ thuật dự án nghiên cứu khả thi xây dựng Nhà máy lọc dầu số 2 ở Nghi Sơn - Thanh Hoá	PVN	VDK	

377	Khảo sát thị trường tiêu thụ sản phẩm Polypropylene tại Việt Nam	PVN	VDK	Thạc sĩ Phan Minh Quốc Bình
378	Nghiên cứu tổng quan và đề xuất công nghệ xử lý khí thiên nhiên có hàm lượng CO ₂ cao tại Việt Nam	PVN	VDK	Kỹ sư Trần Vĩnh Lộc
379	Nghiên cứu tổng hợp và đề xuất công nghệ sản xuất chất bôi trơn mới từ dầu thực vật cho dung dịch khoan dầu khí	PVN	VDK	
380	Đánh giá khả năng ăn mòn vật liệu kim loại của môi trường đất, nước, khí quyển ở khu vực xây dựng khu liên hợp lọc hoá dầu Nghi Sơn - Thanh Hoá	PVN	VDK	Kỹ sư Nguyễn Văn Vạn
381	Nghiên cứu khả năng sản xuất một số loại dung môi đặc dụng từ condensat Việt Nam	PVN	VDK	Thạc sĩ Nguyễn Hiền Phong
382	Nghiên cứu đánh giá hiện trạng an toàn phóng xạ ở các cơ sở có sử dụng nguồn phóng xạ trong ngành Dầu khí	PVN	VDK	Hồ Xuân Linh, Võ Văn Hạnh
383	Nghiên cứu ứng dụng việc khảo sát quần xã Tuyến trùng biển (Nematoda) nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng môi trường sinh học trong trầm tích ở các khu vực bị ảnh hưởng bởi hoạt động dầu khí ở vùng biển Việt Nam (bờ biển miền Đông Nam Bộ)	PVN	VDK	Hoàng Thị Minh Thảo
384	Xây dựng Tiêu chuẩn ngành: Phương pháp thử hiệu quả các chất phân tán dầu - Sử dụng bộ thiết bị IFP Test	PVN	VDK	Vũ Công Thắng
385	Dự thảo Tiêu chuẩn môi trường Việt Nam áp dụng cho khí thải ngành công nghiệp lọc - hoá dầu	PVN	VDK	Lê Thị Ngọc Mai

386	Dự thảo Tiêu chuẩn môi trường Việt Nam áp dụng cho nước vỉa và mùn khoan thải từ các công trình dầu khí biển	PVN	VDK	Nguyễn Văn Mai
387	Lập báo cáo Đánh giá tác động môi trường chiến lược cho Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp khí khu vực Nam Bộ giai đoạn 2006-2015 và định hướng đến 2025 để phục vụ việc lập dự án đầu tư	PVN	VDK	Đào Duy Mạnh, Lê Thị Ngọc Mai
388	Hợp tác với Idemitsu: “Áp dụng kỹ thuật địa hóa tiên tiến để nghiên cứu hệ thống dầu khí các bể trầm tích tại Việt Nam” (Pha 3)	HTNC	VDK	Phùng Sỹ Tài
389	Nghiên cứu đánh giá tiềm năng gas hydrate thềm lục địa Việt Nam (Bước 1)	PVN	VDK	Trần Thị Châu Giang
390	Nghiên cứu đề xuất giải pháp khai thác tận thu đối tượng cát kết Miocen hạ, Oligocen mỏ Bạch Hổ	PVN	VDK	Trần Văn Long
391	Nghiên cứu, đánh giá và đề xuất công nghệ khai thác dầu trong đá móng nứt nẻ (mỏ Bạch Hổ, Sư Tử Đen, Rồng Đồi,...)	PVN	VDK	Nguyễn Hải An
392	Đánh giá tiềm năng dầu khí các đối tượng có tuổi Miocen - Pliocen bể Sông Hồng	PVN	VDK	Nguyễn Thế Hùng
393	Đánh giá tiềm năng dầu khí khu vực Tây Nam Hoàng Sa, các lô 140 - 143 thềm lục địa Việt Nam	PVN	VDK	Nguyễn Văn Phòng
394	Lập dự án đầu tư phòng thí nghiệm nghiên cứu và đánh giá xúc tác FCC	PVN	VDK	Kỹ sư Đào Thị Thanh Xuân
395	Tư vấn lập “Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hóa dầu Việt Nam đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025”	PVN	VDK	Tiến sĩ Nguyễn Tấn Hoa

396	Lập dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp hóa dầu miền Nam Việt Nam (DFS) và tiến hành các thủ tục xin giấy phép đầu tư và thỏa thuận thành lập liên doanh	PVN	VDK	Thạc sĩ Phan Minh Quốc Bình
397	Lập Báo cáo đầu tư Dự án Tổ hợp hóa dầu miền Nam và thu xếp địa điểm, cảng và tiện ích cho Tổ hợp	PVN	VDK	Thạc sĩ Phan Minh Quốc Bình
398	Nghiên cứu dùng cồn etylic sản xuất trong nước pha chế xăng thương phẩm có trị số octan cao	PVN	VDK	Kỹ sư Nguyễn Huỳnh Hưng Mỹ
399	Nghiên cứu lựa chọn phụ gia hạ điểm đông và ức chế lắng đọng cải thiện tính lưu biến cho dầu thô mỏ Sư Tử Đen, Sư Tử Vàng và đề xuất biện pháp xử lý thích hợp nhằm phục vụ quá trình khai thác và vận chuyển	PVN	VDK	Kỹ sư Trần Thị Mai
400	Nghiên cứu các phương án tiêu thụ sản phẩm cốc từ Nhà máy lọc dầu	PVN	VDK	Kỹ sư Trần Vĩnh Lộc
401	Nghiên cứu phương án xây dựng kho dự trữ dầu thô của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	PVN	VDK	Kỹ sư Tô Thế Anh
402	Khảo sát 2 địa điểm vịnh Cam Ranh (Khánh Hòa) và vịnh Xuân Đài (Phú Yên)	PVN	VDK	Kỹ sư Tô Thế Anh
403	Phối hợp với Tổ công tác nghiên cứu chung lập dự án đầu tư xây dựng (DFS) nhà máy sản xuất xơ Polyeste và nghiên cứu khả năng đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất PTA	PVN	VDK	Thạc sĩ Phạm Văn Khang
404	Nghiên cứu, so sánh lựa chọn công nghệ chế biến dầu thô nặng phục vụ sản xuất nhiên liệu và nguyên liệu hoá dầu	PVN	VDK	Kỹ sư Trần Vĩnh Lộc
405	Nghiên cứu khả năng chế biến các loại dầu thô thay thế dầu thô Bạch Hổ cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất	PVN	VDK	Thạc sĩ Nguyễn Văn Trọng Luật

406	Phân tích đánh giá và định hướng/lựa chọn một số loại xúc tác RFCC sẽ được sử dụng trong Nhà máy lọc dầu Dung Quất	PVN	VDK	Thạc sĩ Nguyễn Hiến Phong, Đào Thị Thanh Xuân
407	Báo cáo đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất nhựa melamine từ sản phẩm urê của Nhà máy đạm Phú Mỹ	PVN	VDK	Thạc sĩ Phan Minh Quốc Bình
408	Nghiên cứu lựa chọn, đề xuất mức độ nâng cấp và địa điểm xây dựng Nhà máy nâng cấp dầu nặng Venêxuêla	PVN	VDK	Thạc sĩ Phan Minh Quốc Bình, Thạc sĩ Nguyễn Hiến Phong
409	Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng, nâng cấp nhà máy chế biến condensat - Khu công nghiệp Cái Mép, Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	PVN	VDK	Thạc sĩ Nguyễn Hiến Phong
410	Nghiên cứu thị trường dầu thô và các sản phẩm lọc hóa dầu tại Việt Nam và trên thế giới	PVN	VDK	
411	Lập báo cáo đầu tư Dự án kho cảng Cần Thơ	PVN	VDK	
412	Nghiên cứu thị trường 10 sản phẩm hóa chất phục vụ cho khả năng đa dạng hóa sản phẩm của Nhà máy đạm Phú Mỹ	PVN	VDK	
413	Nghiên cứu đề xuất các nhà bản quyền công nghệ các phân xưởng chính của Nhà máy Lọc dầu số 3	PVN	VDK	Kỹ sư Trần Vĩnh Lộc
414	Nghiên cứu sản xuất thử chất bôi trơn từ dầu thực vật cho dung dịch khoan dầu khí	PVN	VDK	Kỹ sư Trần Văn Toại
415	Đánh giá và hệ thống bộ tiêu chuẩn ngành về các lĩnh vực dầu thô và sản phẩm dầu mỏ, khí và sản phẩm khí, phân tích nước, sơn, ăn mòn và bảo vệ kim loại	PVN	VDK	Thạc sĩ Hoàng Linh Lan

416	Xử lý nước thải bằng phương pháp vi sóng điện từ để thu hồi dầu ở thể nhũ tương trong nước thải nhiễm dầu	PVN	VDK	Thạc sĩ Lê Thị Phương
417	Đánh giá khả năng ăn mòn vật liệu kim loại trong các môi trường đất, nước, khí quyển khu vực Nhà máy lọc hoá dầu số 3	PVN	VDK	Kỹ sư Phạm Văn Thịnh
418	Đánh giá diễn biến môi trường và hiệu quả công tác bảo vệ môi trường tại khu vực có hoạt động dầu khí - biển Đông Nam Bộ giai đoạn 1995-2006 và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường	PVN	VDK	Bùi Hồng Diễm, Phạm Thị Trang Vân
419	Nghiên cứu xây dựng thang chuẩn mức độ độc hại trong pha trầm tích của các hoá chất, chất thải dựa trên kết quả kiểm định đối tượng vẹm xanh nhằm phục vụ công tác quản lý môi trường trong các hoạt động dầu khí biển Việt Nam	PVN	VDK	Đoàn Đăng Phi Công
420	Đánh giá tổng quan và đề xuất các giải pháp quản lý và xử lý chất thải rắn ngành Dầu khí	PVN	VDK	Phạm Xuân Thu
421	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật đánh giá mức độ phù hợp vận hành (FFS - Fitness For Service) cho các thiết bị công nghệ dầu khí tĩnh nhằm phục vụ công tác kiểm định và bảo dưỡng kỹ thuật	PVN	VDK	Mai Thanh Lâm, Nguyễn Thanh Thái
422	Nghiên cứu mô hình lan truyền dầu trên hệ thống sông, kênh khu vực Cụm khí - điện - đạm Cà Mau và tuyến sông kênh vận chuyển nguyên vật liệu chính cho Cụm khí - điện - đạm	PVN	VDK	Vũ Ngọc Trinh, Lê T. Thùy
423	Nghiên cứu phân loại học về ngành động vật da gai (Echinodermata), ứng dụng trong việc phân tích mẫu động vật không xương sống ở đáy nhằm giám sát ô nhiễm môi trường biển có hoạt động dầu khí	PVN	VDK	Nguyễn Trung Tĩnh

424	“Đánh giá tiềm năng sinh và chứa dầu khí đối tượng carbonat tuổi Paleozoi (Devon-Carbon-Pecmi) đã phát hiện (Núi Lịch, Yên Bái, Cát Bà...)”	PVN	VDK	Ngô Xuân Vinh
425	“Xây dựng nội dung một báo cáo đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực tìm kiếm - thăm dò - khai thác dầu khí”	PVN	VDK	Nguyễn Thế Hùng
426	“Đánh giá môi trường đầu tư và tiềm năng dầu khí các nước khu vực vùng biển Caspi”	PVN	VDK	Nguyễn Hữu Quỳnh
427	“Nghiên cứu tối ưu quỹ đạo giếng và phương án hoàn thiện giếng khai thác/bơm ép áp dụng cho thân dầu móng nứt nẻ mỏ Bạch Hổ”	PVN	VDK	Nguyễn Hải An
428	“Nghiên cứu áp dụng công nghệ khoan tại các vùng biển sâu ở Việt Nam”	PVN	VDK	Lê Vũ Quân
429	“Nghiên cứu đặc điểm cấu trúc và đánh giá tiềm năng dầu khí đối tượng synrift bể Nam Côn Sơn”	PVN	VDK	Lê Văn Hiền
430	“Xây dựng mô hình địa chất 3D và đánh giá khả năng khai thác các đối tượng Miocen và Oligocen của cấu tạo Sư Tử Trắng lò 15-1 bể Cửu Long”	PVN	VDK	Lê Chi Mai
431	“Phân tích và mô hình hoá động thái ngập nước thân dầu móng nứt nẻ mỏ Bạch Hổ”	PVN	VDK	Đình Thành Chung
432	“Xây dựng Quy trình phân tích: Xác định hàm lượng CaSO ₄ bằng phương pháp thể tích”	PVN	VDK	Phạm Thị Lệ Minh
433	“Xây dựng Quy trình phân tích: Xác định hàm lượng cát trong dung dịch bằng phương pháp Rây”	PVN	VDK	Lâm Thị Tuyết Mai
434	Minh giải tài liệu địa chấn mỏ Emerald bể Cửu Long, đặc điểm cấu trúc địa chất mỏ	PVN	VDK	Nguyễn Văn Phòng

435	Nghiên cứu và xây dựng mô hình địa chất của các mỏ Kim Long - Ác Quỷ - Cá Voi thuộc các lô hợp đồng B & 48/95 và 52/97	PVN	VDK	Nguyễn Hải An
436	Thành lập báo cáo đánh giá và chuẩn bị tài liệu giới thiệu về tiềm năng dầu khí 7 lô 03, 04-1, 04-2, 19, 20, 21, 22/3 bể trầm tích Nam Côn Sơn	PVN	VDK	Nguyễn Thế Hùng
437	Hội thảo kỹ thuật “Tăng cường hệ số thu hồi dầu cho các đối tượng đá nứt nẻ ở Việt Nam” cho PDVSA	PVN	VDK	
438	Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ xử lý axit kết hợp với xử lý nhiệt để nâng cao hiệu quả khai thác giếng dầu via cát kết	NN	VDK	Hoàng Linh Lan
439	Nghiên cứu lựa chọn hỗn hợp hoá phẩm chống hiện tượng sa lắng muối vô cơ cho giếng khai thác tầng móng mỏ Bạch Hổ	NN	VDK	Hoàng Linh Lan
440	Quy hoạch tổng thể phát triển lĩnh vực dịch vụ dầu khí đến năm 2015, định hướng đến năm 2025	NN	VDK	Nguyễn Tấn Hoa
441	Xác định hàm lượng thủy ngân trong các nguồn khí, đặc biệt nguồn khí cung cấp cho Nhà máy đạm Phú Mỹ, Cà Mau. Nghiên cứu để xuất các biện pháp xử lý	PVN	VDK	Phan Kiên Cường
442	Nghiên cứu giải pháp công nghệ tăng hiệu quả xử lý axit cho đối tượng giếng khai thác via cát kết có tính bất đồng nhất cao về độ thấm, có độ ngập nước cao	PVN	VDK	Đỗ Thành Trung
443	Phân tích và đánh giá các nguyên tố độc hại (Hg, As, Se, v.v. và các nguyên tố phóng xạ) trong dầu của các mỏ đang khai thác có ảnh hưởng đến môi trường và các thiết bị tiếp xúc	PVN	VDK	Lê Mạnh Quyết

444	Nghiên cứu tạo hệ nhũ tương nước trong dầu (FO) nhằm tiết kiệm nhiên liệu và cải thiện khí thải môi trường	PVN	VDK	Nguyễn Khánh Toàn
445	Hệ thống hoá hệ thống tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) và đề xuất kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đến năm 2013	PVN	VDK	Cao Thị Thu Hằng
446	Sản phẩm dầu mỏ - Xác định chỉ số kết tủa của dầu bôi trơn bằng phương pháp ly tâm	PVN	VDK	Trần Thị Xuyên
447	Khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG) - Phương pháp xác định áp suất hơi	PVN	VDK	Nguyễn Thu Hà
448	Khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG) - Xác định độ bay hơi bằng phương pháp bay hơi tự nhiên	PVN	VDK	Nguyễn Quỳnh Anh
449	Ăn mòn và bảo vệ kim loại - Đo độ dày màng khô của lớp phủ bảo vệ hữu cơ bằng phương pháp siêu âm	PVN	VDK	Nguyễn Xuân Trường
450	Ăn mòn và bảo vệ kim loại - Phát hiện khiếm khuyết của lớp phủ bảo vệ đường ống bằng phương pháp điện thế	PVN	VDK	Phạm Vũ Dũng
451	Sửa đổi, bổ sung Quy chế Khai thác tài nguyên dầu khí	PVN	VDK	Nguyễn Minh Quý
452	Xác định độ thải nước và chiều dày vỏ bùn ở điều kiện nhiệt độ cao, áp suất cao bằng cách sử dụng thiết bị nén lọc	PVN	VDK	Lâm Thị Tuyết Mai
453	Xác định tỷ lệ phần trăm thể tích dầu, nước và chất rắn trong dung dịch khoan gốc nước bằng phương pháp chưng khô	PVN	VDK	Phạm Thị Lệ Minh
454	Xác định lượng Hydrocarbon đã sinh và dịch chuyển khỏi tầng đá mẹ tới các bẫy chứa tại bể trầm tích Sông Hồng, trên cơ sở ứng dụng phần mềm Sigma 2D và BS	PVN	VDK	Nguyễn Thị Bích Hà

455	Nghiên cứu các nguyên nhân gây ra điện trở suất thấp và đề xuất phương pháp minh giải định lượng tài liệu địa vật lý giếng khoan cho các tầng cát kết chứa dầu Miocen hạ bể trầm tích Cửu Long	PVN	VDK	Đỗ Quang Đối
456	Đánh giá tiềm năng và khả năng khai thác khí than (CBM) tại dải trung tâm (Phù Cừ - Tiên Hưng - Kiến Xương - Tiền Hải) miền vông Hà Nội	PVN	VDK	Vũ Trụ
457	Nghiên cứu đánh giá tiềm năng dầu khí tại các móng Cacbonat và đối phong hoá các nóc móng trên cấu tạo Hàm Rồng và phụ bể Bạch Long Vĩ liên quan đến phát hiện mới tại các giếng khoan Hàm Rồng 1X	PVN	VDK	Trịnh Xuân Cường
458	Tổng hợp các nguồn khí không đủ khả năng thu gom, vận chuyển bằng đường ống vào bờ	PVN	VDK	Nguyễn Thanh Lam
459	Xây dựng chương trình kế hoạch khảo sát điều tra tài nguyên dầu khí vùng biển và thềm lục địa Việt Nam giai đoạn 2009-2015, định hướng đến 2025	PVN	VDK	Trịnh Xuân Cường, Nguyễn Thu Huyền
460	Nghiên cứu giải pháp công nghệ trong xử lý loại trừ lắng đọng hữu cơ và vô cơ trong cần khai thác và hệ thống xử lý bề mặt trên giàn khai thác	NN	VDK	Đỗ Thành Trung
461	Nghiên cứu sử dụng lưỡng nhiên liệu diesel/khí hoá lỏng (LPG) đồng thời chuyển đổi động cơ diesel trên xe buýt theo hướng phù hợp nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các đô thị lớn ở Việt Nam	PVN	VDK	Vũ An

462	Nghiên cứu lựa chọn các chất phụ gia pha trộn vào nhiên liệu sinh học với nhiên liệu gốc khoáng nhằm bảo đảm yêu cầu chất lượng nhiên liệu trong quá trình bảo quản, sử dụng, đồng thời bảo đảm tính an toàn môi trường của nhiên liệu	PVN	VDK	Trần Văn Toại
463	Nghiên cứu lựa chọn hệ sơn phủ tản nhiệt chống ăn mòn cho thiết bị trao đổi nhiệt và bồn bể chứa trong công nghiệp dầu khí	PVN	VDK	Nguyễn Đắc Thắng
464	Đánh giá khả năng ăn mòn vật liệu kim loại trong các môi trường đất, nước, khí quyển khu vực Nhà máy lọc hóa dầu số 3 (giai đoạn II)	PVN	VDK	Phạm Văn Thịnh
465	Nghiên cứu tổng hợp dầu diesel sinh học thân thiện với môi trường từ dầu thực vật phi thực phẩm và dầu phế thải trên hệ xúc tác dị thể	PVN	VDK	Hoàng Linh Lan
466	Nghiên cứu tổng hợp hệ phụ gia vi sinh để xử lý cặn bùn của nhiên liệu đốt lò (FO) ở các bồn, bể chứa nhằm nâng cao tính năng sử dụng của nhiên liệu, giảm chi phí xử lý bồn bể	PVN	VDK	Vũ Xuân Hoàn
467	Biên soạn bộ tiêu chuẩn cho hệ thống phân phối, vận chuyển và sử dụng sản phẩm khí cho NGV	PVN	VDK	Lê Thị Phượng
468	Biên soạn bộ tiêu chuẩn an toàn cho hệ thống phân phối và sử dụng LNG	PVN	VDK	Cao Thị Thu Hằng
469	Khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG) - Kiểm tra độ khô Propan thương mại bằng phương pháp coban bromua	PVN	VDK	Nguyễn Thị Thu Hà (A)
470	Tiêu chuẩn: Xác định hàm lượng các vết kim loại trong nhiên liệu tuốcbin khí bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử và quang phổ phát xạ ngọn lửa	PVN	VDK	Nguyễn Thị Thu Hà (B)

471	Tiêu chuẩn: Phương pháp xác định hàm lượng Na trong cặn dầu nhiên liệu bằng phương pháp trắc quang ngọn lửa	PVN	VDK	Nguyễn Thị Hoa
472	Báo cáo “Trạng thái khai thác các mỏ Bạch Hổ, Rồng và định hướng phát triển Xí nghiệp Liên doanh trước và sau năm 2010”	PVN	VSP	
473	Tính lại trữ lượng dầu và khí hoà tan mỏ Bạch Hổ tới thời điểm ngày 1-11-2006	PVN	VSP	
474	Trạng thái khai thác mỏ Bạch Hổ và Rồng tới thời điểm 1-5, 1-9, 1-11 năm 2006 và các giải pháp bảo đảm hoàn thành vượt mức khai thác của Xí nghiệp Liên doanh năm 2006; trạng thái khai thác mỏ Bạch Hổ và Rồng tới thời điểm 1-1-2006 và các giải pháp bảo đảm hoàn thành kế hoạch tăng cường khai thác năm 2007	PVN	VSP	
475	Đề án đưa vùng Nam Trung tâm Rồng vào khai thác sớm	PVN	VSP	
476	Cơ sở khoa học bổ sung xây dựng giàn BK-11 tại khu vực Đông Nam khối Trung tâm móng mỏ Bạch Hổ	PVN	VSP	
477	Đánh giá các điều kiện kinh tế-kỹ thuật khu vực Rustamov của Liên bang Nga. Biện luận điều kiện kinh tế - địa chất tham gia phát triển lô 15-1, 103, 107, 16-2, B-1 và B-2 của Mianma đối với Xí nghiệp Liên doanh	PVN	VSP	
478	Cơ sở kinh tế - địa chất - kỹ thuật giếng khoan R-15	PVN	VSP	
479	Thiết lập hồ sơ dự toán thiết kế và đánh giá công trình xây dựng đường ống PM3 - Cà Mau	PVN	VSP	